

Người ngồi trên mình ngựa nói:

- Mau phá cửa ra!

- Dừng tay ngay!

Tốp người ấy đang định lấy đao phá cửa, Tháo và binh sĩ tuần đêm tới kịp. Tháo quát hỏi:

- Thằng giặc to gan ở đâu, dám cả gan vi phạm lệnh cấm, đêm khuya làm điều xằng bậy?

Người cưỡi ngựa xưa nay chưa hề thấy có người nào dám ăn nói như vậy với mình, liền trợn mắt lên nhìn Tháo, giận dữ nói:

- Thằng nhãi con này ở đâu ra, dám hỏi quan lớn à?

Tháo ngược mắt nhìn người đó: Hơn năm chục tuổi, thân hình béo lùn, đầu hoẵng mắt chuột, mặt mày nổi cục, rượu uống nửa tỉnh nửa say, xem ra là một vị quan lớn. Trong bụng suy tính: Cho dù mi là vua trên trời ta cũng phải trị mi. Rồi nắm chặt chuỗi kiếm, uốn thẳng lồng ngực, tự xưng tên họ:

- Tào Tháo, bộ úy phía bắc Lạc Dương!

Người cưỡi ngựa lúc này mới nhìn thẳng vào Tháo một cái, thấy Tháo không chút sợ hãi, trong lòng rất không vui, quát to:

- Không biết chữ cũng phải mò tìm biển nhà. Thử bộ úy quèn cũng dám cai quản cả ta nữa ư?

- Ông dám trái lệnh, tôi phải bắt.

Tháo hăm hăm tức giận, lấy kiếm chỉ huy binh sĩ:

- Bắt tất cả những tên xấu xa này!

Một tân khách ở phía sau người cưỡi ngựa, chớ cạy thế người, vội tiến lên ngăn lại nói:

- Chớ liều lĩnh! Đây là cụ lớn Kiến, là chủ của Kiến Thạc đại nhân. Quan quyền lại nhỏ còn không cúi xéo ngay!

Tháo từ lâu đã nghe nói, lão Kiến Thúc này dựa thế người cháu là Kiến Thạc làm quan thái giám được vua Hán Linh Đế sủng hạnh, hoành hành ngang ngược trong thành Lạc Dương, không từ một tội ác nào, ban ngày làm mọi việc xấu không kể, ban đêm còn thường xuyên ra ngoài cưỡng đoạt phụ nữ, là một tên ác bá nổi tiếng phía bắc thành Lạc Dương. Mọi người đều thầm lén gọi lão là "ôn thần". Tháo bực không có dịp trị lão, hôm nay may mắn lão rơi vào tay, lại thấy lão ngang ngược như vậy, Tháo đâu có thể dễ dãi tha được. Ngay tức thì một tay đẩy tên tân khách ra, nói:

- Bất kì ai vi phạm lệnh cấm, đều phải trừng trị theo pháp luật!

Tên tân khách cho rằng Tháo nghe thấy tên Kiến Thúc, sẽ tạ tội bỏ đi, không ngờ thấy Tháo quả thật khác với các bộ úy trước đây, sợ giờ đây mình bị bất lợi, liền lảng lạng chuồn đi. Tân khách khác thấy thế bất lợi, cứ đứng trơ như ọc gỗ không dám động dậy. Kiến Thúc vẫn cứ bơ đi, nói:

- Thăng nhãi ranh này, mi làm gì được ta nào?

Tháo nghiêm nghị nói:

- Mời đại nhân đi theo tôi đến nha môn.

Nói rồi, vẫy tay ra hiệu cho các binh sĩ. Hai mươi mấy binh sĩ tuần đêm cùng đổ xô tới, mỗi người một tay, trói gó Kiến Thúc lại.

Tháo đưa Kiến Thúc đến nha môn, ngay đêm đó tra hỏi. Lão Kiến Thúc này dựa vào thế mình là chủ của Kiến Thạc, nghĩ là Tháo chẳng dám làm gì mình, vẫn lên mặt dọa người, la lớn:

- Tào Tháo, mi, mi dám tra hỏi ta?

Tháo cười nhạt nói:

- Hình phạt không phân đẳng cấp, pháp luật không chia sang hèn. Ông là chủ của Kiến Thạc đại thần trong triều đình, vi phạm lệnh cấm lại càng phải nghiêm trị.

Người lại già đứng ở bên Tháo, sợ Tháo dùng gậy đánh Kiến Thúc thực sẽ gây ra họa lớn, bèn hoảng hốt đi tới trước mặt Tháo, nói khê vào tai:

- Bộ úy đại nhân, từ xưa hình phạt không tới các bậc đại phu. Cự lớn Kiến là chủ của Kiến Thạc, bộ úy đại nhân dùng nhục hình đối với cự lớn Kiến, e rằng...

Tháo nghe vậy rất khó chịu, nghiêm nghị nói:

- Lệnh cấm đã đưa ra thì phải chấp hành, quyết không cho phép tùy tiện vi phạm.

Kiến Thúc thấy Tháo quả thực muốn dùng nhục hình tra tấn, sợ hãi mặt tái mét, hai chân nhũn ra, quỳ xuống đất van nài xin tha:

- Hãy tha... tha tội cho tôi!

Tháo thầm nghĩ: Hôm nay không thể tha tội cho lão. Tháo ra lệnh cho binh sĩ đánh năm chục gậy. Các binh sĩ thường ngày đều sợ quyền thế của Kiến Thúc, không dám xúc phạm đến lão. Hôm nay, thấy bộ úy mới có dũng khí như vậy, cảm thấy vui sướng, lập tức đề sắp Kiến Thúc xuống đất, lấy gậy to năm màu mà đánh thật cẩn thận. Tên ác bá gây nhiều tội ác này, lúc đầu còn kêu ối ối, chịu đến gậy thứ ba mươi thì không kêu thành tiếng được nữa.

Hôm sau, bên cạnh gậy lớn năm màu ở ngoài nha môn Tào Tháo, dân chúng vây chặt bàn tán nhao nhao. Mọi người đều nói: "Đánh-là phải, đánh là phải!". Kiến Thạc trong lòng tuy rất căm tức, song biết không chống lại được sự phẫn nộ của dân, cũng đành cam chịu rủi ro, không có cách nào khác. Từ đó, không còn ai dám ban đêm ra ngoài làm bậy làm cần nữa.

TÀO THÁO GIẾT LỮ BÁ XA

GIẾT NHÀM LỮ BÁ XA

Tào Tháo và Trần Cung vội vội vàng vàng trốn ra khỏi nhà môn, sợ có quân sĩ đuổi theo chặn lại, nên chuyên tìm đường nhỏ vắng, làng ít người hẻo lánh để đi. Từ mờ sáng đến lúc mặt trời ngả về tây không xảy ra việc gì, dần dần yên tâm, bấy giờ mới thấy lưng mỏi, đùi đau, vừa đói vừa khát, muốn tìm một nhà để kiếm chút gì ăn, cũng để hỏi thăm phương hướng. Vừa may, phía trước mặt có một đồi đất lớn, trên đồi mọc đầy cỏ, xanh mơn mớn, một bầy dê rất đông đang mài mê ăn, dưới gốc cây liễu to sau lưng đồi, một ông già tay cầm roi chân dê đang đứng. Tháo bước lên thì lễ nói:

- Xin hỏi cụ, chốn này là chốn nào?

Ông già chỉ về thôn phía đông nói:

- Thôn Đại Lữ, tôi sống ở đó.

Tháo kinh ngạc, tên thôn quen thuộc quá! Ông già này trông mặt cũng rất quen! Nếu bị ông ta nhận ra mà báo cho quan phủ, thì rất là nguy! Nghĩ đến đó, Tháo không nói nửa lời, quay đầu đi luôn, chỉ muốn mau chóng thoát thân. Trần Cung không hiểu có ẩn ý ở trong, tiếp tục cầu xin ông già:

- Chúng tôi đi đường xa, lưỡi khô miệng khát, cụ có thể cho chúng tôi ít nước uống được không?

Ông già nhìn vào bình nước để cạnh, cố ý hỏi Tào Tháo:

- Chẳng phải anh cũng muốn uống nước hay sao? Vì sao vội tránh ta?

Tháo trong lòng ngấm ngấm kêu khổ: Xem ra bị lộ mất rồi, song nhất quyết không thể nhận sự ban thưởng này, bèn nói:

- Xưa nay không quen biết, không tiện quấy rầy.

Rồi kéo Trần Cung đi liền.

Ông già cười ha ha, nói:

- Anh là Tào Tháo. Ta và bố anh là anh em kết nghĩa, mong mời anh trưởng thành. Nhiều năm không gặp, trên mép anh đã có chút râu, song dáng hình, giọng nói, thần sắc của anh thì vẫn không thay đổi! Đừng hồng che nổi mắt ta.

Tháo biết đây nhất định là Lữ Bá Xa rồi. Không còn cách nào khác, đành nói sự thực cảnh ngộ và dự định hiện giờ của mình, còn kể rõ với ông già về người cùng chạy nạn với mình vốn là Trần Cung, huyện lệnh Trung Mâu.

Lữ Bá Xa thấy Trần Cung khá trẻ liền nói với Trần Cung rằng:

- Anh râu ngắn, kiến thức rộng, dám làm việc nghĩa, cứu được chúa hiền này của ta, lại muốn cùng mưu đại sự, xứng đáng là quan phụ mẫu của ta!

Ông già vái Trần Cung, sau đó mời hai người về nhà.

Trần Cung e sợ liền lụy đến Lữ Bá Xa, mang lại tai họa bất ngờ cho ông già; Tháo thì lo lắng Lữ Bá Xa miệng nói một đằng bụng nghĩ một nẻo, trước mặt gọi là anh, sau lưng

kêu là thằng, đã mấy lần cáo từ muốn đi. Lữ Bá Xa thật thà chân tình, đâu có chịu cho đi? Rốt cục vẫn níu giữ được khách.

Lúc canh năm hôm sau, sân sau vọng lại tiếng mài dao "quet quet", sau đó lại nghe thấy có người bàn bạc rằng:

- Phải giết chứ? Trời sắp sáng rồi, phải mau bắt tay làm thôi.

Tháo nghe thấy sinh nghi, nói với Trần Cung:

- Họ muốn ra tay giết chết chúng ta đó!

Trần Cung nói:

- Chớ có nghe gió cho là mưa. Xem ra Lữ Bá Xa tấm lòng thành thật, có gan níu giữ chúng ta ăn ở tại nhà. Không nên coi người tốt thành ra kẻ xấu!

Lúc này, những người ở sân sau vẫn đang trò chuyện:

- Giết râu dài hay là râu ngắn?

- Giết cả râu dài và râu ngắn!

Tháo cho rằng đây chính là chỉ mình và Trần Cung, vội vàng nhảy ra khỏi giường, rút gươm cầm tay, nói:

- Ra tay trước thì sống, ra tay sau thì chết, phải mau động thủ!

Trần Cung vẫn không tin Lữ Bá Xa có thể giết hại mình, khuyên ngăn rằng:

- Mạng người rất hệ trọng, không thể làm liều!

Tháo đâu có chịu nghe, xông tới sân sau, gặp ai giết người đó, gà chó cũng không tha. Chém giết thẳng tới nhà bếp, nhìn thấy hai con dê bị treo ở đó, một con có râu dài, một con có râu ngắn, lúc ấy mới vỡ lẽ, hóa ra là mình hiểu lầm.

Trong chốc lát gây ra tai họa lớn, Tháo liền kéo Trần Cung vội vàng trốn chạy. Họ ra khỏi làng, đi tới đồi đất, vừa vịn gập Lữ Bá Xa đi chợ tại thôn Đại Mạnh trở về. Lữ Bá Xa tay xách vò rượu giờ lên nói:

- Đây là rượu nôi thứ hai ngon nhất, ở nhà chắc đã giết xong hai con dê, rượu thức nhắm đầy đủ, chủ khách chúng ta nhất định phải uống say sưa một bữa mới được! Các anh đây là muốn đi đâu vậy?

Trần Gung trong lòng vô cùng đau buồn, đang muốn lay nhận tội, nào ngờ Tào Tháo chạy phất tới chém một nhát giữa đầu Lữ Bá Xa. Tháo nói:

- Để giữ mạng, không thể không giết người bịt đầu mối. Thà ta phụ người thiên hạ, không để người thiên hạ phụ ta.

Lữ Bá Xa tốt bụng lại bị ác báo, chết thật oan uổng. Sau khi chết, máu tươi của Lữ Bá Xa chảy khắp đồi, nhuộm đỏ hết cả cỏ xanh bên trên. Cho đến bây giờ, cỏ ở đây vẫn đều là màu đỏ.

ĐANG GIẾT LỮ BÁ XA

Tào Tháo và Trần Cung trốn ra khỏi huyện thành Trung Mâu, tạm lánh ở nhà Lữ Bá Xa. Lữ Bá Xa là nhà giàu có ở địa phương, có tiền có thế. Ông ta cho rằng quen biết thêm một người là bác thêm một chiếc cầu, hẳn có chỗ tốt đáng dùng; cho nên kết giao rộng rãi các giáo phái, các trào lưu.

Mặc dù quân Tiêu cách đây rất xa, nhưng ông cũng đã kết nghĩa anh em với bố Tào Tháo từ lâu rồi.

Lữ Bá Xa thấy Tào Tháo cùng với huyện lệnh huyện nhà bỗng nhiên tìm đến ông ta thì biết ngay là có chuyện rắc rối, song vẫn không thay đổi sắc mặt, chỉ quanh co thăm dò lí do họ tới. Tào Tháo khôn ngoan, không để lộ ra điều gì; Trần Cung lòng dạ ngay thẳng, có sao nói vậy, tuồn hết cả ra.

Lữ Bá Xa như không để ý, đối xử với họ lại càng tốt hơn. Hôm ấy, Lữ Bá Xa nói với khách rằng: "Ở nhà không còn rượu ngon, phải đi sang thôn Tây để mua". Rồi ông ta vội vàng cười lừa ra đi.

Tào Tháo sinh lòng ngờ vực, nói với Trần Cung:

- Nhà ông ta cơ nghiệp lớn, quanh năm luôn cất ủ rượu ngon. Hai ta uống được bao nhiêu, sao phải đi ra ngoài mua, lại đích thân ra đi? Nói là đi thôn Tây, há chẳng mười bước là tới, sao lại phải cười lừa? Có lẽ là mượn cớ để đi huyện thành tố cáo.

Trần Cung biết Tào Tháo xưa nay đa nghi, cười nói:

- Lữ Bá Xa và ông nhà là anh em kết nghĩa, không nên nghi ngờ xằng bậy!

Tào Tháo nói:

- Lòng hại người không nên có, lòng phòng người không thể không. Ngày nay bề tôi khinh vua có, con hại cha có, bạn thế giao đâu có tin cậy được? Phải luôn luôn cẩn thận mới xong.

Tào Tháo tê ngón tay tính đếm đường đi sang thôn Tây, đã đến lúc phải trở về đến nhà mà vẫn không thấy hình bóng

Lữ Bá Xa, lại càng đoán chắc là ông ta đi thẳng lên huyện thành, liền muốn Trần Cung mau mau cùng chạy trốn.

Ngay lúc ấy, bỗng nhiên nghe thấy có tiếng mài dao ở sân sau, đồng thời có người nói:

- Giết, giết, mau giết thôi!

Tào Tháo cho rằng đã đến giờ phút nguy kịch, liền nói với Trần Cung:

- Quan lính bên ngoài sắp tới, bên trong cũng đồng thời hành động, hai phía gặp địch thì có cánh cũng khó mà bay, chỉ có gấp rút ra tay trước mới được.

Trần Cung vẫn không tin, nên không nhúc nhích. Tào Tháo đành một mình cầm kiếm đi vào sân sau, giết sạch cả nhà Lữ Bá Xa. Lúc Trần Cung đi tới coi, thấy xác chết rất nhiều nằm ngổn ngang, ở giữa còn có một con lợn béo bị trói thì giậm chân nói:

- Người ta làm ầm ĩ rõ ràng là muốn giết lợn, không phải là hại chúng ta, giết làm bao nhiêu người như thế này, thật độc ác quá.

Tào Tháo nói:

- Nhà ông ta có tám người, thêm hai chúng ta cũng mới chỉ là mười người. Con lợn béo này những mấy trăm cân, dăm ba hôm cũng khó ăn hết. Trời nóng nực để lại cho thiêu thối sinh giòi sao? Rõ ràng là đợi sau khi quan lính đến bắt chúng ta rồi mở tiệc mừng công. Chúng nó nhất định là vừa giết lợn lại vừa giết chúng ta. Tôi ra tay trước là đúng.

Trần Cung nửa tin nửa ngờ, đành vội vã đi theo Tào Tháo xa chạy cao bay. Họ vừa ra khỏi làng thì thấy Lữ Bá Xa cười lừa, đeo một bình rượu trở về. Lữ Bá Xa nói lớn:

- Đây là các anh đi đây vậy? Hãy về cùng tôi càn chén say sưa đã!

Trần Cung thấy ông ta một mình một lư, lại không dẫn về một người lính nào, thì đoán chắc Tào Tháo đã nghĩ oan cho người tốt, giết hại cả nhà ông ta. Lời oán trách chưa kịp nói ra, Tào Tháo đã tiến đến trước mặt Lữ Bá Xa, giờ kiếm chém luôn, giết chết ông ta ngay dưới chân lư.

Trần Cung vừa sợ vừa buồn, lớn tiếng mắng Tào Tháo mang ơn trả oán, bất nhân bất nghĩa, thề mãi mãi tuyệt giao với Tào Tháo rồi hiên ngang bước đi.

Tào Tháo gọi to, muốn nói với người bạn chung hoạn nạn khó có được này rằng Lữ Bá Xa cưỡi lư đi về nửa ngày trời, mà chỉ mua được một bình rượu nhỏ, đã đủ nói lên rõ ràng ở đây có mưu mô, rồi sau đây ắt sẽ có quan lính kéo tới. Nhưng lúc này, Trần Cung đã đi vào một khu rừng; đồng thời Tào Tháo lại nhìn thấy trên đường cái từ huyện thành tới cát bụi mù mịt, một đoàn binh mã đang phi nhanh về đây. Tào Tháo một mặt vui mừng vì bản thân mình xét đoán sự việc chính xác, thoát khỏi tai nạn, một mặt hối tiếc đã mất người bạn là Trần Cung, không có cách nào giải bỏ được sự hiểu lầm của bạn, sau này khó tránh khỏi thiên hạ đồn nhảm, bản thân sẽ bị người đời phi nhổ mắng chửi, chịu oan ức. Song cũng chịu bó tay. Mất trông thấy quan binh ngày càng tới gần, Tào Tháo đành lánh vào chốn hoang vu chạy miết.

TƯỜNG CHẶN NGỰA

Ngoài cửa bắc thành huyện Bạc, tỉnh An Huy có dãy phố Mã Trường (bãi ngựa), đầu phía bắc của phố có một bức tường chắn ngựa. Theo truyền thuyết, bức tường này là Tào Tháo làm. Tháo dựng bức tường này để làm gì vậy?

Tương truyền sau khi Tháo ám sát董卓 Trác, sự việc thất bại thì suốt ngày đêm bỏ chạy về quê nhà ở huyện Bạc. Sau khi về quê, Tháo chiêu binh mãi mã, muốn độ sức thì tài với董卓 Trác. Tháo chọn một khoảnh đất lớn bỏ trống ở cửa bắc để huấn luyện chiến mã ở đó. Mùa đông năm ấy, Tháo từ tỉnh ngoài mua về mấy chục con ngựa to đầu cao. Vì những con ngựa này tính hung dữ, rất khó thuần phục, chúng luôn đá bị thương những người thuần hóa chúng. Lúc bấy giờ Hoa Đà mở cửa hiệu thuốc ở đầu phố Tào Hạng trong thành, những người bị ngựa đá bị thương ấy đều tìm đến Hoa Đà điều trị.

Một hôm, Tháo đến hiệu thuốc Hoa Đà chuyện phiếm, bỗng thấy ồn ào ở trước cửa hiệu. Tháo cùng Hoa Đà đi ra, chỉ nhìn thấy một chàng trai trẻ vai rộng lưng tròn đang đứng, mắt trợn lên cãi cọ với người làm trong hiệu. Tháo bước tới gần hỏi, mới biết người trai trẻ này gia đình ở Hứa Trang vùng ngoại thành, mẹ anh ta bị bệnh cấp tính, anh ta tới đây

mua thuốc. Vì lúc đi quá bối rối quên cả mang tiền, người làm trong hiệu không cho anh ta lấy thuốc. Anh ta cuống quýt, chẳng quản giá lạnh, cởi ngay áo bông để lại làm cước, xin được đem bọc thuốc này về trước. Nhưng người làm trong hiệu không chấp thuận, hai bên to tiếng với nhau.

Tháo thấy chàng trai miệng môi tái xanh vì lạnh, rất cảm phục lòng hiếu thảo của anh ta, tức thì cầm áo bông và bọc thuốc ở trên quầy đưa cho chàng trai và nói:

- Hiền đệ, mau mặc áo vào, cẩn thận kéo lạnh ốm, tiền bọc thuốc này tôi trả cho, mau về nhà đi.

Chàng trai chấp tay vái, nói:

- Đa tạ, đa tạ, ngày mai tôi nhất định đưa tiền tới cho ông.

Nói xong lại vái lạy, rồi quay mình vội vã bước đi.

Lúc ấy, Hoa Đà nói với Tháo:

- Người này tên là Hứa Chử, sức lực phi thường, vì gia cảnh bần cùng, từ nhỏ chăn trâu nuôi ngựa cho người. Có một lần hai con trâu húc nhau, anh ta tức giận liền nắm lấy đuôi một con, kéo một cái, con trâu bị lúi ra rỏ xa. Nghe nói anh ta rất giỏi thuần hóa ngựa, chỉ bằng ông thụ nhận anh ta về thuần hóa ngựa cho mình.

Tháo nghe xong, gật đầu lia lịa. Ăn xong cơm trưa, Tháo gọi tuyết lớn mà đi tới nhà Hứa Chử. Hứa Chử ngỡ là Tào Tháo tìm mình để lấy tiền thuốc, bèn vội vàng đi ra đầu giường lấy tiền. Tháo vội ngăn lại, rồi vẩy vẩy tay ra phía ngoài cửa, lúc này hai người tùy tùng bước vào, mỗi người vác một bao lương thực. Tháo nói:

- Hiền đệ, tôi rất cảm phục lòng hiếu thảo của hiền đệ, hôm nay đến là muốn kết bạn với hiền đệ, hai túi lương thực này xin đệ nhận cho để tỏ lòng thành của tôi.

Hứa Chử cảm ơn Tào Tháo rồi hai người chuyện trò rất tâm đầu ý hợp. Tháo mời Hứa Chử vào thành thuận hóa ngựa cho mình, và đưa mẹ Hứa Chử vào thành điều dưỡng. Hứa Chử vui vẻ nhận lời.

Hứa Chử từ nhỏ đã làm bạn với ngựa, học được tài thuần hóa ngựa, chẳng kể là ngựa hung dữ ra sao, chỉ cần Hứa Chử quát cho mấy roi, con ngựa đó liền ngoan ngoãn nghe lời chỉ bảo. Hứa Chử bảo đứng lại là đứng lại, bảo nằm xuống là nằm xuống, hễ giậm chân là lăn qua lăn lại.

Tháo thấy Hứa Chử huấn luyện ngựa vô cùng xuất sắc thì hết sức hài lòng. Một hôm, Tháo mang theo rượu ngon hạng nhất, đến bãi thuận hóa ngựa thưởng công Hứa Chử. Hứa Chử rất mừng, uống nhiều thêm vài chén, nhân khi tửu hứng, lôi con ngựa lớn màu xanh ra trở tài huấn luyện ngựa của mình trước mặt Tháo. Vì con ngựa này bản tính quá dữ, lại thêm Hứa Chử uống quá chén, nên mới nhảy nhót hai ba cái nó đã quăng Hứa Chử từ trên lưng xuống. Hứa Chử giận dữ, cởi áo ngoài ra, để trống bả vai, lại băng mình nhảy lên lưng ngựa, giơ nắm đấm, đấm mạnh hai cái vào mông ngựa. Con ngựa bị đánh hoảng sợ, tung bốn vó phi nước đại về phía sông Oa dưới bãi thuận hóa ngựa, trong nháy mắt người ngựa sấp lao xuống sông. Lúc ấy Tháo ở đằng sau kêu to:

- Mau ghì chặt dây cương!

Tiếng kêu ấy nhắc nhở Hứa Chử, Hứa Chử quả là có tài năng tuyệt vời, chỉ thấy anh ta nghiêng rãnh, trợn mắt, hai tay kéo chặt dây cương, ra sức uốn người thật mạnh về phía sau, con ngựa đó bị nhắc lên, hai chân trước hướng lên trời, hí dài một tiếng rồi dừng lại. Tháo thở phào một cái, luôn miệng nói: "Nguy hiểm quá! Nguy hiểm quá!"

Để tránh hiểm họa như vậy xảy ra, Tháo liền cho người xây đắp một bức tường thật cao ở đầu phía bắc bãi huấn luyện ngựa, mọi người gọi nó là tường Chận Ngựa. Truyền rằng, con Tháo là Tào Phi, sau khi lên làm hoàng đế, về nhà tế tổ, đặc biệt có tới chiêm ngưỡng bãi thuần hóa ngựa, còn sáng tác ra bài *Lâm Oa phủ* nổi tiếng dưới tường Chận Ngựa này.

HỔ NGƯỜI ĐÁ

Phía nam thành huyện Bạc, tỉnh An Huy có một cái hồ gọi là hồ Người Đá. Hai người bằng đá đứng ở trong hồ. Điều kì lạ là: Bất kể nước lên nước xuống, hai người đá vẫn nổi nửa mình phía trên, cho dù nước to hơn nữa vẫn không chìm được chúng. Sự thế ra sao vậy?

Truyền rằng, cuối đời Đông Hán, Đồng Trác gây rối loạn trong triều, Tào Tháo mưu giết Đồng Trác không thành, chạy về quê quán ở quận Tiều (nay là huyện Bạc, tỉnh An Huy), chiêu binh mộ sĩ, đợi thời cơ chín muồi đánh dẹp Đồng Trác. Đồng Trác đưa công văn đi khắp nơi, vẽ ảnh họa hình, song chưa bắt được Tào Tháo, bèn cử hai thích khách tới quận Tiều để ám sát Tào Tháo.

Hai thích khách này, một người mặt đen, một người mặt đỏ, họ đi cả ngày lẫn đêm, một hôm đi tới ngoài cửa thành phía bắc quận Tiều, trời còn chưa sáng, cửa thành đóng chặt. Hai người từ cửa bắc chuyển đến cửa tây, lại từ cửa tây chuyển tới cửa nam. Lúc đến cửa nam, trời đã tờ mờ sáng, họ gặp một ông già lấy phân. Người mặt đỏ và người mặt đen vội hỏi ông già:

- Khi nào thành mở cửa? Tào Tháo trú ở nơi nào trong thành? Dưới quyền Tào Tháo có bao nhiêu binh mã?

Ông già lấy phân thấy hai người bối rối hoảng hốt, mặt đầy sát khí, thì đoán chắc họ là những kẻ xấu, liền cố ý nói:

- Tào Tháo đang chiêu mộ binh sĩ, người đi theo ông ta rất đông, hai vị có phải cũng tới đây theo ông ta không?

Người mặt đỏ và người mặt đen ập a ập ứng. Ông già lấy phân liền trò chuyện với họ, từ chuyện Đông Trác kéo bè cánh giết hại vua Thiếu Đế, treo cổ Đường phi, một mình nắm lấy triều chính, không từ tội ác nào, cho đến chuyện Tào Tháo mưu sát Đông Trác là trừ hại cho muôn dân thiên hạ. Cuối cùng, ông già lấy phân nói:

- Tào Tháo đúng là kẻ sĩ trung nghĩa trong thiên hạ, hai vị thực sự muốn theo ông ta, đợi tôi mang sọt phân về sẽ tới dẫn hai vị đi.

Nói xong, ông già quay mình trở về làng.

Đợi khi ông già lấy phân đi khỏi, người mặt đỏ nói với người mặt đen rằng:

- Tào Tháo trừ hại cho muôn dân thiên hạ, nếu chúng ta giết hại ông ta, chẳng phải là bị nguyên rủa muôn đời hay sao?

Người mặt đen nói:

- Không giết ông ta, chúng ta trở về ăn nói làm sao?

- Nếu chúng ta không phân rõ trung thần, gian tặc, giết bừa người vô tội, chẳng hóa ra là hạng người bằng đá không có tim gan sao?

- Mặc thấy người đá, người gỗ, giết xong Tào Tháo, đem về lĩnh thưởng cái đá.

Hai người tranh luận hồi lâu, cuối cùng vẫn quyết định vào thành giết Tào Tháo. Họ đi vào cửa nam, cang đi về đuôi

càng nặng, càng đi càng nhấc chân không nổi, đi tới một chỗ
trũng thì không nhúc nhích được nữa.

Đến lúc ông già lấy phân trở lại, thì thấy người mặt đen
và người mặt đỏ đã biến thành người đá trong chỗ trũng. Một
người mặt đầy oán hận, một người mặt đầy lo âu. Không cần
nói, người mặt đầy oán hận kia là người mặt đỏ biến thành;
người mặt đầy lo âu kia là người mặt đen. Từ đấy về sau,
chỗ đất trũng này liền được gọi là hồ Người Đá. Hai người
đá này có lẽ là không cam chịu oán chìm đáy nước, cho nên
nước trong hồ xưa nay chưa hề ngập hết người họ. Song hai
người đá này, trong những năm "đại nhảy vọt" lại bị đập nát
thành những hòn đá rải đường!

SUỐI LUYỆN VÀ CẦU LÒ

Sông Dao ở Định Viễn, vốn tên là suối Luyện. Trên suối Luyện có một chiếc cầu đá, tên là cầu Lò, tương truyền là do Tào Phi dựng. Về sau thân cầu bị đổ, đời Tống thấy chân cầu vẫn rất chắc chắn, lại bắc chiếc cầu mới ở trên; cầu mới dần dần cũng hư hỏng, đến đời Minh lại bắc lên tầng cầu thứ ba trên nền của nó, cho nên mọi người mới gọi nó là "Cầu trên cầu", đến nay vẫn còn.

Tào Phi vì sao dựng cầu ở đây, nền của nó vì sao lại làm chắc chắn vậy, đến hơn một ngàn năm cũng không hỏng?

Truyền rằng, Tào Tháo năm đó dấy binh, người ngựa không nhiều, đánh trận nhỏ, không được ai chú ý. Nhưng Tháo ăn bát nhỏ nhìn nồi lớn, một lòng muốn tranh thiên hạ, nên hết sức bí mật chuẩn bị. Một hôm, Tháo hỏi nhỏ con trai là Tào Phi:

- Con xem làm như thế nào mới lấy được thiên hạ?

Thấy cạnh mình không có người, Tào Phi liền nói thẳng:

- Chiêu mộ binh sĩ, kéo cờ lớn lên đánh!

Tháo nói:

- Sợ là sợ cây to vậy gọi gió đến, sẽ hỏng nghiệp lớn. Con hãy kín đáo chuẩn bị giúp ta.

Sau đó, Tháo dẫn Tào Phi tới bên sông Dao, chỉ vào sông mà nói:

- Nước sông này một bên chảy về đông, một bên chảy về tây, hiếm có trong thiên hạ. Rèn binh khí lấy nước sông tôi luyện thì vô cùng sắc, có thể gọt sắt như bùn. Vùng lân cận lại ít người, không có đường lớn, sẽ không lộ bí mật. Con dẫn một số người tới đây ngắm ngẫm chế tạo binh khí:

Tào Phi biết binh khí sẽ không sử dụng gấp, thấy công việc làm nhẹ nhàng nhàn hạ, nhận lời ngay. Tháo không yên tâm, căn dặn rằng:

- Nuôi quân ngàn ngày, dùng trong một giờ. Đến khi ta cần, con phải nghìn thuyền chèo dao thương, vạn xe chở kiếm kích, một giờ ba khác vận chuyển tới mọi nơi. Nếu để lỡ việc lớn, thì chớ trách ta không nể tình cha con.

Tào Phi biết cha mình đã nói là như đinh đóng cột, bèn không dám chậm trễ. Tào Phi chọn ngay tại đó một bãi sông lớn, làm chín ngàn chín trăm chín mươi chín chiếc lò đúc, tìm kiếm chín ngàn chín trăm chín mươi chín thợ rèn, suốt ngày đêm luyện sắt thép rèn binh khí. Lửa lò chiếu xuống nước sông đỏ rực như thiêu cháy vậy. Về sau, mọi người liền gọi sông này là suối Luyện. Dương thời ngay cả Long Vương trông thấy cũng sợ hãi, không dám tới gần bãi sông, cho nên bãi sông này mãi mãi không hề bị ngập, giống hệt như con rùa đen lớn bò bên sông, mọi người liền gọi là bãi Rùa Đen.

Sau này binh khí chế tạo ra ngày càng nhiều, chất thành núi. Song nếu có lệnh truyền ra, một giờ ba khác làm sao vận

chuyển đi được? Tào Phi liền cho người chuyên chở từ núi Mang Đãng về vô vàn những hòn đá lớn, lấy vụn sắt rót vào khe làm nền, dựng lên một chiếc cầu đá lớn, cầu rộng hơn một trượng, dài hơn mười trượng, cứng như sắt thép, đúng là ngàn cỗ xe có thể đi qua trong một ngày; nước dưới cầu đó chảy xiết, vạn chiếc thuyền buồm có thể chạy qua trong một đêm, thẳng tới sông Hoài.

Như vậy đó, binh khí đúng thời gian chuyển tới tay Tào Tháo, sử dụng chúng, Tháo luôn luôn thắng trận. Tháo cảm thấy Tào Phi rất có tài, sau này liền truyền ngôi cho. Người đời sau thấy Tào Phi xây dựng cầu cực giỏi thì cũng rất ca ngợi, bèn dựng lên vô số bia đá bên cạnh chiếc cầu này.

GIẾNG BỐN LỖ

Thành Lạc Dương có một cái giếng bốn lỗ nổi tiếng. Giếng có một thân lại có bốn cái miệng. Nghe nói từ các miệng giếng khác nhau dòng thùng xuống, lấy nước lên có các vị khác nhau, có thể chia ra bốn loại chua, ngọt, đắng, cay. Đó là do giếng có lai lịch khác thường.

Tương truyền Tào Tháo đã từng đóng quân luyện binh ở vùng này, cho nên còn để lại những di chỉ như là đài Diêm Tướng, phố Thao Trường. Đây vốn là ngoại ô thành Lạc Dương cũ, dân cư thưa thớt, chỉ có một cái giếng nước nhỏ, lấy nước đều phải nhờ vào một chiếc ròng rọc và một cái thùng nhỏ. Song muôn vạn binh mã tới, người ngựa đều cần uống, nước lấy ở đâu ra? Huống chi dân chúng nguyên ở địa phương cũng không thể nhịn nước được! Cả lính cả dân tranh nhau chờ lấy nước, thường luôn xảy ra cãi cọ, có lúc còn đánh lộn, đương nhiên vì lẽ đó mà kêu khổ thấu trời.

Về sau Tào Tháo biết chuyện, liền truyền lệnh cho các binh sĩ đào thêm một cái giếng mới. Cái giếng mới này vừa sâu vừa to, nước như từ sông biển đổ về, đêm ngày tuôn chảy không ngừng. Đáng tiếc là chỉ có một miệng giếng lớn, nếu như mọi người cùng ò ạt tới, dễ xảy chân ngã xuống giếng, rất không an toàn. Hơn nữa, các binh sĩ ai cũng trẻ khỏe, mạnh bạo, tất nhiên đều chen lên phía trước. Dân chúng

không ai len vào được, những người già yếu, bệnh tật, tàn phế càng chỉ đứng mà nhìn. Thế là nhân dân oán hờn sôi sục, những kẻ bạo miệng không sợ gì ai, nói Tào Tháo toàn dựa vào dân chúng để lấy lương thực ăn, lấy cỏ dùng, lại không chịu cho dân chút nước uống, không được lòng dân chúng, quyết chẳng ra gì.

Tào Tháo sớm biết chuyện, đã cho người gọi những kẻ bạo miệng hay máng chửi mình sau lưng ấy tới. Những người ấy sắp sửa lành ít dữ nhiều, bạo miệng trở thành hại miệng, vái lạy Tào Tháo liên hồi, nói:

- Máng chửi sau lưng là máng chửi sai, xin tha tội chết.

Tào Tháo dịu họ đứng lên, cười ha hả nói:

- Bà con vì không được uống nước giếng mà chửi máng tôi sau lưng, chửi máng là đúng đó.

Rồi cho người khiêng tới một phiến đá hình chữ nhật rất lớn, ở hai đầu phiến đá đục hai hốc tròn lớn, sau đó đặt phiến đá vào chính giữa miệng giếng. Thế là giếng nước này thành ra giếng bốn lỗ, mỗi lỗ đều có thể dong thùng xuống lấy nước. Tào Tháo chỉ vào giếng nói:

- Từ nay về sau, người đến giếng này lấy nước sẽ không bị xảy chân rơi ngã nữa; hai lỗ giếng để quân đội dùng, hai lỗ giếng để dân chúng dùng, không được phép tranh cướp nhau nữa!

Mọi người đều rất biết ơn Tào Tháo, sau này mãi mãi làm theo lời Tào Tháo đã nói. Vì những người lấy nước đôi bên chung sống thuận hòa, nên cảm thấy nước giếng vô cùng ngọt, lại vì giếng đã từng có những ngày chua ngọt đắng cay, cho nên mọi người cũng hình như nếm thấy những vị khác nhau ấy từ trong nước giếng.

TÀO THÁO CẦU HIỀN

Tương truyền, cuối đời Đông Hán, Tào Tháo ở Sơn Đông giương cao cờ lớn "trung nghĩa", chiêu binh mãi mã hơn ba mươi vạn, một lòng một dạ muốn mưu lấy vùng đất Trung Nguyên. Tháo là người có tài, trong lòng nhiều mưu mẹo, biết rõ ràng muốn đứng vững ở Trung Nguyên thì phải chiêu nạp hiền sĩ. Tức thì, trước khi xuất quân, Tháo đến miếu Thái Sơn để bái kiến cao tăng, hỏi han vùng Trung Nguyên có những hiền sĩ nào. Vị hòa thượng già không dám tiết lộ ý trời, liền đưa cho Tháo một cái nạng, nói:

- Sau khi đến đóng quân ở Trung Nguyên, nếu có ai dám tới máng chùi dích danh ngài, ngài xem cái nạng này sẽ biết.

Tháo cất kị cái nạng, chỉ huy toàn quân rầm rộ đi đánh chiếm Trung Nguyên. Những nơi đã đến, chó gà không để lại, đường xá đứt đoạn, dân cư thưa thớt. Sau khi đến Hứa Xương, thấy nơi đây là đất rộng nằm hổ phục, Tháo liền ra lệnh cho ba quân hạ trại đóng lại. Quân trưởng đặt tại ngôi miếu có tên là điện Cảnh Phúc ở trong cửa bắc. Tháo có em trai họ hàng ruột thịt tên là Tào Nhân, dẫn thân binh đi cướp bóc khắp nơi, làm cho dân chúng hoảng sợ. Ba hôm sau, bốn phía cửa thành bỗng nhiên đều có dán những tờ giấy, trên viết: "Tào Tháo đến Hứa Xương, dân chúng chịu tai ương,

nếu bỏ việc yên dân, triều Hán khó bình an". Bên dưới ghi bốn chữ to: "Tuân Úc ở Hứa Xương".

Tháo biết được, cảm tức nghiêng răng nghiêng lợi. Đang định hạ lệnh truy nã Tuân Úc, bỗng nhớ đến cấm nang hòa thượng tặng cho, vội vàng mở ra xem, một tờ giấy trắng viết mấy hàng chữ:

*Mở miệng là ban trưa,
Trời tả trên trăng det.
Mười hôm đầu cỏ mọc,
Chữ hoặc ba phẩy bên.
Tài hơn Tử Nha trước,
Mưu sáu tựa Trương Lương.*

Đây là một bài thơ ẩn ý. Tháo xem đi xem lại nhiều lần, suy nghĩ hồi lâu mới tìm ra bí quyết ở trong: Mở miệng là ban trưa, mở miệng là ngôn, ban trưa là ngo, ngôn ngo là chữ "Hứa". Trời tả trên trăng det, trời ở trên, trăng det ở dưới, giống chữ "Xương". Mười hôm đầu cỏ mọc, mười hôm là một tuần, chữ tuần thêm bộ thảo đầu là họ "Tuân". Chữ hoặc ba phẩy bên, là chữ "Úc". Tháo bỗng nhiên hiểu ra, vui mừng nói: "Hứa Xương Tuân Úc, hóa ra có tài như Tử Nha, Tử Phòng! Ta nhất định phải mời ông ta ra giúp".

Tuân Úc là người Đình Âm (Hứa Xương), quận Đình Xuyên, vì bất mãn với triều đình nên về nhà ở ẩn. Ông ta nghe nói Tào Tháo trí dũng song toàn, lại biết trọng dụng nhân tài, từ lâu đã muốn đi theo Tào Tháo, lại sợ không đúng thể mới viết tờ giấy dán trên để thử xem.

Tháo thấy có thể được Tử Nha, Tử Phòng thì mừng lắm, lập tức sai Tào Nhân đi mời Tuân Úc. Tuân Úc cố ý cự tuyệt

không ra giúp. Tào Nhân vô cùng bức tức, thêm dấm thêm ớt vào nồi Tuấn Úc khinh thường Tào Tháo như thế nào và kiên nghị giết ngay ông ta. Tháo quát mắng:

- Nô tài to gan, giết ông ấy là chặt cánh tay ta, ngươi biết không?

Lúc ấy giữa tháng chạp, gió bắc rét mướt, nước đọng thành băng. Tháo nóng lòng cầu hiền, bèn đích thân ra đi, xông pha gió lạnh tới phủ đệ Tuấn Úc ở phố Tự Khuê, chỉ thấy cửa lớn khóa chặt. Dợi rất lâu, không thấy ai, Tháo không quản ngại trên rầu tự kết những băng, lại đi tới một phủ đệ khác của Tuấn Úc ở phố Khuê Lâu. Người trong phủ lại nói với Tháo rằng ông chủ đi Hứa Diên sản bán rồi. Tháo đến thăm hai lần không gặp, nhưng không buồn phiền, vẫn kiên nhẫn tìm kiếm viếng thăm.

Một hôm, Tháo hỏi thăm, biết được Tuấn Úc tới mộ tổ ở Bát Bách thuộc đông bắc thành để tảo mộ, liền chuẩn bị lễ đi đến đó tưởng niệm.

Tháo đi đến tôn đường nhà mồ, trông thấy một chàng trai tuổi hơn hai chục, tư thái phong lưu, dáng vẻ đường hoàng, đang chăm chú đọc *Bình pháp Tôn Tử* không hề ngẩng đầu lên. Bỗng một trận gió nổi lên, thổi rơi sách xuống đất. Tháo vội vàng bước tới nhặt, cung kính đặt lên trên bàn, thỉ lễ nói:

- Tuấn công bình an mạnh khỏe!

Tuấn Úc nhám mắt hỏi:

- Tiên sinh người quê đâu? Tôi đây có việc gì?

Tháo đáp:

- Tôi là Tào Mạnh Đức ở quận Tiều, đến mời Tuấn công chung lo xây dựng giang sơn nhà Hán.

Tuấn Úc cười nhạt nói:

- Tôi là một người dân bình thường, không hiểu biết công việc lớn lao trị quốc, tiên sinh hãy đi mời các bậc tài giỏi khác!

Tháo tươi cười nói:

- Từ lâu đã nghe biết tiên sinh lòng chứa thuật bao trùm trời đất, bụng giấu mưu định quốc an bang, phi tiên sinh ra, tôi chẳng mời ai cả.

Tuân Úc nói:

- Không sợ tôi máng chửi ông sao?

Tháo gật đầu lia lịa, nói:

- Máng chửi có lí, máng chửi nhiều mới tốt.

Tuân Úc lại thác có bệnh về đùi không thể đi lại được. Tháo liền đích thân dắt con ngựa tốt tới, dìu Tuân Úc lên ngựa rồi tiễn hô hậu ủng rước vào trong điện Cảnh Phúc.

Sau này, Tuân Úc khuyên Tháo giữ kỉ luật nghiêm minh, yêu quý bảo vệ dân chúng, chiếu hiên dãi sĩ, dung nạp nhân tài trong thiên hạ. Tháo liền hỏi:

- Chọn hiền sĩ thế nào? Tiêu chuẩn chọn nhân tài ra sao?

Tuân Úc đáp:

- Có tài là chọn. Dòng dõi, xuất thân không cần tính đến, chỉ cần có thực tài là đều sử dụng.

Tháo lại hỏi:

- Vậy là chỉ nhìn vào tài mà xem thường đức sao?

Tuân Úc đáp:

- Cần cả đức tài, quyết không cho những con em quan lại nói năng rất khéo mà không có chân tài thực học làm quan.

Tháo nghe xong, vỗ tay khen hay. Tháo tiếp nhận những kiến nghị của Tuân Úc, và liền tiếp đưa ra năm đạo lệnh cầu hiền. Do Tào Tháo trọng dụng nhân tài, biết dùng người, nên đã nhanh chóng đứng vững được ở vùng Trung Nguyên.

THÔN NGHỊ DÀI

Công xã Mã Lan thuộc huyện Yên Lãng, tỉnh Hà Nam có thôn Nghị Dài. trong thôn có một dài lớn bằng đất rộng năm mẫu, cao hơn hai trượng, gọi là dài Nghị Sự (bàn công việc). Kế cũng lạ kì, đất xung quanh thôn Nghị Dài đều là đất sét đen, chỉ riêng đất ở dài Nghị Sự thì khác với địa phương là đất hoa sen vàng. Kì lạ hơn nữa là, mỗi lần đêm hè, xa xa tiếng ếch kêu hết đợt này đến đợt khác, liên tục không ngưng; mà xung quanh dài Nghị Sự lại một vùng yên lặng, trên dài đến một con muỗi kêu vo vo cũng tìm không ra. Việc này là thế nào? Ở địa phương có một truyền thuyết như sau:

Cuối đời Đông Hán, thiên hạ đại loạn. Đồng Trác ép buộc Hán Hiến Đế từ đông đô Lạc Dương dời đến Trường An, trước khi đi còn phóng hỏa đốt thành Lạc Dương. Năm đầu Kiến An, Hán Hiến Đế từ Trường An trở về đến Lạc Dương, cung thất bị đốt sạch, hoa màu bị hủy hết, vua tôi đành ngụ ngoài phố lớn. Dân chúng không có ăn, đều ra khỏi thành đào rễ cỏ bóc vỏ cây sống qua ngày. Tào Tháo thấy tình hình này, cảm thấy thành Lạc Dương nhất thời khó khôi phục được, đại quân mấy chục vạn của mình cũng đứng trước mối nguy lương thảo cạn hết, trong lòng vô cùng lo lắng. Tháo nghĩ, Hứa Xương đất thuộc vùng đồng bằng, lại có đô thành cổ Yên

Lăng, thành quách cung thất đều rất hoàn chỉnh, chỉ bằng dời dờ về Hứa Xương. Sau khi bẩm trình Hán Hiến Đế, Hiến Đế chấp thuận đề nghị, Tháo bèn dẫn đại quân tiến về Hứa Xương. Khi quân đội qua trấn Mã Lan, huyện Yên Lăng, Tháo muốn cùng các tướng chỉ huy bàn bạc giải quyết vấn đề lương thảo. Nhưng vùng trấn Mã Lan lại không có địa điểm thích hợp. Tức thì, Tháo liền truyền lệnh cho các binh sĩ hành quân mỗi người dùng chiến bào trùm một bọc đất hoa sen màu vàng của trấn Mã Lan, tiếp tục đi lên phía trước. Khi binh lính đi tới thôn Nghị Đài ngày nay, Tháo thấy địa thế bằng phẳng rộng rãi, liền hạ lệnh cho các binh sĩ đổ đất xuống, chặt đóng lại, đắp thành một cái đài cao to. Và ở góc tây nam trấn Mã Lan, binh lính Tào Tháo lấy đất, đào thành một vùng lớn, vùng này hiện nay vẫn còn, gọi là vùng Hoàng Gia. Đài cao to ấy chính là đài Nghị Sự sau này, vì đất đắp dựng đài lấy từ trấn Mã Lan, cho nên không giống đất ở thôn Nghị Đài.

Sau khi dựng xong đài, Tháo triệu tập các tướng lĩnh bàn công việc ở trên đó. Lúc ấy giữa mùa hạ, vùng nước dưới đài có rất nhiều nhái, vào lúc hoàng hôn nhái kêu inh ỏi, làm cho mọi người trò chuyện cũng nghe không rõ. Tháo chê trách nhái làm ảnh hưởng công việc, bực mình đứng dậy phẩy tay, nói: "Đáng ghét, lũ ếch nhái không kêu nữa!". Tháo vừa dứt lời, ếch nhái liền không kêu nữa. Cho đến bây giờ, xung quanh đài Nghị Sự không nhìn thấy một con nhái nào. Dân chúng đều nói, ếch nhái sợ làm lỡ quân cơ đại sự của Tào thừa tướng, đều đã chuyển nhà đi nơi khác rồi.

Tháo bàn bạc rất lâu với các tướng lĩnh, cũng chưa nghĩ ra được cách giải quyết lương thảo. Lúc đêm khuya người vắng, Tháo đọc sách suy nghĩ ở trong phòng. Lúc này, tuy là

ếch nhái đã bị đuổi đi rồi, nhưng muối ban đêm mùa hạ lại càng ghê gớm hơn, chúng bay, chúng kêu, chúng đốt người loạn xạ, quấy rầy Tào Tháo đang lóng dạ rồi bời. Tháo phất ống tay áo, lại nói: "Đáng ghét, lũ muối bay khỏi đây đi!". Tháo vừa dứt lời, lũ muối cũng im hơi lặng tiếng, giấu kín tung tích. Nghe nói cho đến bây giờ, vùng đất mà Tào Tháo đã ở đó vẫn không có muối.

Tháo nhất thời chưa nghĩ ra cách giải quyết lương thảo cho quân đội, liền quyết định chiêu nạp hiền sĩ, cùng bàn bạc sự nghiệp phát triển kinh tế, thống nhất thiên hạ. Sau khi viết bằng chiêu hiền, Tháo sai người đi dán khắp nơi, nhưng mấy ngày liền không có ai xem bằng thuận theo. Hôm ấy, xem chừng trời sắp tối, vẫn không có ai tới, Tháo trong lòng buồn phiền, liền đi xuống dưới đài, dạo chơi ngoài cánh đồng. Lúc này, trên bầu trời phương xa bỗng có một tia chớp sáng lóe, khiến Tháo phải nhắm mắt lại, đến khi mở mắt nhìn kĩ, thấy trên bờ ruộng có một cụ già vác cuốc đi lại phía mình. Cụ già nhìn thấy Tháo thì đã không tránh đi, lại còn hì hì cười và hỏi:

- Thừa tướng, có điều chí mà mặt ủ mày chau?

Tháo liền nói ra những điều mình đang suy nghĩ trong lòng. Cụ già nghe xong, mỉm cười nói:

- Không biết bằng chiêu hiền của thừa tướng có chiêu mộ kẻ thôn dã không?

Tháo nghe, hiểu trong lời cụ già có ẩn ý, lại thấy cụ râu trắng mày trắng, cốt cách tiên Phật thì liền đáp:

- Bất kể nhân tài, chỉ mưu kế tốt.

Rồi sau đó mời cụ già lên đài cao, cúi mình thi lễ nói:

- Xin lão tiên sinh dạy bảo xem có kế sách gì hay?

Cụ già đứng trên đài cao, lấy tay chỉ xuống đồng bằng rộng lớn dưới đài, nói:

- Ngày nay thiên hạ quần hùng đua tranh, đất Yên Lãng thuộc vùng Trung Nguyên, lại có ruộng tốt, đất đai màu mỡ, thừa tướng có mấy chục vạn binh mã, sao không lập đồn điền, luyện quân ở đây, tích dưỡng cho tinh nhuệ đợi ngày đánh dẹp Tôn Quyền và Lưu Bị, một trận quét sạch Giang Nam, lo gì thiên hạ không thống nhất?

Tháo nghe xong, mừng lắm, liền chuẩn bị tiệc rượu, cùng cụ già bàn cổ luận kim, nói trời nói đất mãi đến nửa đêm. Lúc này, Tháo đã mệt, ngẩng mặt lên ngáp một cái, đang định mời cụ già về phòng nghỉ thì cụ già đã biến mất, chỉ thấy một luồng ánh sáng trắng ẩn vào trong bầu trời phương đông, hóa thành ngôi sao Kim sáng ngời. Lúc này Tháo mới biết: Cụ già là Thái Bạch Kim Tinh đích thân hạ giới vạch kế cho mình.

Sau này, Tháo lập rất nhiều đồn điền ở Yên Lãng, các binh sĩ vừa cày cấy vừa luyện quân. Năm đó, Yên Lãng được mùa lớn, lực lượng được tăng cường, đặt cơ sở vật chất cho việc thống nhất thiên hạ.

Nghe nói, sau khi Tào Tháo gặp gỡ bàn bạc với Thái Bạch Kim Tinh trên đài cao, thì liền đặt tên cho đài này là đài Nghị Sự, thôn Nghị Đài cũng do đó mà có tên, lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

CẦU TAM BÁCH⁽¹⁾ NHẤT NHỊP

Trên sông Tam Lí ngoài cửa đông thành Hứa Xương có nhịp cầu nhỏ, tên gọi là cầu Tam bách nhất nhịp. Tương truyền là do Tào Tháo thời Tam Quốc xây dựng.

Sau khi Tháo đón vua Hiến Đế rời đô về Hứa Xương, hoàng đế sống ở cung điện của thành cổ cách ba mươi lăm dặm về phía đông nam Hứa Xương, còn Tháo một mình sống ở điện Cảnh Phúc trong thành Hứa Xương.

Trên đường nhà vua từ Hứa Xương vào thành cổ, có dòng sông Dị trong vắt, một chiếc cầu nhỏ bắc ngang từ đông sang tây. Mỗi khi hoàng thượng ra chơi Hứa Xương, hoặc các quan văn võ vào triều châu kiến, xe long xe phượng, kiệu tới ngựa lui đều phải qua đây. Vì cầu chật hẹp quá, thường xảy ra chuyện người ngã ngựa nhào. Quốc舅 Đồng Thừa muốn mượn cơ giết Tào Tháo, bèn tâu lên hoàng thượng, bắt Tháo chỉ trong một ngày làm xong chiếc cầu tam bách nhất nhịp, nhịp nào nước sông cũng thông chảy. Làm không xong sẽ lấy đầu dâng tội.

Sông Dị nhỏ bé, rộng không quá mười trượng, làm sao dựng được cầu tam bách nhất nhịp. Cứ cho là làm được thì công trình to lớn thế, trong một ngày làm sao dựng nổi?

(1) Tam bách ở đây có nghĩa là "ba trăm" cũng có nghĩa "ba cây bách" - ND.

Huống chi lại còn phải nhíp cầu nào cũng thông thủy? Đây rõ ràng là muốn gây khó dễ cho thừa tướng, mọi người đều toát mồ hôi lo thay cho Tào Tháo.

Tháo cũng nằm ngồi không yên, nhúu chặt đôi mày đi đi lại lại trong vườn hoa. Bỗng Tháo nhìn thấy một vùng cây bách xanh rờn, trong lòng đột nhiên bừng sáng, liền uống rượu gầy dân, tỏ ra hết sức thư nhàn thanh thản. Chẳng mấy chốc trời sắp tối, vẫn không thấy động tĩnh gì, các mưu sĩ lo lắng không nén nổi bước tới nói:

- Bẩm thừa tướng, thời gian đã sắp đến, làm thế nào mới được?

Tháo cười nhạt nói:

- Chẳng nên hoảng sợ xanh cả mặt thế, ta đã có cách.

Đồng Thừa được biết Tào Tháo không làm gì, mừng thầm nghĩ: Tào Tháo mi trí thừa mưu lám, phen này đầu mi ắt phải treo ngoài cổng thành.

Đợi lúc ba vì sao Tam Tinh lên cao, Tháo dẫn tướng sĩ và các tay thợ giỏi tới sông Dịch trong vắt, ra lệnh hỏa tốc mở rộng và làm vững chắc thêm cầu nhỏ. Các tướng sĩ người gánh kè khiêng, người xây kè đắp. Chưa tới gà gáy, một nhíp cầu to đã được dựng xong. Tiếp đó, Tháo lại cho binh sĩ chuyển ba cây bách trong vườn hoa tới trồng ngay ở cạnh cầu.

Hôm sau, bãi triều buổi sớm, Đồng Thừa mang theo binh mã tới nghiệm thu cầu, vừa nhìn thấy đã giận dữ nói:

- Tên giặc Tào to gan, dám chống lại thánh chỉ, quốc pháp không thể tha thứ!

Tháo cười nhạt, lấy tay chỉ vào ba cây bách, rồi lại chỉ vào nhíp cầu to, lí lẽ cứng cỏi nói:

- Cầu tam bách nhất nhíp tôi hoàn thành đúng thời hạn, sao nói tôi vi phạm thánh chỉ?

Đồng Thừa giương mắt nhìn rồi đành ảo não ngậm ngùi trở về dinh phủ.

HẦM CHỨA QUÂN

Thời Tam Quốc, Hứa Xương có một đường hầm dài bốn mươi lăm dặm quanh co, lối vào ở cửa bắc thành Hứa Xương, lối ra ở ngoài cửa nam cung điện của thành cổ, xây bằng gạch xanh, cao một trượng, rộng tám thước, có thể để hai hàng binh mã đi qua, đó chính là hầm chứa quân do Tào Tháo đào.

Sau khi chọn lập đô ở Hứa Xương, mọi thứ Tào Tháo đều rất vừa ý, chỉ có một điều không hài lòng: Đây là khu đất bằng phẳng, dễ bộc lộ binh lực. Một mưu sĩ hiến kế nói:

- Sao không dùng binh dưới đất.

Trống kêu dẫu cần dùi gõ mạnh, Tào Tháo sáng dạ hiểu ra ngay, liền lấy danh nghĩa dùng đất dựng dài duyệt binh, tuyển chọn một vạn lính thân cận, bí mật đào hầm.

Sau này Viên Thiệu cất quân hơn năm chục vạn tiến vào Quan Độ. Tào Tháo để Tuân Úc ở lại giữ Hứa Xương, còn mình thì dẫn bảy vạn lính tới Quan Độ nghênh chiến. Quân hai bên đánh nhau, tiếng thét dậy trời, khói bụi trùm đất, đánh nhau từ đầu tháng tám tới cuối tháng chín, thấy chất thành núi, máu chảy thành sông.

Viên Thiệu thấy quân Tào đóng giữ mãi ở Quan Độ, Hứa Xương tất nhiên bỏ trống, liền muốn nhân đêm có sao dùng kì binh nhử tập kích Hứa Xương, luồn vào đường sau của Tào Tháo. Trước hết Thiệu sai thám tử tới Hứa Xương tìm hiểu tình hình, thám tử nấp ngoài thành Hứa Xương, vừa khéo nhìn thấy quân Tào đang tập luyện, xuất phát từ cửa bắc, rầm rầm rộ rộ vòng quanh thành đi xa về phía đông. Đàng trước không nhìn thấy đầu, đàng sau không nhìn thấy đuôi, ba ngày ba đêm trôi qua, vẫn nướm nướp không ngớt. Thám tử vội vã báo cho Viên Thiệu biết, nói quân Tào ở Hứa Xương hùng hậu, khiến Viên Thiệu hoảng sợ không dám tập kích, kết quả bại trận ở Quan Độ. Kì thực, thực lực của Tào Tháo đều đã điều ra Quan Độ cả, Hứa Xương chỉ là thành rỗng. Tào Tháo vì sao to gan như vậy, chính là dựa vào hầm chứa quân. Sau khi giao chiến ở Quan Độ, Tào Tháo mật lệnh cho Tuân Úc chỉ huy số binh sĩ ở lại giữ thành, từ trong hầm chứa quân thuyền chuyển qua lại, ra ra vào vào khuếch trương thanh thế mé hoặc kẻ thù. Cho nên hầm chứa quân còn gọi là hầm chuyển quân.

KHOÁC VẢI XÔ ĐEO TANG ĐƯA ĐÁM VIÊN THIỆU

Trận Quan Độ, Viên Thiệu đại bại, vừa xấu hổ vừa nhục nhã, đã tự tử.

Tào Tháo lấy ít thắng nhiều, chuyển yếu thành mạnh, dẫn thiên binh vạn mã rầm rộ tiến đánh sào huyệt Kí Châu của Viên Thiệu, vô cùng đắc ý! Nào ngờ người Kí Châu lại không chuộng ông ta. Binh mã đi tới đâu, nơi đó cửa đóng then cài; hỏi thăm đường đi, lẽ ra đi hướng đông lại chỉ sang hướng tây, quân Tào như châu chấu đi trong đêm tối, khắp nơi va đập lung tung.

Tháo tìm người bàn kế đối phó, nhất thời không ai nghĩ ra được kế hay. Lòng dân không thuận, như trâu không uống nước cứ ấn đầu ép buộc, thật khó lắm thay! Lúc này, bỗng nghe thấy bên ngoài có tiếng người khóc lóc nghẹn ngào, tiếng khóc ngày càng to, người khóc cũng ngày một đông. Tháo đang định hỏi xem xảy ra chuyện gì, thì có người vội vã tới báo: Thì ra trong phố đang đưa đám Viên Thiệu, người khóc thương có thân thích bè bạn và thuộc hạ của Viên Thiệu, còn có nhiều dân chúng nữa. Thật quả là gan to bọc cá trời! Đây chẳng phải rõ ràng là chống đối lại Tào Tháo đó sao? Các quan lại ở đó đều nổi giận. Các võ tướng đều tuốt gươm, nói:

- Gà yếu đã bị gà gô đánh bại lại còn điên cuồng ngang ngược như vậy, dứt khoát cho tất vào nồi luộc quách!

Tháo trái lại nói:

- Không được. Quân pháp không trị dân, làm liều càng không được lòng dân.

Các quan văn nghĩ chu đáo hơn:

- Giết gà rán khi là được, bắt tất phải đẩy động gươm dao.

Tháo vẫn chưa tán thành, nói:

- Vẫn là phải dùng vũ khí, nhất định cũng không được lòng dân.

Các văn thần võ tướng đều bối rối: đậu phụ đã rơi vào trong chảo, đập chẳng được đánh không xong, vậy còn cách chi đây?

Tào Tháo đã sẵn có chủ kiến, nói với mọi người rằng:

- Chúng ta đều khoác vải xô đeo tang đi đưa đám Viên Thiệu.

Các văn thần võ tướng ồn ào ào ầm ầm như ngựa phá bầy, như ong vỡ tổ, đều không đồng tình nói:

- Gì lạ vậy?

- Tướng bại trận không phanh thây cho chó ăn là khoan hồng rồi, đâu có thể tăng bậc lên tận trời?

Tháo bình tĩnh giải thích:

- Mạnh Đức và Viên Thiệu vốn là bạn bè thuở nhỏ; về sau cùng nhau dấy binh, cùng chung hoạn nạn. Cuối cùng chỉ vì tranh thiên hạ, đánh nhau một mất một còn, song không vì điều đó mà quên tình nghĩa bè bạn bao năm. Các bậc phụ

lão Kí Châu nhớ chuyện xưa bạn cũ như vậy, đã đi đưa đám Viên Thiệu, cũng là lễ thường của tỉnh người. Họ biết rõ làm như vậy có thể dẫn đến tai họa bị chém đầu, nhưng không sợ, thì thật là đáng kính trọng. Mạnh Đức không thể buồn cùng dân thì làm sao có thể vui cùng dân được?

Các văn thần võ tướng dưới quyền đều phục, lập tức cùng Tháo mặc tang phục, đi đưa đám Viên Thiệu. Dân chúng Kí Châu nhìn thấy cảnh ấy, không ai không cảm động, sau này đều nhìn theo gương Tào Tháo.

TÀO THÁO BA LẦN MỜI GIA CÁT LƯỢNG

Mọi người chỉ nghe chuyện Lưu Bị ba lần tới lều tranh, song trước đó, chuyện Tào Tháo ba lần mời Gia Cát Lượng, thì rất ít người biết.

Tương truyền, lúc Tào Tháo đóng quân ở Hứa Châu, sai Tào Hồng dẫn mười vạn binh mã đánh Tân Dã lần thứ nhất, kết quả thua trận. Tháo rất tức giận, vung kiếm muốn giết Tào Hồng. Lúc ấy, có mưu sĩ tên là Trình Dục đứng ra van xin:

- Thua trận ở Tân Dã không thể trách tướng quân Tào Hồng, chỉ hận là Lưu Bị có Từ Thử thông thạo tính toán làm quân sư. Nếu được thừa tướng tin, tôi xin tiến cử một người tài, mặt nào cũng giỏi hơn Từ Thử một bậc, người này là Gia Cát Lượng, học trò giỏi của Thủy Kính tiên sinh, cũng là sư huynh của tôi, nay ở ẩn tại Ngọa Long Cương.

Tháo từ lâu đã nghe nói Gia Cát Lượng có tài xuất chúng, giờ đây Trình Dục lại tiến cử ông ta, liền quyết định mời Gia Cát Lượng đến làm mưu sĩ. Hôm sau, Tháo dẫn Trình Dục, Tào Hồng... một đoàn người ngựa, mang theo vàng bạc châu báu, lựa là gấm vóc lên đường.

Khi họ đến Ngọa Long Cương đã là buổi trưa, người mệt ngựa mỏi, liền tới quán trà bên đường nghỉ chân. Tháo sai Tào Hồng đi tới lều tranh trước, mời Gia Cát Lượng tới quán trà trò chuyện.

Một lúc sau, Tào Hồng trở về nói với Tháo:

- Tiên sinh không có nhà, nghe thư đồng nói là ông ta đã đi lên núi nghỉ trưa rồi. Tôi ở lưng núi gào thét đã lâu, cũng không có ai trả lời.

Trình Dục vội nói:

- Sư huynh của tôi thích nhất là đọc sách chỗ vắng, không để người ngoài quấy rầy. Hay là tướng quân cục cằn vô lễ, nên sư huynh tôi không chịu ra gặp?

Tháo nghe vậy, mắng Tào Hồng một trận thậm tệ, lại sai Trình Dục đi mời Gia Cát Lượng.

Một lúc sau, Trình Dục cũng chau mày quay về quán trà, giận dữ nói:

- Tôi vất vả mới tìm được sư huynh ở lều tranh, nói rõ ý định, nào ngờ sư huynh không thèm bắt chuyện, phũ tay áo bỏ đi, cài cổng tre lại, cự tuyệt không tiếp tôi. Thật là ngạo mạn quá chừng!

Tháo trầm nghĩ: Gia Cát Lượng rốt cuộc có tài lớn lao ra sao, dựa vào cái gì mà lên mặt ghê gớm vậy? Trước sư huynh sư đệ cũng ngạo mạn là thế! Xem ra mình phải đích thân tới mời thôi.

Tào Tháo cả bọn tới trước cổng lều tranh, nhìn thấy cổng tre mở rộng, Gia Cát Lượng đang đọc sách trong nhà. Dợi Tháo vào nhà, Gia Cát Lượng đã không đứng dậy mời ngồi, lại cũng không cúi đầu vái lạy. Tháo trong lòng rất bực mà không dám câu, gượng làm ra vẻ tươi cười bước tới hỏi:

- Xin hỏi ông có phải là Gia Cát Lượng tiên sinh tiếng tăm lừng lẫy?

Gia Cát Lượng không ngẩng đầu lên, buột miệng đáp:

- Không dám, không dám! Tôi là kẻ quê mùa sơn dã. Nghe nói thừa tướng từ xa tới, tôi vẫn ở đây tĩnh tại đợi chờ.

Nói xong, Gia Cát Lượng gấp sách lại, ngó nhìn Tào Tháo.

Tháo nhìn kĩ, thấy Gia Cát Lượng quả thật là phong độ khác thường, liền vội vàng nháy mắt ra hiệu, bảo người khiêng lễ vật tới, nói:

- Từ lâu đã nghe nói tiên sinh mưu nhiều trí đủ, nên đích thân tới đây kính mời chung sức với tôi thống nhất thiên hạ.

Gia Cát Lượng nghe xong, cười ha hả nói:

- Thừa tướng tốn tiền bạc nhiều như thế này để mua một người dân thường miền núi, không sợ mất thể diện hay sao? Tôi quả thật không dám nhận lời mời.

Nói xong, lại lắc đầu lia lịa, cười to.

Tháo vốn đa nghi, thấy Gia Cát Lượng vừa lắc đầu lại vừa cười lớn, rõ ràng là chế diễu mình trước mặt, thuộc hạ, trong bụng rất khó chịu, nghĩ: Ta nghìn lần, vạn lần chẳng nên đích thân tới mời ông ta. Tháo định nói khùng trút cơn tức giận, lại sợ tin truyền ra người đời chế cười, đành úp mở nói:

- Xem ra tiên sinh cũng có bề khó xử, vậy thì chẳng nên ép buộc.

Nói xong chán chường chuồn thẳng.

Việc này truyền tới dân gian, thành ra câu nói lừng:

"Tào Tháo mời Khổng Minh - không thành tâm".

Có người lại thêm vào một câu:

"Trình Dục tiến cử Gia Cát - không hiểu tướng".

Cả hai câu đều chỉ sự việc này.

MẶT TÀO THÁO

Truyền rằng con người Tào Tháo rất gian trá, bụng dạ hẹp hòi, lòng ruột nhỏ nhen, cười ruồi gượng gạo, giết người không dao, có người nói ông ta mặt tươi roi rói cười nói chứa dao, không sai chút nào.

Có một lần, Tháo mở tiệc lớn thết đãi quần thần, sai Nể Hành đánh trống góp vui. Nể Hành cảm tức Tháo cực độ, trước mặt mọi người cánh tay để trần đánh trống, máng chửi Tháo là đồ chó má, khiến các quan đại thần văn võ ai nấy sợ hãi mặt tái mét, cho rằng lần này Nể Hành chọc vào tổ ong bò vẽ. Nào ngờ Tháo không những không tức giận, lại "hử... ha ha ha" cười âm lên. Giống như ấn quả bầu xuống đáy nước, nghe chướng tai và đáng sợ hơn cả khóc. Cho nên sau này có câu tục ngữ: "Không sợ Tào Tháo căm, chỉ sợ Tào Tháo cười".

Sau khi cười một trận, Tháo liền tiến cử Nể Hành đi làm mưu sĩ cho Lưu Biểu, thực tế là khiến Nể Hành dụng đầu vào dính, mượn dao người khác để giết. Lưu Biểu nhìn ra dụng ý của Tào Tháo, và cũng theo lời Tào Tháo, lại tiến cử Nể Hành đến chỗ Hoàng Tổ. Hoàng Tổ không rõ mưu mô, rốt cuộc giết hại Nể Hành, trúng vào kế của Tào Tháo, làm

tên dao phủ cho Tháo và cũng chịu nguyên rủa thay cho Tháo. Cho tới ngày nay, người Tô Châu cãi nhau vẫn có câu nói cửa miệng: "Anh chớ hung ác, anh chớ tàn nhẫn, anh chịu không nổi tiếng cười người ta". Đó chính là nói Tào Tháo.

Nghe nói trong bụng Tào Tháo toàn là dao găm. Cổng lớn, cửa ngăn, cửa phòng, cửa mễ, cửa sài, cổng sau, cả sáu nơi nhà Tào Tháo đều có để một con dao găm, sẵn sàng đâm giết người. Cho nên sau này hát hí khúc, ở hai má trên mặt nhân vật Tào Tháo đều có vẽ ba con dao găm, như cười mà không phải cười. Thành ngữ "con dao hai lưỡi" cũng chính là bắt nguồn từ đây.

CỎ XƯỚC VÌ SAO MỘC NGOÀI ĐỒNG

Người làm ruộng ghét nhất là cây cỏ xước. Thứ quý quái này rễ sâu, mọc lại nhanh, đồng ruộng nếu có chúng, hoa màu sẽ chẳng thể tươi tốt. Tương truyền đó là cái hại do Tào Tháo để lại.

Nguyên trước kia, cỏ xước chỉ mọc trên đường, ngoài đồng không có. Năm ấy, Lưu Bị dùng kế của Gia Cát Lượng, một bó đuốc thiêu đốt huyện thành Tân Dã, dẫn hàng vạn dân di chuyển tới Kinh Tương. Tào Nhân bị trúng kế, binh mã bị thiêu chết ở Tân Dã một phần, qua sông lại bị chết đuối một phần, vội vàng báo tin cho Tào Tháo. Tháo căm giận, dẫn mười lăm vạn binh mã đuổi theo Lưu Bị.

Tháo thấy binh lính đi chậm chạp từng bước một, mới tóm lấy một tên hỏi tội. Tên lính quỳ xuống van xin:

- Thừa tướng vừa đi ủng vừa cưỡi ngựa, không biết nỗi khổ của binh lính chúng tôi. Chúng tôi đều đi giày cỏ, không để ý giẫm vào cỏ xước, gai đâm rất đau! Thừa tướng xem, anh em chúng tôi hai chân đều chảy máu cả!

Tháo nhìn, hai bên đường quả nhiên có rất nhiều cỏ xước, liền sai người đi trừ sạch chúng. Trừ thì trừ thôi, nhưng Tháo lại muốn tỏ ra nhân ái từ thiện để lung lạc trái tim binh lính, liền cố ý nói to:

- Ta nghĩ loài cỏ xước này, tuy nói là đâm người, song chúng cũng có mạng sống. Tào Tháo ta đây đi khắp thiên hạ chính là để bảo vệ sinh linh, hôm nay cũng không thể làm tổn hại đến sinh mạng cỏ xước, để cho chúng mọc ở ngoài đồng vậy!

Tháo vừa dứt lời, cỏ xước đầy đường bỗng loáng cái đã chạy ra cả ngoài đồng. Một tên lính nói:

- Bẩm thừa tướng, cỏ xước ra ngoài đồng, dân chúng làm đồng chẳng cày chúng lên hay sao?

Tháo quát:

- Bảo chúng cắm rễ thật sâu xuống!

Cỏ xước ngoài đồng lác lư mấy cái, rễ lại cắm sâu xuống. Năm tháng dài lâu, chúng mọc lên ở khắp nơi, cày cũng không dứt rễ, nhổ cũng không thể sạch. Ngày nay, mọi người nhìn thấy cỏ xước ngoài đồng, liền chửi mắng tám đời tổ tông Tào Tháo.

TÀO THÁO VÀ GÒ VƯƠNG TỬ

Năm ấy Tào Tháo dẫn đầu tám mươi ba vạn binh mã xuống Giang Nam, kỉ luật quân đội nghiêm minh, tư hào không phạm. Có một tên lính lúc hành quân không cẩn thận, giẫm hồng mảy cây mạ lúa mạch, lập tức bị đánh năm chục gậy. Cho nên Tháo rất được dân chúng tôn sùng ủng hộ.

Một hôm, Tháo hãnh quân tới một thôn trấn giáp giới ba huyện Tiềm Sơn, Hoài Ninh, Đồng Thành, bỗng một kị binh lại báo rằng Tào phu nhân đau bụng, sắp đẻ. Tháo mừng rỡ, liền dẫn dò tướng sĩ ba quân, một là không chiếm dụng đất đồng màu mỡ, hai là không quấy nhiễu dân chúng, mỗi người dùng tay vốc một nắm đất, đổ gọn thành một gò đất trên đồi hoang gần đấy, rồi lại dựng chiếc lều cỏ trên gò đất, để Tào phu nhân trú tại đó. Không bao lâu, Tào phu nhân đã sinh ra cậu con trai vừa trắng, vừa béo, chính là Ngụy Văn Đế Tào Phi sau này.

Tin tức truyền đi rất nhanh, dân chúng trong làng đều rất vui mừng, tranh nhau đem đường đỏ, trứng gà tặng cho Tào phu nhân. Ở địa phương có bác thợ cả lò bột mì tay nghề rất cao, còn làm riêng mì sợi cho Tào phu nhân, sợi mì nhỏ như sợi tóc, rất ngon. Tào phu nhân ăn xong ca ngợi hết lời.

khen bác thợ cá lò mì ấy là "thợ bậc nhất thiên hạ". Loại mì sợi ấy sau này trở thành lễ vật tiến cống triều đình hàng năm, chính là "mì cống" Hoài Ninh nổi tiếng.

Tào Tháo vô cùng cảm ơn tình nghĩa đậm đà của bà con làng xã, liền gọi thôn nhỏ này là thôn Dục Nhi. Dân chúng địa phương không quên cha con Tào Tháo, gọi gò đất nơi sinh ra của Tào Phi là gò Vương Tử, lại có tên thành Trời. Những tên gọi này truyền cho mãi tới ngày nay.

PHỐ TRUNG TÂM HÀNG QUÁN

Thời Tam Quốc, Hợp Phì là cửa lớn phía nam của nước Ngụy, Tào Tháo cử tướng yếu của mình là Trương Liêu đi trấn giữ, đề phòng Đông Ngô xâm nhập tiến công. Tục ngữ nói: "Người miền Bắc quen ngựa, người miền Nam thạo thuyền". Đông Ngô vẫn thường lợi dụng Hợp Phì nhiều nước để bí mật tấn công quân Tào.

Tào Tháo thấy địa thế Hợp Phì thấp trũng, ngoại thành là đất gò đồi, mưa thì úng, nắng thì hạn, liền ra lệnh cho Trương Liêu điều động tập trung dân phu xây đắp bệ cao ở bến sông Tiểu Dao, dọc đường đào ao nước, đệm cho cao bến sông. Tào Tháo còn tự tay viết hai chữ "đệm bước", cho thợ đá khắc đá làm bia để kỉ niệm.

Nào ngờ, bệ cao ở bến Tiểu Dao, bao nhiêu ngày rồi mà vẫn chưa cao được vài tấc. Vậy là do đâu? Tào Tháo liền sai con trai mình là Tào Thực tới xem xét. Hóa ra Trương Liêu điều động dân phu, số người thì nhiều, dọc đường ba bốn chục dặm đều có dựng lều lán, nhưng quanh đó không có người buôn bán, cuộc sống rất khổ sở, áo rách không có kim chỉ vá, lập nhà ăn mà không được ăn. Cho nên dân phu ử rử, uế oại, không thể làm đường thoát nước được. Tào Thực trong bụng đã có chủ kiến, liền thuận đường tới xem khắc đá những chữ mà cha mình đã viết. Tào Thực thấy thợ đá đang nghiền

ngắm, mài dao, vẩy quanh là một tốp dân phu, họ không biết chữ, nghe "đệm bước" thành ra "tiệm phố", đều vui mừng hẳn lên. Họ chấp tay vái trời nói: "Nghe nói Tào thừa tướng xưa nay thương dân, quả tiếng đồn không ngoa, nay khắc vào bia đá "tiệm phố", ắt là chiều vơi những nhà buôn bán tới, gỡ khó giải khốn cho anh em chúng ta, dân chúng nhất định sẽ cảm tạ ghi nhớ ân đức của thừa tướng mà dốc sức làm việc!". Tào Thực nghe xong, bất giác ngơ ngác, suy nghĩ kĩ, cảm thấy lòng dân là hệ trọng, không thể xem thường, vội vàng lấy giấy bút, phỏng theo thể chữ của cha, viết hai chữ "điếm phụ" (trung tâm hàng quán), đưa cho thợ đá, bảo theo chữ viết này khắc bia, chữ viết trước đây không dùng nữa.

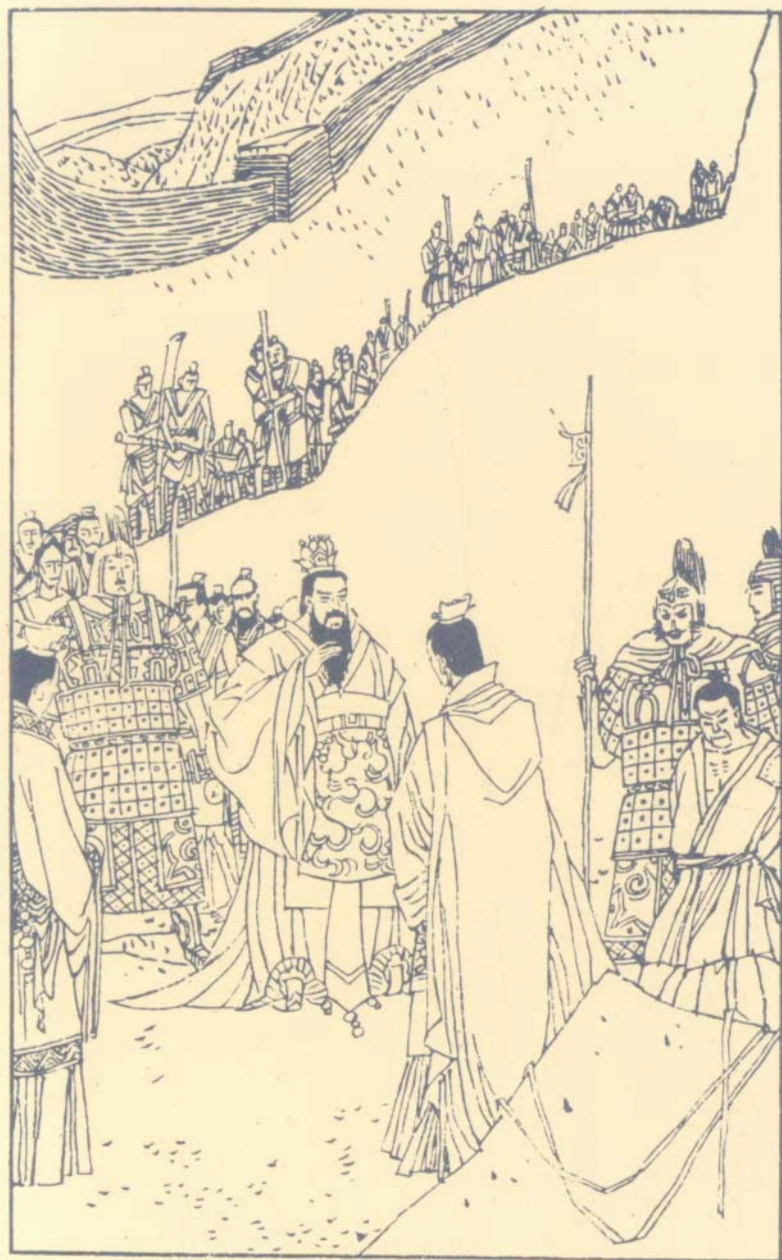
Thời hạn đã đến, bèn trên xuống thu nhận bia đá, bỗng nhìn thấy "đệm bước" sửa thành "điếm phụ", sợ quỳnh lên, lập tức tức nã thợ đá luận thành tội phạm xử chém. Lúc này, cha con Tào Tháo tới. Tào Tháo hỏi sự thế ra sao? Tào Thực vội nói rõ đầu đuôi sau trước:

- Chính con đã sửa lại chữ cha viết, người thợ đá không có liên quan. Chỉ vì dân phu bàn tán khiến con tính ngộ, lại vì chữ "phố" chỉ một hộ, chữ "phụ" chỉ nhiều nhà, phải có rất nhiều nhà buôn bán mới có thể thỏa mãn nhu cầu của đông đảo dân phu. Đây là công việc lớn lao thuận theo ý dân.

Tào Tháo nghe xong, vuốt râu cười:

- Lòng thiên hạ quy về là hết sức quan trọng, con sửa như vậy là rất tốt!

Tào Tháo vội truyền lệnh, yêu cầu các cửa hàng nhà buôn trong thành Hợp Phì đều dựng cửa hiệu dọc đường, buôn bán công bằng. Hơn nữa còn nói:



- Do ta nhất thời suy nghĩ không chu đáo, những dân phu này đã nhắc nhở ta.

Tào Tháo sai người cời trời cho người thợ đá, khen ngay trước mặt là khắc bia đá rất khá, phải được trọng thưởng. Tào Thúc lập tức tự tay đưa tặng tiền thưởng đã chuẩn bị sẵn cho người thợ đá. Những người tùy tùng đào hố tại chỗ và đem bia đá có khắc hai chữ "điểm phụ" (trung tâm hàng quán) dựng lên.

Từ đấy, dân phu đến càng nhiều, đường thoát nước làm vừa nhanh vừa tốt, các cửa hiệu làm ăn khấm khá, hàng quán xếp thành dãy, dần dần trở thành một phố nhộn nhịp, tên phố theo tên của bia đá mà gọi là phố Điểm Phụ - phố Trung tâm hàng quán.

CỬA NHẠN MÔN

Gần Tào Thập có cửa Nhạn Môn, tương truyền là vì Tào Tháo đi qua nơi đây mà có tên ấy.

Năm đó, trận Xích Bích, tám mươi ba vạn binh mã Tào Tháo bị chết và bị thương quá nửa, tàn binh bại tướng trở thành gà gô bị đánh bại, gà trống bị đấu thua, chỉ giận bố mẹ không sinh thêm cho đôi cẳng. Tào Tháo sợ binh lính thua trận như núi đổ, chẳng mấy chốc là tan, bèn gượng lấy tinh thần, làm ra vẻ can đảm hăng hái. Một lát nọ, may mà Chu Du tài hèn, không gài phục binh trên đường tháo chạy này; một lát lại nọ, may sao Gia Cát Lượng bất tài, không biết phòng giữ chốn hiểm, chặn dứt đường về của mình. Kết quả đều là vừa dứt lời, hiểm họa lại rơi ngay vào đầu; nhất là trên đường Hoa Dung, nếu Quan Vũ không nhớ tình cũ, Tào Tháo chẳng đã thành ma dưới đao rồi hay sao? Các tướng sĩ thấy Tháo đánh sừng má giả làm béo tốt, trong lòng đều cười nhạt, mặt tỉnh bơ.

"Rồng sa ao cạn bị tôm cười, hổ lạc đất bằng bị chó khinh!". Tào Tháo thấy họ lãnh đạm thì chửi thầm trong bụng; cứ một mạch đốc thúc các tướng sĩ đi nhanh, muốn mau chóng thoát khỏi cảnh nguy hiểm.

Dần dần rời xa Xích Bích, sông hồ dọc đường cũng ít, dưới chân xuất hiện một con đường lớn, chạy thẳng tới cửa núi

nhỏ trước mặt. Lúc này, giống như thuyền cập bến, các tướng sĩ rất vui sướng, đều ngồi cả xuống dưới chân núi, nghỉ một thời dài khoan khoái, tiếp đó người thì quần lại giày, người thì đấm bóp căng, người thì ngủ gật, tựa như đều muốn mọc rễ ở đây, an cư lạc nghiệp ở đây.

Tào Tháo trong lòng hiểu rõ, chậm chạp ở chốn này chính là đợi chờ Diêm Vương tới nhà, nguy hiểm lắm! Tháo lên núi nhỏ, hô hoán các tướng sĩ gấp rút lên đường xa chạy cao bay. Chẳng ngờ mọi người không ai nhúc nhích, chỉ trợn tròng mắt trắng dã hình như đang nói: "Tướng thua trận, nói ai nghe?"

Chẳng mấy chốc trời tối, mây đen dày đặc, trời lạnh đất giá, nước nhỏ thành băng; cứ ở lì như vậy sao được? Có người chặt cây mục cò khô lại, đốt thành ngọn lửa, nhờ đó để qua đêm giá rét. Tào Tháo hết hoảng, nổi giận dưng dưng mắng rằng:

- Rõ ràng là cầm đèn dẫn đường cho giặc đuổi theo! Muốn chết sao?

Vừa dứt lời thì văng vẳng nghe thấy tiếng người kêu ngựa hí, từ xa đến gần, như dời non lấp biển, quả nhiên là quân lính đuổi theo đã đến nơi. Mọi người đều hoảng sợ tóc tai dựng ngược, không biết nên đối phó ra sao; đồng thời trong bụng cũng khâm phục Tào Tháo: Mặc dù Tháo đã thất bại thảm hại, đầu óc vẫn tỉnh táo, tính toán sự việc như thần! Bất giác mọi người đồng thanh đề nghị:

- Giặc đến ta đánh, thừa tướng dẫn chúng tôi cùng liều sống chết!

Tào Tháo nói:

- Không được! Dịch mạnh ta yếu, liều chống cự tức là đem trứng chọi đá.

- Không đánh thì rút, xin thừa tướng ra lệnh!

Tào Tháo lại máng:

- Cũng không được! Đêm tối như mực, không nhận ra nam bắc tây đông. Chạy bừa cũng sẽ lao vào ổ quân địch, vậy chẳng phải là tìm đến chỗ chết sao?

"Tiến cũng khó, lui cũng khó, vậy làm sao đây?" Mọi người đều thử người ra.

Tào Tháo không nói năng gì, chỉ nghiêng tai lắng nghe, vừa khéo lúc đó, trên bầu trời có bầy chim nhận bay qua, chúng không ngừng cất tiếng kêu vang, Tào Tháo trong dạ bừng sáng, bỗng cười lên ha hả.

Các tướng sĩ đều không rõ, hỏi:

- Thừa tướng trên đường chạy trốn khỏi Xích Bích, đã có mấy lần cười to, mỗi lần đều có tai vạ, suýt nữa mất mạng; hiện giờ cái chết đang ở trước mắt, vì sao lại cười to vậy?

Tào Tháo nói:

- Chim nhận mùa đông đều từ bắc bay về nam, đây chính chúng đã chỉ rõ đường cho ta. Chúng ta có thể đi theo hướng chim nhận bay tới, thoát khỏi chỗ chết rồi!

Mọi người có như Tào Tháo đại bại, vẫn không nản chí, không hết hoảng, oanh tĩnh tảo, thật là tài giỏi, càng thêm tin phục. Mọi người đồng lòng theo Tào Tháo xông về hướng bắc, cuối cùng vượt qua cửa núi, phá vỡ vòng vây, về tới quê hương nước Ngụy. Vì chim nhận có công chỉ đường ở núi này, mọi người liền gọi tên của núi này là núi Ngưu Môn.

HỎA THIÊU CHIẾN THUYỀN

Truyền rằng trong hồ Động Đình có một bãi cát rất lớn, Tào Tháo đã từng chế tạo chiến thuyền ở đó, rồi lại đốt chiến thuyền đi, cho nên gọi là bãi Tào, còn gọi là bãi Tào Diên.

Năm ấy Tào Tháo lấy được Kinh Châu, chuẩn bị xuống Giang Nam; biết rằng không có thủy quân không được, liền lặn lội đi vào hồ Động Đình xem xét. Tháo nhìn thấy có một bãi cát, cách xa bờ hồ; trên mọc đầy lau sậy, không thấy bóng người, vô cùng kín đáo, liền cho người khai phá khoảng đất trống ở giữa, dựng lều, chuẩn bị vật liệu, bí mật chế tạo chiến thuyền. Đại trận Xích Bích sau này, rất nhiều chiến thuyền được chuyển đi từ đây.

Tháo không ngờ Chu Du và Gia Cát Lượng biết dùng hỏa công nên trận Xích Bích Tháo thất bại thảm hại, may mà thoát khỏi nguy hiểm, thấy bên mình chỉ còn rất ít tàn quân bại tướng, bất giác than rằng: "Từ trên trời rơi xuống đất, rơi một cái hàng ngàn trượng, ngã đau quá!", rồi hỏi mọi người:

- Bây giờ làm thế nào?

Người ta thường nói, nhà nghèo khó đảm đương, lính thua át rối loạn. Có người chủ trương đánh tiếp, nói:

- Về thế này chẳng còn mặt mũi nào, chỉ bằng liều mạng sống chết cho rồi!

Tháo qua nhiều chinh chiến nên không để bụng: "Đánh trận chung quy có thắng có bại, không xấu hổ gì, cũng không đáng sợ gì."

Có người chủ trương chạy, nói:

- Ba mươi sáu chước, chước chuồn là hơn; việc lớn việc nhỏ, chuồn là xong cả.

Tháo đánh cờ nhìn trước vài bước đi, không chỉ có nhìn dưới mũi: "Hòa thượng chạy được, miếu chạy được sao. Để giành thiên hạ, cuối cùng vẫn phải cùng họ một mất một còn, phân tài cao thấp".

Đã không đánh, lại không trốn, lẽ nào lại cứ đứng lì ở đây sao? Mọi người như chui vào hũ nút, chẳng hiểu ra sao cả. Đã sẵn có chủ định, Tháo cười nói:

- Một số người chạy theo ta, để còn núi xanh, không lo thiếu củi đun! Đa số còn lại đi Động Đình, phóng hỏa đốt bãi cát, không để thuyền cho địch!

Mọi người hiểu rõ, quả nhiên đã phóng mồi lửa đốt hồ Động Đình thành một vùng đỏ rực.

Cho dù ngọn lửa lớn Xích Bích đánh bại Tào Tháo, nhưng ngọn lửa lớn Động Đình lại làm cho Chu Du và Gia Cát Lượng rút cuộc không có được lợi lớn, không đẹp yên được thiên hạ. Cho nên sau này có bậc cao tuổi đã gọi hỏa công là công lao của lửa, ý nói ba nước Ngụy, Thục, Ngô cỡ thế giữ thế chân vạc được là dựa vào công lao của hai lần đốt lửa đó.

THÀNH GÀ GÁY

Gần trấn Nhị Hà, huyện Hán Xuyên có tòa thành Gà Gáy, nói về lai lịch của nó, có một chuyện thú vị.

Tương truyền sau đại trận Xích Bích, bại binh của Tào Tháo từ Ô Lam chạy đến đây, trời sắp tối. Tháo thấy tướng sĩ người mệt ngựa mỏi, một ngày không được ăn một bữa cơm, có một số binh mã đã đói ngã bên đường, cử kéo dài nữa thì rất nguy hiểm, bèn ra lệnh cho các tướng sĩ lấy đất đắp thành ở đây, nói là để chỉnh đốn đội hình tác chiến, thực ra là để nghỉ ngơi bồi dưỡng binh lực.

Hôm sau trời tối, vừa bố trí ổn thỏa, quân Lưu Bị đã tới dưới thành, bốn bề cắm dựng doanh trại, vây chặt lấy thành đất này, chỉ đợi đến trời sáng là tấn công thành. Tướng sĩ quân Tào ngấm ngấm kêu khổ, phứt chóc lại rồi loạn cá lên.

Tháo tự biết khó chống cự được quân địch, nhưng lại không có kế sách gì. Đang lúc khó xử, binh sĩ đưa rượu và thức ăn đến, Tháo trông mâm thấy có con gà quay, thế là kế sách tới ngay trong óc, lập tức cử người đến các làng lân cận, bắt về rất nhiều gà trống to, rồi dặn dò các tướng sĩ bên mình. Các tướng sĩ ăn no uống đủ, ngủ ngày khò khò, cả doanh trại Tào như không có người.

Trong doanh trại Lưu Bị, các tướng sĩ vừa mới ngủ đã nghe thấy tiếng gà gáy từng hồi từ doanh trại quân Tào truyền

lại, lập tức trở dậy, nai nịt gọn gàng, sửa soạn vũ khí, chuẩn bị chiến đấu. Nhưng nhìn ra, trời mới sang canh một, tới sáng thì còn sớm lắm kia! Các tướng sĩ liền lại đặt đầu xuống ngủ. Chẳng bao lâu, lại nghe thấy tiếng gà gáy ở doanh trại Tào, họ lại cho là trời sắp sáng, lại xách đao lên ngựa, chuẩn bị xông trận. Song nhìn trông, trời vẫn chưa tới canh hai. Cứ như vậy, nhiều lần mệt nhọc, gân cốt rã rời, mí mắt cứ díp lại, không muốn động dậy nữa. Họ nghĩ, gà ở đây khác với gà nơi khác, chẳng nào thì Tào Tháo cũng như ba ba trong vại, hà tất phải vội vàng? Liền không thèm để ý đến gà gáy nữa.

Sau canh ba, Tháo lại tập làm gà gáy mấy tiếng, khiến những con gà trống lớn kia trong lồng lại rộn rã gáy vang. Sau đó, Tháo lên cao nhìn, thấy trong doanh trại quân Lưu Bị không có chút động tĩnh gì, nhận định họ đã trúng kế. Tháo thấy thời cơ đã đến, liền truyền lệnh nhổ trại, bí mật chạy trốn.

Khi trời sáng, tướng sĩ của Lưu Bị tới máng chùi khiêu chiến, nhìn thấy cổng thành mở toang, trong thành không có động tĩnh gì. Đến khi xông vào trong thành thì chỉ thấy khắp nơi trong lồng đều nhốt gà trống lớn, lại không trông thấy bóng dáng binh mã Tào Tháo, mới hay là đã mắc lừa.

Vì Tào Tháo học gà gáy mà được thoát thân nên người đời sau liền đặt tên cho thành đất này là thành Gà Gáy.

THÔN TẬP VĂN

Về phía tây nam Lâm Chương mười dặm có một thôn, trong thôn có quán Tập Văn của Tào Tháo, cho nên người đời sau liền gọi là thôn Tập Văn.

Năm đó, Tào Tháo ở dài Đồng Tước, hoặc luyện quân, hoặc bàn công việc, vô cùng bận rộn, giận nổi một ngày không thể đổi lấy hai ngày. Thuộc hạ sợ Tào Tháo mệt mỏi kiệt sức, muốn để Tháo có thể thường xuyên tới một nơi vắng vẻ yên tĩnh trú một thời gian, bớt lo nghĩ, tĩnh dưỡng một chút, nên đã xây dựng một biệt thự riêng cho Tháo ở ngoài vài chục dặm. Biệt thự này kiểu dáng bình thường, lấy nhà nông làm hàng xóm, xung quanh trồng đầy đào, mận, dâu, du, hoa tươi bốn mùa lúc nào cũng sẵn, lại có từng bách xanh biếc quanh năm; chim chóc cũng nhiều, luôn luôn ca hát.

Tào Tháo ở nơi biệt thự, tai được yên tĩnh, sướng lòng vui mắt, quả là cuộc sống thần tiên. Nhưng Tháo quý thời gian hơn vàng, đâu chịu cầu nhàn lúc bận! Luôn luôn không đọc sách thì viết văn, quên ăn quên ngủ, cho nên mọi người gọi biệt thự này là quán Tập Văn. Mọi người vì không muốn quấy rầy Tào Tháo luyện tập văn chương, nên khi trò chuyện cũng nói hết sức nhỏ. Tương truyền là chim chóc cũng không muốn quấy rầy Tào Tháo nên đến đây cũng hót hết sức khẽ.

Ngày tháng dài lâu, nơi đây thành khu "đất yên tĩnh" nổi tiếng. Nghe nói, thôn Tập Văn đến nay vẫn đặc biệt yên tĩnh, không nghe thấy một tiếng quát tháo chói tai nào.

ĐẦU CON LI

Khi Tào Tháo sống ở dài Đồng Tước, có nuôi một con rồng một sừng, dùng để giữ gìn khí thiêng của Đồng Tước, Kim Phụng, trấn áp tà ma ô uế. Thời cổ, rồng một sừng này gọi là con li, nó lợi hại vô cùng, riêng cái đầu đã dài hơn ba thước, mỡm to, răng nhọn, vừa biết bay bổng, lại có thể xuống nước, không chỉ ma quái tà thần nó dám cai quản, ngay cả bách thú độc trùng cũng dè chừng hòng tới gần dài Đồng Tước. Còn có điều lạ là mỗi khi mỡm một Tết, trong mỡm nó lại nhả ra vàng bạc. Tào Tháo đặc biệt yêu thích nó, nói với nó rằng:

- Rồng li ơi, vàng bạc thì li tặng cho người nghèo khổ ở quanh vùng Tam Đài nhé, nhưng không được tặng cho kẻ tiểu nhân giàu có bất nhân một tí nào.

Rồng li quả nhiên nghe lời Tào Tháo. Phàm là hộ giàu lắm bá một vùng được vàng bạc thì chưa thấy có nhà nào; các hộ nhỏ nhà nghèo mỡm một Tết đã được vàng bạc thì lại không ít.

Sau này Tào Tháo chết rồi, triều đình cũng đã thay đổi nhiều chủ. Một năm vào mùa hạ, có một người Hời biết vàng bạc tới đây, ông ta tìm đến một hộ nhà giàu lớn, nói:

- Tôi có cách để ông trở thành nhà giàu có nhất, ông có ưng không?

Người nhà giàu trả lời:

- Đó là điều tôi cầu mong chả được, ông bảo cho tôi, tôi hậu tạ ông nhiều.

Hai người mặc cả xong giá tiền ngay tại chỗ, người Hời được tiền rồi liền mách bảo người nhà giàu:

- Vào lúc nửa đêm giờ tí mồng một Tết, đến trước rồng li mà lấy vàng bạc, hàng năm lấy, hàng năm đều có. Nếu như tôi không phải đợi chờ nửa năm, bỏ lỡ thời gian nhiều như vậy, thì việc tốt nhường này không bảo cho ông biết đâu.

Người nhà giàu mừng quá, đợi mãi đợi hoài, đợi đến mồng một Tết, trời vừa tối, hán đã cầm búa đi, đến trước đài Đồng Tước, trời tối mờ mờ, cũng không biết đã chờ đợi bao lâu, tên nhà giàu không đợi được nữa, bèn đi tới để lấy vàng bạc. Vàng thỏi rồng li nhả ra vừa tới bên miệng, bỗng nhận ra người đến lấy là kẻ có tiền, rồng li ngơ ngác, không muốn nhả ra nữa, chỉ trừng đôi mắt to nhìn người nhà giàu. Người nhà giàu nóng lòng muốn lấy vàng, bèn nhắm thẳng rồng li cho luôn một nhát búa, chém đứt nửa bên miệng của rồng li, máu chảy hoài, song không nhìn thấy vàng. Rồng li trợn trừng mắt nhìn dăm dăm vào người nhà giàu. Người này sợ hãi, vứt búa bỏ chạy, chưa về tới nhà đã hoảng hốt mà tắt thở.

Dân chúng nghèo ở địa phương đều được ân huệ của rồng li, thấy người nhà giàu làm hại li như vậy thì đau xót trong lòng, chăm sóc li rất tử tế. Sau này, không rõ vào triều đại nào, rồng li đã chết, thân rồng biến thành đá. Rồng đá này đến nay vẫn nằm trong di chỉ đài Đồng Tước năm đó. Trong cái miệng bị chém mất nửa ấy vẫn còn ngậm thỏi vàng vừa mới nhú đầu ra.

CẶN SẮT

Năm ấy Tào Tháo dựng ba tòa lâu đài ở quận Nghiệp: Đài Đồng Tước danh tiếng lẫy lừng là nơi ăn ngủ của Tháo; phía bắc, cách xa ba chục trượng có đài Băng Tỉnh, là kho tích trữ lương, băng; phía nam, cách xa ba chục trượng có đài Kim Phượng, là nơi điểm tướng dùng quân. Dưới đài Kim Phượng là cửa ra vào chung của đường vận chuyển quân dưới đất thông suốt bốn phương; trước đài có một nhà xưởng lớn, chuyên luyện đồng sắt chế tạo binh khí. Tào Tháo thường đến đây kiểm tra xem xét, khi đến luôn nói nói cười cười với thợ, xem lễ lối, học cách thức, lúc hứng lên còn đích thân vén tay áo mà quai búa.

Có một lần đánh trận ở phương bắc, Tào Tháo bị địch vây chặt, con trai của Tháo phá vỡ nhiều lớp vòng vây cứu Tháo ra ngoài. Người con trai này tóc vàng râu vàng, rất giỏi đánh trận, Tháo yêu quý lắm, liền đích thân xuống nhà xưởng đánh một bảo đao cho người con trai râu vàng này. Khi bảo đao làm xong, chỉ riêng cặn sắt cũng đã vài chục cân. Những người thợ vô cùng khâm phục Tào Tháo, cho nên đóng cặn

188

sắt do tay Tào Tháo làm ấy, cứ để mãi trong nhà xưởng, không cho phép người nào xê dịch đi.

Sau này, triều đại không ngừng thay đổi, nước sông Chương Hà nhiều lần đổi dòng, đài Đồng Tước, đài Băng Tỉnh đều bị xói mòn, đến nay chỉ còn lại móng đài Kim Phượng và đồng cạm sắt lớn ấy trước đài. Nông dân quanh vùng khi bừa, thường đặt cạm sắt lên trên bừa để nén bừa, dùng xong thì lại đưa về chỗ cũ. Nếu như ai sơ ý, vứt cạm sắt ở bờ ruộng, thì hôm sau nó sẽ tự mình trở về trước đài Kim Phượng, chất đồng như cũ.

TÀO THÁO PHỤC EM BÉ

Tào Tháo muốn xây dựng thành, tìm địa điểm khắp nơi. Tháo cảm thấy đất bằng khó đóng quân đánh trận, chọn đi chọn lại, về sau đi đến núi Kim Ngưu. Thấy núi cao vút, vô cùng hiểm yếu, có thể lên cao nhìn xa, dưới núi có sông Kim Ngưu, nước chảy không ngừng, mức, uống lại tiện, không còn đâu thích hợp hơn nữa, liền bắt đầu thi công ngay ở dưới núi bên bờ sông bên kia.

Một hôm, trên núi Kim Ngưu có em bé chăn bò, em nhìn những người xây thành ở phía dưới, cười khi khi, lắc đầu lia lịa. Tào Tháo vừa khéo cũng đang ở trên núi, Tháo đang vui sướng ngắm nhìn dưới núi xây thành. Thấy em bé cười nhạt, Tháo rất tức giận. Tháo bước tới nửa như trâu, nửa như đùa, hỏi em:

- Nơi đây là núi vàng sông vàng, ta xây thành ở đây tốt chứ?

Em bé chăn bò thấy người đi tới cười ngựa trắng, mặc áo hồng, tiền hô hậu ủng, không phải là người bình thường, nhưng cũng không biết đó chính là Tào Tháo cầm đầu tám mươi ba vạn binh mã. Em dấu miệng lên như cái gạo, không trả lời vào câu hỏi, chỉ nói về mình:

- Tré chăn bò chúng cháu thường nô đùa ở núi Kim Ngưu này. Có lúc nô chiếm trên núi, cháu chiếm dưới núi; có lúc

cháu lại chiếm trên núi, nó chiếm dưới núi. Ai chiếm được trên núi thì người đó có thể xông xuống dưới; xông xuống đến mức làm cho bên dưới chạy loạn xị, mồm găm cả bùn đất, thật phần chấn lòng người!

Tháo không nén nổi gật đầu nói:

- Đó là thế trên cao tràn xuống mà, không có gì lạ.
- Làm sao không lạ? Điều lạ chính là các ông xây thành dưới núi.

Em bé chân bò nhỏ miếng nước bọt xuống dưới, chê cười nói:

- Nếu như quân địch chiếm núi Kim Ngưu, mỗi đứa nhỏ một miếng, chẳng phải cũng có thể làm các ông chết chầm hay sao?

Em bé tóc máu còn chưa thay, mà khẩu khí như trời vậy!

Tào Tháo vừa xấu hổ vừa tức giận, quát:

- To gan thật! Mi biết mi đang nói chuyện với ai chứ?

Các tùy tùng cũng cảm tức, bước tới vây chặt lấy em bé chân bò, có người giơ nắm đấm, có người nói: "Giết nó đi!". Ai hay Tháo bỗng lại đổi ý, quát mọi người lui và nói:

- Em bé chân bò nói có lý, không được phạt, phải khen thưởng. Lập tức lấy ra nhiều vàng bạc đưa cho em bé.

Ngay hôm ấy, Tháo ra lệnh cho tất cả các tướng sĩ mỗi người đều cầm một viên gạch, mỗi người đều xách một mũ đất, đi về phía nam bốn chục dặm, xây dựng thành mới, chu vi dài năm trăm tám mươi ba trượng, gạch là tám mươi ba vạn viên. Đó chính là thành Lư Giang sau này, dân chúng xưa nay gọi là Man Thành. Ngoài thành có đóng đất lớn, chính là đất dùng mũ đội đầu xách đem tới đánh đóng lại. Bước lên đóng đất có thể nhìn ra xa xem xét động tĩnh, giúp cho việc giữ thành, tục gọi là gò Mũ.

CỬA NHU TU ĐỐI CÂU ĐỐI

Một năm vào mùa đông, Tào Tháo dẫn thủy quân đến cửa Nhu Tu, muốn từ đó đi vào hồ Sào, vừa vận gạo phải gió to tuyết lớn, nước hồ đóng băng dày ba thước, chiến thuyền không có cách nào tiến vào.

Tào Tháo quân quân rất nghiêm, lệnh truyền như núi đổ, Tháo yêu cầu một giờ ba khắc phải mở thông một con đường thủy. Các tướng sĩ nhất tề bắt tay vào làm, quả nhiên không lỡ quân cơ. Tháo đích thân ra ngoài quân trường an ủi động viên, thấy binh lính đang mồm nham miệng cười theo cảnh tượng trước mắt mà làm thành vế trên của câu đối: "Thuyền lính lính mở lính phá băng".

Tháo hỏi:

- Vế dưới thế nào?

Mọi người đáp:

- Không ai đối được, đành để lại đó, chờ thánh nhân đến đối thôi.

Tháo thử nhắm đối vế dưới, suy đi nghĩ lại, mãi mà vẫn không ra vế đối hay. Đang định lách người đi khỏi, bỗng thấy một am ni cô ở trước mặt, một ni cô đi ra, tay xách dép dính bùn, tới bờ hồ kì cọ. Tháo liền tức cảnh sinh tình, buột miệng nói ra, đối xong vế dưới: "Dép cô cô xách cô cọ bùn".

Các tướng sĩ bất giác hoan hô nói:

- Thừa tướng không chỉ biết dẫn quân đánh trận, còn là thánh nhân đó.

ĐÌNH CA HÁT

Tương truyền, Tào Tháo vừa mới chinh phục được Viên Thiệu, lại xuất quân đánh phía nam. Lúc qua chỗ sáu nhà của gia đình họ Mao ở Cửu Lĩnh, Thông Thành, có một ông giáo trường tư, nhìn đại quân đi qua, cười nhạt mà đọc câu đối sau:

*Di di di, đao mâu loang loáng, binh nhiều
tướng lắm, đáng gọi mạnh thay;*

*Về về về, xương trắng chất chồng, quý khốc
sói gào, sao buồn biết mấy!*

Tào Tháo vừa vắn nghe được, vội vàng nhào mình xuống ngựa, hỏi ông giáo vì sao đoán được lần xuất quân này bất lợi. Ông giáo nói:

- Xuất quân từ xa, lương thảo vũ khí tiếp tế không kịp, binh sĩ phần đông là dưới quyền Viên Thiệu, tuy đã đầu hàng, lòng còn lo canh cánh, tuy ra tới chiến trường, nhưng chắc chắn không thể chiến đấu gian khổ được.

Tháo cảm thấy ông giáo nói có lý, lập tức ra lệnh rút quân về doanh trại. Các tướng sĩ nghe nói không đi đánh xa nữa, đều hết sức vui mừng, cất cao tiếng hát. Để kỉ niệm sự kiện này, người đời sau đã dựng một ngôi đình Ca Hát ở Cửu Lĩnh. Cho đến nay vẫn còn di tích của đình Ca Hát.

TÀO THÁO VIẾT CHỮ SAI

Năm ấy Tào Tháo đánh dẹp Trương Lỗ, đi tới gần Thạch Môn của con đường cổ xưa rộng nghiêng. Nhìn ra xa, thung lũng Hán Trung núi non vây bọc, sông ngòi dọc ngang, ruộng đất mênh mông phì nhiêu, dân cư đông đúc cần cù, thực xứng với tên gọi tiểu Giang Nam. Nơi tốt khó kiếm trong thiên hạ như vậy, chẳng mấy chốc sắp về tay mình; Tào Tháo sao không hỏi lòng hỏi dạ? Tháo vốn là nhà thơ, chữ viết cũng tốt. Lúc đó, đương nhiên rất muốn ngâm thơ, và cũng muốn đề chữ lưu niệm, bất giác nhảy xuống ngựa, tay cầm roi, vừa dạo quanh non xanh nước biếc, trong lòng vừa ngâm nghĩ: Lưu lại chút gì ở đây, để người đời sau biết mình đã qua chốn này, không quên thành tựu văn võ của mình?

Bỗng, Tháo nghe thấy tiếng nước chảy ào ào, ngẩng đầu nhìn thấy đã tới giữa bãi sông. Vì đang mùa nước cạn, các hòn đá cuội lớn nhỏ đều lộ ra. Trong đó có hòn rất to, giống như ngọn núi nhỏ, nhô lên giữa lòng sông. Nước chảy muốn giành đường mà đi, nhằm thẳng vào núi nhỏ xô bên trái đập bên phải, nhảy lên cao nhào xuống dưới, quay tròn cuộn xoáy, nước trắng ngần bắn tung tóe, giống hệt như đám tuyết cực lớn đang chuyển động băng băng. Tháo tức cảnh sinh tình, bất giác đi tới hòn đá lớn giữa lòng sông, vung roi ngựa viết lên trên đá. Ai có thể ngờ được, roi ngựa ấy giống như cái

đục đá, chạm tới đâu là chỗ đó bị khắc thành những nét chữ rất sâu.

Các tướng sĩ dưới quyền Tháo đều nhất tề đổ xô tới bãi sông để xem, thấy Tháo viết hai chữ lớn "côn tuyết"(1), giống hệt như phượng múa rồng bay, miêu tả sống động cảnh đẹp nơi này thì đều đồng thanh hoan hô khen tuyệt.

Tháo dương dương đắc ý, không ngờ lại có người nhìn ra chỗ sơ hở của Tháo, tay chỉ vào hai chữ lớn trên hòn đá, nói:

- Bẩm thừa tướng, chữ "côn" này còn thiếu "ba chấm thủy" a, nên viết thêm "ba chấm thủy" mới đúng.

Tháo biết người ấy nói đúng, quả thật mình đã viết sai. Nhưng nếu trước mặt mọi người nhận là sai và thêm "ba chấm thủy" vào, thế thì xấu hổ quá! Tháo như mầy suy nghĩ, có ngay chủ kiến, liền lấy roi ngựa chỉ chỉ vào chữ "côn" thiếu "ba chấm thủy", lại hướng vào nước chảy bên cạnh vạch một đường, những chấm hoa nước bắn lên, cùng lúc Tháo cười ha hả:

- Đây không phải là nước sao? Thêm vào "ba chấm thủy" nữa là vẽ rắn thêm chân đó!

Mọi người đều hoàn toàn tin phục. Cho nên chữ vốn viết sai ấy, còn lưu lại nguyên hình dạng cho mãi tới ngày nay.

(1) "Côn tuyết" có nghĩa là tuyết cuộn cuộn, tuyết chuyển động - ND.

TÀ TỪ NHẠO TÀO THÁO

-1-

Tà Từ là đồng hương của Tào Tháo, ông tu đắc đạo ở núi Thiên Trụ.

Tà Từ kiếm củi ở núi Thiên Trụ, hỏng một con mắt, thọt một chân. Ông không quản ngại bản thân tàn tật, vào rừng kiếm củi, đi chợ bán, được tiền thì cứu giúp những người già yếu, bệnh tật, cô quả. Có người chế giễu ông, nói:

- Một con mắt của ông để lại ở đây trông rồi đấy nhì?

Ông cười khà khà nói:

- Cái đó bác nói đúng quá, đốn củi thì phải trông đúng đây mà!

Có người lại mỉa mai ông, nói:

- Anh đã thọt một chân, lại còn suốt ngày từ sớm đến tối đi hoài không nghỉ, để cho mọi người ngắm chán sao?

Ông cười khì khì, đáp:

- Bác nói đúng, thọt một chân cũng đi lại không thua bác hai chân một bước nào.

Một hôm, Tà Từ gánh một gánh củi, đem đến nhà một bà già cô quả, đặt củi xuống, lau mồ hôi, lê chân thọt bước đi, không uống một cốc nước nào của bà già. Lúc xuống núi,

đang đi ở giữa sườn núi, nhìn thấy một cụ già ngồi ở đó, vừa vận chân mắt lối đi. Cụ già đó đang cọ đi xát lại mài một hòn đá. Tà Từ cảm thấy kì lạ bèn hỏi:

- Cụ thợ cạo, cụ mài hòn đá để làm gì?

Cụ già đáp:

- Làm gương.

Tà Từ lại hỏi:

- Đá làm sao có thể mài thành gương?

Cụ già nói:

- Đá mài thành gương được, công lao chu đáo ắt phải thành.

Tà Từ cảm thấy lời nói của cụ không tầm thường, muốn học chút bản lĩnh của cụ, liền đặt đòn gánh dây thùng xuống, ngồi bên cạnh cụ, nhặt hòn đá, cũng học cách thức và bắt đầu mài, vừa mài vừa hát:

- Mài đá mài đá, đá cứng thành gương.

Cụ già cũng hát rằng:

- Thân tàn lòng thiện, dạ có duyên tiên.

Tà Từ mài đá như vậy, hòn đá thành gương, ông cũng đác đạo thành tiên. Mọi người nói cụ già ấy là ông tiên Nam Cực, đích thân tới để làm phù phép cho Tà Từ. Từ đấy, Tà Từ đi vân du bốn phương.

Đến năm cuối đời Tào Tháo, Tháo cậy mình công lớn, ép Hán Đế phong mình làm Ngụy Vương, rồi ra công xây dựng vương phủ, kiến thiết vườn hoa, lại ra lệnh cho bộ hạ tới khắp nơi trong cả nước tìm kiếm mỹ nữ tuyệt thế, hoa lệ đá quý. Lúc này, Tà Từ vân du tới Hứa Xương. Khi đó đang là tiết tam cửu. Ngạn ngữ nông nghiệp có câu: Mồng tám tháng

chấp tiết tam cửu, khắp nơi giá lạnh cực khó chịu. Tà Từ nhìn thấy hàng chục triệu dân công xây dựng vương phủ, áo quần mỏng manh, mặt bùng da chít, có người chân tay gặp tai nạn bị thương vẫn bị roi thúc, kẻ gánh người khiêng, thật là bi thảm. Tà Từ không sao nén chịu nổi, bước tới trước mặt viên quan trông coi công trường, nói:

- Mau báo với Ngụy Vương, Tà Từ là người đồng hương, một ngày có thể xây được một vườn hoa, đặc biệt xin tới phục vụ.

Viên quan trông coi công trường vì trời đất giá lạnh, dân phu mỏi mệt, tiến độ công trình chậm, nên luôn bị Tào Tháo quở trách, nghe Tà Từ tự xưng có tài năng to bằng trời như vậy thì lập tức đi bẩm trình Tào Tháo.

Tháo nghe xong, nhớ tới chuyện mọi người kể Tà Từ thành tiên, liền vội vào tiếp kiến. Tháo vừa thấy Tà Từ chân thọt, mắt chột, mày nhú thành chữ "xuyến", liền nói:

- Ông một ngày có thể xây dựng được một vườn hoa chăng? Ta không tin.

Tà Từ nói:

- Cứu dân là việc nước sôi lửa bỏng, công đức vô lượng! Chỉ cần Ngụy Vương thả dân phu về, tiết kiệm tự trọng, chính là lập nên công đức, tôi nhất định giúp Ngụy Vương hoàn thành việc lớn đó.

Tháo đương nhiên không nghe, bèn không nói tiếp câu chuyện của Tà Từ, mà xoay sang chuyện khác:

- Pháp thuật của ông do đâu mà có?

Tà Từ đáp:

- Tôi mài đá ba mươi năm ở núi Thiên Trụ, đá thành gương, tôi liền đắc đạo. Đại vương địa vị cao cả, cố sao cứ làm theo ý mình như vậy, tàn hại dân chúng như thế, chỉ e thái cực bĩ lai, hủy hoại cuộc đời ngang dọc, lúc đó thì hối cũng muộn!

Tháo cười nhạt một thời, rồi nói:

- Lẽ nào ông cũng bảo ta đi mài đá xem có thành gương chăng?

Tà Từ nói:

- Thế cũng không có gì là không được mà!

Nói xong, Tà Từ giơ tay ném một viên đá thẳng vào Tào Tháo. Tháo sợ hãi ôm đầu kêu to, ai hay viên đá đó lại không bay vào đầu Tháo, mà "cạch" một tiếng, rơi ngay xuống bàn làm việc, vừa vụn nằm ngay cạnh ấn ngọc của Tháo. Tháo cầm lên xem, trên bàn làm việc lại có hai ấn ngọc giống hệt như nhau, không nhận ra được ấn nào là giả, ấn nào là thật. Các quan cũng đều kinh hãi. Tháo hầm hầm tức giận, quát:

- Yêu đạo nơi nào, lại dám tự tiện chui vào đại đường vương phủ thi thố yêu thuật, phá hoại pháp độ của ta, bay đâu, bắt trời cho ta.

Các tướng sĩ nghe vậy, tay cầm đao búa, xô tới chỗ Tà Từ. Chỉ thấy Tà Từ cười khì khì đứng không nhúc nhích. Song mọi người thì không ai tới gần được Tà Từ. Tháo trợn trừng nhìn Tà Từ xoay mình bước đi, không ai ngăn nổi.

Tà Từ thì như quanh mình không có ai, vừa đi vừa hát rằng:

Núi Thiên Trụ bệ mài gương sáng,

Chiếu lung linh tới vạn năm sau,

*Trung Nguyên máu lệ ngập sâu,
Anh hùng cái thế tui sầu từ đây.*

Tào Tháo quả nhiên bị nguyên rủa muôn đời.

-2-

Tào Tháo dẫn tám mươi ba vạn binh mã xuống Giang Nam, dọc đường la hò hô hoán, diễu võ dương oai, làm âm ỉ khiến gà bay chó chạy, trẻ già trai gái sống chẳng yên thân. Song họ đều chỉ oán hạp trong lòng: "Dấy binh nào động dân chúng, thật không nên!", chứ miệng chẳng dám nói ra nửa lời, e đụng tới nhà "quyền lực", tự chuốc tội vào mình.

Tà Từ là một đạo sĩ di tu, không liên lụy; lại thêm tài nghệ tuyệt vời, thì càng chẳng sợ trời đất gì hết. Để khuyên can Tào Tháo ghìm ngựa quay về, không đánh nhau nữa, Tà Từ liền cầm cần câu ngồi câu ở bờ sông trên đường Tháo đi qua, đợi trực tiếp nói chuyện với Tháo, tiện bề khuyên ngăn.

Tào Tháo đi đầu tám mươi ba vạn binh mã, thấy núi leo núi, gặp sông vượt sông, chỉ giận mình không có đôi cánh để có thể bay vù qua sông, đập bằng tất cả thôn trấn, thành phố làng mạc, gia cư cửa hiệu ở đó. Tháo càng hận vì lạ người lạ đất, không biết đã uống công đi mất bao nhiêu đường đất, lỗ mất bao nhiêu ngày tháng! Có một hôm, Tháo đang không biết phương hướng, bỗng thấy có người câu cá, liền lớn tiếng hỏi:

- Này, đến Giang Nam đi thế nào?

Tà Từ quay đầu lại, Tháo thấy ông ta mặc áo đạo sĩ, một chân dài một chân ngắn, đứng cũng không vững, một mắt

sáng, một mắt lòa, nhìn cũng không rõ, thì rất coi thường ông ta, quày đầu nhìn đi chỗ khác.

- Động binh giết hại sinh linh sao bằng ngừng đánh yên dân, ông nên quay về thì tốt hơn.

Tả Từ chỉ tay về phương bắc nói tiếp:

- Đó mới là con đường đúng đắn mà ông nên đi!

Trong con mắt Tháo đã xem thường ông ta, lời nói trên của ông, Tháo lại càng bỏ ngoài tai, cho rằng gặp phải một đạo sĩ điên rồ ăn nói lung tung, không muốn bắt chuyện với ông ta nữa, bèn tự ý đi thẳng hướng nam.

Tả Từ cười ha hả nói:

- Đại binh qua đây, nên khao quân!

Nói xong liền vẽ tại chỗ một đĩa cá, tiện tay bưng lên, nóng hôi hổi; lại xoay mình vẽ một bình rượu, lấy tay xách, mùi thơm phưng phức.

Các tướng sĩ nhìn thấy ngạc nhiên ngáy người, bất giác dừng lại xem sự lạ. Tả Từ mời mỗi người một chén rượu, mời mỗi người ăn một khúc cá. Rượu không sao uống cạn được; cá ăn hết nửa bên này thì nửa bên kia lại trở lại nguyên vẹn, lật lên lật xuống có thể ăn mãi ăn hoài. Chuyện lạ kì như thế này xưa nay chưa hề được nghe, ai chịu phí hoài bỏ lỡ cơ hội mà đi? Tám mươi ba vạn binh mã đều dừng cả lại đợi ăn đợi uống, như đàn ong quây quần quanh Tả Từ.

Tào Tháo phát hiện ra binh mã không đi theo sau mình thì rất kinh ngạc, quay mình đi tới bên sông để coi, hóa ra là người đạo sĩ đã giữ họ nán lại. Việc binh gấp như lửa, sao có thể để lỡ đại sự như thế này! Tháo bước tới quát:

- Dừng mặc lừa lão ta, mau theo ta lên đường!

- Mát trông đều là thực, tai nghe mới là hư, sao có thể nói tôi là lừa người được?

Tả Từ lại cười ha hả một hồi, lúc ấy liền rót ra một cốc rượu, đưa tới trước mặt Tào Tháo, nói tiếp:

- Xin mời ông chính mình ném thử, xem rốt cuộc là thật hay giả?

Tháo không nhận, giận dữ quát:

- Trong đó có thuốc độc, ta không mắc lừa nhà ngươi!

"Lòng mình độc ác mới sợ sự độc ác", Tả Từ thò ngón tay trở ra vạch một nhát giữa cốc, giống như dao sắc thái đậu phụ, cốc rượu đó tách hẳn ra làm hai bên đều đặn. Tả Từ uống một bên, rồi lại nói với Tháo:

- Trong rượu không bỏ thuốc độc, tôi đã uống một nửa, không sao cả, nửa kia là của ông, xin ông cũng uống theo đi.

Tào Tháo thù người ra, đã sợ lại giận, liều lĩnh rút ngay gươm báu ra chém Tả Từ. Tả Từ không hoảng hốt, né mình tránh khỏi, gơ tay ném cốc rượu xuống, biến thành con hạc tiên; Tả Từ vươn mình cười lên, trong nháy mắt bay đi, không nhìn thấy bóng dáng đâu nữa. Người đời sau xây một chiếc cầu ở đây, gọi tên là cầu Ném Cốc; còn dựng miếu Tả Từ, trong miếu khắc tượng của ông, tượng ấy chân dài chân ngắn, mắt sáng mắt lòa.

MỘ GIẢ CỦA TÀO THÁO

Nơi sông Hán Thủy sắp hợp lưu với sông Trường Giang, nhìn ra là cả một vùng đất bằng phẳng. Giữa đó lại nhô lên một đồng đất to cô đơn lẻ loi, giống như ngọn núi nhỏ mà lại không phải là núi nhỏ, rành rành hiện ra trước mắt. Tương truyền đó là mộ Tào Tháo, trên thực tế trong đó lại không chôn cất ông ta. Vì sao vậy?

Năm đó, đại trận Xích Bích, Tào Tháo thua trận. Tướng sĩ dưới quyền Tháo kẻ chết người bị thương; may còn sống sót một số quân lính, liền quay đầu chạy về chốn cũ Hứa Xương. Dọc đường, Tháo thu thập tàn quân bại tướng, dần dần lại tập hợp được một đoàn binh mã, lòng can đảm trở lại, bụng thầm nghĩ muốn một gặp quân địch, thì cũng có thể chống chọi được một phen! Không ngờ, cây to vời gió tới, binh lính truy đuổi các ngà mau chóng đổ xô cả tới chỗ Tháo và cùng nói: "Bắt giặc trước tiên bắt tướng", phải hợp sức bắt sống Tào Tháo.

Quân Tào như chim phải cung thấy cảnh cong cũng sợ, như cá lọt lưới hồn xiêu phách lạc, đâu còn dám ứng chiến! Trốn mau đi thôi, song vì đói rét dày vò, người mệt ngựa mỏi, chân nặng như cối đá, một bước cũng khó tiến. Còn binh lính truy đuổi thì ngày càng tới gần, chẳng mấy chốc là đuổi kịp, gươm dao kề sát vào cổ, thật là lên trời thiếu đường xuống

đất không lối! Các tướng sĩ như kiến trên bếp lửa, đều trọn mắt nhìn Tháo hỏi: Đợi chết hay là đầu hàng?

Qua đại trận Xích Bích, rồi là những ngày đêm bốn ba mõi mết, Tháo rõ ràng lo nghĩ nát ruột nát gan, giờ đây chỉ còn da bọc xương, nghiêm-nhiên hoang mang mất tinh thần. Tháo ngó nhìn, thất vọng than thở cùng các tướng sĩ rằng: "Cái chết đã đến nơi rồi, mọi người hãy tự tìm nơi chạy trốn cứu mạng mình thôi!". Tháo tiếng nói run run, tay chân lẩy bẩy, bỗng miệng trào bọt trắng, ngã nhào xuống đất, bất tỉnh nhân sự.

Binh mã đành trú lại đây. Trong doanh trại đêm ấy truyền tin đi: Thừa tướng bệnh đột ngột đã từ trần, lập tức an táng ngay tại chỗ. May mà Tháo thường ngày quý binh yêu tướng, cho nên mặc dù giờ đây kẻ địch ở trước mặt, có nguy cơ sống chết, mọi người vẫn mặc tang phục, cử hành tang lễ cho Tháo theo lệ; họ còn mỗi người gánh một gánh đất mai táng Tháo nơi đất hoang.

Nhà đột lại gặp mưa dầm, thuyền hồng lại gặp gió ngược. Sau khi đại bại, lại mất chủ tướng, quân lính như rắn không đầu, sao chẳng vỡ đàn tan nghe? Hướng chỉ Tào Tháo lúc sống còn dạn dò như vậy. Mọi người chôn cất Tháo xong, nhân lúc trời còn chưa sáng, bèn ba chục người một tổp, năm chục người một đám, người thổi hướng đông, kẻ thổi hướng tây, đột phá vòng vây, tản đi tứ phía, xa chạy cao bay.

Lính truy đuổi thấy đất bằng bỗng nhô lên mộ mới, nghe nói Tào Tháo đột ngột chết thì trong lòng đều nhẹ nhõm hẳn. Chúng cho rằng rắn mất đầu không thể chạy, chim không

cánh không thể bay, cá bé tôm nhỏ đều chuẩn cá, còn có thể làm được trò trống gì? Thế là chúng ngủ một giấc dài cho đã. Chúng dù có nằm mơ cũng không thể nghĩ được là trong cái đám nhân cơ hội chạy trốn ấy còn có một con cá lớn. Hóa ra là Tào Tháo giả vờ chết; người mà quân Ngụy trong lúc hoảng loạn chôn cất chỉ là một bù nhìn rơm; mộ mới đột ngột đắp lên là mộ giả, là mộ để binh lính truy đuổi trông thấy. Còn Tào Tháo ư, Tháo từ lâu đã đổi áo quan tướng, mặc áo bình thường, trà trộn trong đám dân chúng chạy loạn mà trốn đi.

TÀO THÁO VỜ CHÔN QUAN VŨ

Dông Ngô giết Quan Vũ, cho người đem đầu tới Lạc Dương báo công với Tào Tháo. Tháo biết Dông Ngô làm như vậy là muốn cố ý tỏ cho người khác hay, Ngô, Ngụy vốn là mặc chung nhau một chiếc quần, kết hội với nhau giết hại Quan Vũ, để cho Lưu Bị chuyển cảm giận sang đầu mình, dấy binh báo thù, gây nên chiến tranh. Như vậy, Tôn Quyền sẽ có thể như lươn bọc trong lá sen, thừa thời cơ chuẩn lủi. Tháo nghĩ đến đó thì mỉm cười, ông ta đâu phải là ngọn đèn tiết kiệm dầu, có thể bị người ta dắt mũi tiến vào ngõ cụt được? Tôn Quyền một lòng muốn dao thái đậu phụ mà hai mặt vẫn sạch, ngồi đó nhìn hai con hổ đánh nhau, đợi vớ lấy món bở.

Tháo đã định chủ kiến, liền cho người chuyên trách xây dựng am Thố Linh thờ cúng đầu Quan Vũ bên trong, đốt hương thơm, cúng lễ tam sinh, đồng thời lại cho thợ lấy gỗ trầm hương chạm trở thành tượng gỗ toàn thân Quan Vũ. Sau đó mới đặt đầu vào cùng an táng bên ngoài cửa phía nam. Hôm đó, cả triều đình văn võ đều mặc tang phục ra ngoài thành đưa đám, long trọng như đối với vương hầu vậy. Việc này truyền đi rất nhanh, Lưu Bị quả nhiên không trách Tào Tháo nữa, chỉ cảm giận Tôn Quyền. Tôn Quyền đương nhiên vừa bực vừa cầu, sai người chất vấn Tào Tháo:

- Vốn dĩ muốn cùng các ông kết thành một khối để đối phó với Lưu Bị, cơ sao lại quay ngoắt khuỷu tay hướng ra bên ngoài? Chẳng lẽ lại muốn thọc dao vào lưng bạn hữu! Lẽ nào các ông đã quên mối thù với Lưu Bị!

Tháo nói với người được sai tới rằng:

- Các ông chỉ trông thấy bề ngoài, không có hiểu dụng ý thực của tôi.

Nói rồi đích thân dẫn ông ta ra cửa nam, lại chỉ vào địa thế xung quanh mà bảo:

- Sông Y từ phía nam tới, sông Lạc từ tây sang đông, Quan Vũ được chôn tại nơi giao nhau đó, hàng năm nước lên, nơi đó là vùng biển cả. Hiện giờ đã là đông qua xuân đến, lũ mùa xuân sắp tới, chẳng mấy chốc ngôi mộ mới này sẽ mất hết tung tích, tôi chẳng qua chỉ là "thuận nước giống thuyền" cho Lưu Bị mà thôi!

Tháo nói xong, dương dương tự đắc, sử giả nước Ngô cũng luôn mồm nói Tháo tài cao. Ai hay lời tán tụng chưa dứt, bỗng cơn gió lớn nổi lên. Trong gió cát mù mịt, thấy Quan Vũ bước ra khỏi mộ. Quan Vũ thổi một hơi về phía nam, nước sông Y ào ào cuộn chảy về phía nam năm dặm, rồi lại thổi một hơi về phía bắc, nước sông Lạc lại ào ào cuộn chảy về phía bắc năm dặm, đồng thời nơi gặp gỡ giao nhau của hai dòng sông cũng chạy tới Hắc Thạch Quan ở ngoài mấy chục dặm.

Tào Tháo lần này kinh hãi quá chừng, về sau không dám động đến mồ mà Quan Vũ nữa; dương nhiên nước lũ cũng không xối đi. Cho nên đến nay mộ vẫn còn giữ được hoàn toàn nguyên vẹn, xung quanh mộ mọc đầy cây bách cổ thụ cao vút, còn có rất nhiều bia được khắc từ nhiều đời lưu lại, đó chính là rừng Quan nổi tiếng.

NGUỒN GỐC MIẾU QUAN ĐẾ

Ba người ba họ ba kết nghĩa;

Một rừng một hổ một thánh hiền.

Đó là câu đối trong miếu Quan Đế. Quan Vân Trường chỉ là một võ tướng nước Thục thời Tam Quốc, lại là thua trận thiết mạng, vậy mà sau này, miếu thờ Quan Vũ lại được xây đặc biệt nhiều. Truyền rằng, người dựng miếu đầu tiên, tôn xưng Quan Vũ là thánh hiền lại là Ngụy Vương Tào Tháo. Lẽ ra hai nước Thục, Ngụy là thù địch, thế không đối trời chung, giận không tiêu diệt được nhau, vì sao Tào Tháo lại dựng miếu cho Quan Vũ? Câu chuyện này nói ra thì dài lắm.

Tương truyền Quan Vũ ban đêm chạy ra Mạch Thành, lỡ trúng mai phục bị giết hại. Đông Ngô dùng kế đem đầu Quan Vũ đưa cho Tào Tháo. Tháo nhìn thấy đầu Quan Vũ, cất tiếng khóc òa. Tiếng khóc này vừa thật vừa giả. Nói thật ư, Tháo quả thực yêu quý Quan Vũ. Bắt đầu từ hội chiến các chư hầu mười tám cánh, Quan Vũ chén rượu còn nóng chém Hoa Hùng, Tháo đã ngưỡng mộ Quan Vũ rồi. Sau này, nơi núi đất giao hẹn ba việc, Quan Vũ đã đầu hàng, Tháo một lòng muốn lưu giữ Quan Vũ để dùng cho mình, về sau thấy thật sự không thể được, mới thuận nước gió thuyền để Quan Vũ đi. Quả nhiên trận Xích Bích Tháo thua chạy tới Hoa Dung, Quan Vũ nhớ ân đức xưa kia, lại thả Tháo, giữa hai người với nhau

đều có mối tình cứu mạng, cho nên Tháo xúc động mà khóc, người ta không phải là cỏ cây mà!

Còn nói giả vờ, Đông Ngô làm việc này, lòng mang độc kế, làm sao giấu nổi Tào Tháo. Tháo vì muốn tỏ rõ người giết hại Quan Vũ là Tôn Quyền chứ không phải là mình; ta với Quan Vũ tình sâu nghĩa nặng, nếu như Quan Vũ thất bại bởi tay ta, ta quyết không làm hại tính mệnh Quan Vũ. Cho nên, tiếng khóc này có giả, chẳng qua là khóc cho Lưu Bị nghe! Hơn nữa chỉ khóc thôi vẫn chưa đủ, Tháo còn sai người xây nhà đặt linh cữu ở Lạc Dương, đích thân làm lễ truy điệu, còn tuyển chọn những tay thợ tài giỏi, dùng những thứ gỗ hảo hạng chạm trở một thân người, nối đầu của Quan Vũ vào, chôn cất theo lễ vương hầu.

Việc làm này quả nhiên linh nghiệm, Lưu Bị không chịu nghe ai khuyên can, tự ý đi đánh Đông Ngô để báo thù rửa hận cho Quan Vũ, khiến Tào Tháo ngồi đó hưởng lợi. Lưu Bị hủy bỏ liên minh Ngô, Thục, Tào Tháo thật là cầu chẳng được. Sau này, Tháo không làm thì thôi, đã làm thì lại làm đến cùng, dứt khoát lửa đổ thêm dầu, muốn xây từ đường cho Quan Vũ nữa. Song các quan văn võ đều không vui lòng, cảm thấy Ngụy Vương làm quá mức. Tướng lĩnh nước địch, dựng xây miếu đền tại kinh thành của mình, chuyện ấy nói dễ, nghe chẳng lọt. Lệ này bắt đầu, về sau không dễ xóa bỏ, người khác viển dẫn lệ cũ thì làm thế nào? Nhưng con người Tào Tháo việc gì cũng chẳng cảm thấy khó xử. Tháo bèn hạ lệnh cho quận thủ Tiểu Lăng dựng miếu cho Quan Vũ ở quận Tiểu để bà con quê hương thờ cúng. Nói đây là sự kết giao riêng giữa Tào Tháo và Quan Vũ, không có liên quan tới triều chính. Miếu xây xong, trong đại điện đáp tượng Quan Vũ ngồi, hai bên là Chu Thương và Quan Bình đứng hầu. Chữ viết của

Tào Tháo rất đẹp, Tháo lại tự tay viết bốn chữ "nhân đức thánh quân", làm thành tám biển ngang, treo trên đại điện. Đó chính là sự mở đầu cho việc Quan Vũ được tôn xưng là thánh và được dựng miếu.

Tào Tháo ở ngôi cao Ngụy Vương, sau khi dựng miếu tôn xưng thánh cho Quan Vũ tại quê hương, ai chẳng muốn làm cho Tháo vui lòng? Thế là các châu, phủ, huyện cũng đều dựng miếu cho Quan Vũ. Đến giữa năm Càn Long triều Thanh, không ít nhà buôn Sơn Tây kinh doanh buôn bán ở châu Bạc phát tài lớn. Họ và Quan Vũ là đồng hương, để mượn lí do này hòng dễ dàng đứng vững chân ở châu Bạc, họ liền rêu rao "xuất phát từ tỉnh cảm đồng hương, cảm nhớ nghĩa của người châu Bạc", quyn tiền xây dựng một ngôi miếu Quan Đế rất lớn. Ngôi miếu này có khu vườn miếu rộng mười mấy mẫu, hai tầng đại điện, còn dùng hơn một vạn cân sắt, đúc một pho tượng Quan Vũ cao hơn một trượng. Cho nên người địa phương gọi là miếu Quan Vũ sắt, giờ đây đã là di tích cổ nổi tiếng trong thành châu Bạc.

Cho nên nói, từ Tam Quốc đến Dân Quốc, từ quan gia đến thân hào thương nhân, phàm là dựng miếu Quan Vũ, trên danh nghĩa là sùng bái tôn kính Quan Vũ, nhưng thực chất đều có tính toán kiếm lợi cho mình.

TÀO THÁO VÀ HOA DÀ

Tào Tháo lòng nghi ngờ đặc biệt lớn, luôn sợ người khác bỏ tử sương đầu độc mình. Để có thể kịp thời phát hiện loại thuốc độc này, Tháo liền ném thử một tí, muốn biết tử sương rốt cuộc có mùi vị gì, tiện đề phòng bị ám hại. Không ngờ Tháo vừa ném thử, liền bị ngay thương não cấp tính, tức thì hôn mê, đầu đau chết đi sống lại, thuốc thang chữa trị đều không hiệu quả, các thầy thuốc trong thiên hạ đều trở mặt nhìn nhau, khoanh tay bó gối. Trong giờ phút sống chết kề bên này, Tháo nghĩ đến Hoa Đà, cảm thấy chỉ có Hoa Đà mới có thể cứu được tính mạng mình, liền cho người cưỡi ngựa nhanh, thâu đêm đi mời Hoa Đà tới Hứa Xương.

Hoa Đà nhà ở Tiểu Hoa Trang thuộc quận Tiều, là thầy thuốc chuyên chữa bệnh bằng cây cỏ. Ông thường bày một quầy hàng ở trong thành để khám bệnh bán thuốc cho mọi người, nhưng xưa nay không treo biển, không đặt tên cửa hàng, chỉ để rất nhiều rắn độc ở trước và sau mình. Kỳ lạ là những rắn độc đó, chỉ hoạt động trong một vòng tròn ông vẽ, đã không làm tổn thương người khác cũng không dám làm hại ông. Tào Tháo trú ở gần đó, thấy đáng vẻ Hoa Đà như vậy, cho rằng tất phải là con người đặc biệt, bèn cùng Hoa Đà kết bạn. Sau này một người làm thừa tướng, trở thành đại quý nhân, một người vẫn là thầy thuốc nghèo, phiêu bạt

khắp nơi. Song cả hai người ai cũng không quên đồng hương và bạn bè thuở nhỏ của mình. Hôm ấy, Hoa Đà đến Hứa Xương, thấy Tào Tháo ốm sắp chết, vô cùng lo lắng, nói với Tháo rằng:

— Bệnh này chỉ có lấy búa bổ sọ ra, lấy thuốc thang rửa sạch não, mới có thể cứu được.

Tháo sợ hãi nói:

— Từ xưa tới nay chưa từng nghe nói có thể bổ được sọ ra, vậy chẳng phải là muốn giết tôi sao? Bạn cũ ơi, đừng đùa tôi như vậy?

Thái độ của Hoa Đà càng nghiêm túc hơn, nói:

— Chỉ cần thừa tướng trước tiên uống cho tôi một bát thuốc mê rồi thì sẽ bất tỉnh nhân sự, không biết đau đớn nữa. Sau đó tôi sẽ có thể bắt tay vào mổ sọ, đảm bảo với thừa tướng làm xong là bệnh khỏi ngay.

Tháo sợ mồ hôi lạnh toát cả người, bụng nghĩ: Thuốc mê này nhất định phải là thứ cùng loại với tì sương, mình đã mắc lừa đủ rồi, còn uống vào thêm nữa thì cứu sao được? Sắp chết lại còn chịu thêm một búa thì thân thể nguyên vẹn cũng chẳng giữ được nữa, không thể nghe ông ta xếp đặt! Tháo lặng lẽ bất chấp tất cả, gọi người tới, đưa Hoa Đà đi chém đầu.

Sau khi giết chết bạn cũ, trong lòng Tháo lại thầm hối hận. Tối hôm đó, Tháo nằm mê thấy Hoa Đà đi vào phòng. Hoa Đà một tay bưng bát thuốc nóng hổi, một tay cầm chiếc búa sắc sáng loáng, nói:

— Bạn cũ ơi, không chữa khỏi bệnh này cho bạn, quả thật tôi chết cũng không cam lòng.

Trong nháy mắt Hoa Đà đổ mạnh bát thuốc đỏ vào trong miệng Tháo. Tháo cảm thấy hôn mê, người không nhúc nhích, cũng không nói thành tiếng, chỉ có thể nhìn thấy thôi. Tháo thấy Hoa Đà giơ búa, "chát" một cái, bổ tách sọ mình ra, tiếp đó liền "ào ào, ào ào" tiếng nước thuốc rửa não... Cũng không rõ mất bao lâu, Tháo vươn vai, tỉnh dậy, cảm thấy đầu óc vô cùng tỉnh táo, thân thể vô cùng nhẹ nhõm, bụng muốn ăn. Thử xuống giường, cũng không ngã, không choáng váng, tinh thần phấn chấn, toàn thân đầy sức sống. Bấy giờ mới rõ bệnh đã khỏi hẳn(1).

Sau khi khỏi bệnh, Tháo hối hận không nên coi lòng tốt là bụng dạ lừa đảo, giết lầm mất bạn cũ. Nhưng mà người đã chết không thể sống lại được thì làm thế nào đây? Tháo muốn an ủi bố, mẹ và vợ Hoa Đà, liền đích thân từ Hứa Xương trở về quận Tiều. Chỉ thấy chốn ngõ Hạ Hầu và ngõ Tào vẫn còn nguyên hình dáng xưa kia, song không nhìn thấy quầy thuốc cỏ cây quen thuộc đó nữa; còn Tiểu Hoa Trang ư, chỉ còn lại những tường gỗ vách gãy, ngói nát gạch tan, không thấy một bóng người. Hóa ra sau khi Hoa Đà bị giết, người nhà và họ hàng của ông cũng đều thay họ đổi tên chạy trốn đi nơi khác cả. Tháo bất giác rơi mấy giọt lệ, thầm máng mình rằng: "Hại bạn, hủy hoại nhân tài, tội lỗi, tội lỗi".

Tháo quyết định dựng miếu cho Hoa Đà, để ông mãi mãi được hưởng hương lửa của nhân gian. Song vừa viết xong lệnh cầm tay chiêu vời thợ, Tháo lại do dự: Người đời sau kị

(1) Hoa Đà phẫu thuật trong miệng cho Tào Tháo là một lời nói dân gian. Có lời nói, như trong "Năm mỗ hoài nghi" đã nói, không giống ở đây.

niệm Hoa Đà lại không mắng chửi Tào Tháo giết Hoa Đà hay sao? Không dựng được! Tháo nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng quyết định: Ra lệnh tập trung thợ xây dựng một ngôi miếu cực nhỏ, muốn cho mọi người không chú ý đến nó, chỉ có bản thân Tháo cưỡi trên ngựa mới nhìn thấy được.

Những người thợ biết dụng ý và nỗi khổ tâm của Tào Tháo, liền dùng bốn viên gạch, làm thành miếu nhỏ một ngang ba dọc, khảm trên nóc nhà cao cao, gọi là miếu trên miếu. Hiện nay, ở vùng huyện Bạc (tức quận Tiểu thời Tam Quốc), trên nóc nhà của các gia đình đều có loại miếu trên miếu này, thần được thờ trong miếu chính là Hoa Đà.

HOA ĐÀ VÀ THUỘC HƯƠNG

Phía trước phía sau nhà của Hoa Đà đều trồng đầy cây hoa cây thuốc, ông đều nhiều lần đích thân ném thử, sau khi làm rõ được tính, mới đem dùng cho người bệnh, cho nên luôn luôn chữa cho ai là người đó khỏi, không hề dùng nhầm thuốc, lỡ hại một người nào.

Một lần, có người từ Hàng Châu mang tới một cây bạch thuộc, Hoa Đà bèn trồng ở trước nhà. Ông trước tiên ném thử lá, rồi ném thân cây, sau ném đến hoa, đều cảm thấy rất bình thường, không nhận ra được có được tính gì, không dùng vào được thứ gì, liền xem như hoa nhàn cỏ dại, không để ý đến nó nữa.

Hoa Đà ban ngày khám bệnh cho người, đêm tối thắp đèn đọc sách. Có một lần, canh khuya đêm vắng, bỗng nghe thấy có người con gái khóc nỉ non. Ông nhìn ra ngoài cửa sổ, trong ánh trăng mờ ảo, thấy một người con gái, thân hình mảnh dẻ, mặc áo quần màu xanh thẫm, bộ mặt tròn trĩnh, sắc mặt phơn phớt ửng hồng, tựa như bị oan ức tủi thân, có chuyện muốn nói với mình. Hoa Đà vội vàng đẩy sách sang bên, bước vội ra cửa, lại chẳng thấy bóng người, chỉ thấy chỗ cô gái đã đứng chính là nơi mọc lên cây bạch thuộc ấy. Cây bạch thuộc cành xanh lá biếc, nảy nở những bông hoa màu phấn hồng, dính đầy những giọt sương đêm, tí ta tí tách rơi không ngớt.

Hoa Đà trong lòng xúc động: Lẽ nào cây bạch thược lại là cô gái vừa rồi? Ngay tức thì lại lắc đầu cười nói với cây: "Cho dù bạch thược quả thật có linh thiêng, cũng không nên mù lòa mà khóc. Bạch thược khắp thân mình trên dưới không có gì đặc biệt, ta làm sao có thể đưa bạch thược vào làm thuốc?" Rồi quay người trở lại phòng đọc sách. Vừa ngồi xuống thì lại nghe thấy cô gái ấy nỉ non khóc. Khi ra nhìn, vẫn là cây bạch thược đó. Liên tục nhiều lần như vậy, chẳng lần nào khác cả. Hoa Đà cảm thấy lạ lùng, bèn gọi vợ đang ngủ say ở bên cạnh đây, kể hết đầu đuôi một lượt cho nghe.

Người vợ nhìn hoa cỏ cây thuốc ở ngoài cửa sổ nói:

— Mỗi gốc cây ngọn cỏ ở đây, vào tay ông đều trở thành thuốc hay, có công hiệu kì lạ, đã cứu sống bao nhiêu tính mạng của người bệnh, chỉ riêng có cây bạch thược này lạnh lẽo ở một bên, xem ra ông đã bỏ rơi khinh rẻ bạch thược, bạch thược đương nhiên cảm thấy oan ức mà khóc.

Hoa Đà không tin, cười nói:

— Tôi đã nếm mọi loại bách thảo, dược tính của chúng đều nhận ra được rõ ràng, nên dùng loại nào thì dùng loại ấy, một chút không sai sót. Đối với cây bạch thược này, tôi cũng đã nếm hoa, lá, thân của nó, quả thật đều không dùng làm thuốc được, sao lại oan ức cho bạch thược nhỉ?

— Hoa, lá, thân đều mọc ở bên ngoài, còn rễ chôn ở trong đất kia, ông nên xem thêm ở chỗ sâu đó nữa.

Hoa Đà lại không chịu làm, ông không nói thêm gì, đặt đầu xuống ngủ luôn.

Người vợ cảm thấy chồng tài nghệ cao, con mắt cũng cao lên, đã không nghe lời khuyên nhủ giống như trước đây, lo lắng cứ như thế sẽ khó tránh khỏi xảy ra sai lầm. Có câu nói

cửa miệng: Dùng thuốc như dùng binh, chữa sai giết hại người. Đợi đến khi xảy ra sai lầm lớn, thì nguy hiểm lắm! Nghĩ hoài, nghĩ mãi, bà suốt đêm không chợp mắt. Sáng sớm tỉnh mơ trở dậy, bà liền cầm con dao thái rau, lấy hết tinh thần, cắt ngay một miếng thịt trên đùi, chốc lát máu tươi đầm đìa. Hoa Đà trông thấy hoảng hốt, vội vàng lấy các thứ thuốc hoa cỏ đến cầm máu cho vợ, tất cả đều vô hiệu. Ông gãi tai bóp trán, hai chân giậm hoài, cũng chẳng biết làm cách nào mới xong.

Lúc này, người vợ nhắc ông:

— Có thể đào lấy rễ cây bạch thược thử xem.

Bệnh nặng vấp thuốc tứ phương. Hoa Đà đến bước này, cũng đành thử xem. Kể cũng lạ, ông lấy rễ bạch thược đặt vào chỗ vết thương, cầm máu được liền, mấy hôm đã lành vết, xưa nay chưa thấy có thuốc nào hiệu nghiệm đặc biệt như vậy.

Hoa Đà vừa xấu hổ vừa vui, nói với vợ:

— "Kiêu ngạo sẽ bị tổn hại, khiêm tốn sẽ có ích". Đa tạ sự chỉ giáo của bà, may mà bà đã chảy máu vì tôi đấy!

Người vợ thấy mình chảy máu không uống phỉ, vui mừng hiện lên khoe mát, nói:

— Ông hãy chính thức lấy bạch thược làm thuốc, dùng bạch thược để cầm máu, trị các vết thương.

Hoa Đà cảm thấy tới đây không phải là chỗ dừng hẳn, ông đích thân lại nếm thử từng miếng từng miếng, từng lần từng lần, ông đã làm sáng tỏ thêm: bạch thược uống tươi, thuốc về tính lạnh, có thể đẩy lùi sốt nóng, xao kê lại đối

thành tính nóng, có thể bồi bổ cơ thể. Sau này, bạch thực đã thành một vị thuốc thường dùng quan trọng.

Về sau, ở quê hương Hoa Đà, nhà nào nhà nấy đều trồng bạch thực, ngoài đồng bạch thực mọc nhìn chẳng thấy bờ; khi chế thuốc phơi khắp phố, xe chất thuyền chở vận chuyển tới tất cả các quận huyện. Cho nên huyện Bạc có cái tên đẹp là Thược Hương.

NĂM MỒ HOÀI NGHI

Tào Tháo vừa qua tuổi sáu mươi, vận may mỗi năm một nhiều, con gái trở thành hoàng hậu, con trai được phong tước hầu đã có ba bốn người; bản thân Tháo cũng đã làm Ngụy Vương. Mọi sự đều như ý cả, chỉ có một điều bất hạnh, cứ mắc bệnh đau đầu. Nếu như theo cách của Hoa Đà, mổ xương sọ ra, đào cho hết gốc rễ của bệnh thì có thể trị khỏi. Nhưng lòng đa nghi của Tháo quá nặng, không những không cho Hoa Đà phẫu thuật, còn tìm lí do giết hại người thầy thuốc tốt ấy. Giờ đây đầu đau vật vã, lăn lộn trên giường cũng hết cách, uống thuốc chỉ cũng không khỏi, càng ngày càng gay go, mỗi lần một tăng phát. Năm này qua năm khác, Tháo đã sáu mươi sáu tuổi rồi, lại phát bệnh. Tháo biết mình lần này đầu cạn sức hết, sắp lụi rồi, lại vừa đúng lúc các con trai chủ sự đều ở nơi xa, chỉ có đứa con trai nuôi ở lại bên mình. Tháo bèn đuổi những người hầu hạ ra ngoài, rồi dặn dò người con nuôi rằng:

— Cha sống được đến thế này, cũng xem là hết tuổi trời, việc đáng làm đều đã làm, phúc đáng hưởng đều đã hưởng, bây giờ phải về trời rồi. Đó là việc vui, con không được khóc, cũng không được mặc áo trắng để tang cha. Con nếu như có hiếu với ta, thì mặc áo hồng bào, đưa ta lên núi.

Tháo còn bảo con nuôi việc tang lễ này làm như thế nào, quan tài chôn ở đâu. Người con nuôi nhất nhất nghe lời, vội vàng đi thu xếp. Sau đó, Tháo lại đau giấy giụa, rồi tự tay viết một lá thư, sai người chuyên trách đem đi cho Tào Phi, lúc này mới tắt thở.

Đến hôm đưa linh cữu đi chôn, Nghiệp Thành thật nhộn nhịp, xe ngựa đưa đám có rất nhiều đường, người cầm nghi trượng đều đi theo quan tài, từng tốp lại từng tốp, có toán đi ra hướng đông, có toán đi ra hướng nam, có toán đi ra hướng tây, có toán đi ra hướng bắc, chẳng ai biết trong quan tài nào thực sự có Tào Tháo. Điều đặc biệt lạ kỳ là, hiệu tử cầm phướn không mặc tang phục, lại mặc hồng bào!

Tào Phi cầm quân ở xa, nhận được thư chính tay cha viết cho, nói trước mắt không cho phép trở về lo tang, phải đợi làm xong việc công, lúc đó vừa vặn trăm ngày, phải kịp thời trở về, nếu thấy có người mặc đại hồng bào, đó hẳn là kẻ xấu có bụng dạ phản nghịch, phải trừ diệt ngay. Tào Phi theo di chúc, đúng thời gian trở về Nghiệp Thành, trông thấy người anh em nuôi đang mặc hồng bào cúng tế bài vị, liền giết ngay tức thì.

Rốt cuộc Tào Tháo ngủ trong quan tài nào, lại chôn ở trong mộ nào vốn chỉ có đứa con trai nuôi của Tháo biết, hẳn đã chết thì chẳng ai làm rõ được. Cho nên người đời sau đều nói Tháo có bảy mươi hai ngôi mộ hoài nghi. Những năm mộ ấy, đến bây giờ đều vẫn còn bên bờ sông Chương Hà thuộc ngoại thành Lâm Chương.

TÀO THÁO CHẾT TRỪNG PHẠT QUAN THAM

Thiên hạ loạn lạc mấy trăm năm, quốc hiệu đổi thay những mấy lần, quan châu ở châu Bắc cũng giống như đèn cù, đại khái tính ra cũng đã đổi hơn một trăm lần.

Năm nay, châu Bắc lại về một quan châu mới, họ Tiền tên là Hựu Lực, là loại tốn ba ngàn lạng bạc xin chú cá cạ hai quyền góp. Tên quan này nhận tiền không nhận người, nhận người không nhận lí, là "tay đục khoét" nổi tiếng. Chỉ cần hán đi ra phố, người làm kẹo bánh cũng phải tránh mau, nếu gặp phải thì ít ra cũng mất không hai lạng nước đường loãng. Vì cái đó, dân chúng sau lưng đều gọi hán là Tiền Hữu Lí.

Có một hôm, sai nha báo với hán rằng, móng tường thành cửa đông sụt một lỗ hổng lớn. Hán đập cốc rượu, quát mắng:

— Cút xéo! Quan lớn ta không hỏi việc nhỏ bằng lỗ dít ấy.

—Bẩm quan lớn, trong hốc có trục lăn lúa bằng vàng, tiểu nhân không dám làm chủ ạ.

- Thật vậy sao?

— Không dám nói dối.

— Ôi chao, sao không nói sớm? Thôi, xem như quan lớn ta không máng nhà người.

Hán lập tức tươi cười hơn hờ để sai nha dẫn đường, ngồi lên kiệu đi thẳng tới cửa đông, dọc đường chê trách hoài người khiêng kiệu đi chậm chạp.

Đến gần hốc, kiệu vẫn chưa đặt ngay ngắn, hán đã nhảy ra khỏi, ủng tụt mất một chiếc cũng không thèm nhặt. Thò đầu nhìn vào, quả thật có trục lăn lúa bằng vàng tỏa ánh sáng vàng rực, lấy tay sờ, cảm thấy hơi lạnh thấu tim. "Ngoan lắm! trục lăn vàng to thật, ta quan lớn họ Tiền thật đáng được giàu sang". Hán vội đuổi ngay dân chúng đi khỏi, ra lệnh cho các nha dịch bịt kín cửa hốc, lại sai binh lính canh gác nghiêm ngặt.

Đêm hôm đó, hán điều binh sĩ, sai mấy người nhà thân tín lên lút đem trục lăn lúa bằng vàng đi.

Trên đời không có bức tường nào không lọt gió, việc này "vù" một cái đã được truyền đi. Phủ Dài đại nhân thấy vàng tới mất, mấy lần tới gõ cửa, ai hay Tiền Hữu Lí cảm tình gà trống sắt, cái lông không chịu mất. Phủ Dài đại nhân nói câu, làm tờ tâu vạch tội hán, cách chức hán về nhà, còn bắt phạt tiền tang vật hai nghìn lạng bạc. Thời gian hán làm quan quá ngắn, bạc vợ vết tổng cộng còn chưa đủ một nghìn rưỡi, đành nghiêng rằng lo liệu, sau cùng đến cái quần của vợ cũng bán đi để góp thêm vào mới đủ.

Sau khi về nhà, Tiền Hữu Lí tuy nói bức tức, nhưng lại mừng thầm. Bụng nghĩ: Làm quan là vì kiếm tiền, có tiền chẳng sợ mất quan. Giờ đây ta có trục lăn vàng, ta về già mấy đời tiêu chẳng hết, còn lo cái gì?

Hôm ấy, hán đóng chặt cửa, đến người nhà cũng không để cho biết, rồi hai vợ chồng đem trục lăn lúa bằng vàng ra. Hán cầm chiếc búa sắt lớn, muốn đập vỡ trục lăn vàng để

dem miếng nhỏ tiêu pha cho tiện. Hấn vừa nện xuống, "chát" một tiếng, búa sắt liền đóng chặt vào trục lăn vàng.

Hấn nhổ miếng nước bọt vào lòng bàn tay, xoa xoa, kéo mãi kéo hoài, một toát cả mồ hôi trán cũng không kéo ra được. Người vợ thấy thế, luôn mồm máng chùi hấn vô dụng, sẵn tới giúp hấn kéo. Ai hay thị vừa mới khom lưng, đầu đã cắm vào trục lăn vàng, cũng dính luôn vào đó. Hóa ra trục lăn là một khối đá nam châm lớn.

Khối đá nam châm này vốn là Tào Tháo năm đó sai người chôn xuống, để răn dạy bọn quan lại chó má ăn hối lộ phá kỉ cương. Trên khối đá nam châm vẫn còn lưu lại tên đó! Trong hai lỗ hõm của trục lăn đều có bảy chữ nhỏ: một bên là "vĩ nhân cao cao giờ tay cao", một bên là "bảo vệ bà miêng người trên cây". Hai câu ấy ghép lại, chẳng phải đúng là chữ "Tháo" hay sao?

CHÂN HOÀNG HẬU

Trên bờ sông Chương Hà, cách mộ Tây Môn Báo không xa, có lăng Triều Dương, người được chôn ở trong đó là hoàng hậu họ Chân, vợ của Tào Phi.

Chân hoàng hậu là người Thạch Gia Trại, vốn xưa là con dâu thứ hai của Viên Thiệu. Tào Tháo diệt Viên Thiệu, nàng trở thành tù binh, Tào Phi thấy nàng sắc đẹp hơn người, liền lấy làm vợ. Sau này, người phụ nữ đẹp như đóa hoa ấy lại bị Tào Phi sát hại. Vậy chuyện đó như thế nào?

Nguyên sau khi Tào Phi lấy được Chân Thị, hám sắc đẹp của nàng, suốt ngày trang điểm cho Chân Thị như tiên nữ trên trời. Tào Tháo biết việc này, riêng sai Biện phu nhân đi dạy bảo Chân Thị, nói người trong nhà thừa tướng đều phải học biết thương xót sự khổ đau của thiên hạ, hiểu được sự gian nan của việc nước, sống ở nhà không được xa hoa hoang phí, Chân Thị hoảng sợ vội vàng tạ tội. Sau đó nàng thực sự ăn mặc giản dị, bình thường, không cầu kì nữa. Như vậy chẳng phải tốt lắm sao? Ai ngờ Tào Phi không chịu, còn trách Chân Thị thật thà quá, bảo nàng chỉ cần khi sang phủ thăm viếng các ông các bà thì ăn mặc giản dị một chút là được. Phi giấu Tào Tháo, hàng ngày trốn trong phủ của mình, nào châu báu, nào linh the, càng lưu tâm trang điểm cho Chân Thị. Chân Thị cũng đành nghe theo sự sắp đặt ấy.

Một hôm, Tào Tháo cùng phu nhân lên đài Đồng Tước hóng mát ngắm phong cảnh. Đài Đồng Tước này là nơi cao nhất Nghiệp Thành, đứng trên đài có thể trông thấy rõ góc ngách bốn góc thành. Họ vừa nhìn đã thấy Chân Thị lựa là quần quanh người, trang điểm tuyệt mỹ, đang sánh vai cùng Tào Phi cười nói trong vườn sau! Hai vợ chồng Tào Tháo giận điên người, lập tức sai người truyền báo khiển trách Chân Thị: "Không tôn trọng lời giáo huấn của gia đình, diêm dúa lăng lơ không phải là người hiền đức". Chân Thị vừa sợ hãi vừa chịu cho qua. Tào Phi dỗ dành nói rằng không phải sợ, tự Phi sẽ thay nàng tới trước mặt cha mẹ xin tha thứ. Thực ra Tào Phi đã trở mặt, trước mặt cha mẹ Phi lại thêm dăm thêm mớ chỉ trích rất nhiều những điều sai trái của Chân Thị.

Vì sao Tào Phi lại trở mặt như vậy? Hóa ra lúc bấy giờ Phi đang tranh giành sự cưng chiều của cha mẹ với anh em mình, chỉ lo cha mẹ có ấn tượng không tốt về bản thân, sẽ hỏng mất tiền đồ cá nhân. Phi đâu có quan tâm đến Chân Thị bị oan uổng hay không, cốt sao có lợi cho bản thân mình là làm!

Sau này Tào Tháo chết, Tào Phi quả nhiên làm hoàng thượng. Phi liên tiếp lấy thêm rất nhiều phi tần trẻ đẹp. Chân Thị trong con mắt của Tào Phi chỉ là một vật thừa, một sự phiền toái mà thôi. Song Chân Thị vẫn tưởng rằng mình đã sinh cháu trưởng cho gia đình Tào Tháo, ngồi bấu hoàng hậu mình ngồi là chắc hẳn rồi, đang một lòng chờ đợi Tào Phi đón nàng tới Lạc Dương ngồi ở chính cung kia! "Nhàn rồi ngồi trong nhà, tai họa từ trời giáng xuống". Lúc đó, Tào Thực bị anh trai là Tào Phi đoạt mất đất phong, sung quân đi rất xa. Chân Thị ở Nghiệp Quận nghe nói sự việc đó, tỏ ra không

tán thành cách làm của chồng. Nàng cảm thấy có người anh em ruột thịt tài năng xuất chúng giúp đỡ, cai trị thiên hạ chẳng phải tốt hơn hay sao? Câu nói ấy truyền tới tai Tào Phi giống như con dao thọc vào tim gan, Phi bỗng nảy sinh lòng giết hại.

Sáng sớm hôm ấy, một đoàn người ngựa từ kinh đô tới. Chân Thị vẫn tưởng là tới đón nàng vào cung, liền vui vẻ ăn mặc sang trọng ra tiếp nhận thánh chỉ, nào ngờ thứ tiếp nhận không phải là mũ phượng của bà hoàng hậu mà là tờ chiếu lệnh của vua bắt nàng tự sát. Trời! Chân Thị lúc đó hồn bay phách lạc, ngất đi, ngã vật xuống đất. Thánh chỉ của hoàng thượng hạn giờ hạn phút bắt nàng phải chết, nàng làm sao có thể tự nán lại được? Ngay tức khắc mấy người xông tới, cầm túi bã rượu đã chuẩn bị sẵn, thoát cái bịt mắt Chân Thị, dè thật chặt. Một giờ ba khắc, Chân Thị đẹp như một đóa hoa đã bị ngạt thở chết tươi. Cho nên người ta nói: "Bạn với vua như bạn với hổ" thật không sai chút nào! Chết đi, không bằng người dân thường, chôn vào bãi tha ma hoang là xong chuyện.

Sau này, đứa con đẻ của nàng là Tào Duệ kế ngôi hoàng thượng, mới tìm được hài cốt của mẹ, cải táng trong vườn lăng của gia đình họ Tào, phong hiệu hoàng hậu cho nàng. Lăng Triều Dương là một nấm mồ lớn rất cao, nếu bạn đi trên bờ sông Chương Hà hiện nay vẫn còn nhìn thấy.

TÀO THỰC CHẾT KHÁT Ở BÁT ĐẤU LÍNH

Bát Đấu Linh ở phía đông Hợp Phì, tục truyền là mộ của nhà thơ Tào Thực. Vì Tào Thực rất tài hoa, đương thời đều nói: "Thiên hạ nhân tài chung một thạch, Tào Thực được riêng cả tám đấu". Mộ của Tào Thực được gọi là Bát Đấu Linh. Tương truyền Tào Thực đã chết khát ở Bát Đấu Linh.

Tào Thực là con trai thứ ba của Tào Tháo, văn chương hơn đời, Tháo vô cùng yêu quý, luôn cho Thực đi theo bên mình. Tào Tháo sống cuộc đời chinh chiến, năm sông bốn biển đâu cũng là nhà. Tào Thực luôn theo cha đi khắp nơi. Năm ấy Tào Thực đến Hợp Phì. Thực mang theo một người tùy tùng, chạy một mạch tới đỉnh một quả đồi ở góc đông bắc Lương Viên, cảm thấy mệt, bèn nghỉ dưới một gốc cây trên đồi. Người tùy tùng nhất thời sợ ý không buộc ngựa chu đáo, ngựa giật tuột dây buộc, giẫm nát một vùng lớn hoa màu. Khi đó Tào Tháo có lệnh: "Phàm người giẫm nát hoa màu thì bị xử trảm". Tào Thực đối xử với thuộc hạ rất tốt, song quân lệnh lại không thể chống lại, cảm thấy vô cùng khó xử. Người tùy tùng đó quỳ xuống thưa rằng:

— Chỉ xin đại nhân sau khi tôi chết, quan tâm tới vợ con tôi.

Nói rồi, khóc mãi không thôi.

Nơi này nhiều năm khổ vì hạn hán thiếu nước, Tào Thực đang sắp vùng đao xử trảm thì một người nông phu ở bên cạnh bước tới, nói:

— Xin đại nhân không nên chấp hành pháp luật mà giết anh ta, chỉ xin đại nhân trước mặt thừa tướng, nói giúp hãy đào cho bà con một con sông, có nước mới có lương thực.

Dân chúng yêu cầu "đào sông thế mạng", Tào Thực liền trở về phủ bẩm cáo như sự thực. Tào Tháo nghe xong, quả nhiên miễn tội chết cho người tùy tùng, đồng ý sau khi chiến cục ổn định sẽ tới đào sông.

Tào Tháo chưa thống nhất được thiên hạ, sau khi Tháo chết, anh Tào Thực là Tào Phi lên ngôi. Tào Phi căm ghét Tào Thực tài năng hơn mình, liền hạ chiếu bắt Tào Thực đi Trần Lưu, không cho về kinh thành.

Tào Thực bên mình chỉ có một tùy tùng, chính là người năm đó được miễn tội chết. Năm nay, hai người lại đi tới bên đời, vừa khéo gặp người nông phu đã đưa ra ý kiến "đào sông thế mạng" ấy, bây giờ đã già, tóc bạc đầy đầu. Người nông phu già vui mừng quá đỗi, kéo Tào Thực lại nói:

— Trần Tư Vương, đại nhân gặp khó khăn rồi. Việc đào sông này, chỉ sợ không có hi vọng chẳng!

Tào Thực nói:

— Ông anh, khó thì khó, nhưng vẫn có hi vọng. Tướng quân giữ Hợp Phì là Trương Liêu, là vị tướng yêu quý của phụ vương tôi, tôi có thể ra mặt nhờ ông ta giúp đỡ.

Tào Thực tức thì viết một bức thư cho Trương Liêu. Nhưng đợi hoài không thấy một chữ, một mảnh giấy trả lời nào của Trương Liêu.

Đến mùa nóng nực, vùng này lại giống như mọi năm, suối khô giếng cạn, ruộng đất nứt nẻ, hoa màu chết khô. Tào Thực nhịn khát chịu khô đợi Trương Liêu tới đào sông.

Đến tháng tám, trời vẫn không nhỏ xuống một giọt nước mưa nào, dân làng bỏ ra đi quá nửa. Người nông phu già tóc bạc tới tìm Tào Thực nói:

— Chết khát chẳng bằng lánh nạn đói. Đại nhân cũng đi đi thôi.

Tào Thực lắc đầu, vẫn mê mải chờ đợi binh mã của Trương Liêu tới đào sông.

Đã qua trung thu tháng tám, mùa màng ngoài đồng không thu hoạch được hạt nào, dân làng đều chạy sạch. Chỉ còn Tào Thực vẫn cố chấp đợi chờ ở đó.

Tào Thực đợi hoài đợi mãi, cuối cùng chết khát, ngã xuống dưới đời. Năm sau xuân về, dân làng lánh nạn đói trở lại, mới đem xương khô của Tào Thực an táng ở đây. Hôm an táng cho Tào Thực, mọi người hát bài ca truy điệu:

Tào Tử Kiến tài cao nức tiếng,

Văn chương kia tám miệng dầu đông,

Mong trừ hạn hán cho xong,

Đời hoang chết khát trời trong thăm sầu.

Đồng thời đặt tên cho đời hoang này là Bát Dầu Lĩnh.

MỘ HOÀNG CÔ

Mọi người đều nói Tào Tháo có hai mươi mấy người con trai, chỉ có độc một người con gái, lớn lên xinh đẹp, bụng dạ lại tốt, từ nhỏ được cha cưng chiều. Tiểu thư luôn cưỡi con ngựa nhỏ đi theo cha lui tới khắp nơi; Tào Tháo đến quán Tập Văn giảng bài, tiểu thư đi theo để nghe; Tào Tháo đến quán Chiêu Hiền gặp gỡ bạn, tiểu thư đi theo để bái chào. Lúc ấy Nam Hương, Bắc Hương đều là nơi Tào Tháo lập đồn điền, Tháo đi kiểm tra xem xét công việc, tiểu thư cũng đi theo để xem vui, luôn luôn gặp phải những việc các hộ đồn điền có khó khăn không qua nổi lại nhờ và tiểu thư nói khéo cho trước mặt cha. Tiểu thư cũng nhiệt tình giúp đỡ, vì thế đã kết bạn với nhiều cô gái nhỏ trong các gia đình ở đồn điền. Các cô gái gia đình nghèo thấy con gái cưng của thừa tướng không chút lên mặt thì đều muốn quan hệ với cô.

Năm ấy tiểu thư mười sáu mười bảy tuổi, Tào Tháo gả chồng cho tiểu thư, đã chuẩn bị xong xuôi đồ cưới. Ai ngờ người tốt chẳng sống lâu, còn chưa về nhà chồng, tiểu thư ốm nặng một trận rồi chết. Tiểu thư chết, không riêng Tào Tháo đau xót, ngay những người bạn tốt kia của tiểu thư cũng đều khóc khôn nguôi. Tào Tháo chôn cất con gái bên bờ sông Chương Hà, ngoại thành Nghiệp Quận. Vì anh tiểu thư

là Tào Phi sau này làm hoàng thượng, tiểu thư là em gái hoàng thượng, nên mộ của tiểu thư được gọi là mộ Hoàng cô.

Có một năm, một cô gái ở đồn điền, vốn rất thân với Hoàng cô, bây giờ đi lấy chồng, nhà quá nghèo, không có đến cả cái chậu rửa mặt để mang về nhà chồng, cô gái liền chạy đến mộ Hoàng cô khóc lóc kể khổ:

– Chị ơi, chị coi em có khổ không, về nhà người ta, bản thân ngay đến cái chậu rửa mặt cũng không có, hàng ngày mỗi khi rửa mặt thì mượn mẹ chồng ư? Hay tìm cô em chồng? Vậy thì em làm thế nào mà sống đây!

Khóc hoài khóc mãi, bỗng "rầm" một tiếng, trước mộ bày ngay ngắn cả bộ chậu đồng, hộp đựng xà phòng, đều là những thứ chạm hoa tinh xảo, đồng thau đúc thành, khỏi phải nói là rất cầu kì.

Việc này truyền đi, hàng ngàn hàng vạn người tới xem. Từ đó về sau, các cô gái nghèo của các gia đình ở đồn điền đi lấy chồng không có đồ cưới thì đến mộ Hoàng cô để cầu xin, hễ cầu xin là có, nhất định là thiếu thứ gì cho thứ đó.

TRUYỀN THUYẾT
VỀ
CÁC NHÂN VẬT
NHÀ ĐÔNG NGÔ

TÔN QUYỀN HỎI VỢ

Năm ấy, Đông Ngô giành lại được Kinh Châu, Tôn Quyền mang văn quan võ tướng đến Công An. Nhìn thấy non xanh nước biếc, trời rộng đất dài, bất giác trong lòng thầm đắc ý. Đêm hôm ấy, Tôn Quyền không ngủ được, bỗng nghe thấy cung treo trên vách kêu lanh canh. Tôn Quyền vốn rất thích săn bắn, nghe tiếng cung kêu, tay ngứa ngáy không chịu nổi. Sáng tinh mơ hôm sau, niềm vui tràn ngập, Tôn Quyền dẫn mấy người đi theo bên mình, cưỡi ngựa vào rừng sâu đầm lớn để giương cung thử tên.

Tôn Quyền săn bắn cả ngày, mãi tới khi mặt trời ngả về tây mới cạn hứng trở về. Đi vào cửa phía tây Công An, xuyên qua phố Sài Lâm, thấy đầu phố có cái giếng cổ. Tôn Quyền chạy băng băng cả ngày, mồ hôi đầm đìa, cổ họng khô không khốc, liền nhảy xuống ngựa, vợ vả hỏi mượn thùng, muốn múc nước giếng giải khát. Lúc ấy, một cô gái xinh đẹp mười tám mười chín tuổi từ trong một cửa hiệu thuốc đi ra, cử chỉ dàng hoàng bước tới cất tiếng chào tướng quân vạn phúc, rồi nói:

— Nghe cha tôi nói, "tháng sáu uống nước lã, từng giọt kết băng đá". Tướng quân đang nóng nực, nhất thiết phải kiêng uống nước lạnh, nếu không thì hàn bức hỏa thiêu sẽ mang bệnh.

Tôn Quyền cười nói:

— Miệng khô còn quan tâm được nhiều vậy sao!

Cô gái vội vào bưng ra một bát nước chè thuốc nói:

— Đây là phương thuốc hay chống nóng gia truyền, xin mời tướng quân dùng.

Tôn Quyền ừng ực một hơi uống cạn, cảm thấy tinh thần sáng khoái, nóng nực tan biến. Để cảm tạ ý đậm tình nồng ấy, Tôn Quyền tháo ngọc đeo bên người để tạ ơn.

— Chút nhỏ mọn này, xin nàng nhận cho!

Ai ngờ cô gái không nhận, nói:

— Cái đó thì không thể nhận được, từ xưa đã nói rằng: nước chè không cách biệt. Ai đi xa cũng đều có thể mang cốc chè ở bên mình được sao? Chúng tôi cũng là gia đình thanh bạch, đâu có vì tranh công đòi thưởng mà khinh rẻ bản thân mình chứ?

Tôn Quyền nghe mấy câu nói rất có trọng lượng. Không ngờ thành Công An lại có cô gái tốt thẫu tình đạt lễ, trong lòng liền có cảm tình.

Sau khi trở về dinh, Tôn Quyền liền sai thân tín đến nhà lang trung họ Vương để cầu hôn. Ông Vương lang trung bấy giờ mới vỡ nhé: Vị tướng quân mà đưa con gái Xuân Muội của ông gập bên bờ giếng hóa ra là Tôn Quyền. Bất giác vừa kinh ngạc vừa vui mừng, chợt nghĩ: Gia đình dân thường không xứng thông gia với nhà quyền thế; nhưng lại không khước từ được tấm lòng chân thành của Tôn Quyền. Ông vội gọi Xuân Muội lại bàn bạc: "Việc cầu hôn này có nên nhận lời không?" Xuân Muội đáp: "Việc đó dễ giải quyết". Rồi ngay tại chỗ vẽ xong một bức tranh, mang cho Tôn Quyền để làm thư trả lời.

Tôn Quyền mở cuộn tranh ra xem, nửa bên trái vẽ một con chim phượng màu, nửa bên phải lại là giấy trắng. Suy nghĩ hồi lâu, mới hiểu được dụng ý của Xuân Muội. Tôn Quyền vội vàng mang tờ tranh, đích thân tới nhà, nói với ông Vương lang trung rằng:

— Tranh của lệnh ái vẽ rất đẹp, đáng tiếc chưa xong, còn để lại một nửa, tôi đến bổ sung cho đủ, xem có xứng hay không?

Rồi ngay tại chỗ mài hòa màu sắc, bút đậm họa thành, bên cạnh phượng màu vẽ một ông già đầu bạc. Tôn Quyền hỏi Xuân Muội:

— Nàng thấy thế nào?

Xuân Muội đáp:

— Dưới ngòi bút của tướng quân tỏa ánh sáng rực rỡ, nâng cao giá trị rất nhiều, chỉ e là đầu bạc không hợp với phượng hoàng chăng?

Tôn Quyền cười nói:

— Dâu phải, dâu phải.

Tôn Quyền lại cầm bút đề năm chữ lên bức tranh: "Phượng hoàng chung đầu bạc".

Cuộc hôn nhân này như vậy là thành.

CÁ VŨ XƯƠNG VÀ CANH THẦN TIÊN

Nhắc tới cá Vũ Xương, không ai không khen ăn ngon đặc biệt, ngay dùng xương cá pha hòa thành canh cũng có thể gây hưng phấn tỉnh rượu đó.

Gần Phàn Khẩu (Ngạc Thành), Vũ Xương, tương truyền là nơi đóng thuyền của Ngô Vương. Năm ấy, để mừng thuyền lớn mới đóng hạ thủy, Tôn Quyền sai người sửa soạn tiệc rượu trên thuyền. Dân chúng quanh vùng Phàn Khẩu đều lũ lượt mang cá tươi đến đủ các chủng loại. Đặc biệt là cá vên Phàn Khẩu, là món ăn nổi tiếng hơn cả trên mâm rượu. Cá vên đầu nhỏ cổ ngắn, sống lưng vừa rộng vừa bằng, giống như một con cá sổng. Tôn Quyền gắp một miếng bỏ vào miệng, cảm thấy vị không giống các loại cá khác, đặc biệt tươi mềm, bèn gọi người đưa tới ba đĩa liền, ăn sạch sành sanh; rượu cũng uống hết bả bát lớn. Sau tiệc rượu, Tôn Quyền cho mời ông chài tới, thưởng cho ông bát rượu, bảo ông kể lai lịch loài cá này.

Ông chài nói:

— Cá này xuất xứ ở hồ Lương Tử trăm dặm. Mỗi khi mùa nước lên, nó qua cảng dài chín mươi dặm, vòng qua chín mươi chín khúc cong, xuyên qua chín mươi chín tầng lưới, đến chỗ cửa khẩu của cảng. Nơi này một bên là nước cảng, trong nhìn thấy bóng người; một bên là nước sông, đục giống như nước

bùn vàng. Cá vụn uống ngụm nước đục, nhớ ngụm nước trong, uống ngụm nước trong, nhớ ngụm nước đục, trải qua bảy ngày bảy đêm, thay ruột đổi vảy, vảy đen trên thân đã biến thành vảy trắng sắc bạc, ruột cỏ đen vốn có cũng đổi thành ruột mỡ trắng mập mạp. Cho nên ăn có vị rất đặc biệt.

Tôn Quyền nghe mà mê hồn, vui sướng nói:

— Kể hay lắm, hay lắm! Xin uống thêm bát rượu nữa.

Ông chài uống một hơi cạn, nói tiếp:

— Loại cá này mỡ nhiều, xương cá vớt vào trong nước có thể nổi lên ba váng mỡ.

Tôn Quyền không tin, đích thân thử, quả nhiên xương cá khác chỉ nổi một váng mỡ, riêng xương loại cá này nổi lên ba váng mỡ. Tôn Quyền lúc ấy rất phấn khởi, bung bát rượu tới trước mặt ông chài nói:

— Ông rất thông thạo về cá, từ lượng cũng khá. Ta mời ông uống bát rượu thứ ba.

Ông chài nói:

— Đại vương xem trọng tôi vậy, thì dù say lử ra cũng phải nể tình, song không vội gì, có xương cá loại này hòa làm canh uống, có thể giải rượu.

Tôn Quyền nắm lấy tay ông chài nói:

— Ông nói huyền hoặc khó tin quá đấy, nếu thực sự có thể giải rượu thì ta sẽ chịu phạt ba bát lớn.

Tôn Quyền kéo ông chài vào mâm, sai người lấy nước sôi bỏ xương cá vào pha hòa thành canh, đích thân uống một ngụm, quả nhiên thấy phấn chấn tinh táo. Tôn Quyền vui sướng lắm, bung bát rượu lên nói với các vị đại thần:

— Không ngờ Đông Ngộ ta có cá Vũ Xương ngon như thế này, nào chúng ta cùng uống thêm ba bát lớn nữa.

Các vị đại thần sợ Tôn Quyền uống nhiều có hại đến sức khỏe, khuyên không nên uống nữa. Tôn Quyền nghe xong cười ha hả nói:

— Sợ gì nào, có canh thần tiên tốt thế này giải rượu, ta còn uống mười bát lớn đó.

Từ đấy, cá Vũ Xương và canh thần tiên trở nên nổi tiếng. Cho đến nay, dân chúng vùng Ngạc Thành, sau tiệc rượu, vẫn đều thích dùng xương cá Vũ Xương pha hòa làm canh thần tiên để uống.

LAI LỊCH CỦA TRỐNG CHÂN CHẬU

Vùng Ngạc Nam có một phong tục: Vào ngày tết hàng năm và khi mừng được mùa, đều đánh trống ca hát rất vui vẻ. Nhưng không phải là đánh loại trống hai mặt bịt da, mà là "trống chân chậu". Thân của trống chân chậu giống như chiếc chậu chân bằng gỗ, chỉ bịt một mặt da. Người đánh trống thắt chiếc thắt lưng, trên thắt lưng cắm chéo một chiếc gậy cong cong, từ sau lưng lệch tới phía trước vai trái, đầu gậy thọc vào bên trống gỗ, tay trái đỡ bên trống, tay phải cầm dùi gỗ đánh mặt trống, "tùng, tùng" rền vang, vô cùng oai nghiêm. Tương truyền trống chân chậu có sớm nhất là vào thời Tam Quốc.

Lúc bấy giờ, Tào Tháo dẫn tám mươi ba vạn binh mã xuống Giang Nam, muốn một miếng nuốt tám mươi một châu Đông Ngô. Ngô chủ Tôn Quyền quyết tâm chống lại Tào Tháo, đích thân tới Xích Bích đốc chiến, nhưng lại lo binh lính dưới quyền mình ít. Làm sao đánh thắng quân Tào bây giờ? Không thể làm những việc chưa chắc chắn thành công! Tôn Quyền triệu tập các mưu sĩ cùng bàn bạc, tìm được biện pháp tốt tăng thêm binh lực: Ra lệnh cho dân chúng vùng này, mỗi hộ lấy một người đàn ông, làm một trống trận và một cây thương dài, do quân Ngô cử người dạy họ tập luyện, khi có lệnh truyền là có thể ra trận. Đồng thời ở bờ nam

Trường Giang khắp nơi cắm cờ hiệu quân Ngô, đánh trống la hét để trợ uy cho binh lính, làm cho quân Tào Tháo bên kia sông không biết rõ rốt cục Đông Ngô có bao nhiêu binh mã, để chúng không dám dễ dàng qua sông xâm chiếm.

Song, dân chúng nhất thời đi đâu kiếm ra trống? Rốt cuộc người đồng nhiều chủ kiến, có người đã nghĩ ra cách: Lấy chậu chân gỗ để thay cho thân trống, chỉ bịt một mặt da, đánh lên kêu "tùng, tùng" như thường. Một truyền mười, mười truyền trăm, trai đinh nhà nào nhà nấy ở vùng này đều làm trống chân chậu như vậy, đồng lòng chung sức ngày đêm luyện tập.

Khi đại trận Xích Bích, Tôn Quyền hạ lệnh trai đinh dân làng theo sau đội thuyền quân Ngô qua sông truy kích quân Tào. Những người chạy trước vứt trống chân chậu lại, dùng thương dài vốn để gánh trống mà đánh giặc. Những người đi sau dùng cán thương gánh trống, đánh trống vang trời dậy đất, reo hò trợ uy. Quân Tào đang thua trận như núi đổ, hoảng sợ tháo chạy, nghe thấy phía sau tiếng trống vang rền, càng ngỡ rằng có muôn vạn binh mã đuổi theo, khiếp sợ co cẳng chạy thực mạng. Chúng lần lóc bỏ lẻ, kêu cha khóc mẹ, có đứa bị giết chết, có đứa bị bắt sống, tám mươi ba vạn binh mã không còn được mấy tên sống sót cùng Tào Tháo trở về.

Trận đánh thắng lợi, dân chúng trở về mừng công, lại đánh trống chân chậu góp vui. Cứ như vậy truyền hết đời này sang đời khác, phàm là gặp dịp vui mừng thì liền đánh trống chân chậu, vừa hát vừa nhảy, lưu truyền mãi cho đến ngày nay.

BÀI TUNG HOA

Tôn Quyền và Lưu Bị liên kết, sau đại trận Xích Bích thì dẫn toàn quân trở về nơi đóng quân cũ. Hôm ấy, Tôn Quyền vời riêng Trương Chiêu tới, giao cho Trương Chiêu lo liệu việc khao quân. Trương Chiêu đưa ra ý kiến nói:

— Xưa nay đánh thắng trận, vua đều phải cho tướng sĩ toàn quân mặc áo cấm bào, ca múa vui vẻ, vinh dự một phen. Chúng ta không thể quá đại khái, để khỏi bị người ta chê cười và bị các tướng sĩ oán trách.

Tôn Quyền cảm thấy nói có lí liền đồng ý. Trương Chiêu liền truyền lệnh ngay, tập trung mấy trăm thợ cả cắt may, ngày đêm không nghỉ, may gấp ba vạn bộ cấm bào.

Lúc ấy đang mùa xuân, tiết trời ấm áp, gió xuân lướt nhẹ qua mặt, đào đỏ liễu xanh, phong cảnh rất đẹp. Tôn Quyền trong lòng vui vẻ, ngay sớm tinh mơ đã bước ra khỏi cổng dinh, suốt dọc đường ngắm phong cảnh, tới nơi ở của Trương Chiêu, nói với Chiêu rằng:

— Ngay giờ này ba khác hôm nay khao quân. Cấm bào đã chuẩn bị đủ rồi chứ?

Trương Chiêu nghe xong ngó người ra, đáp:

— Làm xong cấm bào, nhanh ra cũng phải mười, mười lăm hôm, sao sớm quá vậy.

Tôn Quyền nói:

— Ông đợi được, ta đợi được, song cảnh xuân tuyệt đẹp này không đợi ai đâu! Ông xem hai bờ sông Trường Giang này muôn tía ngàn hồng, chúng ta thực không thể phụ tình ý sâu đậm của trời xanh!

Trương Chiêu đáp:

— Ông trời cố nhiên hữu tình, song biết làm sao được khi tướng sĩ toàn quân ta trải qua một trận binh lửa, áo quần rách nát, mặt mũi phác phờ, há chẳng là hủy hoại cảnh đẹp sao?

Tôn Quyền hươ tay chỉ những đóa hoa rực rỡ muôn màu ở hai bên bờ nói:

— Ông hãy trông kìa, quốc sắc thiên hương sẵn có trước mắt, không bôi son mà đỏ, không xoa phấn mà trắng, lại không phải tốn một xu để mua, không đủ cho toàn ba quân tướng sĩ ta trang điểm khắp người sao?

Trương Chiêu bỗng hiểu ra, vội vàng trở về sai người chuẩn bị.

Đến khi khao quân, người thổi kèn gõ, người hát kèn múa vô cùng tưng bừng, các em gái em trai nhỏ đều đầu đội mũ hoa, tay bưng túi gấm, bốc từng nắm từng nắm lớn hoa tươi tung lên người các tướng sĩ, trong chốc lát tích tụ lại thành tầng dày, quả thật là sắc màu rực rỡ, đỏ tía đẹp xinh, đẹp hơn bất kì trang phục cẩm bào nào.

Nơi tung hoa này, về sau gọi tên là bãi Tung Hoa.

TÔN QUYỀN TRỒNG BÍ

Thời Tam Quốc, vùng Ngạc Thành này tên gọi Vũ Xương, là quê hương của cá, gạo. Sau đại trận Xích Bích, Tôn Quyền liền dời đô thành của mình từ Công An tới đây. Cách Vũ Xương về phía nam không xa có một địa phương tên là Vùng Bí, tương truyền Tôn Quyền đã trồng bí ở đó.

Có một lần, Tôn Quyền mang theo tùy tùng đi kiểm tra nơi đóng trại thủy quân, tới ngoại thành phía tây nam. Tôn Quyền thấy ruộng đất mênh mông, mạch non xanh, hoa rau vàng, gà bay chó kêu trâu gặm cỏ, những người nông dân đang bận bịu trồng bí trồng rau, trong lòng rất vui, liền trò chuyện với họ. Tôn Quyền hỏi:

— Ruộng đất nhiều thế này, vì sao còn phải trồng bí trồng rau?

Bà con trả lời:

— Được mùa không quên mất mùa, rau bí có thể dịch được nửa năm lương thực.

"Rau bí bằng nửa năm lương thực", Tôn Quyền cảm thấy có lí, có lợi cho nuôi quân đánh trận giành thiên hạ, bèn học trồng bí ngô bên một chiếc ao lớn. Tôn Quyền trồng rất cẩn thận, bón phân nhiều, chăm tưới nước, còn bắc một số giàn để chúng mọc bò lên trên. Kế ra cũng lạ, loại bí ngô mọc

treo này mỗi dây ba quả bảy hạt, vỏ mỏng, ruột dày, sản lượng cao gấp đôi. Từ đây về sau, bí ngô là đặc sản của vùng này.

Một hôm, Trương Phi tới bái kiến Tôn Quyền, từ thành Ngô Vương tìm tới cung nghỉ mát, từ núi Ngô Vương tìm tới Phàn Khẩu, mọi người đều bảo Tôn Quyền đi trồng bí. Trương Phi không tin Tôn Quyền có thể trồng bí, cho rằng đây là mượn cớ đóng cửa không cho khách vào nhà, liền nhất quyết tìm cho ra chân tướng. Trương Phi cưỡi ngựa đi tới bên nương nước, thấy bên kia nương có tốp người đi tới, người thì gánh, người thì đẩy xe, trên chất đầy loại quả bầu không phải bầu, bí ngô cũng không giống bí ngô. Trương Phi hỏi là gì, những người đi tới đều nói là bí ngô do chính Ngô Vương trồng, lại còn bảo Ngô Vương còn trồng cả bí đao, dưa hấu, dưa gang. Hiện giờ Tôn Quyền đang bận ở ngoài đồng phía trước. Trương Phi nửa tin nửa ngờ đi tới, quả nhiên thấy có một chiếc lều để bí, một vùng bí ngô rộng, các ngọn bí đều leo lên giàn, trên dây kết trái đều là ba quả, quả nào quả nấy đều to kì lạ. Trong ruộng chỉ có một lão nông, đầu đội mũ cỏ, thân mình dính đầy đất bùn, chân đi dép cỏ, bên tai còn đeo dây bí, lá bí nữa. Trương Phi nghĩ: Bí ngô dù ngon nhưng nhất định là do ông lão nông này trồng ra. Tôn Quyền việc lớn quốc gia còn quản không xuể, đâu có thể quan tâm tới việc này? Đáng giận ông ta ăn không nói có, rõ ràng ghi nợ với mình đây. Không chỉ là hù dọa dân chúng, còn hại Trương Phi ta phí công sức chạy tới ngoại ô hoang vắng này. Thật bực mình? Bất giác hét to một tiếng, vung xà mâu nhằm quả bí ngô thọc mạnh. Lúc bấy giờ lão nông ấy lên tiếng:

— Tam tướng quân, đánh chó phải nhin mặt chủ, xin nề tình đừng tay, đừng hủy hoại những quả bí tôi trồng!

Trương Phi nhận ngay ra là Tôn Quyền, biết là cách khe cửa nhìn người lệch lạc, đành nhận ngay lỗi lầm của mình.

Người đời sau gọi nơi Tôn Quyền trồng bí là Vùg Bí, gọi cái ao Tôn Quyền lấy nước tưới bí đó là ao Vùg Bí, còn xây dựng riêng cho Tôn Quyền một ngôi miếu gọi là miếu Vùg Bí. Con mương Trương Phi gặp mọi người chuyên chở bí đó gọi là mương Vậ Chuyền Bí, thời gian dài lâu, lại gọi là mương Nhà Tống(1). Còn truyền rằng, Tôn Quyền trồng dưa gang dâng cho Hán Hiến Đế, cho nên sau này địa phương không có dưa gang nữa.

(1) "Mương Vậ Chuyền Bí" và "Mương Nhà Tống" là do âm đọc chệch đi mà thành — ND.

KHÔNG THỀ XEM THƯỜNG MỘT NGƯỜI LÍNH MỘT QUÂN TỐT

Tôn Quyền có tài chinh chiến, sau đại trận Xích Bích, tiếng tăm ngày càng lớn, thì con mắt chỉ nhìn lên trời cao, làm việc gì cũng chỉ dựa vào mấy vị văn thần võ tướng có tiếng, không coi các nhân vật nhỏ bé ra gì, kết quả là bị thua thiệt.

"Mồng ba tháng ba, mồng chín tháng chín, không có việc gì chờ đi lại bên sông." Buổi chiều hôm ấy, Tôn Quyền mũ nhỏ áo đen ngồi chiếc thuyền con từ mỏm Yến Tử thuộc Ngạc Thành đi về Phàn Khẩu, quả nhiên gặp gió xoáy cuộn đôi rồng như gậy quất, mưa như trút nước, khiến Tôn Quyền choáng váng suýt nữa lật thuyền. May mà được cứu thoát ở một bãi sông dưới chân núi phía tây, bốn bề đen ngòm, gió tay không nhìn thấy ngón. Tôn Quyền đang gặp khốn khó, bỗng thấy trong lũng núi lóe ra chút ánh sáng đèn, vội vàng đi tới gọi cửa. Cửa kẹt mở, có một bà mẹ và cô con gái từ trong lều tranh bước ra, rất khách khí mời Tôn Quyền vào

nhà tránh mưa gió; họ còn bưng ra canh gừng, bày cơm và thức ăn lên dãi Tôn Quyền. Sau khi ăn xong, đêm đã khuya, mưa vẫn còn rơi, Tôn Quyền đành để nguyên quần áo mà nằm ngủ trên giường của cô gái.

Gà gáy lần thứ nhất, bên ngoài mưa gió đã ngừng hẳn, vầng trăng cũng đã mọc, Tôn Quyền không làm sao ngủ được nữa. Bỗng nhiên, trong phòng bên cạnh vọng sang tiếng nói chuyện:

— Mẹ ơi, tối qua con thua mẹ, tối nay mẹ lại dạy con mấy nước cờ đi.

— Cái con này, phòng bên có khách, ngủ không được thì học thuộc lòng sách dạy đánh cờ đi.

— Không hề chi. Khách đã ngủ say từ lâu rồi, mẹ con mình nói nhỏ một chút...

Tôn Quyền vội vàng giả vờ ngủ say, ngáy khò khò, kì thực vẫn đang nghe họ tiếp tục nói về cờ: Rõ ràng người con gái đánh cờ lợi hại lắm, dám xông dám tiến; người mẹ công thủ đều giỏi, nước cờ cao siêu, cuối cùng thắng trước một ván.

- Con gái thua ván này là thua ở chỗ xem thường một người lính, một quân tốt, lại đánh ván nữa vậy...

Tôn Quyền cảm thấy kì lạ: Một là không thấp đèn, hai là không nghe thấy tiếng quân cờ đụng vào bàn cờ, vậy đánh cờ bằng cách gì vậy? Phải chăng hai mẹ con đang nói huyền thuyên! Tôn Quyền nhẹ nhàng bước xuống giường, áp sát vào khe cửa nhìn kĩ, quả thật không nhìn thấy cái gì, chỉ nghe thấy hai mẹ con ngủ trên giường, mẹ một nước con một nước sát phạt rất ác liệt. Tôn Quyền bất giác sùng sốt, suyt nữa kêu lên: "Giỏi lắm, giỏi lắm! Phụ nữ nơi núi non hoang dã này lại có thể nhắm mắt đánh cờ!"

Gà gáy lần thứ ba, Tôn Quyền không sao ngủ được nữa, vươn mình trở dậy tới từ biệt hai mẹ con để ra đi, tiện thể hỏi chuyện đánh cờ tới qua. Người đàn bà trung niên ấy nhìn thấu tâm tư của Tôn Quyền, nói:

— Hai mẹ con chúng tôi một tối không dùng binh dùng tốt thì không ngủ được. Xem ra quan khách cũng là người biết chơi cờ, có thể đánh một ván với con gái tôi chứ.

Tôn Quyền đấu cờ với cô gái nọ thật, ai ngờ đánh ván nào thua ván đó: Ván đầu thua không thực tin phục, ván thứ hai thua mặt nóng ran, ván thứ ba cô gái quay lưng lại bàn cờ, nhắm mắt lại, dùng miệng đánh cờ khiến Tôn Quyền không kịp trở tay. Tôn Quyền khi đó mới phục tài lợi hại của hai mẹ con. Tôn Quyền thi lễ trình trọng nói với người đàn bà ấy rằng:

— Tôn Quyền tôi có mắt không biết ngọc mạ vàng. Xin cho hỏi hai mẹ con vì sao có thể đánh cờ giỏi như vậy?

Người đàn bà ấy trả lời:

— Đánh cờ cũng giống như dẫn quân đánh trận, phải quan tâm toàn cục, cẩn thận từng nước cờ, một người lính một quân tốt đều không thể xem thường.

Tôn Quyền từ tạ hai mẹ con, ra khỏi thung lũng, sức nhớ vẫn còn chưa biết hai mẹ con họ gì tên gì, liền theo đường cũ trở lại. Ai hay tìm khắp thung lũng, chẳng đâu có hai mẹ con, ngay bóng dáng của chiếc lều tranh cũng không tìm thấy. Tôn Quyền hiểu ra là đã được gặp thần tiên chỉ giáo, từ đây con mắt luôn luôn nhìn xuống dưới, chú ý đến tiểu binh, tiểu tốt và những nhân vật không tên tuổi, từ trong đó lựa chọn ra rất nhiều những nhân tài trẻ có triển vọng.

ĐÁ THỦ KIẾM Ở NÚI TÂY

Ngạc Thành thời Tam Quốc gọi là Vũ Xương, Tôn Quyền vốn khởi nghiệp ở đây. Gần đó có ngọn núi Tây, núi này phía bắc kề Trường Giang, phía nam gần Nam Hồ, phía tây trông ra Phan Khẩu, phía đông nhìn xuống Cổ Thành, hình thế hiểm trở, phong cảnh đẹp đẽ, cho nên Tôn Quyền vô cùng ưa thích núi Tây, đã xây dựng riêng trên núi một cung nghỉ mát. Tôn Quyền luôn sống ở đây, vừa là để nghỉ mát, cũng là để tránh tai mắt của người đời, mưu toan việc lớn giành thiên hạ. Dưới vách đá sau cung nghỉ mát có chiếc ao rửa kiếm nước trong veo; trên đỉnh núi không xa có ba hòn đá thủ kiếm ngay ngán lạ lùng... Tương truyền ba hòn đá ấy đều có liên quan tới Tôn Quyền, đều có câu chuyện rất hấp dẫn.

Năm ấy, Lưu Bị ở rể Đông Ngô, sống trong thành Vũ Xương. Lúc đầu Lưu Bị còn cảm thấy thanh nhàn dễ chịu, không bao lâu trong lòng chẳng yên, thầm nghĩ: Mình đánh đông dẹp bắc đã nửa đời người, lẽ nào chỉ là để lấy vợ đẹp, ăn uống hưởng thụ sao? Lưu Bị quyết định: Phải mau chóng thoát thân, rời khỏi tổ ấm yên vui này. Việc không thể chậm trễ, Lưu Bị chạy thẳng tới núi Tây, yêu cầu Tôn Quyền mau thả cho về.

Bấy giờ đúng vào mùa nóng nực, lại gần giữa trưa, tiết trời vô cùng oi bức. Song trên núi cây cối nhiều, mọi chỗ đều râm mát; gió núi cũng lớn, thổi mát rượi. Lưu Bị bất giác thầm khen tuyệt, trong lòng nghĩ: Mọi người đều nói Tôn Trọng Mưu lòng mang chí lớn, mong lấy thiên hạ, nào ngờ hiện nay cũng giống như mình, bị thiên đường ở chốn nhân gian này mê hoặc, chỉ muốn hưởng phúc thanh nhàn! Chính lúc ấy văng vẳng truyền tới những tiếng "soạt, soạt, soạt...", rõ ràng là từ phía sau cung nghỉ mát. Lưu Bị cảm thấy lạ lắm: Ai dám liều lĩnh ở đây? Lẽ nào lại không sợ gây ồn cho Tôn Quyền, sẽ bị hỏi tội sao? Rồi vội vàng lặng lẽ xuyên qua rừng thông, vòng qua cung nghỉ mát, tới trước một vách đá. Lưu Bị chỉ thấy ở đó có dòng nước suối chảy ào ào, tụ lại thành cái ao nhỏ nhỏ, bên bờ ao có một tảng đá lớn cao ngang lưng. Bên cạnh tảng đá có một chàng trai cao lớn, lưng khom chân dạng, lấy tư thế cưỡi ngựa, đôi bàn tay cầm bảo kiếm sáng loáng, nhìn kĩ hóa ra là Tôn Quyền đang nhúng nước suối mài kiếm.

Lưu Bị không nén nổi kêu to:

— Trọng Mưu, té ra đại huynh trốn lên núi nghỉ mát như thế này đây!

Tôn Quyền giật mình, ngẩng đầu nhìn thấy Lưu Bị, cười giấu giếm nói:

— Tôi từ sớm đến tối ở đây ăn rồi ngủ, ngủ rồi ăn, buồn chán quá!

Một mặt giả vờ làm ra vẻ ướm oái, bỏ kiếm vào bao, lại nói:

— Tôi đây chỉ là vì giải buồn mà!

Lưu Bị trong lòng đã hiểu, để giành thiên hạ Tôn Quyền phải chuẩn bị bí mật. Lưu Bị cũng không nói rõ thêm, chỉ thuận gió kéo cờ, cười ha hả nói:

– Nhân nhả vô vị thật, mài kiếm một chút đúng là cách tốt tiêu nhân giải buồn đó. Nào, đệ cũng mài cho vui!

Lưu Bị rút kiếm song cổ, cũng nhúng nước trong ao rồi bắt đầu mài. Nơi đây sau này gọi là ao Rửa Kiếm.

• Tôn Quyền e sợ Lưu Bị nhìn thấu tâm sự của mình, do vậy mà sẽ hăng hái phấn khởi trở lại rồi ra khỏi núi đi tranh thiên hạ, liền tiếp tục giả vờ nói:

– Chà! Đời người chẳng qua bốn việc lớn: ăn, uống, chơi, vui. Nào, chúng ta đi uống vài chén, nhất định phải say sưa mới thôi.

Tôn Quyền kéo tay Lưu Bị đi vào cung nghỉ mát. Đồng thời lớn tiếng gọi tùy tùng:

– Mau ra Phàn Khẩu, kiếm cá Vũ-Xương về, ninh, sốt, rán, kho, làm nhiều kiểu vào để ta được ăn no nê với Lưu hoàng thúc.

Cá Vũ Xương là đặc sản của Phàn Khẩu. Mỗi khi mùa hạ, nước sông từ Phàn Khẩu đổ vào sông bên trong, cá vèn ở hạ lưu sông liền bơi ngược dòng tới Trường Giang. Chúng dọc đường xông xáo, bơi quẫy tốn sức nhiều, và kiếm mồi ăn cũng nhiều, cho nên đến Phàn Khẩu cá lớn lên vừa to vừa béo, thơm ngon đặc biệt, nổi tiếng trong thiên hạ, có cái tên đẹp dễ là cá Vũ Xương. Lưu Bị vốn rất thích ăn loại cá này, nhưng hôm nay ăn lại không thấy mùi vị gì. Lưu Bị cảm thấy chính bản thân mình giống như loại cá này, cũng rơi vào lưới của thành Vũ Xương này, không biết lúc nào mới có thể trở lại sông hồ? Hối hận rằng anh hùng chẳng nên nhụt chí, trai

gái tình dài, trúng mĩ nhân kế của Tôn Quyền, sống uống phi rất nhiều ngày tháng ở Đông Ngô, suýt nữa lỡ cả việc lớn. Nhưng mình đang ở trong hang hùm ổ cọp, tâm sự này mà muốn một để lộ ra thì tính mạng khó bề giữ được, vậy thì nguy hiểm lắm! Lưu Bị thầm nhắc nhở mình: Rượu say dễ nói điều thật, quyết không được sơ ý! Bèn ngậm miệng không nói đến việc yêu cầu rời Đông Ngô ra về. Bả chén rượu vào bụng, Lưu Bị mượn cớ trong người khó chịu, đẩy chén ra, rời khỏi bàn tiệc, ra khỏi cung nghỉ mát, chậm bước đi về đầu núi bên trái.

Lên cao nhìn xa, sông lớn cuộn cuộn chảy về phía đông. Lưu Bị tưởng nhớ các tướng sĩ, trong lòng nghĩ: Cá không thể rời nước, rồng không thể thiếu mây, mình bất luận ra sao cũng không thể chôn chân mà chết ở đất này! Lưu Bị ngẩng mặt lên trời than dài một tiếng, thầm khấn: "Trời xanh trên cao, nếu thực có thiêng, xin hãy cho ta điềm báo trước!". Rồi soạt một tiếng, rút thanh kiếm song cổ ra, nhảm khối đá lớn nói:

— Nếu là ta giành được thiên hạ, thì một nhát kiếm này bổ đôi khối đá cứng.

Tay vung kiếm chém xuống, một tiếng nổ lớn như sấm, một luồng ánh lửa chói mắt, tảng đá ấy quả nhiên bị phân ra ngay ngắn lìa lưng, rời ra đúng một phần ba.

Lúc này, Tôn Quyền cũng theo sau bước tới, thấy Lưu Bị một nhát kiếm chém rời đá cứng thì rất kinh ngạc! Bất giác kêu thất thanh: "Sức lực thần tiên!"

Lưu Bị sợ Tôn Quyền nhìn thấu tâm sự, rùng mình một cái, rời thuận tay thu kiếm lại, chỉ vào hòn đá đứt rời ra ấy, nói:

–Ồ, đây vốn có một đường nứt lớn, để chỉ là lựa dao theo mười thái món ăn, gặp may thôi.

Tôn Quyền trong bụng nghĩ: Lưu Bị chẳng qua là một con chim trong lồng của ta, chỉ cần số phận ta có được thiên hạ, thì sợ chi Lưu Bị chẳng nghe ta sắp đặt! Tôn Quyền cũng rút kiếm đánh soạt, nhằm khối đá Lưu Bị chém còn lại đó lạng lẹ khẩn cầu rằng: "Trời cao hỡi trời cao, nếu như tôi lấy được thiên hạ thì cho tôi một kiếm bổ đôi tảng đá cứng này". Tay vung kiếm chém xuống, cũng một tiếng nổ lớn như sấm, một đường lửa chói mắt, khối đá này quả nhiên đứt rời ra ngay ngắn lìa lòng.

Lưu Bị và Tôn Quyền hai nhát kiếm bổ hòn đá lớn thành ba hòn, kích thước của chúng xấp xỉ nhau, điều ấy ứng với sau này phân chia thiên hạ thành ba nước, cho nên mọi người liền gọi chúng là đá Thử Kiếm.

TÔN QUYỀN MUỐN ĐẤT DẪN NƯỚC

Truyền rằng mùa thu năm sau đại trận Xích Bích, hạn lâu ngày không mưa. Một vùng ruộng đất phì nhiêu thuộc cánh đồng Hoa Bi huyện Sùng Dương bùn đất khô nứt, hoa màu chết khô, đường xá thành tro, binh mã đi qua, bụi cát mù trời. Dân chúng đói khổ không sao chịu nổi, người nào người nấy mặt ủ mày chau. Ngõ chủ Tôn Quyền xuống xem xét tình hình hạn hán, thấy quang cảnh như vậy thì than thở rằng: "Chiến tranh liên miên nhiều năm, dân lầm than cực khổ, ruộng vườn hoang vu, đó là lỗi của chúng ta!".

Tôn Quyền dẫn binh mã tới đóng trại ở dưới chân núi đầu ruộng. Một hôm, Tôn Quyền đem theo hai người hầu, cưỡi ngựa tới Thanh Sơn, nhìn thấy một con sông nhỏ từ trong núi chảy ra, hoa màu hai bên bờ sông nhờ có nước tưới nên tuy trời hạn nhưng vẫn lên xanh tốt. Tôn Quyền cảm thấy lạ lùng, có nguồn nước tốt như thế này, nông dân vì sao không dẫn nước về dùng nhỉ? Vừa khéo lúc ấy, có người tiêu phu đốn củi xuống núi, hát bài sơn ca thể lương:

*Dòng nước giữa đôi bờ núi biếc,
Một dòng sông dòng lệ chảy tràn,
Nguồn nước nhà giàu đều chiếm hết,
Còn đâu là phần nước dân thường,*

Tôn Quyền gọi người tiều phu lại hỏi han cận kề, mới hiểu cánh đồng rộng lớn Thanh Sơn này là của Hoàng viên ngoại; còn vùng đất khô hạn rộng lớn thuộc cánh đồng Hoa Bi là của dân chúng nghèo khổ. Muốn dẫn nước sông ở thượng lưu này đem dùng thì phải đi qua ruộng đất của Hoàng viên ngoại. Hoàng viên ngoại có quyền có thế, không chịu nhượng ra một tấc đất. Tuy đã mấy lần kiện cáo, vẫn không thắng nổi ông ta.

Hôm sau, Tôn Quyền sai hai sứ giả tới trang trại Hoàng viên ngoại truyền đạt ý kiến, yêu cầu viên ngoại hàng ngày cho mượn ba ngàn gánh nước sông Thanh Sơn để cho binh mã dùng, còn yêu cầu viên ngoại đích thân dẫn người gánh nước từ đầm Thanh Sơn đến doanh trại Đoàn Đầu Sơn. Nếu không làm đúng như thế thì xem như tội chống lại quân lệnh, phải xử trảm. Hoàng viên ngoại nghe xong hồn bay phách lạc, luôn mồm kêu khổ: "Trời ơi! Đây chẳng phải là rắp tâm hại ta sao? Từ đầm Thanh Sơn đến Đoàn Đầu Sơn đi về hai mươi mấy dặm đường, cứ cho là mỗi ngày một người gánh ba chuyến, ba ngàn gánh nước cũng phải một ngàn người đi gánh!". Hoàng viên ngoại chạy tới Đoàn Đầu Sơn xin Tôn Quyền nể tình. Tôn Quyền mày rậm dựng ngược, đập bàn quát:

— Nhà ngươi ruộng tốt ngàn mẫu, lương thảo vạn gánh, độc chiếm dòng sông Thanh Sơn, bảo ngươi đem chút nước tới, lại dám vi phạm quân lệnh sao?

Tôn Quyền vẩy tay, hai bên đao phủ đổ xô tới. Hoàng viên ngoại hoảng sợ mặt tái mét, vội kêu: "Xin tha tội!". Tôn Quyền nói:

— Tam thời có thể tha mạng chó cho nhà ngươi, song ngươi phải cho mượn ít ruộng đất để ta dẫn nước.

Hoàng viên ngoại đành ưng thuận.

Tôn Quyền lập tức cưỡi con ngựa lớn đầu cao, chạy rất nhanh, từ cánh đồng Hoa Bi chạy thẳng đến cánh đồng Thanh Sơn, xuyên ngang qua ruộng đồng tươi tốt của Hoàng viên ngoại, đến bên sông Thanh Sơn thì dừng lại. Sau đó dân chúng và các tướng sĩ theo vết chân ngựa đào mương dẫn nước, chỉ trong hai ngày, con mương dài mười mấy dặm đã đào xong, nước sông ào ào từ cánh đồng Thanh Sơn chảy tới cánh đồng Hoa Bi. Từ đó, ruộng đất khô cạn vạn mẫu của cánh đồng Hoa Bi đều trở thành ruộng đất tốt.

Để cảm tạ công ơn của Tôn Quyền, mọi người liền gọi nơi đóng quân của Tôn Quyền là Ngô Thành, và dưới chân núi Đoàn Đầu Sơn, nơi cửa ra của sông Thanh Sơn còn xây dựng một ngôi miếu, lấy tên là miếu Ngô chủ.

NGUỒN GỐC CỦA MIẾU NGÔ CHỦ

Cửa suối Gia Ngư Lục vốn tên là Lục Khẩu. Tương truyền Lục Tốn đã từng dẫn quân tới đóng ở đây mười sáu năm trời, sau này liền đổi tên thành Lục Khẩu(1). Cách Lục Khẩu không xa có ngọn núi Giới Thạch, trên núi có ngôi miếu Ngô chủ, thờ cúng Ngô chủ Tôn Quyền. Vì sao nơi đây xây dựng miếu Ngô chủ, điều này có liên quan tới Lục Tốn.

Năm ấy, Lục Tốn mới khoảng hai mươi tuổi, đã chỉ huy ngàn vạn binh mã. Hai nước Thục, Ngụy đều xem thường Lục Tốn; đa số lão thần nước Ngô cũng không tin phục, lo lắng Lục Tốn có thể làm lỡ việc lớn quốc gia. Chỉ có Tôn Quyền đối với Lục Tốn hết sức yên tâm, nói:

- Trong kinh thành do ta lo liệu, ngoài kinh thành do Lục Tốn cai quản.

Lục Tốn biết nhiệm vụ này rất nặng nề, cùng với binh mã ba quân chia ngọt sẻ bùi, đêm ngày luyện tập.

Hôm ấy, Lục Tốn đang chỉ huy các tướng sĩ diễn tập thủy chiến gần Lục Khẩu, bỗng có lính xuống thuyền báo: "Phát hiện có mấy người, mình mặc áo xanh, đầu đội mũ nhỏ, đi dọc theo sông nhìn ngó, dáng vẻ rất khá nghị, có lẽ là thám tử, binh

(1) "Lục" nghĩa là "sáu" đồng âm với "Lục" nghĩa là "họ Lục", ở đây chỉ Lục Tốn - ND.

lính đã bắt giữ họ lại rồi". Lục Tốn vừa sợ tiết lộ bí mật quân sự, vừa sợ lỡ làm tổn thương dân chúng, lập tức lên bờ, cưỡi con ngựa chiến, phi về nơi xảy ra sự việc. Khi tới gần núi Giới Thạch, thấy binh lính đã vây chặt lấy mấy người đó, chẳng đợi trình bày, ra tay trời nghiêng. Song mấy người đó không hề hoảng hốt, chỉ nói: "Gọi đồ đốc tôi, gọi đồ đốc của các anh tôi". Xem ra khẩu khí cũng không nhỏ.

Lục Tốn cảm thấy kì quặc, vội bước tới gần nhìn xem, thấy một người trong bọn họ mặt vuông miệng rộng, mắt biếc, râu đỏ, rõ ràng là Tôn Quyền mặc thường phục vi hành tới đây. Lục Tốn phút chốc toát mồ hôi, quỳ sụp xuống đất, luôn miệng nói: "Thần có tội! Thần có tội!". Binh lính đều ngơ ngác, đã chộc một lỗ hờ to thế này, vá víu sao đây? Người nào người nấy sợ run, chân tay không biết đặt vào đâu. Lục Tốn đích thân cời trời cho Tôn Quyền, dùng sợi dây tháo ra ấy để trời mấy người lính: "Vô lễ quá, nhất định phải nghiêm trị". Binh lính đều không dám cãi lại, chỉ một mực van xin tha tội chết.

Lúc bấy giờ, Tôn Quyền không chút giận dữ, lại tỏ vẻ vui mừng. Tôn Quyền nhẹ nhàng kéo Lục Tốn ra, chỉ vào các binh lính nói:

— Họ đâu có tội? Trái lại họ có công. Không nên phạt, phải thưởng cho họ. Xem ra, binh mã tướng quân chỉ huy ngay lúc ngủ cũng mở mắt, ta lại càng yên tâm lắm.

Mọi người thấy Tôn Quyền thưởng phạt phân minh, con mắt tinh tường hiểu người, thì đều rất cảm động, nhất loạt quỳ xuống, tung hô vạn tuế.

Về sau, vì sự việc này, mọi người đã xây dựng ở nơi đây ngôi miếu Ngô chủ.

ĐÌNH VỌNG NGÔ VÀ ĐIỆN ĐẠI VƯƠNG

Có một năm trời đại hạn, mùa màng không thu hoạch được hạt nào, dân chúng hết đường kiếm sống. Dưới núi Khương Tường có ông già tên gọi Vương Lạp, hơn bảy mươi tuổi, dúi lá trong nhà, chỉ còn thoi thóp. Đường lúc đó, có một người lính khuân bao gạo đến nhà Vương Lạp, giúp ông nấu chín cháo, múc một bát, từ từ bón cho ông ăn. Vương Lạp như cây mạ khô héo gặp trận mưa đúng lúc đã tươi tỉnh và sống trở lại. Ông già hỏi người lính:

— Anh tốt bụng như vậy, phải chăng là tiên trên trời giáng xuống hạ giới?

Người lính trả lời:

— Tôi là lính bộ binh của Đông Ngô.

Vương Lạp lại hỏi:

— Quan lớn của các anh ở đâu?

Người lính bảo ông già:

— Ở trên thuyền lớn bên hồ dưới chân núi. Chúng tôi theo quan lớn chở tới mười thuyền lương thực dành riêng cứu giúp dân nghèo khổ gặp tai ương.

Vương Lạp nhất định đòi đến trước mặt quan lớn để cảm tạ ơn cứu nạn. Người lính dẫn ông xuống thuyền quan, chỉ thấy ông quan lớn ấy mắt biếc râu đỏ, tướng mạo đường đường. Vương Lạp quỳ sụp xuống váng thuyền rập đầu tạ ơn. Ông quan lớn ấy vội vàng đỡ ông dậy nói:

— Ông già không nên làm như vậy!

Vương Lạp hỏi quý tính đại danh của quan lớn, quan lớn cười nói:

— Nói về họ thì tôi xếp thứ ba, về thế hệ tôi cũng xếp thứ ba, ông cứ gọi tôi là ông Ba vậy!

Vương Lạp chấp tay vái lia lịa, luôn miệng nói:

— Đa tạ quan lớn Ba, đa tạ quan lớn Ba...

Ông quan lớn đó hai ba lần an ủi Vương Lạp, rồi sai binh sĩ đưa ông về nhà.

Vương Lạp dường cùng được sống lại, gặp ai cũng nói ân đức của "quan lớn Ba". Có ông giáo nghe được, lặng lẽ suy nghĩ: Nói về họ thì xếp thứ ba - Triệu, Tiền, Tôn, là chữ Tôn; về thế hệ xếp thứ ba - bố, con, cháu, vẫn là chữ Tôn; lại thêm Vương Lạp kể tướng mạo của người đó, "ò!" ông giáo bỗng vỗ lế: "Người này nhất định là Ngô chủ Tôn Quyền!"

Vương Lạp vội cùng với dân làng đi tới chỗ thuyền đậu vừa rời thì thuyền đã rời xa. Vương Lạp đứng trên mỏm đá buộc dây thuyền, mắt đắm đắm nhìn buồm trắng xa dần, nhìn hoài nhìn mãi, bất giác đầu choáng mắt hoa ngã nhào xuống hồ.

Sau này, có người bầm cáo ti mỉ tình hình Vương Lạp nhìn theo thuyền quan xảy chân chết đuối cho Tôn Quyền nghe. Tôn Quyền liền cho người tới núi Khương Tường xây một cái đình sáu góc trên móm đá bên hồ ấy để kỉ niệm ông già Vương Lạp, một người dân lương thiện, và đặt tên là đình Vọng Ngổ.

Qua vài năm, dân địa phương gom góp tiền của, lại xây một ngôi miếu ở lưng núi Khương Tường, gọi là điện Đại Vương, trên điện đường thờ tượng Ngổ chủ Tôn Quyền để kỉ niệm công lao Tôn Quyền cứu giúp nhân dân bị nạn. Từ đó về sau, điện Đại Vương đã thành địa danh của vùng này, truyền mãi cho tới ngày nay.

LAI LỊCH GÒ CỨU MẠNG

Huyện Dương Tân có hồ Vông, giữa hồ có một gò đất, mọi người đều gọi là gò Cứu Mạng. Gò đất này lạ lắm, bất kể nước dâng lớn như thế nào cũng không ngập nổi gò, nước lên gò cũng nổi lên, nước xuống gò cũng xuống, luôn cao hơn mặt nước ba thước. Muốn nói về lai lịch của gò, phải bắt đầu kể từ thời Tam Quốc.

Năm ấy, chư hầu mười tám ngà đánh dẹp Đông Trác, Tôn Kiên đầu tiên dẫn quân tiến đánh Lạc Dương, lấy được ngọc tì truyền quốc. Tôn Kiên sợ người khác cướp mất, liền thâu đêm dẫn binh mã của mình, không từ biệt mà ra đi, trở về Đông Ngô. Khi thuyền qua hồ Vông, bỗng gặp gió to. Chỉ thấy sóng lớn dậy trời, phút chốc sập lật thuyền. Tôn Kiên vừa kinh ngạc vừa lo sợ, vội hỏi đại tướng Trình Phổ ở bên cạnh:

— Làm thế nào bây giờ?

Trình Phổ đáp:

— Khi xưa, Tần Thủy Hoàng đi săn, đến hồ Động Đình, gặp sóng to gió lớn, vội vả ném ngọc tì xuống hồ, lập tức gió yên sóng lặng. Giờ đây cứu mạng sống là quan trọng, chúng ta cũng học Tần Thủy Hoàng đi!

Tôn Kiên lúc này cũng không kịp nghĩ tới việc muốn làm hoàng đế nữa, vội ném ngay ngọc tì xuống hồ, "tôm" một

tiếng, bọt nước bắn lên cao mấy trượng, cạnh thuyền bỗng xuất hiện một gò đất nổi cao hơn mặt nước ba thước. Cả bọn bước lên gò đất mới bảo toàn được tính mạng. Qua một hồi, mặt hồ gió lặng sóng yên, Tôn Kiên lại nghĩ tới ngọc tí đó: Vứt mất ngọc tí rồi, sau này làm sao lên ngôi làm hoàng đế được? Tôn Kiên lại hối hận, sai người xuống hồ mò, nào có thấy bóng dáng ngọc tí? Trình Phổ nói:

— Không mò nữa, gò đất dưới chân chúng ta có lẽ chính là ngọc tí ấy hóa thành.

Tôn Kiên nghe xong, vỡ lẽ, luôn mồm nói: "Đáng tiếc! Đáng tiếc!"

Sau này, Tôn Kiên không quên sự việc ngọc tí cứu mạng, bèn đặt tên cho gò đất ấy là gò Cứu Mạng. Và xây dựng một tháp đá chín tầng ở trên đó, gọi là tháp Trấn Bảo. Tháp này tới nay vẫn còn. Nghe nói, mấy cây đại cổ thụ ở xung quanh gò đất hiện giờ chính là những cọc buộc thuyền của Tôn Kiên năm ấy mọc thành, đến nay vẫn còn dấu vết mấy đường dây thừng rất sâu trên thân cây.

THẦN ĐỒNG CHU DU

Chu Du là con người tài hoa số một Giang Nam, năm hơn hai mươi tuổi đã thống lĩnh ba quân thủy, bộ Đông Ngô. Ngay từ nhỏ Chu Du đã rất thông minh, đến nay dân chúng Giang Nam vẫn gọi Chu Du là thần đồng.

NĂM TUỔI BIẾT GHI SỐ

Năm ấy Chu Du năm tuổi, ông ngoại mời riêng cho Chu Du một thầy giáo đến dạy ở nhà. Một hôm, thầy xin phép về thăm nhà, ông ngoại muốn thử xem học vấn của Chu Du, liền nói với Chu Du rằng:

— Thầy giáo không có nhà, ông lại tuổi già mắt kém, số sách trong gia đình không có người ghi, cháu ghi thay ông một chút nhé. Nếu có chữ không biết viết thì đợi thầy giáo về sẽ hỏi.

Chu Du đồng ý ngay.

Hôm đầu, ông ngoại mua ở ngoài về chín con lươn, hôm sau lại mua về tám con cá chạch, hôm thứ ba mua về bảy vò rượu trắng. Chu Du ghi từng khoản vào sổ theo lời ông ngoại dặn. Hôm thứ tư, ông ngoại muốn kiểm tra sổ sách, giờ ra

xem, ông giật thót mình, hóa ra ba thứ đã mua về chưa có thứ nào được ghi vào cả, chỉ thấy có vẽ ở trên số hai vạch và một vòng tròn. Ông ngoại ngỡ rằng Chu Du vẽ chơi, liền hỏi:

– Cháu ghi số chưa?

Chu Du chỉ vào vạch và vòng tròn đó trả lời:

– Đó chẳng phải là đã ghi rõ ràng sao?

Ông ngoại nói:

– Đây mà là ghi số sách ư?

Chu Du đáp:

– Ông chẳng đã nói, chữ nào không biết viết thì đợi thầy giáo về hỏi là gì? Chữ "lươn" trong từ "con lươn", chữ "chạch" trong từ "con chạch", chữ "vò" trong từ "cái vò", ba chữ này cháu không biết viết, nên vẽ hai cái vạch và một vòng tròn. Vạch dài là lươn, vạch ngắn là chạch, vòng tròn là vò đựng rượu trắng.

Ông ngoại lại hỏi:

– Vậy ai biết cháu ghi số lượng bao nhiêu?

Chu Du trả lời:

– Các thứ số lượng thế nào, cháu đều ghi ở trên đó.

Ông ngoại nhìn kĩ, quả nhiên thấy trên vạch dài có viết chữ "cửu" (chín), trên vạch ngắn có viết chữ "bát" (tám), trong vòng tròn có viết chữ "thất" (bảy).

Ông ngoại hỏi:

– Vậy thì đọc thế nào?

Chu Du đáp:

– Chín con lươn, tám con chạch, bảy vò rượu trắng đã ghi trên.

BẢY TUỔI BIẾT GIẢI MỘNG

Hàng xóm sát vách nhà ông ngoại Chu Du có bà họ Trương, bà Trương có đứa con trai tên là Trương Hiếu. Trương Hiếu mười tám tuổi thì đến nơi khác học nghề buôn bán, ra đi ba năm chưa về nhà. Bà Trương ngày đêm mong nhớ, lo lắng sinh bệnh.

Một đêm bà nằm mộng thấy một quả lê vỡ làm hai nửa, không hiểu mộng giải như thế nào, liền mời thầy giáo dạy Chu Du giải mộng cho bà. Thầy giáo thờ dài một tiếng nói:

— Quả lê chính là lìa khỏi con trai, chẳng phải bà chết thì là con bà từ biệt cõi trần gian rồi. Bà mau chuẩn bị việc tang thối.

Mấy câu nói ấy khiến bà Trương khóc thất thanh chết đi sống lại.

Chu Du đứng lẫn trong đám trẻ con xem vui, thấy thầy giáo giải mộng như vậy, cảm thấy không đúng. Dội thầy giáo đi rồi, Chu Du nói với bà Trương:

— Xin chúc mừng bà! Trương đại ca đi buôn bán phát tài sắp trở về nhà, bà mau giết gà mổ ngỗng chuẩn bị đón anh ấy đi!

Bà Trương tức giận nói:

— Bà đang lo chết đi được, thằng nhóc con mày còn trêu bà!

Chu Du giảng giải:

— Nói quả lê là lìa khỏi con trai, là phù hợp với tình hình ba năm trước đây, cũng xem như thầy giáo đã nói đúng một

nữa. Nhưng thầy giáo vẫn chưa giải nghĩa nữa khác là quả lê vỡ đôi thì có thể nhìn thấy hột, đó chính là nói bà sắp nhìn thấy con trai sau ba năm xa cách.

Bà Trương cảm thấy Chu Du nói có lí hơn thầy giáo, liền vội vã giết gà, mổ ngỗng. Hai hôm sau, Trương Hiếu quả nhiên về nhà. Thế là bà Trương gặp ai cũng khoe: "Thằng bé Chu Du bảy tuổi này giỏi hơn cả thầy giáo của nó".

Thầy giáo nghe thấy ngượng quá, đành bỏ không làm nghề dạy tư ở nhà Chu Du nữa.

TÔN LANG VÀ CHU LANG

Thường nói: Chiến Quốc hoàng đế nhiều, Tam Quốc anh hùng lắm. Hai vị anh hùng nổi tiếng nhất của Đông Ngô là Tôn Sách và Chu Du, mọi người đều gọi họ là Tôn Lang và Chu Lang. Vì sao vậy? Thì ra hai người thuở nhỏ đều đã là anh hùng.

DUỘC BÁI LÀM THẦY

Nhà Chu Du ở Thư Thành. Cuối đời Hán thiên hạ đại loạn, Ngô hầu Tôn Kiên đưa vợ con đến lánh nạn ở Thư Thành. Hai gia đình Tôn, Chu vừa vặn ở liền sát vách. Hai cậu bé Tôn Sách và Chu Du, hàng ngày ra cửa là gặp mặt, gặp mặt là cùng chơi, lớn lên trở thành bạn thân sống chết có nhau. Hai người sinh cùng một năm, Tôn Sách chỉ hơn Chu Du hai tháng, đều khôi ngô tuấn tú, tướng mạo đường đường. Nhà họ Chu mời được một thầy giáo văn võ toàn tài dạy dỗ Chu Du. Chu Du rất tôn kính thầy; nhà họ Tôn cũng mời thầy giáo cho Tôn Sách, song do tính nết Tôn Sách nóng nảy, lại có thói kiêu ngạo, đến thầy nào đuổi thầy đó, đến hai thầy đuổi cả hai, làm cho các thầy không dám đến nhà.

Một hôm, Chu Du hỏi Tôn Sách vì sao lại đuổi hết thầy này đến thầy khác. Tôn Sách bô bô nói:

– Họ đều là những hạng vô danh, không có tài ba gì.

Tôn Sách lại hỏi Chu Du vì sao không đuổi thầy giáo. Chu Du đáp:

– Thầy giáo của tôi có tài, tôi rất kính phục thầy.

Tôn Sách không tin, muốn được thử ngay trước mặt, liền nói:

– Tôi muốn học thử người thầy có tài của anh đó, thế nào?

Chu Du gật đầu đồng ý, dẫn Tôn Sách đến gặp thầy giáo.

Người thầy ấy ngăm nhìn Tôn Sách từ trên xuống dưới, rồi lạnh lùng nói:

- Tôi đây tài ba không lớn, tính khí rất lạ, chỉ nhận học sinh của một nhà, không nhận học sinh của hai nhà.

Tôn Sách nghe xong, trong lòng bức bối lắm, vì lần đầu đến, không rõ nội tình, đành nén giận nói:

- Vậy xin được theo bên thầy làm thư đồng vậy!

Một hôm, thầy giáo dẫn hai người dạo chơi, tới đầu thôn, trông thấy những quả táo lớn trên cây giống như những chuỗi đèn lồng đỏ. Thầy giáo nói:

- Tôn Sách, hãy hái những quả táo xuống, chúng ta nếm táo đầu mùa.

Tôn Sách hai tay ôm cây định trèo lên. Thầy giáo quát:

- Dừng lại, không được trèo!

Tôn Sách quay người định chạy về, vừa chạy vừa nói:

- Tôi lấy cái sào để đập!

Thầy giáo lại quát:

- Không được về, hái táo ngay tại chỗ!

Tôn Sách nhìn cây táo, cành thấp nhất cũng cao cách đầu mình hai cánh tay, nhảy lên cũng không với tới, đứng đó nghĩ hồi lâu chẳng có cách nào, mặt đỏ bừng.

Thầy giáo quay người hỏi Chu Du:

- Có cách nào lấy táo xuống được không?

Chu Du cung kính trả lời:

- Có cách ạ.

Chu Du tháo dây thắt lưng tung lên, dây lưng quăn vào cành táo, một tay kéo dây lưng cho cành táo rủ xuống, tay khác hái lấy rất nhiều táo, bưng tới trước mặt thầy. Thầy nói với Tôn Sách:

- Anh nhìn thấy rồi chứ? Đó gọi là "Sư phụ dẫn vào cửa, tu hành ở bản thân". Cha anh là Tôn Kiên văn võ toàn tài, làm Ngõ hầu, địa vị cao quý, nhưng chưa từng nghe nói thầy dạy của Tôn Kiên là nhân vật tài giỏi thế nào!

Tôn Sách nghe xong, vội khom mình thi lễ nói:

- Thưa thầy, tôi đã hiểu, rất mong thầy nhận tôi làm học trò.

Thầy giáo thấy Tôn Sách thực sự tình ngộ, liền chấp nhận, để Tôn Sách và Chu Du vun đất làm hương, kết nghĩa anh em.

Thầy giáo lòng tràn ngập vui sướng, nói:

- Tôn Lang, Chu Lang, bắt đầu từ hôm nay, hai người là anh em kết nghĩa, cũng là anh em đồng môn, tình như tay chân, từ nay về sau chăm chỉ học văn luyện võ, sau này giúp đỡ lẫn nhau, ra sức vì nước.

Vì thế người đầu tiên gọi hai người là Tôn Lang, Chu Lang chính là thầy giáo của Tôn Sách và Chu Du.

ĐÍNH HÔN TÊN GỌI TRUYỀN ĐI

Kiều Huyền người quận Lu Giang có hai con gái là Đại Kiều và Tiểu Kiều. Hai chị em thông hiểu sách vở lễ nghi, đẹp như hai đóa hoa tươi; lại có một điều lạ, xưa nay họ chưa từng dùng phấn sáp trang điểm, nhưng khuôn mặt lúc nào cũng màu hoa đào, nước rửa mặt xong đều phơn phớt hồng, cho nên nổi tiếng xa gần.

Năm ấy Tôn Sách, Chu Du đều đã mười tám tuổi, học hành đã tinh thạo, thầy giáo nhà họ Chu vui mừng khôn kể, sau khi bàn bạc với bố mẹ Chu Du, liền dẫn hai học trò tới nhà họ Kiều xin kết thông gia. Kiều Huyền thấy Chu Du, Tôn Sách khôi ngô tuấn tú, rất xứng với hai con gái mình, trong lòng thầm hứa gả, song nước chè cũng chẳng mời một cốc, đi luôn vào sân trong, hồi lâu không lên tiếng cũng chẳng lộ mặt. Ba người đang buồn bực, bỗng nhiên một gia nhân chạy tới nói với Tôn Sách và Chu Du:

- Đầu thôn có hai con dê húc nhau, đã nửa ngày, không ai lôi ra được, ông chủ nói nhờ các anh lôi ra hộ rồi dắt chúng về.

Hai người cảm thấy hoang đường buồn cười, nghĩ kĩ lại, trong đó hẳn có ẩn ý. Thầy giáo đang nhìn họ cười đó! Trong lòng họ càng sáng tỏ, liền vội vàng đáp: "Học trò sẽ đi". Hai người đi tới đầu thôn, quả nhiên thấy hai con dê đực đang đánh nhau rất hăng, cát bụi mù mịt, mặt đất bị đào bới lên thành những rãnh. Hai người xán tay vén áo, nhưng không tới kéo lôi dê, mà chạy thẳng tới cây dâu lớn gần đó hái xuống một ôm to lá dâu, ném vào bên cạnh hai con dê, hai chú dê đực thấy từng đồng lá dâu tươi non thì liền thôi không đánh nhau nữa, quay đầu nhai lấy nhai để, chẳng phải lôi kéo mà tự chúng rời nhau ra. Đợi cho dê ăn no, hai người liền dắt chúng về nhà họ Kiều.

Kiều Huyền nhìn thấy liền nói:

- Tay hai anh khỏe lắm, mới một loáng đã dắt được dê về?

Hai người trả lời:

- Với sức tay của chúng cháu vốn có thể lôi ra được, chỉ là vì hai con dê đang hăng máu, hễ buông tay ra là chúng lại xông tới húc nhau, đã tốn thời giờ lại dễ gây tổn thương cho dê. Chúng đã húc nhau nửa ngày, hẳn đã đói, chỉ bằng cho chúng thứ ưa thích, cho nên vứt lá dâu non vào, chẳng phải lôi kéo gì mà tự chúng thôi húc nhau, hiện giờ bụng đã no, lòng thù địch tiêu tan, ngoan ngoãn theo chúng cháu về đây.

Kiều Huyền gật đầu, khen ngợi:

- Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng. Sự việc tuy nhỏ, lí lẽ giống nhau. Các anh học hành khá đấy!

Lúc này, Đại Kiều bụng cóc tới trước mặt Tôn Sách, tươi cười nói:

- Tôn Lang, xin dùng trà!

Tiểu Kiều bưng cốc tới trước mặt Chu Du, hôn hờ nói:

- Chu Lang, xin dùng trà!

Trước mặt thầy giáo là một cốc trà thơm, đương nhiên là do Kiều Huyền đích thân dâng mời.

Bấy giờ, nhà họ Kiều trống nhạc vang lừng, giết gà mổ lợn, chiêu đãi ba vị khách quý. Thầy giáo hỏi Kiều Huyền ngày nào rước dâu. Kiều Huyền cười, chỉ nói:

- Anh hùng kết duyên mãi nữ, xứng đáng! xứng đáng!

Thầy giáo còn chưa hiểu ra, hai chàng trai trẻ đã nhận ra ý ở ngoài lời: Dương thời loạn lạc, phải tỏ rõ tài năng trở thành anh hùng mới được rước dâu. Tức thì họ thi lễ cáo từ. Kiều Huyền và hai con tiễn tới ngã đường. Kiều Huyền than thở thầy giáo vất vả. Đại Kiều nói với Tôn Sách:

- Tôn Lang trong lòng em, đi bình an nhé!

Tiểu Kiều nói với Chu Du:

- Chu Lang trong lòng em, đi bình an nhé!

Vì thế, người thứ hai gọi hai người là "Lang" là Đại Kiều và Tiểu Kiều. Từ đó tên gọi Tôn Lang, Chu Lang được truyền đi.

LỖ TÚC LÀM MỐI

Lỗ Túc là đồ đốc Đông Ngô tiếp sau Chu Du. Ông vốn là kẻ sĩ ở Cư Sào, làm nên chức quan cao như thế nào, có đoạn truyền thuyết sau đây.

Lỗ Túc với Kiều Huyền ở quận Lưu Giang là thân thích. Một hôm, Lỗ Túc tới thăm Kiều Huyền, vui vẻ nói với Kiều Huyền rằng, không lâu nữa, sẽ có người tới mời mình ra khỏi núi. Kiều Huyền hỏi ai muốn mời ông. Lỗ Túc đáp: Tôn Kiên lần trước thua trận, đi qua Cư Sào, quân đội hết lương, tới nhà yêu cầu trợ giúp, bản thân đã khẳng khái cời túi, quyền góp mười vạn gánh quân lương, giúp Tôn Kiên vượt qua lúc khó khăn, cho nên đoán rằng Tôn Kiên sẽ tới mời mình vào quận tham chính. Kiều Huyền nghe xong, xua tay lia lịa nói:

- Không xong, không xong, ông nghĩ thế nhất định sẽ không đúng!

Lỗ Túc bị Kiều Huyền cho một đòn vào gáy, khiến đầu choáng mắt hoa, nhất định đòi Kiều Huyền nói ra lí lẽ. Kiều Huyền nói:

- Giờ đây kỉ cương triều đình sa sút, gian thần nắm quyền, mua quan bán tước, dân chúng đều đang truyền miệng hát: "Cử tú tài, không biết sách; cử hiếu liêm, cha bỏ nhà; tướng tốt dinh cao nhất như gà". Tôn Kiên là vị anh hùng, tuyển chọn hiền tài, chấn hưng Đông Ngô, mục đích là giành thiên

hạ, nếu như vì tiếp nhận quyền giúp của ông mà bất kể hiềm ngu cho ông làm quan, thì Tôn Kiên cũng đã thành vua u mê rồi; hơn nữa "quyền lương cầu quan" với "lấy tiền mua quan" là cùng một giuộc, ông là người có tài cơ sao lại chuốc lấy danh vị xấu xa như thế?

Lỗ Túc như đang mơ chợt tỉnh lại, trong bụng nghĩ: Đúng là người trong cuộc hồ đồ, thảo nào Tôn Kiên đi lâu vậy, không thấy có động tĩnh gì! Kiều Huyền thấy Lỗ Túc hồi lâu không lên tiếng, mới nói:

- Từ Kính, nếu ông thực sự muốn làm nên sự nghiệp cũng không khó, tôi có việc nhờ vả, ông hoàn thành tốt đẹp được việc này là xong.

Thì ra năm đó Đại Kiều, Tiểu Kiều đã hứa gả cho Tôn Sách, Chu Du, ngày nay hai người đều đã là anh hùng nổi tiếng thiên hạ, song mãi vẫn chưa tới đón dâu. Phải chăng họ cảm thấy gia đình họ với nhà họ Kiều không môn đăng hộ đối? Kiều Huyền liền nhờ vả Từ Kính đi giúp để xem rõ nguyên nhân. Lỗ Túc mỉm cười nhận lời. Thế là Lỗ Túc đem theo Đại Kiều, Tiểu Kiều đến Kiến Nghiệp, sau khi thu xếp xong xuôi cho hai cô gái, liền đi yết kiến Tôn Kiên.

Tôn Kiên nghe nói Lỗ Túc tới yết kiến thì căn dặn thuộc hạ:

- Phải hỏi rõ ý đồ đến, nếu là đến để đòi nợ thì trả lời sau mùa thu sẽ trả hết, không phải ở lại đây chờ lấy!

Một lúc, lính canh vào bẩm báo rằng:

- Lỗ Túc tiên sinh đến để làm mối cho đại công tử!

Tôn Kiên đang giận Kiều Huyền coi khinh mình, gả con gái không hẹn ngày tháng, có ý hủy bỏ đính hôn, tiếc rằng

Tôn Sách không theo ý cha, nên việc này vẫn còn kéo dài chưa kết thúc. Vừa nghe nói, Lỗ Túc đến để làm mối, thật khéo gặp dốc xuống ngựa, thế là vội vàng đích thân ra đón, tiếp chuyện ngay. Lỗ Túc nói gia đình đính hôn này là bạn thế giao với mình, con gái ông ta với Tôn Sách là trai tài gái sắc đôi lứa xứng đôi. Tôn Kiên nghe xong rất vui, bảo phu nhân mời cơm hai cô gái ở phủ trong. Nhìn coi, quả nhiên hai cô gái dung mạo xinh đẹp, thoát tục siêu phàm. Mọi người tới tập tễ lời chúc mừng phu nhân, khen ngợi cuộc nhân duyên này tốt đẹp. Tôn Kiên càng phấn khởi hơn, ngay tức thì muốn con trai là Tôn Sách kết duyên cùng mỹ nữ. Song Tôn Sách cáo bệnh không gặp cha, Tôn Kiên hiểu rằng chưa lay chuyển được tính cố chấp ấy của con trai, liền bàn với Lỗ Túc, Lỗ Túc nhận lời nhất định thuyết phục được công tử.

Lỗ Túc tới gặp Tôn Sách, Tôn Sách nằm trên giường, không tiếp chuyện. Lỗ Túc cũng không giận, móc ra một túi gấm vút lên trên bàn nói:

- Tôi từ quận Lu Giang đem đến cho công tử một món quà, mong công tử tự nhận lấy nó, Tử Kính chào từ biệt.

Lỗ Túc chấp tay vái đi khỏi. Tôn Sách mở túi gấm ra, bên trong là tấm khăn lụa, trên có thêu một bài thơ:

*Chàng Tôn cất bước dạ thần thờ,
Lu Giang mỹ nữ lưỡng ngân nga,
Thêu tấm khăn tay cầu trời đôi,
Ngang cũng tơ mà dọc cũng tơ (tơ).*

Bên dưới thêu bốn chữ triện nhỏ: "Tôn Lang trong lòng". Tôn Sách xem liền mấy lượt, mới nhận ra những chữ cuối mỗi câu đem ghép lại thì thành "Gái Lu Giang võ vàng tương tư", lời nói phía sau chính là câu nói lúc Đại Kiều chào từ

biệt mình. Lúc ấy mới hiểu cô gái Lỗ Túc làm mối chính là Đại Kiều vợ chưa cưới của mình, bất giác tim đập rộn, tai nóng ran, lập tức sửa sang quần áo rồi vội vã đuổi theo, rap đầu bái lạy nói:

- Cảm ơn tiên sinh vì tôi đường xa lặn lội, việc này rất mong tiên sinh giúp cho thành công.

Lỗ Túc đỡ Tôn Sách dậy, nói:

- Khởi phải cảm ơn, tôi chỉ cảm động trước tấm tình si của Đại Kiều, cũng không muốn Ngô hầu lỡ mất dịp tốt, nên mới nghĩ ra cách làm này, công tử yên tâm mà làm chàng rể đi!

Tôn Sách lo cha biết sự thực, lại sinh chuyện bất ngờ, mặt lộ vẻ buồn. Lỗ Túc nói:

- Dựa vào ba tấc lưỡi không hồng của Tử Kính, nhất định khiến Ngô hầu hoàn toàn tin phục, Tôn Lang cứ an tâm.

Tôn Kiên nghe nói con trai đã nhận lời, rất khâm phục tài năng của Lỗ Túc, lập tức truyền lệnh chăng đèn kết hoa, làm lễ cưới cho Tôn Sách. Sáng sớm hôm sau, Lỗ Túc bái kiến Tôn Kiên, vừa gặp mặt đã nói ngay rằng người con gái mình làm mối này chính là Đại Kiều. Tôn Kiên nghe xong bỗng nổi giận, đập bàn mấy cái, nói:

- Lỗ Túc to gan, dám ý thế có công quyền gộp lương thực để trêu ta, Tôn Kiên ta đây lẽ nào có thể tha thứ cho nhà người!

- Vừa dứt lời, "soạt" một tiếng, các vệ sĩ rút kiếm khỏi bao. Lỗ Túc mặt không đổi sắc, cười nói:

- Xin Ngô hầu chớ giận, tôi làm vậy vốn là nghĩ cho Ngô hầu đó.

Tôn Kiên cơn giận chưa nguôi, nói:

- Cha con Kiều Huyền xem thường ta, con gái quê của ông ta sao xứng với con trai dũng cảm của ta, nhà người đem hoa trồng vào gỗ, rõ ràng làm ta chịu nhục, sao có thể nói là nghĩ cho ta?

Lỗ Túc thông thả nói:

- Người xưa nói: "Người không tin, không đứng vững, vua không tin, hủy hoại đất nước". Tôi dùng sắc đẹp của con gái họ Kiều thuyết phục được vợ của Ngô hầu, lấy trình tiết của Đại Kiều thuyết phục được con của Ngô hầu. Một là thỏa mãn nguyện vọng của đôi lứa, khiến cha con chung ý chung lòng; hai là giúp cho đại công tử có được anh em đồng hao tốt, khiến tướng quân Chu Du càng thêm trung thành với Đông Ngô; ba là ngăn được Ngô hầu không phạm sai lầm lớn ngồi ngôi cao mà hủy bỏ ước hẹn, giữ trọn vẹn thanh danh của Ngô hầu, khiến Ngô hầu được dân tin. Đó lẽ nào không phải là phúc lớn của họ Ngô, phúc lớn của quận Ngô? Từ Kính thấy Ngô hầu là anh hùng hào kiệt ngày nay, mới phá bỏ gia tài quyền góp lương thực, dốc toàn lực để Ngô hầu thành công, Ngô hầu không phản trắng đen, lại muốn giết hại. Giết đi! giết đi! giết đi! Muốn chém muốn đâm, xin cứ ra tay!

Lời lẽ vàng đá, nói ra có sức mạnh, khiến Tôn Kiên mắt tròn, lưỡi đờ, hồi lâu không nói ra tiếng! Rồi bỗng kêu to:

- Từ Kính hãy thứ lỗi cho ta!

Tôn Kiên rời chỗ ngồi đến vái lạy, cầm tay Lỗ Túc nói:

- Rất mong Từ Kính ở lại Kiến Nghiệp, thường xuyên dạy bảo cho ta, chỉ cho ta chỗ lầm lỗi, Tôn Kiên ta vinh hạnh lắm, quận Ngô vinh hạnh lắm!

Lỗ Túc bấy giờ mới ở lại đảm nhận chức quan. Tiếp sau đó, theo chủ kiến của Lỗ Túc, do Tôn Kiên làm chủ hôn, cũng tổ chức lễ cưới cho Chu Du với Tiểu Kiều. Mọi người nhất loạt ngợi khen Tôn Kiên, văn nhân võ sĩ đua nhau tới Đông Ngô, nước Ngô hưng vượng phát đạt lên như vậy đó!

Tiểu Kiều đề thơ hỏi Chu Lang

Về việc hôn nhân của Chu Du và Tiểu Kiều, có một truyền thuyết lí thú. Rằng Kiều Huyền có hai người con gái xinh đẹp, muốn chọn hai người con rể vừa ý nhất. Sau này, Đại Kiều chọn được Tôn Sách uy thế lấy lòng Giang Đông, Tiểu Kiều thì lại chậm chạp chưa chọn được lang quân như ý. Tôn Sách có người bạn học thân là Chu Du, là một chàng trai tài mạo xuất chúng, văn võ song toàn, có ý theo đuổi việc hôn nhân này. Một hôm, Tôn Sách dẫn Chu Du đến nhà bố vợ, có ý định xe duyên cho hai người. Tiểu Kiều vừa mới nhìn đã bằng lòng, song lại không muốn dễ dãi nhận lời, liền có ý ra một đề thơ gây khó dễ, hạn thời gian để Chu Du trả lời theo trật tự đảo ngược lại. Nói rằng nếu đối đáp được, việc hôn nhân này xem như là xong. Chu Du cầm lấy xem, bài thơ Tiểu Kiều ra đề là:

*Một Đại Kiều này hai Tiểu Kiều,
Ba xuân dung mạo bốn mùa yêu,
Năm nhan sáu sắc hòa bảy vẻ,
Tám chín mười phần vẻ nổi sao.*

Mấy câu thơ này là nói hai nàng lớn lên xinh đẹp, các thứ sắc màu đều khó vẽ nổi dung nhan họ. Mới xem ra thấy rất bình thường, nhưng nghĩ kĩ lại, cũng rất khó đối đáp cho sát,



hướng chi trật tự lại còn phải đảo ngược, lại càng thêm phần khó khăn. Chu Du trở về nơi ở, cơm tối cũng không ăn, thấp nển lên, mài mực trải giấy, ngồi cạnh bàn vắt óc suy nghĩ, lao tâm khổ tứ rất lâu, vẫn không nghĩ ra được câu nào thỏa đáng. Đến gà gáy lần thứ ba, Chu Du trong lòng buồn phiền, liền bước ra ngoài sân, ngẩng đầu nhìn lên, chỉ thấy trăng sáng giữa trời, chợt nhớ ra hôm nay đúng là ngày mười chín tháng tám, sáu người cùng tập đi theo mình đã ngủ say từ lâu, bỗng nhiên lời thơ hiện ra trong đầu:

Mười chín nhìn trăng tám phần tròn,

Bảy người đã có sáu ngủ ngon,

Canh năm bốn điểm ba gà gáy,

Nàng Hai ra đề một đêm nan.

Chu Du trở lại bên bàn, cầm bút viết thành bài rồi bỏ bút cười. Tiểu Kiều xem xong thơ rất hài lòng. Cuộc lương duyên ấy như vậy là đã thành công.

THÀNH CHU DU VÀ GÒ LUYỆN NGỰA

Tôn Sách sau khi gặp được Chu Du, giống như con hổ mọc thêm đôi cánh, cảm thấy sau này có thể tung hoành không trở ngại gì, thỏa sức tranh giành thiên hạ. Tôn Sách vui mừng nói với Chu Du rằng:

- Ngàn lính dễ có, một tướng khó tìm. Tướng quân mau cùng tôi ra đi đánh đông dẹp bắc chứ!

"Dưa chín cuống mới rụng, nước tới sông tất thành". Chu Du từ chối nói:

- Tôi còn phải luyện tập binh mã, đợi sau khi lính giỏi ngựa khỏe mới có thể xuất quân.

Chu Du liền đi tìm nơi luyện tập binh mã. Chu Du đi khắp quê nhà, thấy có một đồi đất nằm trên vùng đất bằng, không xa chính là sông Hàng Phu, cách sông có thể trông thấy núi Xuân Thu; phía đông núi là một vùng đất bằng phẳng, nhìn ra xa không thấy bến bờ; đi về phía tây, núi nhỏ liền kề núi lớn, nhấp nhô vô tận. Chu Du cảm thấy nơi đây địa thế tốt, thích hợp với việc luyện quân, liền xây một bức thành vòng quanh ngọn đồi đất. Thành mở bốn cửa, trên ngọn đồi đào giếng, thiên binh vạn mã đóng tại đây, huấn luyện tại chỗ. Người đời sau gọi thành này là thành Chu Du, gọi giếng nước này là giếng Chu Du.

Chu Du hàng ngày dẫn các tướng sĩ ra ngoại thành phi ngựa bắn tên, mọi người đều chăm chỉ học tập, khổ công huấn luyện, chẳng bao lâu đã trở nên thành thục, điêu luyện. Tài nghệ cao, dũng khí đương nhiên lớn, họ đòi ra trận:

- Lĩnh giới rồi, ngựa khỏe rồi, phải để chúng tôi ra trận thôi!

Chu Du không đồng ý, nói:

- Bản lĩnh còn con vậy, chỉ có thể bắt được lũ cướp quèn, dọa được bọn giặc cỏ, muốn qua được trận chiến lớn còn phải khổ công tập luyện nữa.

Chu Du sai mọi người bắt tay đắp lên ba đống đất to ở ngoại thành xa xa, chỉ vào đó nói:

- Chúng tôi ví như ba ngọn núi, khoảng cách ở giữa ví như sông lớn. Phải luyện tập cho tới khi có thể cưỡi ngựa từ bên này nhảy qua sang bên kia mới đáng được ra trận.

Các tướng sĩ từ đó thân mình như gắn vào lưng ngựa, sớm canh năm dậy, tối hoàng hôn về, mùa đông luyện giá rét, mùa hạ luyện nóng bức, lớn lên từng tấc, tiến lên từng thước. Thành công không phụ người có chí, cuối cùng đều đã có thể vùng roi nhảy ngựa như sao băng, thoát cái từ gò đất này đã nhảy tới gò đất kia. Cho nên người đời sau đã gọi chúng là gò Luyện Ngựa hoặc gọi là Ba gò huấn luyện.

Năm ấy, Tào Tháo dẫn tám mươi ba vạn binh mã xuống Giang Nam, rợp trời ngợp đất áp tới, nhanh như gió, khó chống cản; mau như điện, đuổi không kịp. May mà binh mã của Chu Du từ lâu đã luyện tập chu đáo, chỉ nghe hiệu lệnh

của Chu Du truyền xuống, các tướng sĩ liền tới tấp nhảy qua sông Hàng Phụ, núi Xuân Thu, chạy như bay dọc theo sông lớn, trong chốc lát đã tới núi Xích Bích. Họ đón đầu mà giết, chặn lưng mà chém, xông ngang thọc thẳng, đánh cho quân địch tan tác không ai dám chống cự. Cuối cùng lại phóng lửa trên sông đốt sạch sành sanh thuyền của Tào Tháo.

Cho nên ở địa phương đời đời truyền rằng: Chiến công Xích Bích thuộc về Chu Lang, Chu Lang đánh thắng nhờ luyện quân. Dân chúng đã dựng riêng tấm bia cho Chu Du ở bên sông Hàng Phụ, gọi là tiểu Xích Bích.

AO CÁI KÉO

Cách lâu Nhạc Dương không xa có một cái ao nhỏ, nước ao rất trong, trông rất đẹp. Tương truyền đó là do Tiểu Kiều ném cái kéo xuống đập mạnh vào đất mà thành, cho nên gọi là ao Cái Kéo.

Chồng của Tiểu Kiều là Chu Du; Chu Du là đô đốc của Đông Ngô. Năm đó Chu Du dẫn thủy quân tập luyện ở hồ Động Đình, phủ đô đốc dựng ở bờ hồ này.

Tiểu Kiều lớn lên vô cùng xinh đẹp, người nhìn thấy không muốn bước, chim nhìn thấy không muốn bay, đêm ba mươi, mặt trăng cũng muốn lộ mặt ra nhìn, tháng chạp giá rét trăm hoa cũng nở với nàng. Chu Du yêu vợ, xây dựng riêng cho vợ một vườn hoa sau phủ, mùa hè có đình mát mẻ để nàng hóng mát; mùa đông có lầu ấm áp cho nàng sưởi. Tiểu Kiều yêu chồng, một lòng muốn chồng lập công dựng nghiệp, thường sớm tinh mơ giẫm trên sương giá tiễn chàng ra đi, buổi tối bạn với trăng sao đón chàng về nhà; còn thường xuyên tay vịn tường hoa bao quanh, ngóng nhìn hồ Động Đình và núi Quân, lặng lẽ cầu nguyện cho chàng thủy quân huấn luyện giỏi, có thể đánh thắng trận.

Hôm ấy, Tiểu Kiều ngồi thêu hoa trong vườn hoa phía sau, nàng thêu giống như thật, đã vò được những con ong con bướm kéo tới, chúng múa may bay lượn xung quanh nàng,

đồng thời cũng coi nàng như một bông hoa. Bỗng nhiên, ong bỏ chạy, bướm bay đi, yên lặng quá, thật lạ kì! Tiểu Kiều ngẩng đầu nhìn: Hóa ra là chồng mình đã lặng lẽ bước tới.

Tiểu Kiều rất lo lắng, tới cạnh chàng nhẹ nhàng hỏi:

- Trong hồ sóng gió to, phải chăng chàng cảm lạnh khó chịu?

Chu Du lắc đầu.

Tiểu Kiều lại nói:

- Hay là việc công không vừa ý? Lòng thừa tướng có thể chống được thuyền, hà tất phải bận tâm về điều ấy!

Chu Du thở dài, đành phải nói thực với nàng:

- Tào Tháo đem tám mươi ba vạn binh mã đánh tới rồi! Có người chủ trương giảo chọi giảo, đao chọi đao, liều sống mái với Tào Tháo; có người lại muốn cúi đầu, khom lưng, theo về với Tào Tháo, thấp tha thấp thỏm hồi hộp chẳng yên. Khó, khó, khó, quả thật là khó!

Tiểu Kiều lòng đã rõ, không hề đổi sắc mặt hỏi tiếp:

- Muốn đánh, có thể đánh thắng Tào Tháo được không?

- Dịch mệnh ta yếu, một bên ở trên trời, một bên ở dưới đất.

Chu Du trong lòng rõ ràng là sợ.

- Muốn hòa thì sao?

- Giống như thay đổi chiếu bài, vinh hoa phú quý của chúng ta đều không thay đổi.

Rùa đen ăn bấc đèn dầu, đơn giản nhẹ nhàng lắm!

Tiểu Kiều đột nhiên lòng giá lạnh, lưỡi cứng lại, hồi lâu mới nói được một câu:

- Vậy chàng đi đâu hàng thời!

Chu Du đỏ mặt tía tai, ấp a ắp úng nói:

- Tào Tháo tung tin: Chỉ đợi Đông Ngô đầu hàng, sẽ cướp lấy Đại Kiều, Tiểu Kiều giấu trong đài Đồng Tước để cùng hán chung hưởng phúc lành! Lúc bấy giờ hai gia đình chị em nàng đều tan nát, ta và Ngô Vương cũng không còn mặt mũi nào trông thấy ai nữa!

- Thế mà cũng nói ra miệng, đến vợ cũng không giữ nổi, còn xứng là đồ đốc sao!

Tiểu Kiều trong lòng lửa giận bốc cao, hàm răng cơ hồ nghiến nát, với tay cầm lấy cái kéo thêu hoa, vút xuống đất đánh "ầm", chỉ nghe thấy tiếng nổ trời long đất lở ấy, ngay tức thì xuất hiện một cái ao lớn. Nước ao trong như gương, chiếu soi vào Chu Du, Chu Du nhìn cảm thấy xấu xí, cảm thấy hổ thẹn, cảm thấy không tương xứng với người vợ như hoa như ngọc. Chu Du cuối cùng hạ quyết tâm, lập tức dẫn thủy quân ra nghênh chiến với Tào Tháo.

ĐÀI TRANG ĐIỂM CỦA TIỂU KIỀU

Thời Tam Quốc, Kiều Công ở Giang Đông có hai người con gái là Đại Kiều và Tiểu Kiều. Hai chị em không chỉ dung mạo đẹp xinh, thân hình duyên dáng, còn học rộng tài nhiều, tinh thông văn bút. Nhất là Tiểu Kiều, hiểu binh pháp, biết quân cơ, dõng dạc tài hoa, khác với các cô gái thông thường.

Năm ấy, Kiều Công hứa gả Đại Kiều cho thảo lỗ tướng quân Đông Ngô là Tôn Sách, Tiểu Kiều thì gả cho Chu Du là đại đô đốc tám mươi một châu. Chu Du là bậc anh hùng, vợ chồng kính nhau như khách, Tiểu Kiều trở thành người nội trợ hiền của Chu Du.

Tào Tháo nghe nói hai nàng Kiều thông minh xinh đẹp nhưng lại đã lấy chồng rồi, trong lòng vô cùng ghen ghét. Tháo tuyên bố nhất định phải đem quân quét sạch bốn biển, tiêu diệt Đông Ngô, cướp lấy Đại Kiều, Tiểu Kiều để vui thú tuổi già. Tháo hạ lệnh xây dựng đài Đồng Tước trên sông Chương Hà, chuẩn bị đầy đủ cho Đại Kiều và Tiểu Kiều.

Tin đồn truyền đến phủ đô đốc Sài Tang, Chu Du bực tức đập bàn chửi mắng. Tiểu Kiều nói:

- Giặc già Tào Tháo, xây đài Đồng Tước muốn khóa hai chị em ta, đó thật là nằm mộng giữa ban ngày!

Khi ấy, Chu Du đang cắm thủy trại trên sông Trường Giang, đêm ngày huấn luyện thủy quân. Tiểu Kiều yêu cầu Chu Du xây một đài trang điểm ở nơi cao nhất trong phủ đô đốc, trên thực tế là muốn xây một vọng gác, còn muốn bàn bạc quân cơ đại sự ở trong đó. Chu Du vui vẻ ứng thuận. Đài trang điểm này lan can ngọc, ngói lưu li, chạm trổ rồng phượng, vàng ngọc rực rỡ, vô cùng đẹp mắt.

Tiểu Kiều hàng ngày lên đài chải chuốt tắm rửa trang điểm, ngắm nhìn thủy quân luyện tập. Có khi, hai vợ chồng cùng đọc thi thư, bàn binh pháp.

Chẳng bao lâu, Tào Tháo khởi binh đem tám mươi ba vạn quân xuôi theo dòng sông mà đến áp sát Đông Ngô. Chu Du tới đài trang điểm, chuẩn bị cùng Tiểu Kiều bàn bạc cách ứng chiến như thế nào, thấy nàng mình mặc áo ngắn bó thân bằng lụa xanh, ngồi bên lò đồng, đang bày xếp những thuyền con làm bằng giấy xanh giấy đỏ. Chu Du biết, phu nhân đang tính mưu kế phá quân Tào, liền nhẹ nhàng bước tới bên nàng, tháo tấm vải khoác ngoài ra. Tấm vải khoác ngoài áo ấy mang tới một luồng gió, thổi bay mấy chiếc thuyền giấy vào trong bếp lò bốc cháy. Tiểu Kiều bỗng giật mình, đôi mắt nhìn chăm chăm vào những thuyền giấy đang cháy, phút chốc cặp mày giãn ra, đôi mắt to lộ ra ánh hào quang. Chu Du vội hỏi:

- Phải chăng phu nhân đã nghĩ ra kế hay phá giặc?

Tiểu Kiều vui vẻ mỉm cười, trả lời không đúng vào câu hỏi:

- Chu Lang, chàng coi thuyền giấy trong bếp lò đã hóa thành tro bụi rồi.

Chu Du chăm chú nhìn tàn tro, bỗng vỡ lẽ:

- Nàng nói phải dùng hỏa công chăng?

Tiểu Kiều gật đầu:

- Thủy quân Tào Tháo đều là người miền bắc, không am hiểu sông nước, sợ sóng gió, lại thêm bất phục thủy thổ, dễ sinh ốm đau, đưa thêm cho mỗi lửa nữa, Tào Tháo nhất định thất bại!

Chu Du luôn miệng khen hay, bất giác kéo tay Tiểu Kiều, nói:

- Ta được phu nhân, như hổ thêm cánh!

Hôm sau, Chu Du dẫn thủy quân đến cửa Tam Giang. Tiểu Kiều lên đài trang điểm tiễn chông, lòng thăm cầu nguyện: Cờ mở chiến thắng, ngựa tới thành công!

Chu Du đóng doanh trại ở cửa Tam Giang, chuẩn bị lửa thiêu Xích Bích. Song, đợi liên mấy ngày, không thấy có gió đông nam, nóng ruột muôn phần, đầu đau không chịu nổi, đành tạm thời dưỡng bệnh ở thủy trại.

Tiểu Kiều biết vậy, nằng chột nghĩ tới một người, bèn viết gập lá mật thư, sai người thâu đêm đưa tới cửa Tam Giang. Chu Du bóc ra xem, thì ra trong thư viết rằng:

Bệnh chàng thiếp đã hiểu,

Lửa phiền đốt tâm can,

Muốn gió đông nam tới,

Gia Cát chó từ nan.

Chu Du lập tức mời Khổng Minh tới. Đến ngày hai bên giáp trận, Tiểu Kiều sớm tỉnh mơ đã trở dậy, bước mau lên đài điểm trang, tựa lan can ngóng nhìn, chỉ thấy phương đông mặt trời mọc, cả bầu trời không một gợn mây, ngọn cây im

phăng phắc, gió nhẹ cũng không có. Mãi đến lúc trời tối, lại vẫn là trăng sáng giữa trời, các vì sao lấp lánh, không có lấy một tí gió nào. Nàng đã ngời mệt lòng mỏi, tâm thần hoảng hốt, nhưng vẫn gắng gượng tinh thần nhìn về phía tây xa xa. Đột nhiên, một trận gió nổi lên, tiếp đó liền nghe thấy hồi chuông rung, một lát sau lại thấy lửa cháy khắp sông, thế lửa có gió trợ sức hùng hực bốc cao. Về u sầu của nàng biến mất, nàng biết Chu Lang lửa thiêu Xích Bích, đang đại phá quân Tào.

Dài trang điểm của Tiểu Kiều vì có câu chuyện này, về sau đã thành danh thắng của địa phương.

NGÓ SON

Ở ngoại thành huyện Tiềm Sơn, ao sen này nối liền ao sen khác, đến mùa hè, lá sen rợp nhìn không thấy bến bờ, những bông hoa sen lớn đêm không xuế, thật đẹp! Hoa sen ở đây đẹp, ngó sen lại càng đẹp. Ngó sen nơi khác đều màu trắng, riêng ngó sen ở Tiềm Sơn có màu phơn phớt hồng, ăn vào miệng vừa ngọt vừa bổ. Các cụ già đều nói Tiềm Sơn xưa vốn không có ngó sen, ngó sen này do Đại Kiều và Tiểu Kiều thời Tam Quốc gây trồng nên, mọi người đều gọi là ngó Sơn.

Hai chị em Đại Kiều, Tiểu Kiều đều là vẻ đẹp trời sinh, từ lúc nhỏ không thích dùng son phấn, mặt lúc nào cũng trắng trắng phớt hồng, nước rửa mặt xong lại có màu hồng đào, ngày này qua ngày khác, nước giếng trước cửa nhà nhuộm đỏ, người địa phương gọi cái giếng này là giếng Sơn. Hai chị em tuy nhờ nhan sắc mà nổi tiếng, nhưng cũng am hiểu văn chương chữ nghĩa, lòng mang chí lớn, khác xa với bọn đàn bà con gái bừa bãi lấy sắc quyến rũ người. Đại Kiều lấy Tôn Sách, Tiểu Kiều lấy Chu Du, lại là hai vị anh hùng nổi tiếng thiên hạ. Ngó hầu Tôn Kiên chết, truyền ngôi cho Tôn Sách. Tôn Sách dũng cảm thiện chiến, đi đầu gương mẫu trước binh sĩ, trong một lần giao chiến bị thương nặng, trước khi chết, truyền ngôi cho em trai của mình là Tôn Quyền và dặn rằng:

"Phải cai quản tốt Đông Ngô, phải chăm sóc tốt chị dâu có quả".

Tôn Quyền sau khi lo xong việc tang cho anh, việc đầu tiên là muốn xây dựng tòa "lầu dương tâm" cho chị dâu, để chị được yên sống nửa đời còn lại. Đại Kiều không bằng lòng, nói với Tôn Quyền rằng:

- Việc nước khó khăn, chỗ cần dùng tiền rất nhiều, việc thứ nhất anh chú trước khi chết căn dặn là chú phải cai quản tốt nước Ngô, sao có thể vì sự yên tĩnh thoải mái của một mình chị mà hao phí tiền kho nhà nước?

Tôn Quyền thấy chị dâu hiểu sâu nghĩa cả như vậy liền nghe theo, không xây lầu dương tâm nữa. Lời người xưa nói: Chị dâu cả là mẹ. Tôn Quyền mỗi ngày sớm tối hai lần tới chỗ chị dâu thăm hỏi sức khỏe, bất kể bận rộn thế nào, việc hành lễ này chưa hề biếng nhác. Đại Kiều nghĩ bụng, Tôn Quyền ngày đêm lo toan công việc, bản thân mình chẳng giúp được gì, lại làm tốn phí thời gian của Tôn Quyền, thật là chẳng nên. Đại Kiều bèn tỏ ý muốn trở về quê hương an cư lạc nghiệp. Tôn Quyền nếu giữ không được, đành phải chấp thuận.

Đại Kiều sắp lên đường, Tôn Quyền đưa tặng chị dâu rất nhiều vàng bạc châu báu. Đại Kiều không nhận, nói:

- Vàng bạc châu báu chị không nhận, nếu chú nhất định muốn cho, thì hãy cho chị mấy xe giống ngựa tốt nhất ở Kiến Nghiệp vậy!

Tôn Quyền hỏi:

- Chị lấy thứ ấy để làm gì vậy?

Đại Kiều nói:

- Chị đến Kiến Nghiệp bằng ấy năm, thứ yêu thích nhất chính là sen ở đây. Sen cắm rễ trong bùn đất, hoa nở trên mặt nước, không dính chút bụi, hương thơm ngào ngạt. Hoa sen cho người thưởng thức, hạt sen cho người tắm bổ, lá sen có thể làm thuốc, ngó sen có thể làm món ăn ngon; song sen lại đòi hỏi ở người rất ít ỏi. Chị nghĩ làm người cũng nên thanh cao trong sạch vô tư như sen vậy. Cho nên muốn đem sen về quê hương trồng, giúp ích cho bà con!

Tôn Quyền cảm động, lệ chảy chứa chan nói:

- Lời dạy bảo của chị, em suốt đời không quên. Chị cần giống ngó sen, em sẽ làm ngay.

Dại Kiều trở về quê, khơi mấy chục mẫu ao gần nơi ở cũ để trồng ngó sen. Nàng tuy không thoa phấn son nhưng nước rửa mặt xong bao giờ cũng có màu phớt hồng, đỏ xướng ao ngó sen, ngày tháng dài lâu, ngó sen cũng dần dần biến thành màu phấn hồng.

Mấy năm sau, Chu Du dò dốc nước Ngô vì công việc đất nước vất vả, lâu ngày thành bệnh cũng chết. Tiểu Kiều giống như chị của nàng, cũng tha thiết xin được về quê hương. Nàng cũng sống ở chỗ ở xưa, cùng với người chị gái cần thận tỉ mỉ gây trồng nuôi dưỡng ngó sen, còn hàng năm đem giống ngó sen tặng cho bà con để trồng. Ao sen ngày một nhiều, ngó mọc đều là màu hồng nhạt, liền gọi tên là ngó Sơn Tiềm Sơn. Lại vì ngó sen này là của Dại Kiều và Tiểu Kiều truyền lại, dáng hình đặc biệt đẹp, cho nên mọi người lại gọi là ngó Người Đẹp.

ĐÀI ĐIỂM TƯỚNG CỦA CHU DU

Ngày xưa, đằng sau nha môn huyện Vô Tích có một đài cao gọi là đài Phụ Dân. Tương truyền nó vốn là đài điểm tướng của Chu Du.

Thời Tam Quốc, Tôn Quyền phái một người trong họ nhà mình tới làm hiệu úy trông coi cai quản ruộng đất. Người này thấy tiền tối mắt, vợ vét đầy túi, dân chúng bị hấn bóc lột thậm tệ. Hấn lại là tên nát rượu, bữa nào cũng phải có rượu, sơn hào hải vị thứ gì hấn cũng được ăn.

Chu Du trong bụng biết rõ mọi hành vi của hiệu úy họ Tôn, liền hạ một đạo dụ viết tay cho hấn: "Chỉ trong mấy hôm nữa sẽ dẫn quân tới Thái Hồ huấn luyện thủy quân, nhanh chóng chuẩn bị". Tôn hiệu úy thâu đêm triệu tập quan lại dưới quyền bàn bạc. Hấn đồng dặc nói trước:

- Gấp rút chuẩn bị dinh phủ, để đô đốc sống được thoải mái.

Những người khác cũng liền thuận nước giong thuyền nói:

- Đại nhân nghĩ rất chu đáo.

Chỉ có viên tiểu tướng Quách Huân thềm thì một câu:

- Phải chuẩn bị sân bãi trước, để đô đốc cắm trại đóng quân.

Hiệu úy không thềm để ý đến Quách Huân, vội vã càn dận bề dưới đi xây dựng phủ đô đốc. Lúc ấy chỉ có Quách

Huân dẫn binh lính bản bộ đến bên sông Tây Khê san bằng một khoảng đất.

Chẳng bao lâu, Chu Du lại đưa xuống một đạo dụ viết tay, chỉ có một chữ "cao". Hiệu úy tự cho rằng đã ngầm hiểu ý, dặn dò mọi người xây dinh phủ đồ đốc vừa cao vừa to. Quách Huân biết được, đích thân gánh quang sọt, cùng binh lính bản bộ đào bùn gánh đất, lại đắp lên một đài đất ở chính giữa sân bãi đã được san bằng.

Hôm ấy, Chu Du dẫn đầu đại đội binh mã tới, Tôn hiệu úy vội vàng mời Chu Du đi xem phủ đồ đốc. Chu Du giận lắm, quát mắng: "Làm bậy quá!". Rồi quay ngựa đi đến Tây Khê, nhìn thấy vừa có sân bãi lại có đài thì hết sức phấn khởi, lập tức chuyển quân tới, lên đài điểm tướng. Trước mặt mọi người, Chu Du tuyên bố: Tôn hiệu úy làm lỡ việc quân cơ, xét xử cách chức. Đồng thời đề bạt Quách Huân làm hiệu úy.

Việc làm này khiến dân chúng toàn thành đều hờn dạ, nói đồ đốc đã cứu dân, do vậy mà đài điểm tướng đó lại có tên là đài Phụ Dân.

Sau này, Tôn Quyền biết sự việc ấy, khen Chu Du là làm tốt. Tôn Quyền còn hạ lệnh: Về sau phạm là người đến Vô Tích làm quan, đều trước hết phải đến đi vòng quanh ba vòng dưới đài Phụ Dân. Triều đại đổi thay rất nhiều, huyện lệnh thay đổi không tính hết được, nhưng phép tắc ấy mãi mãi vẫn không thay đổi.

CHU DU GIẾT CẬU

Sau khi Chu Du chỉ huy quân đội, thường đánh trận luôn. Có một năm, Tào Tháo đánh đến quê hương của Chu Du, Chu Du binh lực yếu, đành xa chạy cao bay. Khi sắp đi, Chu Du khuyên cậu cũng đi theo: "Nơi này sắp rơi vào tay Tào Tháo rồi, Tháo căm tức cháu hết mức, sẽ giết hại họ hàng bè bạn của cháu. Cậu hãy đi là hơn".

Ông cậu nhà to nghiệp lớn, đâu chịu vung tay vứt bỏ để ra đi phiêu bạt khắp nơi! Ông từ chối nói:

· Núi rừng có thể ẩn nấp, dưới chân có đường đi, cậu tự có cách ứng phó với Tào Tháo, cháu cứ yên tâm mà đi.

Thấm thoát nhiều năm, binh mã dưới quyền Chu Du ngày càng nhiều. Núi không chuyển được thì đường phải chuyển, rốt cục Chu Du lại trở về quê hương. Đầu tiên là đến thăm cậu. Gia đình cậu vẫn nhà sâu sân lớn, lừa ngựa từng đàn, như không hề có bị liên lụy gì, đương nhiên Chu Du trong lòng thoải mái lắm. Song bất giác lại nghĩ: Tào Tháo hết sức đa nghi, sao có thể dễ dàng để cậu thoát khỏi?

Lâu ngày gặp lại, cậu hết sức thân thiết, ngoài chiêu đãi cháu rượu thức nhắm ngon ra, còn nhất định muốn khao toàn bộ binh mã cháu chỉ huy. Chu Du nói:

- Vậy cậu đưa vàng bạc cho cháu đi, lát nữa cháu sẽ đem chia cho họ.

Ông cậu không bằng lòng, muốn tự mình phân phát:

- Vàng bạc trong thiên hạ đều như nhau, ai có thể phân biệt được đâu là của cậu cho?

Chu Du sinh nghĩ, nói:

- Binh mã đều dưới quyền của cháu, hà tất cậu phải so bì vậy?

Lại nói:

- Vậy cậu đem lương thảo khao thưởng chất đống trước cổng nhà ta để họ dễ lấy dùng, họ sẽ cảm tạ cậu đó.

Ông cậu vẫn không chấp thuận, nhất định đòi tự tay đưa:

- Lương thảo không ăn ngay được, cậu muốn khao họ thứ làm sẵn rồi.

Lòng nghi ngờ của Chu Du càng tăng lên: Cơm thức ăn cho muôn vạn binh mã cậu chuẩn bị sao được? Chỉ e trong đó có trộn bẫy, có thể tương kế tựu kế. Bèn hỏi:

- Lòng tốt của cậu cháu xin nhận, vậy món ăn có sẵn mà cậu chuẩn bị là chi vậy?

- Bánh bao nhân thịt, mỗi người ba cái. Cho cậu hay cháu dẫn tới bao nhiêu người cả thấy, để cậu tiện chuẩn bị?

Chu Du giật thót cả mình, hiểu ra: Hóa ra là cậu muốn nắm vững quân số của mình, ngấm ngấm đi báo cho Tào Tháo. Nếu như họ không cấu kết với nhau, có chi Tào Tháo không hề đụng đến sợi lông tơ nào của cậu? Chu Du liền nói toạc ra ngay tại trận và dõn hời. Cậu lấp liếm không xong, đành thừa nhận đúng sự thật.

Chu Du giận quá, tự tay giết cả nhà cậu, trong chốt lát máu như lũ/chảy. Cho nên nơi này về sau lấy tên là cánh đồng Lũ, truyền mãi đến ngày nay.

CHU DU VÀ HOÀNG CÁI ĐÁNH CỜ

Trước lúc xảy ra đại trận Xích Bích, Chu Du sắp xếp mọi công việc ổn thỏa chưa dáo. Song còn thiếu một người thích hợp qua sông giả đầu hàng. Điều ấy ví như lưỡi câu vàng thiếu mất mồi ngon, làm sao có thể câu được cá ngao? Chu Du nghĩ tới đó, bất giác thở dài:

- Chao ôi! Cờ thiếu một nước, lẽ nào bao nhiêu công lao xưa đổ đi hết?

Nghĩ đến cờ, lòng Chu Du bỗng sáng lên. Chu Du lập tức lên đường đến doanh trại Hoàng Cái, nói là trong lòng buồn phiền, có ý riêng tới tìm bạn cũ đánh vài ván cờ.

Nơi đây là một xóm núi nhỏ, liền núi cạnh sông, vô cùng yên tĩnh. Dầu xóm có một phiên đá nhẵn bóng. Họ liền bày bàn cờ lên trên, chia ngồi hai bên; xung quanh không có một ai, có thể nói đủ mọi chuyện.

Tâm tư Hoàng Cái không ở nơi bàn cờ, luôn luôn dò hỏi cách đánh ra sao trong trận lớn sắp tới. Chu Du thực thà trò chuyện, nói ra vấn đề khó khăn: "Nếu muốn thắng lợi thì phải có người qua sông trá hàng; trá hàng thì phải làm khổ nhục kẻ. Gánh gánh nặng này không những chỉ da thịt bị khổ, rất có thể sẽ bị mất mạng!". Chu Du trộm nhìn sắc mặt Hoàng Cái, thấy Hoàng Cái chau mày suy nghĩ, liền thở dài một tiếng, lại nói:

- Nuôi quân ngàn ngày, dùng quân một giờ. Bước ngoặt sống chết, khó có được con người trung lương!

Hoàng Cái trong lòng nóng ran, muốn lập tức xin nhận nhiệm vụ, song lại không biết Chu Du có tin mình không, bất giác ngầy người nhìn bàn cờ.

"Đánh đi, đánh đi nào!" Chu Du giả vờ không để ý, tiếp tục thăm dò tâm tư của Hoàng Cái. Chu Du cứ đi hết quân tốt này đến quân tốt khác, không đi quân khác. Hoàng Cái trước sau huy động xe, mã, pháo dọc ngang tung hoành, nhanh chóng chiếm được ưu thế.

Hoàng Cái cảm thấy kì lạ, hỏi Chu Du:

- Có sao đó đốc chỉ đi tiểu tốt?

Chu Du mặt ửng mầu chau nói:

- Tiểu tốt quả thực không được việc lắm, như tôi lại khó ra những quân khác.

Hoàng Cái trong lòng xúc động: Câu nói ấy hẳn là ý ở ngoài lời, có lẽ là có ý thử dò mình chăng?

Hoàng Cái không nén nổi vui sướng, cơ hồ muốn đốc bầu tâm sự ra. Song lại đổi ý: Hãy thư thả! Công việc hệ trọng còn phải xem xét thêm đã.

Rồi bèn gơ quân cờ ép buộc đối phương: "Tướng!"

Chu Du vốn có thể ra quân sĩ qua tướng cứu vãn tình thế, nhưng lại không làm vậy mà nhắc luôn quân tướng, đi ra khỏi ô vuông. Hoàng Cái không nhịn được cười nói:

- Đò đốc nhằm rồi! Lão tướng làm sao có thể ra khỏi doanh trại được?

Chu Du cố làm ra vẻ khó xử nói:

- Những quân khác tôi đều khó điều khiển, lão tướng không đích thân xuất trận thì làm cách nào?

Lời nói đã rõ, Hoàng Cái vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, thò tay gạt bàn cờ ra nói:

- Đúng, đúng, đúng! Lão tướng xuất trận, Công Phúc nguyện qua sông giả đầu hàng, dẫu chết muôn lần cũng không từ.

Phiến đá mà Chu Du và Hoàng Cái bày bàn cờ ra đánh, đến nay vẫn còn, xóm núi nhỏ bên cạnh ấy liền có tên là móm Bàn Cờ.

BÚT THẦN HÁM TRẠCH

Chu Du đánh khổ nhục Hoàng Cái, các văn thần võ tướng đều kêu oan giúp cho Hoàng Cái, chỉ có Gia Cát Lượng và Hám Trạch nhìn ra được là Chu Du dùng khổ nhục kế, ở bên cạnh mỉm cười không nói.

Sau sự việc, Hoàng Cái bí mật đến thăm Hám Trạch, Hám Trạch lập tức vạch trần khổ nhục kế ấy. Hoàng Cái biết Hám Trạch xưa nay có dũng có mưu, thạo nói năng, hiện giờ lại quả nhiên có kiến thức như vậy thì hết sức vui mừng, liền đề nghị Hám Trạch viết giúp một bức thư trá hàng gửi cho Tào Tháo.

Hám Trạch nhận lời ngay và hỏi:

- Khi nào cần bức thư đó?
- Càng nhanh càng tốt!

Hoàng Cái mắt nhìn ra ngoài quân trướng, thấy mặt trời đã lên tới ba cây sào, nói có vẻ khó khăn:

- Một ngày một đêm viết xong, ngày mai vào lúc này tôi sẽ đến lấy, thế nào?

Hám Trạch nói:

- Vậy thì quá chậm, kéo dài thời gian dễ để lộ tin tức. Trước lúc hoàng hôn tôi viết xong để tướng quân nhân đêm tối cho người lên lút đưa qua sông đi trá hàng.

Hoàng Cái cảm thấy thư trá hàng này là kịch giả làm thật, một câu viết không tốt thì sẽ lộ chân tướng, hồng mất việc lớn, cho nên viết rất khó. Cho Hám Trạch một ngày, cũng quả thực là còn ngại ngần quá. Hoàng Cái rất không yên lòng, buổi trưa sai người thân tín đi xem Hám Trạch viết ra sao. Lúc ấy, Hám Trạch đang uống rượu, giống như là đã quên mất việc đó. Buổi chiều lại đi coi thử, lúc ấy Hám Trạch lại đang trùn đầu ngủ say, chẳng có vẻ gì là chuẩn bị viết thư. Hoàng Cái nóng ruột đích thân chạy đến, vừa gặp lúc Hám Trạch mới ở trên giường ngồi dậy. Hám Trạch nhìn mặt trời vẫn chưa khuất núi, vươn vai nói: "Còn sớm lắm!"

Hoàng Cái không bình tĩnh được nữa, đích thân mài mực, trải lụa, xin Hám Trạch gấp rút viết ngay cho.

Bệnh trúng phong cấp tính lại gặp ông lang chậm chạp. Hám Trạch rửa mặt chậm rì rì, ung dung đường hoàng uống cốc trà, như thế mới xem như là hoàn toàn tỉnh ngủ. Hám Trạch ngồi xuống, cầm lấy bút, vung vẩy như rồng bay phượng múa, từng chữ từng câu viết ra đều rất dặt, không mấy may sơ hở, trong nháy mắt đã viết xong bức thư trá hàng. Khi ấy đúng là hoàng hôn.

Hoàng Cái xem thư trá hàng xong, rất hài lòng. Hám Trạch cũng giống như đã trút được gánh nặng, tiện tay vứt bút đi. Chiếc bút đó liền bay ra ngoài trướng, rơi vào trong ao, nhuộm đen cả nước ao; ngòi bút cắm xuống đất, hóa thành một cây liễu. Người đời sau liền gọi cái ao này là ao Mực, gọi cây liễu này là Bút Thần, gọi nơi này là mỏm Hám Trạch. Nghe nói, một số người già, thuở nhỏ còn chính mắt trông thấy cây liễu già đó.

ĐÁ CHU LANG

Mỏm núi dài ở bờ đông hồ Liễu Sơn trong đại trận Xích Bích là quân trưởng trung tâm của Chu Du. Trên đỉnh núi có một hòn đá rất to, truyền rằng là đá mài gươm năm đở của Chu Du.

Ngày giáp tí tháng mười một âm lịch năm đó, Gia Cát Lượng quả thật mượn được gió đông nam. Chu Du thấy thời cơ tốt ra quân đã tới, hết sức phấn khởi, vội vã điều quân khiến tướng. Sái Trung, Sái Hòa là hai tên mật thám Tào Tháo cử tới, đều đang luôn luôn dò la tình hình quân sự, bí mật báo tin về doanh trại Tào Tháo. Hiện giờ chúng thấy Chu Du bố trí binh mã, nghĩ là sắp đánh trận, song lại khó khẳng định chính xác, sợ báo về không đúng sự thực sẽ lỡ việc lớn, bèn thử dò hỏi Chu Du:

- Đồ đốc, Đông Ngô lĩnh giới ngựa khỏe, lương thảo cũng rất đầy đủ, mọi người đều nóng lòng muốn đánh trận lập công, anh em chúng tôi cũng ao ước được đánh ngay về doanh trại Tào Tháo.

Chu Du thấy xung quanh kẻ hầu, quân lính quá đông, nháy mắt báo hai người:

- Ra ngoài một chút đi, ta có việc quan trọng bàn bạc với hai ông.

Cả bọn ra khỏi quán trường, đi vào rừng cây, dọc theo con đường nhỏ ngoằn ngoèo tới đỉnh núi. Sái Trung, Sái Hòa thấy ở đây vắng vẻ yên tĩnh, không có người, đoán chắc là sẽ bàn chuyện quân cơ đại sự, lòng mừng thầm. Song thấy Chu Du bỗng rút kiếm ra, ngỡ là Chu Du đã biết rõ ngọn ngành về mình, muốn đích thân lấy gươm chém chết, bất giác thất kinh, mặt biến sắc, cũng muốn thò tay rút kiếm, chuẩn bị đánh nhau. Chu Du mắt để ý thấy, sắc mặt không thay đổi, cứ mài kiếm vào một hòn đá. Chu Du vừa mài vừa nói:

- Nuôi quân ngàn ngày, dùng quân một giờ. Tối hôm nay sẽ đại phá quân Tào, ta muốn trọng dụng hai ông.

Sái Trung, Sái Hòa yên tâm trở lại, nói thêm vào:

- Chúng tôi thông thuộc doanh trại Tào Tháo, dò dốc muốn biết tình hình gì ở đó, chúng tôi đều có thể nói được rõ ràng, không biết dò dốc có dùng đến chúng tôi không?

Chu Du không trả lời, chỉ ráng sức mài gươm, mài mãi tới lúc sáng loáng, quả thực là có thể chặt đinh chém sắt, mới ngừng tay. Chu Du vươn thẳng lưng hỏi hai người:

- Nghe nói thuyền Tào Tháo đều nối liền cả vào với nhau, có đúng không?

Sái Trung, Sái Hòa không muốn che giấu, trả lời cố sức thổi phồng sự lợi hại của chúng:

- Thật quả là doanh trại trên sông, rất là khó phá đấy!

Chu Du thấy chúng say sưa đắc ý, vui quên trời đất, bất giác cười ha hả nói:

- Nếu như ta cho một mồi lửa thì sao?

Chu Du lấy tay chỉ lên ngọn cây, nói tiếp:

- Gió đông nam rất to, đó là trời giúp ta đấy.

Sái Trung, Sái Hòa hoảng sợ cơ hồ muốn kêu lên: Trời ơi! Lúc này nếu quả thực dùng hỏa công thì doanh trại quân Tào sẽ bị thiêu sạch, vậy thì còn gì nữa! Bỗng nghĩ lại: Dưa ngay tin mật quan trọng này về doanh trại Tào Tháo thì có thể lập công lớn, thật là dịp may hiếm có, phải mau chóng thoát thân. Bèn tỉnh nguyện xung phong nói:

- Hỏa công nhất định thắng, chúng tôi nguyện đi tiên phong!

Chu Du cười, nói:

- Hãy khoan! Còn có việc quan trọng hơn phải cậy nhờ đến hai ông.

Sái Trung, Sái Hòa đành vội quỳ xuống nói:

- Đa tạ dõ đốc cất nhắc, không rõ có việc gì sai bảo?

Chu Du đi tới gần hai người nói:

- Ta muốn mượn máu của hai ông để tế gương của ta, mượn đầu của hai ông để tế cờ của ta!

Chu Du vừa nói vừa vung kiếm chém xuống, đầu của Sái Trung, Sái Hòa rơi xuống đất. Đó xem như là đã tế cờ cho đại trận Xích Bích.

Hòn đá Chu Du mài gương ấy, sau này gọi là đá Chu Lang.

GÒ CHU LANG

Phía tây nam vịnh Phan thuộc huyện Sào có một đồng đất to cao quá nóc nhà, hình dạng giống như chiếc bánh bao, cây cối xanh tốt mọc đầy, tên gọi là gò Chu Lang.

Tương truyền, năm đó Chu Du dẫn quân qua đây, gặp lúc mưa bão gây ra ngập lụt, ruộng vườn làng mạc vùng này đều chìm trong nước, khắp nơi một dải trắng xóa mênh mông. Đời sống của dân chúng thế thảm đáng sợ lắm. Chu Du dẫn quân xem xét thăm hỏi khắp nơi, dân trong vùng kể rằng: "Cứ hai năm thì phải chịu tội một lần, nước tới là cuộc sống cực khổ, rau dại, vỏ cây ăn cũng chưa no bụng". Chu Du hỏi có cách gì để trị thủy, dân chúng đáp:

—Chỉ cần làm cho đường sông sạch ứ đọng, đắp thêm bờ đê, thì có thể đảm bảo trồng trọt đảm bảo thu hoạch. Đáng tiếc là hàng năm gặp tai họa, đã thiếu nhân lực, lại không có lương tiền, muốn làm cũng chẳng làm được!

Chu Du sau khi bàn bạc với Lỗ Túc, liền đóng quân lại ở nơi đây, ngay tức thì dẫn binh lính đến nơi xa túm bọc đất chất đồng lại thành cái đài đất thật to trên chỗ bùn lầy, quân đội đã có chỗ đặt chân. Rồi chia đội ngũ thành hai bộ phận, Lỗ Túc dẫn một bộ phận xuống sông khơi thông ứ đọng, Chu Du dẫn một bộ phận lấy đất đắp đê. Dân chúng địa phương

nghe được tin này, hoan hô như sấm dậy, đều gõ trống khua chiêng tới chúc mừng.

Không ngờ, vừa mới bắt tay làm không lâu, tám mươi ba vạn binh mã Tào Tháo đã áp sát Giang Đông. Chu Du đêm hôm trở về dưới giặc, trước lúc lên đường, nói với các bộ, lão địa phương rằng:

- Sau khi đuổi xong quân Tào, sẽ trở lại tiếp tục sửa sông đắp đê, trừ phi chết trận, quyết không nuốt lời.

Mọi người đều tận đáy lòng mình cảm tạ Chu Du, mong Chu Du đại thắng, sớm đưa quân về huyện Sào.

Chu Du thâu đêm đi ra mặt trận, chỉ huy đại trận Xích Bích, do vất vả quá mức, đã nhiễm bệnh mất đi, không còn có thể trở lại vịnh Phan sửa sông đắp đê được nữa. Tấm lòng của Chu Du, dân chúng mãi mãi không quên. Hàng năm đến ngày giỗ, mọi người đều đến đài đất bồi thêm đất, dâng hương.

Năm này qua năm khác, đài đất không ngừng to cao thêm, trở thành một đồi đất, mọi người gọi đồi đất ấy là gò Chu Lang.

NÚI BÁN BÍCH, CHU DU UẤT ỨC

Tào Tháo sau khi bại trận ở Xích Bích, không cam lòng, lại huy động tướng dũng lính giỏi đánh vào Trường Giang, áp sát Đông Ngô.

Chu Du nghe nói quân Tào lại đến xâm phạm, chỉ cười nhạt, đầu thềm để ý đến, nói:

- Tướng thua trận quay gót trở lại, đáng kể chi? Huống hồ còn có Trường Giang thế hiểm!

Chu Du đến núi Bán Bích bên sông, thấy quả giống như là bị dao bổ đôi: Một nửa nam, một nửa bắc, khóa chặt lấy sông lớn, vô cùng hiểm yếu. Chu Du thuận tay nhặt một hòn đá, quăng sang bờ sông bên kia, rơi vào vách đá bên đó, lửa bắn tóe ra. Thế là càng yên tâm, nói:

- Mặt sông hẹp thế này, bờ sông dốc thế này, thật là một người đóng vạn người khó mở! Tào Tháo có mọc cánh cũng chẳng bay qua được!

Dại tướng lơ lửng một thước, binh sĩ biếng nhác một tượng. Họ chẳng lo gì đến kẻ địch lớn trước mặt, đều ngủ say sưa. Dâu có hay lòng báo thù của quân Tào bức thiết, thủy lục quân đều tiến sang. Trên bờ ngựa nhanh yên gọn, dưới sông thuyền nhẹ nước xuôi, chúng đồng loạt đánh thẳng tới đại doanh Chu Du.

Chu Du lo sợ cuống cuống, tay chân bối rối, ngó được trên bờ chẳng để ý được dưới sông, ngó được dưới sông lại không quan tâm được trên bờ, hai phía bị quân Tào đánh ập, đành thua chạy thoát thân. Dọc đường Chu Du nghe thấy bọn trẻ con hát đồng dao:

Năm đó Dư thiêu Xích Bích,

Hôm nay Tào phá Bán Bích,

Thắng thua lại đổi cho nhau,

Trách người sơ ý cầm đầu.

Chu Du thấy trẻ con cũng khinh bỉ chê cười, không nén nổi uất ức trào hai dòng lệ. Dân địa phương gọi sự việc này là "Núi Bán Bích, Chu Du uất ức". Cho đến giờ trên núi vẫn có hai dòng nước suối ngầm, tương truyền nước đó chính là nước mắt của Chu Du.

LỖ TÚC BA LẦN MỜI THIẾT LÔ ĐÔN

Có lần, Lỗ Túc phụng mệnh đi giám sát đôn đốc việc làm các loại binh khí. Lỗ Túc một mặt đưa người đến đòi cao góc tây bắc thành đất Thái Bình xây dựng nhà xưởng, xếp đặt lò bễ, một mặt đi tìm thợ rèn tài giỏi. Gần đấy có người thợ rèn họ Trần, tay nghề đặc biệt khá, mọi người gọi là "Thiết Lô Đôn". Vợ Thiết Lô Đôn vì bị con em nhà giàu có hăm hại, đã treo cổ lên xà nhà tự vẫn. Song vì quan phủ bao che cho kẻ xấu, có oan ức không kêu với ai được, Thiết Lô Đôn từ đấy thề rằng quyết không đi lại với gia đình quan lại.

Lỗ Túc thì lại một lòng muốn mời Thiết Lô Đôn. Hôm ấy, Lỗ Túc mang theo tùy tùng, tìm đến nhà Thiết Lô Đôn, hỏi:

- Bác thợ cả Trần có nhà không?

Một em bé đáp:

- Thầy tôi đi thăm người nhà rồi.

Lỗ Túc chừng hừng, đành quay trở lại thành đất.

Qua một hôm, người thám thính báo rằng Thiết Lô Đôn đã trở về. Lỗ Túc lại vội vã tới thăm người thợ rèn. Trên đường gặp một người trung niên khỏe mạnh diu niết bà già từ phía trước mặt đi lại. Lỗ Túc xuống ngựa thì lễ hỏi:

- Xin hỏi tráng sĩ, có biết Thiết Lô Đôn ở nhà hay không?

Bà lão đang định trả lời, người trung niên vội cướp lời nói:

- Tiểu nhân không hay biết Thiết Lô Đôn, Đồng Lô Đôn chi cả!

Rồi quay mình nói với bà lão:

- Mẹ ơi, ta đi thôi, kéo lại muộn mất.

Lỗ Túc đành lên ngựa, đi đến nhà Thiết Lô Đôn, hỏi người học trò nhỏ ấy. Người học trò trả lời:

- Thầy tôi đưa bà cụ vừa mới ra khỏi nhà không lâu.

Lỗ Túc vỗ nhẽ, người tráng sĩ gặp trên đường chính là Thiết Lô Đôn. Lỗ Túc đành gói trăm lạng bạc, viết một tờ giấy mời, nhờ người học trò chuyển cho Thiết Lô Đôn.

Sáng sớm hôm sau, người học trò đã tới xin gặp Lỗ Túc, dâng thư trả lời của Thiết Lô Đôn, trong thư viết:

"Tiểu dân đã thề không làm thợ rèn; tướng quân tỉnh cảm sâu nặng, tự thẹn không dám nhận. Trăm lạng bạc kính hoàn theo thư; mao muội xúc phạm oai hùm, kính xin xem xét lượng thứ".

Ngày thứ ba Lỗ Túc dậy cực sớm, chỉ đem theo hai tùy tùng, đi bộ đến thăm Thiết Lô Đôn lần thứ ba, muốn tranh thủ trước khi Thiết Lô Đôn ra khỏi nhà, gặp nhau mời luôn. Khi vào làng, trời vẫn chưa sáng. Bỗng nhìn thấy một bóng đen đang cạy cửa sổ phía sau nhà Thiết Lô Đôn. Lỗ Túc đoán chắc thằng cha này không phải là người tốt liền bước thật nhanh tới đè chặt lấy hán; sau đó hai người tùy tùng vịn hai tay hán quật ra sau lưng. Thiết Lô Đôn nghe thấy tiếng động, tỉnh dậy, xuống giường xem, nhận ra thằng cha ấy chính là đứa con em nhà giàu có đã hại vợ mình đến chết. Lỗ Túc lập tức tra hỏi, hóa ra thằng ác ôn này nghe nói có người đưa

trăm lạng bạc cho Thiết Lô Đôn, liền tới để ăn trộm tiền đi đánh bạc. Hai án cùng xảy ra, tội chồng thêm tội, Lô Túc liền ra lệnh tùy tùng giam hãm lại, muốn xét tội thật nặng.

Thiết Lô Đôn thấy Lô Túc làm quan liêm chính, tôn trọng nhân tài và còn rửa được hận cho mình, bèn thu xếp ổn thỏa cho mẹ già, rồi dẫn theo người học trò, theo Lô Túc đi chế tạo binh khí.

Người đời sau lấy biệt hiệu của người thợ rèn họ Trần đặt tên cho ngọn đồi cao năm đó dựng lên lò bể rèn sắt là Thiết Lô Đôn⁽¹⁾, dùng mãi cho đến bây giờ.

(1) "Thiết Lô Đôn" có nghĩa là "Gò Lò Rèn" - ND.

NGỰA TRẮNG LẬP CÔNG

Năm đó, Gia Cát Lượng tới Đông Ngô, đấu khẩu với các nho sĩ, mưu kế kích động Chu Du, cuối cùng đã thuyết phục được Tôn Quyền, khiến Tôn, Lưu hai nhà liên hiệp lại chống Tào Tháo. Tôn Quyền trước mặt văn võ cả triều đình, rút bảo kiếm ra, "chát" một tiếng chém đứt một góc bàn, nói:

- Sau này ai còn nói đầu hàng Tào Tháo nữa, thì sẽ bị chém như chiếc bàn này!

Lời truyền chắc như nhát búa, ai còn dám nói khác! Chỉ có Lỗ Túc đối với việc Tôn, Lưu hai nhà liên hiệp là vẫn chưa được yên tâm. Lỗ Túc nói riêng với Tôn Quyền rằng:

- Bắt tay với Lưu Bị chống Tào, trước mắt chỉ có thể nói là mới giải quyết được một nửa, ai rõ được Lưu Bị sẽ tính toán ra sao?

- Ông cho là Lưu Bị sẽ giở quẻ ư?

Tôn Quyền thù người ra một lát rồi cười ha hả nói:

- Chính Lưu Bị sai Gia Cát Lượng tới cầu ta bắt tay chống Tào, ta chấp thuận, Lưu Bị còn nói gì được nữa? Ông đa nghi quá.

- Khuôn mặt trẻ con, bầu trời tháng sáu, đều không thay đổi nhanh bằng chiến sự! Đối với Lưu Bị mà nói, Tào Tháo vốn ở tận chân trời xa, giờ đây đã sát gần ngay trước mặt, Gia Cát Lượng chưa trở về, Lưu Bị vẫn không biết chúng ta muốn đánh hay muốn hòa, biết đâu vì Tào Tháo bức bách, Lưu Bị bỗng nhiên nhận hàng Tào Tháo?

Tôn Quyền nghe xong, đúng thế! Lưu Bị giao hoạt lắm, ngày xưa đã từng theo Lữ Bố, lại theo Lưu Biểu, cũng đã đầu hàng Tào Tháo, đường quen xe nhẹ dễ đi đó, quả là không thể sơ ý được! Tôn Quyền trong lòng tuy sừng sốt, nhưng lại vờ bình thản nói:

- Gia Cát Lượng đi thuyền trở về rồi. Lưu Bị sẽ biết ngay là chúng ta một lòng muốn đánh. Ông khỏi phải lo.

Lỗ Túc nói:

- Thuyền ngược nước giống như trâu già kéo xe, chỉ e Gia Cát Lượng trở về đến Giang Hạ thì Lưu Bị đã là thượng khách của Tào Tháo rồi.

Lại nói:

- Tôi phải đích thân đi một chuyến, nhất định phải tranh thủ đến trước Tào Tháo.

Tôn Quyền đồng ý, ngay lập tức viết một lá thư cho Lưu Bị. Lỗ Túc nhảy ngay lên ngựa trắng của mình, dọc theo Trường Giang phi về hướng tây. Con ngựa trắng này hiểu lòng người, biết chủ mình đang làm công việc rất hệ trọng, liền chạy nhanh thực mạng.

Phía trước gặp núi. Ngựa vượt đồi dốc, luồn rừng cây, đường gập ghềnh, làm cho ngựa bị thương nhiều chỗ, máu tươi trào ra. Lỗ Túc thương xót nói:

- Ngựa vất vả quá, chúng ta nghỉ một lát hãy đi tiếp.

Ngựa trắng lắc đầu, tiếp tục chạy băng băng.

Phía trước lại gặp sông. Ngựa đạp vó băng mỏng, lội nước mà qua, cồng giá làm nó run cầm cập. Lỗ Túc thương xót nói:

- Ngựa vất vả quá, ta nhặt chút củi khô, đốt lửa cho ngựa sưởi một chút hãy đi tiếp.

Ngựa trắng lắc đầu, vẫn tiếp tục chạy băng băng.

Từ sớm tinh mơ tới lúc hoàng hôn, ngựa không dừng một bước nào. Móng ngựa bằng sắt cũng đã mòn thủng, bụng đói lép kẹp, thở hổn hển như kéo bễ, thân lác la lác lư như liễu lung lay trước gió. Lỗ Túc biết ngựa trắng quả thực đã kiệt sức rồi, chuẩn bị trở mình nháy xuống, bắt ngựa phải nghỉ một chút. Chính khi đó, trước mặt bỗng hiện ra một ngọn núi, trên núi cắm cờ của Lưu Bị. A, chẳng mấy chốc là sẽ tới rồi, tốt quá! Túc thì Lỗ Túc nén chịu thương đau trong lòng, nói với ngựa trắng rằng:

- Việc quân gấp như lửa, ngựa hãy vất vả thêm chút nữa.

Ngựa trắng gật đầu, dốc hết sức lực cuối cùng chạy về phía ngọn núi ấy, không ngờ ở giữa bị hồ nước ngăn cách, không sao qua được. Để có thể tìm ra một con đường đi, ngựa đi vòng quanh nhìn lên ngọn núi, đáng vẻ như kéo cối xay. Cho nên núi ấy sau này có tên gọi là núi Cối Xay.

Lúc này, Lưu Bị đang ở trên đỉnh núi, mặt ủ mày chau suy nghĩ công việc: Tám mươi ba vạn binh mã Tào Tháo ví như gánh nặng ngàn cân, một người sao có thể gánh được, phải hai người gánh thôi. Song Tôn Quyền có bằng lòng không nhỉ, quân sư đến nay chưa về, có thể ăn bánh vẽ chăng! Thôi, thôi, thôi, đành tìm cách khác... Bỗng nhiên Lưu Bị nghe thấy

một tiếng hí dài của ngựa chiến, phóng tầm mắt nhìn ra, chỉ thấy một bóng trắng đổ xuống bên bờ hồ bên kia. Lưu Bị vội vã sai người chèo thuyền qua hồ. Hóa ra là con ngựa trắng bị lún vào bãi hồ, Lỗ Túc đang khóc lóc vuốt xoa thi thể của ngựa. Lỗ Túc đã gặp được Lưu Bị, giao tận tay bức thư Tôn Quyền tự viết.

Lưu Bị kịp thời nhận được thư của Tôn Quyền, hạ ngay quyết tâm. Lưu Bị mời Lỗ Túc lên đỉnh núi, uống máu ăn thề, cùng tế trời đất, bày tỏ quyết tâm một lòng một dạ hợp tác để cùng phá quân Tào. Nơi này về sau được gọi là đài Giao Thiên.

Sau đó, đại trận Xích Bích, Tào Tháo thất bại thảm hại, Tôn, Lưu đại thắng. Khi luận bàn thường công, Tôn Quyền và Lưu Bị đều nói công lao của con ngựa trắng ấy đặc biệt to lớn, hàng nghìn vạn năm cũng không thể quên, liền dùng lễ hậu thổ chúc mai táng lại cho ngựa ở bờ bắc hồ thuộc phía đông Vũ Xương, xây một ngôi mộ, gọi là mộ Ngựa. Và gọi vùng đất có mộ Ngựa ấy là bãi Ngựa Trắng.

CAM LŨY VÀ KHE LÔI ĐAO

Bờ phía nam sông Tư ở Ích Dương có một ngọn núi lục giác không lớn, trên núi cây xanh xum xuê, vô cùng tươi đẹp tĩnh mịch. Mỗi khi đêm trăng, gió thổi cây lay, rì rào vang vọng, âm thanh truyền đi rất xa, hình như trong gió có chứa cả muôn ngàn binh mã. Thì ra nơi đây đã từng là doanh trại của Cam Ninh, cho nên mọi người gọi là Cam Lũy; lại xem "đêm trăng Cam Lũy" như là một trong mười cảnh đẹp của địa phương.

Năm ấy, Lỗ Túc và Cam Ninh dẫn quân đóng giữ, cách sông chống chọi giằng co với Quan Vũ. Vì thiên nhiên hiểm trở rất khó qua lại, rất lâu mà vẫn không phân thắng bại. Lỗ Túc và Cam Ninh ngẫm bàn bạc: Quan Vũ là hổ tướng có tiếng tăm, rất khó lấy sức địch nổi, chỉ có thể dùng mưu, bèn dọn bày yến tiệc, bí mật mai phục, rồi mời Quan Vũ qua sông dự yến.

Tả hữu của Quan Vũ đều đã thấy rõ, đây là chồn di chúc tết gà - tâm địa xấu, nên chủ trương không thêm để ý.

Quan Vũ không chịu nước lép, cả gan nói lớn:

- Không đi dự tiệc, họ sẽ xem khinh ta, thiên hạ cũng sẽ chê cười ta, ta không chịu được!

- Vậy phải mang thêm nhiều binh mã, đề phòng nhỡ khi.
Quan Vũ danh thép nói:

- Giết gà sao phải dùng dao mổ trâu, không cần huy động
nhiều người, ta chỉ cần một mình Chu Thương đi cùng."

Họ chỉ đi một chiếc thuyền dẹt, ngang qua sông Tư, thẳng
tới núi lục giác, đi vào doanh trại Cam Ninh.

Chủ nhân tươi cười nghênh đón, tiếp đãi thịnh tình. Song
vừa uống ba tuần rượu, họ đã vượt mặt, đòi Quan Vũ trao
trả Kinh Châu. Quan Vũ mượn cớ từ chối:

- Việc quá to lớn, tôi không làm chủ được, còn phải về
bàn bạc với anh cả.

Lỗ Túc một bước cũng không nhân nhượng, nói:

- Vật trả chủ cũ, lí lẽ đương nhiên, Đông Ngô không cho
phép lần nữa đâu.

Lỗ Túc ngầm đưa mắt ra hiệu cho Cam Ninh. Cam Ninh
hiểu ý, lập tức mượn cớ rời khỏi bàn tiệc, muốn để bọn đao
phủ mai phục xông tới, băm vằm tân khách nát ra thành
tương.

Chu Thương nghe thấy người ngựa nhốn nháo, vũ khí xô
vang, trong lòng lo lắng, lớn tiếng quát máng Lỗ Túc:

- Chủ cũ của Kinh Châu là hoàng đế đại Hán, do Lưu
hoàng thúc cai quản, mới là lí lẽ đương nhiên, Đông Ngô có
chỉ thờ tay vào?

Quan Vũ giả vờ quát máng Chu Thương:

- Chúng ta đây là bạn cũ tụ hội, người không được làm
lời!

Quan Vũ đứng dậy đẩy Chu Thương một cái, thực ra là
để cầm lấy đại đao mà Chu Thương đang vác, một tay lôi Lỗ

Túc, giống như ưng lớn quắp gà con, đi nhanh ra phía ngoài, nói:

- Say rồi, say rồi, tôi phải về nghỉ. Tử Kính tiễn tôi một quãng.

Cam Ninh và bọn thuộc hạ ném chuột sợ võ chính, chỉ sợ Quan Vũ ra tay trước, giết chết Lỗ Túc, nên không dám hành động mù quáng. Quan Vũ giả cầm giả điếc, cứ tay kéo lê đại đao lôi Lỗ Túc đi mau. Dọc đường lôi kéo thành một khe núi ngoằn ngoèo, người đời sau gọi là khe Lôi Dao.

LỖ TÚC ĐƠN ĐAO DỰ TIỆC

Từ xưa truyền rằng Quan Vũ đơn đao dự tiệc, kì thực đơn đao dự tiệc lại là Lỗ Túc.

Tương truyền năm ấy Gia Cát Lượng mượn được Kinh Châu, lại đoạt lấy ba quận Trường Sa, Linh Lăng và Quế Dương, giao cho Quan Vũ trấn giữ. Song Quan Vũ lòng tham không biết đủ, được đảng chân lân đảng dẫu, vẫn còn muốn mở rộng địa bàn. Lỗ Túc chịu không nổi, liền xây một tòa thành ở bên Động Đình thuộc bờ bắc sông Tư, đóng trọng binh chống chọi với Quan Vũ. Dương thời, mọi người đều gọi thành này là thành Lỗ Túc; sau này thành đổ, tường lở giống như con dê bằng đất, mọi người lại đổi gọi là dê Lỗ Túc, cho đến nay di tích của nó vẫn còn.

Quan Vũ e sợ Lỗ Túc đứng vững chân, cảm chắc rẽ, sau này sẽ khó đối phó, liền dẫn đầu một lực lượng lớn người ngựa, bí mật đổ về thành Lỗ Túc.

Kẻ thù gặp nhau, đổ mặt tía tai. Các tướng, sĩ của Lỗ Túc khoa chân múa tay, đều muốn quyết sống mái một phen: "Còn thành còn người, nhất định không cho họ đạt được mục đích!"

Lỗ Túc trầm nghĩ: Hai con hổ đánh nhau, tất có một con bị thương. Kiểu đó chỉ có lợi cho Tào Tháo đứng ở ngoài, thật bất lợi! Song những câu nói loại này, Lỗ Túc đã nói quá nhiều

lần. tai của các tướng sĩ như đều đã ù lên. nghe không vào nữa. Hết cách. Lỗ Túc đành tìm lí do khác, nói:

- Đánh trận sống mái nguy hiểm lắm, mau chóng lui về bờ nam sông Tư!

Quan Vũ như hổ đói vồ mồi, song cái giành được lại chỉ là tòa thành trống rỗng, nhuệ khí giảm đi đến ba phần. Quan Vũ nhìn sang phía nam sông Tư, đại doanh của Lỗ Túc đóng trên đỉnh Thiết Phố; trên núi Xà cách đó không xa là cờ hiệu của Cam Ninh. Nhìn thấy họ cảnh giới nghiêm ngặt, lính giỏi ngựa khỏe, nhất định không phải dễ đụng vào, hướng chỉ còn có thiên nhiên hiểm trở ngăn cách? Lúc này, nhuệ khí của Quan Vũ đã hạ xuống mất năm phần, không dám bộp chộp làm xàng. Đợi đến đêm hôm đó, Quan Vũ mới dẫn binh mã lặng lẽ tới thượng lưu sông Tư, chuẩn bị lên lút qua sông sang bờ bên kia, nhằm lúc bất ngờ đánh mạnh chém dũ. Quan Vũ nhờ ánh trăng, chỉ vào dòng sông Tư nói với các tướng sĩ:

- Đường sông chỗ này hẹp, giữa lại có bãi La Bốc, bãi Thái Gia và bãi Thanh Long, giống như bắc mấy chiếc cầu nhảy, mau qua sông đi!

Người ngựa vừa xuống sông, liền phát hiện nước sâu chảy xiết. một bước cũng khó tiến; vừa muốn quay đầu nghĩ cách khác, bỗng nghe thấy hồi chiêng vang lên, đồng thời trên mấy bãi dựng lên những cờ hiệu của Đông Ngô, sát khí đằng đằng rất đáng sợ! Binh mã của Quan Vũ tối tăm mặt mũi rồi rối loạn, vội vã lui về. lúc này nhuệ khí đã mất đi bảy phần. Nơi đây sau này liền lấy tên là Quan Lai, nói lên rằng tại nơi đầu bãi nước chảy xiết Quan Vũ đã bị thua thiệt.

Quan Vũ tiến lui đều khó, không thoát ra được! Lúc này, Lỗ Túc cho người đưa tới một bức thư, hẹn Quan Vũ đơn đao dự tiệc, lấy lễ gặp nhau. Đang muốn xuống lầu lại có người bắc thang cho, Quan Vũ lẽ nào để lỡ? Quan Vũ hoàn toàn đồng ý, nói:

- Gặp nhau là sáng kiến trước tiên của Tử Kính; làm chủ nhà đương nhiên phải là ta. Ta dọn tiệc ở bờ bắc sông Tư, mời Tử Kính ngày mai nhất định qua bên này dự tiệc.

Tả hữu nhất tề khuyên ngăn Lỗ Túc:

- Quan Vũ là con chồn đi chúc tết gà - tâm địa xấu, không nên sang.

- Quan Vũ không sang đây, cũng là vì nghi ngờ ta như vậy. Nếu ai cũng không chịu đi trước một bước thì gặp nhau thế nào được.

Lỗ Túc không lãnh hiểm nguy, một mình đi chiếc thuyền nhỏ qua sông Tư.

Quan Vũ thấy Lỗ Túc chỉ mang theo bên mình một thanh đoản đao, không có tùy tùng, hộ vệ nào, vậy mà vẻ mặt tự nhiên, thái độ bình tĩnh, thì không nên nổi lòng kính phục; đồng thời cũng thầm tự cảm thấy hơi hổ thẹn: Vô cớ xâm nhiễu biên giới Đông Ngô, thật không nên!

Lỗ Túc đường hoàng tới chào Quan Vũ, hàn huyên, mời rượu, trò chuyện, giống như là đối xử với bạn cũ, không phải là đối xử với kẻ thù. Các tướng sĩ của Quan Vũ tuy đều ở cách xa ngoài trăm bước, không được phép lại gần, song cũng đều tận mắt nhìn rõ mồn một. Trong lòng họ còn nghĩ: Lỗ Túc đơn đao dự tiệc, đi sâu vào doanh trại địch, sao chẳng sợ các tướng sĩ ào tới, bằm vằm thân thể nát ra như tương? Nhớ năm ấy Gia Cát Lượng mời Lỗ Túc làm người bảo lãnh để

mượn Kinh Châu, nhưng lại ì mãi không trả, khiến cho Lỗ Túc bên ngoài thì mất thể diện, bên trong thì bị oán trách; ngày nay chúng ta lại tới xâm phạm biên giới nước ông ta, đánh phá thành trì của ông ta, quả thật là đã cười lên đầu ông ta, lại còn dãi vãi ra nữa! Song vì sao ông ta không cảm giận? Lẽ nào hận cũ thù mới ông ta đều gạt bỏ đi? Chưa chừng là trong bụng tổ tướng có thể chông được thuyền, ông ta đứng hết sức cao và nhìn hết sức xa đó!

Chớ xem Lỗ Túc trung hậu, kì thực ông ta cũng đặc biệt tinh nhanh. Ông ta vừa trò chuyện với Quan Vũ, vừa chú ý ở phía ngoài trăm bước, biết lòng người dần dần đã chuyển hướng về mình, nhuệ khí đánh trận của họ đã tiêu tan rồi. Lỗ Túc cảm thấy đáng là lúc đỏ, liền đơn đao vào thẳng, ngay trước mặt đòi Quan Vũ trả lại Kinh Châu:

- Tục ngữ nói: "Cứ mượn có trả, mượn nữa không khó". Lí ấy, bà già trẻ em cũng biết. Các ông lại không bằng bà già trẻ em, đã mượn rồi lại không trả, thất tín với nước láng giềng.

Lỗ Túc lí thẳng khi hùng, cất cao giọng cố ý để chỗ xa cũng có thể nghe thấy:

- Chính vì hai nước kết giao tốt đẹp, nhất trí đối phó với Tào Tháo, chúng tôi mới nhân nhượng nên chịu hết lần này đến lần khác; song không phải sợ hãi các ông mà không dám độ chọi đao thương, gươm qua kiếm lại.

Chỗ xa có người thăm gặt đầu: Chẳng đúng vậy ư? Gần ngay trước mắt đó, Lỗ Túc chẳng đã nhân nhượng nên chịu mãi, còn đi sâu vào trong hang hùm đó sao?

Quan Vũ đỏ mặt tía tai, không trả lời được, đành đẩy lên cho Lưu Bị.

Lỗ Túc không buông tha Quan Vũ, nghiêm khắc chỉ trích:

- Chủ một nước càng phải giữ chữ tín. Lưu Bị nếu nói không bằng lòng, bên dưới cũng nhất định sẽ làm theo như vậy. Cả nước trên dưới đều là anh lừa tôi, tôi lừa anh, không rồi loạn sao, không mất nước sao? Lần này ông dùng binh cũng đẩy cho trên ư? Không cảm thấy là đuối lý sao!

Quan Vũ không còn đất dung thân nữa, chỉ giận rằng trước mắt không có một khe đất nứt để giấu mình. Quan Vũ cũng muốn trở mặt không chấp nhận nợ, lấy dao thương mà nói chuyện, nhưng lại cảm thấy Lỗ Túc có chuẩn bị trước: binh mã của mình vì đuối lý, cũng chưa hẳn đã liều sống chết. Không còn cách nào, Quan Vũ đành liều quyết định:

- Thôi, thôi, thôi! Ta trao trả ngay ba quận của các ông, sau này sẽ lấy sông Tương làm biên giới là xong.

Lỗ Túc thấy Quan Vũ biết sai thì sửa, dám làm dám gánh vác, không mất bản sắc anh hùng thì cũng vui sướng, vô cùng phấn khởi, liền ngay tức thì xây dựng lại sự liên kết tốt đẹp với Quan Vũ, bày tỏ muốn nhất trí cùng đối phó với Tào Tháo.

LỖ TÚC BÀY MƯU LẠ

Lỗ Túc kể tiếp Chu Du làm đô đốc, biết trong triều có người không phục, nước thù địch cũng sẽ nhân cơ hội xâm lược, liền dẫn đầu thủy quân ngày đêm luyện tập ở trong hồ Động Đình, nghiêm túc đối phó. Lỗ Túc xây dựng ở sát hồ một đài duyệt binh, thường xuyên đứng ở trên, huấn luyện chiến thuyền tiến lui đánh giữ; còn luôn luôn đi chiếc thuyền nhỏ ra vào ẩn hiện trong sóng gió, xem nơi nào bày trận hay, nơi nào phòng giữ tốt, chỗ nào mai phục khéo, chỗ nào ra quân tiện. Lỗ Túc trong lòng như có một cuốn sổ về hồ Động Đình, hết thấy trong ngoài, nhánh sông bến cảng đều rõ mồn một.

Để phòng thần ma quỷ lại tới, thủy quân của giặc quả nhiên đánh lại, từ Trường Giang tiến vào Động Đình, cờ chiến rợp trời, chiến thuyền như đàn kiến, sát khí đằng đằng, thật đáng sợ!

Lỗ Túc lại như người không có công việc gì, một là không điều động binh lính, hai là không sai khiến tướng tá, chỉ thường xuyên ra vào trong trạm thợ rèn. Mọi người bồn chồn lo lắng:

- Thợ rèn có thể đánh lui quân giặc không?

Lỗ Túc trả lời họ:

- Ba trăm sáu mươi nghề, nghề nào cũng đều có ích, không nên nhìn người qua khe cửa.

Quân địch càng ngày càng gần, tiền quân các ngả tới tập cấp báo. Lỗ Túc đều trả lời chiếu lệ như nhau:

- Binh sĩ chớ có hốt hoảng, ta đã có diệu kế đối phó với chúng.

Đêm hôm đó trời rất tối, sóng gió trong hồ hết sức lớn, đúng là đêm không trăng đêm giết người mà, quân giặc há chẳng mò tới? Mọi người vừa sốt ruột vừa lo âu, song mắc bệnh co giật lại gặp phải ông lang chậm chạp, chủ soái lại là Khương Tử Nha ngồi vững vàng thì còn có cách gì nữa! Mọi người đành đóng cửa ngồi trong nhà, nghiêng tai lắng nghe động tĩnh.

Lúc đầu là vang lên một hồi những tiếng loảng xoảng như xích sắt chuyển động, từ chỗ gần ra bờ hồ; tiếp đó lại một hồi những tiếng càn cạch vang lên, rõ ràng là tiếng khua mái chèo, từ bờ hồ ra xa dần; sau một hồi, tiếng người thét tiếng ngựa hí truyền tới, dữ dội lắm, nhất định là quân địch đánh tới. Trọng chốc lát, bỗng vang lên tiếng nổ rầm rầm, tựa như trời long đất lở; chẳng mấy chốc lại trở nên yên tĩnh. Thật giống như một cơn ác mộng, ai biết rốt cuộc là đã xảy ra việc gì?

Sáng sớm hôm sau, mọi người đều chạy ra cửa nhìn: Cờ soái của Lỗ Túc vẫn còn, xác chết của quân địch thì lại nổi trôi khắp hồ. Hóa ra là hai bờ cửa hồ đều có đặt năm gong

sắt lớn, cùng kéo năm sợi xích sắt lớn ngang qua hồ, chặn đứt đường thủy. Quân địch ban đêm chở thuyền giống như người mù cưỡi ngựa mù, đương nhiên là đều vấp phải xích, thuyền bị đắm.

Người đời sau đều khâm phục Lỗ Túc mưu trí cao, giỏi dùng binh, cho nên trên đài duyệt binh của Lỗ Túc đã xây dựng lầu Nhạc Dương; còn lưu giữ lại một chiếc gong sắt lớn do Lỗ Túc đôn đốc chế tạo, bày ở dưới lầu Nhạc Dương làm kỉ niệm.

NGUỒN GỐC CỦA CÂY ĐIỀM LỔ TÚC

Phàm những người đến Thái Hồ đều thích mua cây điềm lô túc ở bên hồ ném thử. Nghe nói, điềm lô túc vốn xưa có tên là "điềm Lổ Túc".

Năm ấy cả một vùng bên hồ có nhiều ruộng thấp, cũng gọi là ruộng vũng nước, mười năm cây cấy chín năm mất mùa. Quan huyện bất kể dân chúng sống chết ra sao, vẫn như cũ tiền bạc, lương thực không cho phép thiếu, làm cho dân chúng hết cách sống. Lổ Túc biết, chạy đi tìm Tôn Quyền, xin tới bên Thái Hồ làm huyện lệnh ba năm.

Bụt lớn sắp tới miếu nhỏ, điều đó khiến quan lại vẩn vơ trong huyện lo cuống cuống, chúng đứng nghiêm trang cung kính đợi chờ Lổ Túc trên đường cái Quan Đường cách thành mười dặm. Nhưng đợi từ sáng sớm đến lúc trời tối, vẫn không nhìn thấy chiếc kiệu quan nào trên đường bờ sông, dưới sông cũng không thấy chiếc thuyền quan nào. Hôm sau, cũng đợi hệt như thế, ngày thứ ba, lại cũng đợi mất công toi. Song quan văn không dám lãnh đạm, quan võ không dám thất lễ, vẫn ngày ngày chờ đợi, ngày ngày gác canh, ba tháng trời trôi qua phí hoài. Trên thực tế Lổ Túc đã ăn mặc quần áo thường đến bên hồ từ lâu, tìm đến trú ở ngôi miếu hồng. Lổ Túc tay chân mồm miệng đều chăm chỉ, ông đến kiểm tra xem xét tỉ

mì cách gạch hồ cảng vịnh, thăm hỏi ân cần từng hộ gia đình. Có người hỏi Lỗ Túc đến để làm gì? Lỗ Túc nói:

- Tôi đến để lặn giâm bớt thể nước.

Nông dân đều phấn khởi vây quanh bên Lỗ Túc, ngày bàn bạc, đêm chuyện trò, cuối cùng đã tập hợp được chủ trương hay. Họ đắp đê bờ hồ rất chắc chắn, đào cù lớn sông nhỏ rất ngay ngắn. Nước ở ruộng vũng nước rút đi, hoa màu đã mọc tươi tốt. Trong huyện nghe tin vội tới xem, mới biết là Lỗ Túc đã lãnh đạo dân chúng làm được việc tốt ở bên hồ. Từ đó về sau, ruộng thấp ven Thái Hồ đều đã thành ruộng tốt, hàng năm được mùa, nông dân sống những ngày tốt đẹp.

Sau khi Lỗ Túc ốm chết, dân chúng ven Thái Hồ đều lên đê đi viếng Lỗ Túc. Nước mát họ nhỏ xuống ướt đầm bùn đất trên mặt bờ đê. Sau một đêm, trong bùn ướt đã mọc lên những cây hình dáng giống như mía, vị vô cùng ngọt. Mọi người biết đây là do Lỗ Túc hóa thành; vì rằng Lỗ Túc lưu luyến không nỡ rời vùng ven Thái Hồ, nên mãi mãi ở lại đây, họ liền gọi tên cây này là "điêm Lỗ Túc", sau này đổi thành "điêm lô túc".

TRUYỀN THUYẾT VỀ TRƯƠNG CHIÊU

CHỌN NGƯỜI HIỀN

Trương Chiêu là người Bành Thành, từ nhỏ đã chăm học chịu hỏi, ngày đêm đọc sách, thông hiểu cổ kim và việc lớn trong thiên hạ; Trương Chiêu lại còn biết viết chữ đẹp, người đến nhờ Trương Chiêu viết chữ, quả thật đông đến mức chen vỡ cả cửa. Thứ sử Từ Châu lúc bấy giờ là Đào Khiêm, thấy Trương Chiêu là nhân tài hiếm có, muốn tiến cử Trương Chiêu ra làm quan, nhưng làm thế nào Trương Chiêu cũng không chịu nhận, nói rằng:

- Tôi không muốn người khác chọn tôi làm quan, mà là muốn ông ta chọn một người hiền, để dưới quyền của ông ta làm được một sự nghiệp.

Sau này Tôn Sách dấy binh khởi sự, Trương Chiêu ngầm ở bên quan sát, nhận ra dung là ông ta sẽ có ngày làm nên đại sự, liền không mời mà tự đến, đã làm nên chức quan to dưới quyền Tôn Sách.

ĐIỀU DẮT NGƯỜI TRẺ TUỔI

Khi Tôn Sách sắp mất, căn dặn Trương Chiêu: Tiếp tục giúp đỡ em trai là Tôn Quyền giành lấy thiên hạ.

Tôn Quyền lúc bấy giờ còn nhỏ, không biết lo việc, chỉ khóc lóc chết đi sống lại trước linh cữu của anh. Rán không đâu không thể đi, chim không cánh không thể bay. Tôn Quyền cứ khóc lóc như vậy, lòng người chẳng phải là sẽ li tán sao? Song dựng được cột chứ dựng sao được dây giăng, người khác thì đâu dễ làm được việc ấy, mọi người nhìn hoài, mặc cho Tôn Quyền khóc than.

Chỉ có Trương Chiêu thì khác, ông tiến thẳng tới trước linh cữu, trước mặt mọi người chỉ trích Tôn Quyền:

- Hiện giờ lòng người hoang mang, việc rối như tơ vò, tướng quân không mau đứng ra ổn định tình hình thì sẽ khó tránh khỏi nổi loạn, lúc này đâu phải là lúc vui đầu cảm cổ khóc than!

Lời nói cương trực thẳng thắn, khiến Tôn Quyền không sao thoát ra được. Sự tình ấy phạm húy rất nặng, nếu xử tội thì rất nguy. Song Trương Chiêu hoàn toàn không để ý tới những điều ấy, ông dìu Tôn Quyền đứng dậy mà đi. Tới phòng luận bàn công việc, ông để Tôn Quyền ngồi lên trên, sau đó bản thân dẫn các văn quan võ tướng nghe theo lời của Tôn Quyền, cùng bàn đại sự. Trong chốc lát mọi việc ra đầu ra đuôi, trên dưới đều vào quy củ.

CAN GIÁN THẮNG THẦN

Tôn Quyền thích săn bắn, thường cưỡi ngựa săn hổ. Có lần hổ quay lại vồ, suýt nữa làm Tôn Quyền bị thương. Sau đó Tôn Quyền vẫn cứ ra ra vào vào trong rừng hoang núi vắng như cũ. Trên dưới đều biết rõ việc này nguy hiểm lắm, không nên tiếp tục, song không ai dám đứng ra khuyên can. Vì rằng để Tôn Quyền cụt hứng thì chẳng khác nào vuốt râu hùm vậy, rất có thể bị toi mạng. Trương Chiêu lại không sợ điều đó, ông bước lên nói với Tôn Quyền rằng:

- Tướng quân nên ra vào chiến trường, chém tướng giết thù, trị quốc bình thiên hạ, không nên vì một chút thức ăn rừng, một chút đa thú mà đi vui chơi săn bắn. Tướng quân mạo hiểm như vậy, nhờ bị thương, sẽ lỡ mất đại sự, để mọi người chê cười, không được đâu!

Bị chận nước lạnh ấy dội vào đầu, Tôn Quyền cơ hồ không sao chịu nổi. Song suy nghĩ kĩ, thấy Trương Chiêu rất cục có tấm lòng tốt, liền xuống thang nói:

- Ta trẻ quá, suy nghĩ không chu đáo. May mà có ông nhắc nhở!

Sau này, Tôn Quyền vẫn đi săn như cũ, nhưng đều tìm cách tránh mặt Trương Chiêu.

Có một lần, Tôn Quyền uống rượu say, phất khăn, ép mọi người xung quanh đều phải liếc mắt uống giống như mình, không say bết nhè không thôi. Lúc bấy giờ, không một ai dám nói một tiếng "không", vì trái lệnh không uống rượu của chúa công thì sẽ phải chém đầu. Trương Chiêu vẫn coi

như thường, không nhấp tí rượu nào, bỏ bàn tiệc đi thẳng ra cổng, ngồi lên xe của mình định về nhà.

Tôn Quyền cảm thấy như thế là làm nhục mình trước mặt mọi người, vô cùng giận dữ, truyền lệnh gọi Trương Chiêu vào trong phòng, chất vấn Trương Chiêu rằng:

- Mọi người uống rượu làm vui, ông có chi phá hỏng cuộc vui như thế? Lẽ nào có cái lí như vậy!

Trương Chiêu không đổi sắc mặt, nói:

- Chứa công uống rượu phải biết hạn chế. Uống vô điều độ, ép buộc bề dưới cũng say, là hành động của hôn quân các triều đại xưa, mình công nhất thiết không thể mất lí trí, mất thể thống, say sưa tối ngày được!

Những lời nói chường tai như vậy, tả hữu đều sợ run lên, Tôn Quyền càng không thể chịu được lời răn dạy quả trách trên cao xuống như thế, giận dữ quát:

- Nhà ngươi, rượu mời không uống muốn uống rượu phạt. Ta sẽ giết nhà ngươi!

Trương Chiêu vẫn không biến đổi thần sắc, lạnh nhạt nói:

- Sống chết hoàn toàn ở trong tay chúa công. Song tôi chỉ sợ chúa công kéo dài như thế mãi, lòng người mất hết.

Tôn Quyền thấy Trương Chiêu bình tĩnh đến thế, lại nói ra những lời ấy, thì rượu say cũng tỉnh ra một nửa, bụng nghĩ, Trương Chiêu quả thực là người có một tấm lòng trung, ta không nghe lời nói thẳng, há chẳng thực sự dễ mất hết lòng người trong thiên hạ, giang sơn khó bề giữ nổi hay sao?

Tức thì làm ra vẻ say rượu vừa tỉnh lại, nói:

- Các ông, các ông đều say rồi? Vậy thì, hãy bỏ bàn tiệc đi, bỏ đi.

Từ đây về sau, Tôn Quyền không sa vào chuyện vui chơi săn bắn và tiệc tùng nữa.

VÀO CHÀU

Có một tướng bội phản của quân Tào xin Tôn Quyền cứu viện, Tôn Quyền chuẩn bị sai người đi phong hán lâm vương. Trương Chiêu biết, vào châu ngân can rằng:

- Hần hôm nay phản bội Tào Tháo, ngày mai lại có thể đầu hàng Tào Tháo; ta và hần xa cách ngàn dặm, roi dài không với tới, xin chúa công chớ ra tay. Nếu không, nhất định sẽ thiệt thòi lớn.

Tôn Quyền cảm thấy Trương Chiêu làm quyền quá đáng, tổn thương danh dự của mình, thuận tay rút kiếm ra, nổi giận nói:

- Trên danh nghĩa ông nghe lời ta, trên thực tế trên dưới tất cả đều nghe lời ông. Ông quả thực đã cười lên cổ ta rồi, luôn làm nhục ta trước mặt mọi người, lẽ nào ta có thể dung tha ông được!

Trương Chiêu nhìn vào kiếm của Tôn Quyền, không thay đổi sắc mặt, chảy nước mắt nói:

- Thần già rồi, vốn không nên làm gì hết, song không thể nhẫn tâm nhìn chúa công mắc sai lầm!

Tôn Quyền xúc động, ném kiếm xuống, cùng Trương Chiêu nhìn nhau khóc. Song Tôn Quyền vẫn không chịu thay đổi chủ ý, vẫn sai người đi liên hệ với tướng bội phản của Tào Tháo.

CHỦ HÀNG

Tào Tháo dẫn quân xuống Giang Nam, trước tiên đánh chiếm Tương Dương, lại lấy được Kinh Châu, đuổi thẳng Lưu Bị không còn chỗ trú chân. Lúc này, Tào Tháo lại gửi thư cho Tôn Quyền, yêu cầu Tôn Quyền chờ nghe sai khiến, về triều đình làm quan, trên thực tế là muốn Tôn Quyền đầu hàng quy thuận.

Tôn Quyền biết việc ấy chẳng lành, cùng mọi người bàn bạc đối sách. Mọi người mồm năm miệng mười, có người chủ chiến, có người chủ hàng, giống như vẽ ngược dây thừng, xoắn chẳng được. Tôn Quyền có chí tranh giành thiên hạ, bản thân làm hoàng đế, song lại chưa chắc chắn, nên cũng không tiện nói ra. Tôn Quyền hỏi Trương Chiêu giờ đây nên làm thế nào. Trương Chiêu bụng dạ thực thà, thích đuổi lợn trong ngách hẻm - thẳng tới thẳng lui. Bèn đáp:

- Tào Tháo là thừa tướng nhà Hán, tướng quân là thuộc hạ nhà Hán, về lí nên nghe theo sự tiết chế và điều khiển của Tào Tháo, đây không phải là hàng; không nghe Tào Tháo sai khiến, tức là chống lại triều đình, tức là làm loạn, tuyệt đối chớ làm!

Những câu nói ấy hợp lí hợp tình, đáng tiếc không đúng tâm tư của Tôn Quyền. Tôn Quyền vẫn không ngót đùa, không nói những lời đó là sai hay đúng. Lỗ Túc ở bên cạnh thấy hết, thâm tính, biết rõ thuyền đậu bến nào, tạm thời không lên tiếng, đợi thuận gió sẽ giương buồm.

Lần bàn công việc này, bên chủ chiến nửa cân, bên chủ hàng tám lạng, giằng co nhau mãi, đành kết thúc dở dang. Lúc này Lỗ Túc mới ngấm lộ ý kiến với Tôn Quyền: Muốn làm hoàng đế, chỉ có đánh không có hàng! Câu nói đã lật tẩy ý nguyện. Từ đấy Tôn Quyền đã quyết định đánh, nên khó tránh khỏi bất mãn đối với Trương Chiêu, song cũng đành chôn giữ trong lòng. Vốn những lời Trương Chiêu nói thực ra không sai, còn lời nói của Lỗ Túc thì lại khó trình bày công khai ra được.

CÁO LÃO

Tôn Quyền cuối cùng xưng làm hoàng đế. Hoàng đế phải có thừa tướng, mọi người đều cho rằng nhất định là Trương Chiêu. Nhưng Tôn Quyền lại không dùng Trương Chiêu, mà dùng Cố Ung. Mọi người bàn luận xôn xao, Tôn Quyền giải thích rằng:

- Trương Chiêu tính tình quá cương trực, dễ phật lòng người, làm thừa tướng không thích hợp.

Tính tình cương trực vì sao không tốt, lẽ nào phải giống con lươn cong cong lượn lượn vừa trơn vừa nhẵn hay sao? Trương Chiêu không thể nào che giấu ý kiến trong lòng, trước mặt Tôn Quyền so bì cao thấp với Lỗ Túc.

Tôn Quyền không có đường lui nữa, đành nói ra tâm tư của mình:

- Năm ấy nếu trăm không nghe lời Lỗ Túc mà nghe lời của khanh, thì ngày nay sao có thể làm hoàng đế được?

Té ra là như vậy, nhưng lời nói này năm ấy bản thân chúa công cũng không dám nói thẳng ra? Thời gian khác nhau

mà! Được thì làm vua, thua thì làm giặc. Đến nay sao nói rõ ràng vậy? Thôi, thôi, thôi, chia tay thôi. Trương Chiêu cáo lão về nhà.

HÒA HẢO

Từ đó, Trương Chiêu đóng cửa trước thư lập ngôn, không lui tới triều đình nữa. Tôn Quyền triệu đến gặp, Trương Chiêu cũng mặc kệ. Tôn Quyền cho rằng Trương Chiêu quá buông thả, vô cùng tức giận, cho người lấy đất lấp chặt cổng lớn nhà Trương Chiêu. Trương Chiêu không những vẫn không ra, mà còn đổ thêm đất ở bên trong cho kín, nguyên cách tuyệt mãi mãi như vậy với trần tục, chết già ở trong đó.

Vừa may khi ấy có tin truyền tới: Người di liên hệ với tướng phản bội của Tào Tháo đã bị giết, ứng với lời của Trương Chiêu. Tôn Quyền trong lòng hối hận, muốn xin lỗi Trương Chiêu. Trương Chiêu vẫn thoái thác tuổi cao bệnh nặng, không xuống giường, không ra ngoài.

Hôm sau, Tôn Quyền lại đích thân đến cổng nhà Trương Chiêu, lên tiếng gọi to, Trương Chiêu vẫn không ra. Tôn Quyền muốn dọa Trương Chiêu một phen, liền hạ lệnh phóng hỏa đốt cổng. Trương Chiêu vẫn ở lì bên trong, lại không ngừng cài thêm then cửa, đợi thiêu chết cháy. Tôn Quyền thấy làm cứng không xong, đành bảo quan lại binh sĩ dưới quyền dập tắt lửa. Rồi sau đó cũng kính đứng đợi ở ngoài cổng, nài xin Trương Chiêu ra gặp mặt.

Cả gia đình Trương Chiêu cảm động, cùng đi Trương Chiêu ra cổng gặp Tôn Quyền. Tôn Quyền trước mặt thừa nhận sai sót của mình, nói lời xin lỗi nhiều lần. Trương Chiêu thấy Tôn Quyền quả là thành thực, cũng tự trách bản thân mình. Từ đó về sau, quan hệ vua tôi giữa hai người lại trở lại hòa hảo.

HẦM NGÀN DÊ

Dại tướng Đông Ngô là Cam Ninh từng làm thái thú Tây Lăng, trấn giữ cửa Phú Trĩ là nơi trọng yếu về quân sự. Dương Tân, Hạ Trĩ (nay là huyện Thông Sơn, tỉnh Hồ bắc) là đất phong của Cam Ninh, trong dân chúng hai huyện vẫn lưu truyền rất nhiều câu chuyện về ông. Trong đó có câu chuyện "Hầm Ngàn Dê".

Trong núi Mạc Phụ có một thung lũng tên là Hàn Cốt Động, là con đường tắt yếu qua lại giữa Ngạc Châu và Cán Châu. Có một người tên là Lãnh Thiên Hải, mang hiệu Gấu Đen cầm dựng dinh lũy ở đây, chiếm cứ núi non xưng vương, cướp bóc khách buôn qua lại, cường đoạt con gái trong dân, làm khổ hại dân chúng địa phương.

Cam Ninh muốn trừ hại cho dân, liền dẫn đầu ba trăm binh mã đến Hàn Cốt Động. Cam Ninh thấy nơi đây địa thế hiểm yếu, hai bên là vách núi cheo leo, núi cao rừng rậm, hang ổ kẻ cướp ẩn náu chính là ở trong rừng thông trên đỉnh núi. Cam Ninh đang tính toán tìm đường đánh vào dinh trại như thế nào, bỗng nghe thấy một hồi chiêng vang lên, bọn giặc cướp lớn tiếng la ó:

- Lợn đến cổng, chó vào nhà, vật mừng mang tới đừng
hòng chạy thoát!

Đồng thời gỗ lán đá lao ầm ầm rơi xuống. Cam Ninh ngán
cán không nổi, đành vội vã lui quân.

Đường đường là đại tướng lại thua bọn giặc cỏ, Cam Ninh
bực tức lắm! Cả đêm không ngủ được. Bỗng nghe thấy bên
ngoài có một hồi tiếng dê kêu "be, be, be", thì ra là một bầy
dê rừng dậy sớm đi ăn cỏ sương. Thế là Cam Ninh có ngay
mưu kế, vội cấp tốc cho người mua về một ngàn con dê rừng,
lại còn mua năm trăm cân dầu trầu và xơ bông.

Đêm hôm đó, trăng mờ gió lớn, Cam Ninh ra lệnh cho
các binh sĩ lấy xơ bông thấm dầu trầu, quấn vào đuôi dê, cứ
hai trăm con làm một đợt, do mấy kỵ binh tinh nhuệ dẫn đầu,
chia làm năm đợt đi tới cửa Hàn Cốt Động.

Đợt thứ nhất xuất trận trước, vì bị lửa đốt cháy ở móng
dít, lũ dê rừng liền thực mạng trèo lên núi. Lãnh Thiên Hải
cứ tưởng là quân Ngô cầm đuốc tấn công dinh trại, y vội sai
lâu la lán gỗ lán đá xuống, và nhằm vào những bó đuốc mà
bắn tên.

Quỳ kêu ma thét náo động hồi lâu, khớ khăn lăm mớ dập
tắt được các "bó đuốc". Lãnh Thiên Hải vẫn chưa được xả hơi
thì những "bó đuốc" đợt hai lại đã xông tới rồi. Bọn giặc cướp
lại một trận cuống cuồng tay chân. Cứ như vậy, đợt ba, đợt
bốn, đợt năm, kéo dài suốt đêm, gỗ lán đá lao trên dinh trại
đã sạch sành sanh, tên nó cũng chẳng còn được bao nhiêu.
Lúc này, bỗng tiếng hô dậy trời, Cam Ninh đi trước hàng
quân dẫn theo ba trăm tráng sĩ xông thẳng lên núi. Bọn lâu

la ấy vốn là lũ ô hợp, lại thêm một đê mê một nhọc, làm sao có thể chống đỡ nổi? Chúng bị quân Ngô giết không còn một mống, Lãnh Thiên Hải cũng bị băm vằm nát như tương.

Cam Ninh thả các tù nhân gái trong nhà giam ra để họ được đoàn tụ với gia đình, lại phân chia của cải mà Lãnh Thiên Hải cướp bóc được cho dân chúng địa phương. Dân chúng cảm ơn ân đức của Cam Ninh, sau này liền xây dựng tòa miếu Cam Ninh trên ngọn núi dinh trại nhà họ Lãnh; còn đổi tên Hàn Cốt Động thành hẻm Ngàn Dê.

CAM NINH KẾT NGHĨA VỚI ĐẠI VƯƠNG NÚI THÀNH

Dưới chân núi Thành thuộc huyện Hạ Tri có thung lũng lớn nhà họ Trương. Trong thung lũng có tên nhà giàu tên là Thập Tị Trương. Hắn dựa thế con mình làm tiểu đầu mục trong quân Ngô, chuyên ức hiếp chèn ép người làm công và các hộ tá điền. Có một năm đại hạn, ruộng đồng không thu hoạch được hạt nào, hắn vẫn cưỡng bức thu tô như cũ; giao nộp không đủ thì hắn cướp lấy thứ gì đáng giá một chút, còn cưỡng ép cả vợ và con gái nhà nghèo gán trả nợ tô.

Dân nghèo quả thật không sao chịu nổi, có một người dân trong làng tên là Trương Bình cầm đầu, phóng lửa đốt trang trại của Thập Tị Trương, giết chết Thập Tị Trương, đem chia lương thực áo quần của Thập Tị Trương. Trương Bình làm ra tai họa lớn, dứt khoát kéo cờ làm phản, lên núi Thành, chiêu mộ binh mã, giết bọn giàu cứu dân nghèo, những anh em đi theo ông đều gọi ông là Đại vương núi Thành.

Con trai của Thập Tị Trương làm hiệu úy dưới quyền Cam Ninh, liền xin Cam Ninh đi tiêu diệt Đại vương núi Thành để trả thù cho cha. Cam Ninh để Trương hiệu úy dẫn ba trăm binh mã về làng tấn công núi Thành, kết quả thất bại thảm hại, chỉ có mình hắn chạy về được cửa Phú Tri. Cam Ninh

sừng sốt, bèn đích thân mang quân tới bao vây chặt núi Thành. Không ngờ Trương Bình lại không giao chiến. Ông một mình một ngựa đến gặp Cam Ninh, nói:

- Cam tướng quân không phải huy động nhiều người để tránh cho đôi bên đều thua thiệt tổn thương, tướng quân mất binh lính đáng tiếc, tôi chết mất anh em đau lòng. Hôm nay Trương Bình tôi tự đến đây nộp mạng, xin cam chịu róc xương lóc thịt, chỉ xin chớ làm tổn thương bà con phụ lão trong thung lũng!

Cam Ninh nói:

- Ông tự tập dân chúng làm phản, giết hại binh lính nhà nước, lẽ nào một mạng sống của ông có thể chuộc được tội?

- Tôi "tự tập dân chúng làm phản", là vì Thập Tì Trương ức hiếp dân áp người quá đáng, buộc phải đi theo đường này; "giết hại binh lính nhà nước", cũng là do Trương hiệu úy lấy việc công báo thù riêng, đem thịt dặt lên thớt gỗ!

Sau đó Trương Bình nói rõ ràng đầu đuôi sự việc. Cam Ninh vỗ ngực, nói:

- Hóa ra việc gì cũng có nguyên do! Xem ra ông dũng cảm hiểu biết hơn người, dám làm dám tiến, hãy làm tướng dưới trướng của ta nhé!

Trương Bình nói:

- Tôi và Trương hiệu úy có mối thù giết cha thì cùng làm việc với nhau thế nào được? Tướng quân nếu tin ở tôi, có thể một mắt nhắm một mắt mở, để tôi tiếp tục ở lại làm vua giữ núi này, một là có thể bảo vệ được dân chúng, hai là nhờ có công việc, còn có thể bí mật giúp cho tướng quân.

Cam Ninh cảm thấy có lí, nói:

- Người thông minh không làm việc mờ ám, dám làm dám chịu. Ta để ông làm Đại vương núi Thành này, tiếp tục cầm đầu binh mã, tiêu diệt cường hào ác bá vùng Hạ Trí.

Rồi ngay lập tức Cam Ninh đưa cho Trương Bình rất nhiều dao thương, ngựa và tiền bạc, hơn nữa còn cùng Trương Bình kết nghĩa làm anh em sống chết có nhau. Sau này Trương Bình tặng cho Cam Ninh một đôi khỉ núi Thành, Cam Ninh cũng tặng lại cá Dương Quy là đặc sản của địa phương, hai người đi lại rất nhiều lần với nhau. Dân chúng vùng Hạ Trí, được Cam Ninh và Đại vương núi Thành bảo vệ, đã được sống thái bình trong nhiều năm.

QUẠ PHÚ TRÌ KHÔNG TÙY TIỆN KÊU

Quạ khắp mình đen ngòm, giọng khàn khàn, người bình thường đều không thích nó, song, quạ ở Phú Trì lại được gọi là chim thần. Tập tục này có quan hệ tới Cam Ninh.

Truyền rằng Lưu Bị, để trả thù cho em, đã liên kết với vua Phiên cùng tấn công Đông Ngô, khí thế rất dữ dội mạnh mẽ. Lúc bấy giờ Cam Ninh đang mắc bệnh nặng, vẫn mang bệnh ra trận, đánh một trận ác chiến với vua Phiên. Nhưng vì sức yếu khó giành thắng lợi, liền ghìim ngựa xoay mình lui quân, chuẩn bị nghỉ xả hơi rồi lại đánh tiếp.

Ai ngờ vua Phiên đuổi gấp không buông, Cam Ninh lui mãi tới bên sông Bát Tương, bất ngờ trúng phải mũi tên độc bắn từ sau lưng, từ trên ngựa ngã xuống sông, thì thể trôi theo dòng nước. Binh lính Phiên chạy tới, xuống sông vớt xác, muốn tranh công lĩnh thưởng.

Bỗng nhiên vang lên một hồi tiếng kêu "quạ quạ", giống như khóc tang, trăm ngàn quạ đen bay tới, nhào xuống sông, dùng mỏ mổ mù mắt binh lính Phiên, lấy móng cào rách sọ não binh lính Phiên, óc và máu của chúng nhuộm nước dòng sông thành chỗ trắng chỗ đỏ. Vua Phiên hoảng sợ vãi rắm vãi dãi, đang muốn thoát thân, lại nghe thấy một hồi tiếng kêu "quạ quạ" quái gở, quạ đen lại đổ xô tới. Vua Phiên chỉ

cảm thấy mắt tối sầm lại, đầu óc choáng váng, ngã lăn xuống dưới ngựa, bốn vó chống lên trời, về châu ông vải.

Quạ đen kéo tới ngày càng đông, đen ngòm cả một vùng rộng lớn, giống chiếc ô thật to phủ kín cả trời, bảo vệ Cam Ninh không cho nắng chiếu mưa rơi; còn đi theo Cam Ninh trôi hoài trôi mãi trên sông Bát Tương, trôi đúng ba ngày ba đêm, trôi về tới cửa Phú Trĩ nơi Cam Ninh khi còn sống trấn giữ thì dừng lại trong một vịnh cảng nhỏ.

Cửa Phú Trĩ có một thợ đá già nổi tiếng, ông mang theo hai học trò ra vùng ngoài hành nghề, đi qua đây. Từ xa ông nhìn thấy bầy quạ đen lượn tròn quây lấy vịnh cảng, cảm thấy kì lạ, vội đếm xem, nhận ra là tướng quân Cam Ninh, thì thế không mục rữa không hôi thối, thần sắc vẫn như khi còn sống. Người thợ đá vớt xác Cam Ninh lên bờ, thấy trên mình Cam Ninh còn mang mấy mũi tên độc, nghĩ tới án đức của Cam Ninh đối với dân chúng, không nỡ nếm nước mắt tuôn rơi, bèn quỳ xuống nhổ những mũi tên độc ra cho Cam Ninh. Sau này, vịnh cảng nhỏ ấy liền gọi tên là cảng Nhổ Tên.

Người thợ đá dặn dò hai học trò mau chóng khiêng Cam Ninh về làng, còn bản thân thì đi trước lo liệu tang lễ. Nào ngờ hai học trò này là những kẻ tiểu nhân háms lợi, thầy dạy nghề vừa đi khỏi, chúng bèn định lột áo giáp chiến bào của Cam Ninh để đi đổi lấy trên dưới trăm lạng bạc. Hai đứa ấy vừa bắt đầu hành động, bầy quạ đen đó lại kêu lên "quạ quạ" và đến mổ chúng. Hai thằng đốn mạt bị mổ thương tích đầy người, loáng cái đã đi châu ông bà ông vải.

Người thợ đá già than thở mãi không thôi, trở về triệu tập dân làng, an táng Cam Ninh dưới núi Đại Lĩnh. Cửa đá,

tường đá, ngựa đá, sư tử đá ở mộ Cam Ninh đều là do chính tay người thợ đá già đục đẽo chạm trở thành. Bầy quạ đen ấy cũng bay tới núi Đại Lĩnh, ngày đêm canh giữ phần mộ, từ đấy chúng không tùy tiện mở miệng kêu, sợ rằng làm ồn ào ảnh hưởng đến Cam Ninh.

Nghe nói, sau này có một đứa tham tiền đến ăn trộm mộ, quạ đen lại cùng kêu vang. Dân chúng tới mộ Cam Ninh xem, thấy thangka cha ấy đã về châu trời từ lâu. Té ra là, những quạ đen ấy đều là tướng sĩ binh lính của Cam Ninh chết trận hóa thành. Cho nên chúng xưa nay không tùy tiện kêu, hễ kêu là ắt có kẻ xấu phải chết.

HÒN ĐẠN THẦN ĐÌNH PHỤNG

Truyền rằng buổi tối hôm đầu tiên đại trận Xích Bích, Khổng Minh sau khi ở trên núi Nam Bình khẩn được gió đông, thì lên lên chiếc thuyền con do Triệu Vân đến đón, nhanh chóng chèo xuôi theo dòng. Nước cờ này sớm bị Đông Ngô tính đến, đã sai Đình Phụng bơi thuyền đuổi theo.

Di thuyền trên sông, xuôi dòng thuận gió, thuyền con giống như con ngựa tuốt cương, mũi tên lửa dây cung lao đi vun vút. Đình Phụng ở trên thuyền lớn cùng với các binh sĩ rảo sức khua mái chèo, gấp rút đuổi theo, chốc lát thấy chấm đen nhỏ phía trước ngày càng to, đã nhìn thấy rõ cánh buồm kéo kín cột buồm. Triệu Vân nhìn thấy chiến thuyền của Đông Ngô đuổi tới, quay đầu lại bắn trước một mũi tên, bắn đứt dây buồm của thuyền lớn, dây lát buồm rơi thuyền xoay ngang, hết cách để tiến lên nhanh chóng. Đình Phụng tức giận nghiêng răng, nghĩ bụng: Đứng cạy mình là Triệu Tử Long ở Thường Sơn có tài, ta cũng cho nhà ngươi xem thử sự lợi hại của đại tướng Đông Ngô này! Tiện tay Đình Phụng móc hòn đạn sắt từ trong túi ra, nhắm đúng đỉnh cột buồm trên thuyền Khổng Minh vung tay. Chỉ thấy "vèo", một tảng đen bay tới chỗ ròng rọc kéo buồm, không lệch không nghiêng, không cao không thấp, cắm chặt vào lỗ ròng rọc, làm cho mọi người trên thuyền giật thót mình. Họ còn chưa rõ là cái gì từ trên trời bay tới,

đã nghe thấy một hồi tiếng vang "choang", "răng rắc", "canh cách", "phành phạch". "Choang" là tiếng một hòn đạn sắt nửa búa trúng vào viên đạn trước đang cắm chặt trong lỗ rỗng rọ. "Răng rắc" là tiếng rỗng rọc chấn động vỡ ra làm hai. "Canh cách" là tiếng hai hòn đạn rơi lần lượt xuống ván thuyền. "Phành phạch" là tiếng buồm vải và dây dợ xuống, trùm kín chặt khoang thuyền giữa cò Khổng Minh ngồi. Mấy tiểu binh ngỡ ngác không hiểu ra sao. Triệu Vân vội lấy trường thương khều buồm vải kéo Khổng Minh ra, bỏ thuyền lên bờ, chạy về hướng đông nam.

Từ đó về sau, "hòn đạn thần" của Đinh Phụng trở nên nổi tiếng, mọi người đều khen Đinh Phụng trăm phát trăm trúng, bắn đâu trúng đó, thật tài giỏi. Gia Ngự, Đinh Gia Chủy là quê hương của Đinh Phụng, người lớn trẻ em, ông già bà lão ở vùng này đều thường nói về kĩ năng tuyệt vời ấy của ông. Họ còn xây dựng miếu ông Vương, thờ cúng thần tượng của Đinh Phụng, trong tay của thần tượng còn cầm hai hòn đạn thần.

NÚI ĐÌNH MẪU

Bồ Kỉ có ngọn núi Vọng Giang, sau thời Tam Quốc đổi tên là núi Đình Mẫu, vì sao đổi tên, có câu chuyện dưới đây.

Sau trận Xích Bích, đại tướng Đông Ngô Đình Phụng trấn giữ Sa Tiển. Đình Phụng vốn là người Sa Tiển, mẹ già tuổi cao sống ở đây. Đình Phụng quen người quen đất, lên ngựa có thể đánh trận, xuống ngựa có thể an dân, thường xuyên dẫn người đến các làng xã xung quanh khuyến khích làm ruộng. Mẹ ông là Hòa phu nhân thì đích thân hái dâu chăn tằm ở nhà. Không đến mấy năm, dân chúng ở đây dần dần đều đã no đủ.

Tôn Quyền những năm cuối đời không quan tâm đến triều chính, đại sự quốc gia do mấy thái giám thân tín bày đặt. Tào Tháo từ lâu đã muốn báo thù trận Xích Bích, một lần, Tào Tháo cho rằng thời cơ đã đến, sai Từ Hoảng cầm đầu binh mã đánh xuống Đông Ngô, quân tiên phong đã đến Sa Tiển. Đình Phụng một mặt đem quân chống đỡ, một mặt viết công văn cấp tốc báo tin cho đô đốc Lục Tốn.

Hôm ấy, quân hai bên gặp nhau, một trận ác chiến diễn ra, Đình Phụng không cẩn thận bị thương vào đùi. Đình Phụng sợ quân lính hoang mang, gắng gượng chịu đựng, dẫn binh

mã lui về trấn giữ trên núi Vọng Giang, chờ đợi viện binh. Quân Tào mấy lần tấn công lên núi, khi trèo tới giữa lưng núi, đều bị quân sĩ của Đinh Phụng bắn tên loạn xạ một trận phải lui xuống. Mấy hôm liền người chết không ít, vậy mà vẫn không thể tiến thêm một bước. Từ Hoàng quá nóng, cho người bắt giải bà mẹ Đinh Phụng tới, bắt Đinh mẫu đi trước, đại đội binh sĩ đi đằng sau. Họ trèo tới giữa lưng núi, khi binh lính dưới quyền của Đinh Phụng đang giương cung định bắn thì nghe thấy Đinh Phụng kêu to: "Mẹ!". Các binh sĩ nhìn về phía trước, thấy bà mẹ Đinh Phụng hai tay bị trói ngược, tóc dài rối bời, bị hai tên lính Ngụy đẩy đẩy xô xô đi lên phía trước, đang chuyển dịch từng bước một lên núi. Các binh sĩ thấy vậy, hết thấy đều dờ ra, không dám bắn. Lính Ngụy thấy không ai chống cản, càng liều lĩnh thêm, từ đi đến chạy, càng ngày càng gần, chẳng mấy chốc sắp tấn công lên đỉnh núi. Đinh mẫu lo lắng kêu to:

- Phụng con, chớ để tâm đến mẹ, cốt lo bắn giặc!

Đinh Phụng nghe thấy, đôi môi mím chặt, đôi mắt tròn tròn, giương cung nấp tên, hét: "Bắn!". Chỉ một mũi tên, đã bắn chết tên lính Ngụy bên cạnh Đinh mẫu. Lính Ngụy hoảng sợ vội lui về phía sau, khi đó không để ý gì tới Đinh mẫu nữa. Đinh mẫu miệng vừa kêu: "Phụng con" vừa gắng sức già bò lên núi. Lúc này, tên bán bữa bãi của lính Ngụy từ sau lưng tới tấp xả vào người Đinh mẫu, song bà lại bỗng nhiên đứng thẳng dậy. Tướng sĩ Đông Ngô nhìn thấy Đinh mẫu chết đi, vừa uất ức vừa căm giận, hăng hái dũng cảm đánh xuống núi, đồng thời quân cứu viện của Lục Tốn cũng nhanh chóng tới nơi, hai phía giáp công, rồi cuộc đánh đuổi được quân Ngụy.

Từ đây, núi Vọng Giang đổi tên là núi Đinh Mẫu, để kỷ niệm bà mẹ này. Trên núi sau này mọc đầy trúc nam, nghe nói đó là tóc của Đinh mẫu hóa thành; giữa lưng núi có hòn đá lớn cao hơn trượng, chính là hóa thân của Đinh mẫu.

Ở KIM THÀNH, LỤC TỐN CHƠI NGỊCH ẾCH

Trận Xích Bích, Đông Ngô tuy đánh bại Tào Tháo, song vẫn mất Kinh Châu. Sau này Lữ Mông làm tướng, muốn giành lại Kinh Châu, nhưng lại không đối phó nổi Quan Vũ trấn giữ Kinh Châu, lo lắng sinh bệnh ở cửa Lục Khê.

Lục Tốn nghe nói Lữ Mông ốm liền đến thăm. Hai người qua một lần trao đổi, Lữ Mông liền tiến cử Lục Tốn thay mình làm tướng.

Lục Tốn sau khi cầm đầu quân đội, liền vội vàng xây dựng tòa Kim Thành ở ngoài một trăm dặm, cho binh mã rút về đó, đóng cửa lại không ra ngoài.

Quan Vũ xưa nay chưa nghe nói đến con người trẻ tuổi này, nên không coi Lục Tốn ra gì; thấy Lục Tốn rút về phía sau, càng xem như chuột sợ mèo, nói:

- Lục Tốn đâu phải là đối thủ của ta? Ta sau này có thể nằm ngủ đầy giấc trong thành Kinh Châu rồi.

Mã Lương vẫn cẩn thận hơn, nói với Quan Vũ:

- Chỉ sợ ở đây có sự giả dối, không thể sơ ý.

Quan Vũ cười nhạt một hồi, bụng nghĩ: "Sông to biển lớn đều đã vượt qua, lẽ nào thuyền lật trong mương máng?". Để

đáp lại Mã Lương, Quan Vũ vẫn cho gọi Quan Bình tới và nói:

— Anh mang thư và đồ lễ đến dinh trại quân Ngô một chuyến, bề ngoài là chúc mừng Lục Tốn thắng chức đô đốc, bên trong ngầm xem xét động tĩnh của họ.

Quan Bình vội vã đến cửa Lục Khê, thấy Lục Tốn không có ở đấy, chỉ lưu lại rất ít binh mã, rồi rạc xô bờ, không có vẻ có thể đánh trận được. Quan Bình lại đến Kim Thành, chỉ thấy trong nha môn một mớ hỗn độn, đao thương kiếm kích đã han rỉ từ lâu. Lục Tốn mặc áo quần đại khái, vân không ra vân, võ không ra võ, giống hệt như trẻ nhỏ không hiểu biết gì. Cảnh Lục Tốn có để một chậu to, bên trong nuôi rất nhiều ếch, ộp ộp, ộp ộp, kêu hoài kêu mãi. Lục Tốn tựa hồ nhân rồi buồn chán, vén tay áo lên, một tay cầm cây bút đỏ, một tay không ngừng bắt ếch từ trong chậu ra chấm mực đỏ vào đầu từng con, sau đó thả xuống nhà, mặc chúng nhảy loạn xạ khắp nơi, kêu inh ỏi. Các binh sĩ thấy ếch đều bị nhuộm đỏ đầu, trò chơi mới mẻ, đều vỗ tay cười vang, giống như trẻ con vậy. Quan Bình tận mắt nhìn thấy, trong lòng vui mừng nghĩ: Cung cách này đâu có thể đánh trận. Sao có thể là đối thủ của Quan Công? Lục Tốn tựa hồ không hay biết gì, cười hi hi ha ha, vừa bày tiệc chiêu đãi Quan Bình, còn vừa không ngừng bắt ếch chấm lên đầu chấm đỏ, đồng thời nói với Quan Bình:

— Cha ông ư, suốt đời chỉ biết đánh trận, không biết vui chơi. Cuộc đời được là bao, được vui thì cứ vui mới phải. Ông coi những con ếch này hay đấy chứ!

Dần dần rượu say, bên này nói một câu, bên kia nói một câu, không biết nói những gì nữa.

Quan Bình trở lại Kinh Châu, đem những điều tai nghe mắt thấy kể cho Quan Vũ. Quan Vũ không biết Lục Tốn lập mưu, không thêm để ý đến nữa. Nhân Quan Vũ không đề phòng, Lữ Mông nhân ngày mưa tuyết mặc áo trắng qua sông, giành lại được Kinh Châu. Quan Vũ thất bại chạy về Mịch Thành, cuối cùng đã chịu thiệt mạng.

Hiện nay vùng Kim Thành còn có ếch đỏ đầu. Mọi người đều nói chúng là ếch Lục Tốn đã dùng bút đỏ chấm vào.

NÚI ẦN MÃ

Ngô chủ Tôn Quyền sau khi xem Lục Tốn huấn luyện thủy quân, vô cùng phấn khởi, lại muốn xem kỹ binh của Lục Tốn như thế nào. Đinh Phụng là người địa phương, quen thuộc địa hình ở đây. Đinh Phụng đứng trên bờ phía đông sông Lục Thủy, chỉ về phía nam nói:

— Xem kia! Vùng này gần sông nước, có đồng bằng, có đồi núi, địa thế hiểm yếu, xưa nay khi đánh trận, đôi bên đều liều sống chết tranh giành nơi đây, chỉ còn xem tướng soái bên nào có tài thôi. Đồ đốc muốn huấn luyện kỹ binh thì lấy vùng này làm bãi tập dợt.

Lục Tốn biết ở đây điều động binh mã khó khăn, là một vấn đề khó giải quyết cho mình, nhưng vẫn nhận lời ngay và mau chóng sắp đặt ổn thỏa. Rồi sau đó, mời Ngô hầu và Đinh Phụng lên đài kiểm duyệt.

"Đoàng, đoàng, đoàng" ba tiếng pháo nổ, chỉ thấy cờ xanh tung bay, đông tây nam bắc đồng loạt xông ra mấy đoàn binh mã, toàn là tướng tài lĩnh giỏi, khí thế không gì cản nổi, trong chốc lát có thể cuốn trôi tất cả, áp thẳng tới trước đài. Lục Tốn nói với Tôn Quyền:

— Họ đại diện cho quân địch.

— Khí thế hùng hân, có thể phá nổi chúng không?

Tôn Quyền vừa dứt lời, bỗng thấy cờ vàng vẩy múa, đại đội binh mã từ phía khác xuất hiện ngay tức thì, giống như từ dưới đất chui lên, bốn phía nghênh chiến, đánh cho quân xanh khốn đốn bỏ chạy về ngọn núi mãi đằng xa. Những người trên đài kiểm duyệt đều ngáy người ra nhìn, ai nấy khen ngợi mãi không thôi. Ngô hầu cũng không nén nổi khen rằng:

— Bất ngờ đánh thắng, dùng binh như thần.

Không ngờ, lão tướng Đinh Phụng lại lác đầu, tay chỉ vào ngọn núi quân xanh đang chạy tới nói:

— Đáng tiếc không có cánh quân mai phục sau núi đó, thỉnh linh xông ra tiêu diệt toàn bộ tàn quân của địch.

Lục Tồn nghe xong mỉm cười. Bỗng chốc, trên một ngọn núi nhỏ khác ở chỗ không xa, một luồng khói đậm bốc cao, bay thẳng lên mây. Nơi ấy sau này gọi là gò Khói. Hóa ra, luồng khói đậm này là một tín hiệu, đằng sau ngọn núi mà Đinh Phụng vừa chỉ tay ấy từ lâu đã ẩn nấp một lực lượng lớn binh mã, đột nhiên giống như tia chớp đánh ra, vây chặt "quân giặc" tháo chạy đến trước núi như nhốt trong thùng sắt, "quân giặc" vút giấp quăng mũ tới tấp đầu hàng.

Tôn Quyền cùng các lão thần như Đinh Phụng thấy Lục Tồn biết dùng binh như vậy, đều hết lời ca ngợi. Từ đấy càng yên tâm giao phó binh quyền cho Lục Tồn. Sau này, Lục Tồn dẫn quân đóng thời gian dài ở Lục Khẩu, hai nước Thục, Ngụy đều không dám đến xâm phạm.

Từ đó về sau, ngọn núi không tên này đã có tên, mọi người đều gọi nó là núi Ấn Mã (núi giấu ngựa).

ĐÁNH CHÌM THUYỀN TỰ CỨU MẠNG

Phía nam thành Công An không đến một trăm dặm có một cái hồ lớn, tên gọi là hồ Lục Tốn. Thời Tam Quốc, đại tướng Đông Ngô Lục Tốn đã từng luyện quân ở đây.

Có một lần, Lục Tốn đang huấn luyện thủy quân trên hồ, một trăm chiến thuyền đi lại như thoi đưa, ra ra vào vào, thứ tự dẫu ra dấy. Lục Tốn mình khoác chiến bào xanh, tay cầm lá cờ màu vàng mơ, đứng trên lầu thuyền ban bố hiệu lệnh, lại càng tỏ ra oai phong凛冽.

Bỗng nhiên, gió lớn đột ngột nổi lên, ù ù ào ào, dấy lên sóng trắng ngút trời, giống như nổi canh đang sôi sùng sục, cả dưới đáy nổi cũng cuộn lên. Các lính thủy vội vàng nhìn gió thu buồm, nhưng đã như người mù thấp đèn, phỉ hoài cả nển, thân thuyền bị sóng tung qua ném lại, trong chớp mắt như sắp lật.

Sự việc đến quá bất ngờ, như bị một gậy đập trúng giữa đầu, tối tăm mặt mũi, các lính thủy đều không biết làm thế nào, họ đều mắt nhìn về chủ soái, xem Lục Tốn có cách gì hay, có thể cứu được mọi người thoát khỏi tai họa hung ác ập tới này. Lục Tốn vẫn không chút nhúc nhích, vững như núi Thái Sơn. Lục Tốn quả là giữ được bình tĩnh! Chỉ thấy

cờ vàng mơ vung lên, mệnh lệnh truyền ra: "Ngay tức thì làm thùng đáy thuyền!".

Mọi người nghe xong, quả thực trợn mắt há mồm: "Gió to sóng lớn thuyền thùng đáy, đó chẳng phải tự chọn lấy cái chết hay sao?". Song, quân lệnh như sơn, ai dám chống lại. Mọi người lập tức dùng đại đao, trường mâu, lanh canh lách cách, người đâm kẻ chặt, chỉ một lúc tất cả các đáy thuyền đều thủng cả.

Kế cũng lạ, đáy thuyền làm thùng rồi thân thuyền lại vững và chìm vào trong nước. Các lính thủy nhân thế ôm lấy mạn thuyền, dần dần bơi hoài bơi mãi, bơi thuyền tới được bờ hồ. Sau khi áp bờ, Lục Tốn tức thì ra lệnh kiểm điểm số thuyền, số người, kết quả không chiếc thuyền nào bị lật, không chết một ai, trăm sự bình yên tốt lành.

Mọi người tự trong lòng mình đều phục: Lục Tốn thật xứng đáng là một tướng soái tài giỏi.

NGHÌN VÀNG KHÓ MUA MỘT CÂU NÓI

Cố Ung là thừa tướng Đông Ngô, ông đối nhân xử thế thận trọng chắc chắn, từng bước để lại dấu chân, suốt ngày khó nói nổi một câu, song nói một câu thì mỗi chữ lại đáng giá nghìn vàng. Mọi người ví ông như một tay thợ săn già, nhìn thấy thỏ mới thả chim ưng, xưa nay không bị tay trắng.

Nhà Cố Ung nghèo, mười mấy tuổi đã rủ thêm bè bạn hàng xóm láng giềng đi đến nơi khác kiếm sống. Trước khi sắp đi, bà mẹ căn dặn rằng:

— Mười ngón tay có ngón dài ngón ngắn, người này so với người kia không giống nhau. Con và họ cùng ra đi, chớ thua kém đứng sau họ! Hãy thường xuyên viết thư về nhà, nói rõ từng li từng tí.

Cố Ung gật đầu, nói:

— Con ghi nhớ trong lòng rồi, mãi mãi không thể quên.

Về sau, hàng tháng vào ngày mười lăm, Cố Ung đều có thư gửi về nhà, hoặc nói sự tiến bộ của mình chậm, hoặc nói có công việc chưa làm tốt. Cố Ung ghi nhớ lời dặn dò của mẹ, trước sau cẩn thận cùn cù cố gắng.

Bà mẹ trong lòng rất buồn phiền nghĩ: Rốt cuộc con mình sống ra sao nhỉ? Thế là bà viết một lá thư báo cho Cố Ung biết: Người hàng xóm phía đông cùng đi nơi khác với con đã

làm huyện lệnh, trước cổng treo biển, mờ mà tổ tiên dựng bia, đã nổi danh vinh quang cho tổ tông. Bà hỏi công danh sự nghiệp của Cố Ung ra sao rồi.

Cố Ung viết thư về không trả lời vấn đề ấy, vẫn nói là bản thân tiến bộ quả thật là chậm, rất nhiều việc làm không thỏa đáng, rất có lỗi với mẹ.

Bà mẹ lại càng không yên tâm, năm sau lại viết thư cho con nói: Người hàng xóm phía tây cũng đi nơi khác với con đã làm tướng quân, cưỡi ngựa to đầu cao về nhà, tiền hô hậu ủng vô cùng oai vệ. Bà hỏi công danh sự nghiệp của con rốt cục như thế nào rồi.

Cố Ung viết thư về vẫn không trả lời vấn đề ấy, vẫn nói bản thân tiến bộ luôn luôn cứ chậm, có rất nhiều việc làm không được thỏa đáng, rất có lỗi với mẹ.

Bà mẹ nhận được thư gửi về của con trai, không thể ngồi nhà nổi nữa, liền đích thân tìm đến nơi ở của con. Lúc ấy, Cố Ung đã là thừa tướng Đông Ngô, dưới quyền một người, trên quyền vạn người, nhà vua cũng phải nhường ông ba phần, ai cũng không sánh nổi ông.

Tôn Quyền nghe nói mẫu thân của Cố Ung tới thăm thì đích thân tới nhà bái kiến, luôn miệng gọi "Lão phu nhân!".

Bà mẹ vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, ngỡ rằng là nằm mơ, không nén nổi trách móc con trai rằng:

— Anh đúng là cái hủ nút, đáng về này làm sao có thể phụ tá triều chính được? Hẳn là Ngô Vương nhận sai người!

Ngô Vương không những không trách Cố Ung, mà lại cười ha hả nói:

— Tôi nhìn ra ông ta chính là nơi năng ít, làm việc nhiều. Đó mới thật là đứa con trai ngoan của lão phu nhân đó!

BÀ LŨ MỞ QUÁN KHÁCH

Đông Ngộ có một người rất có tài năng là Lữ Phạm, là người tâm phúc của Tôn Quyền và Chu Du. Năm ấy, Ngộ hầu dùng "mĩ nhân kế", lừa Lưu Bị, giành Kinh Châu, chính là do Lữ Phạm đi làm mối. Kế ấy về sau bị Khổng Minh biết tòng, Kinh Châu không lấy lại được, còn cho không Lưu Bị một thê phòng. Khổng Minh giễu cợt Chu Du nói: "Điều kế Chu Lang yên thiên hạ, đền cả phu nhân lại hao quân", khiến Chu Du ức quá chết ngay, Lữ Phạm lại vẫn được thăng chức.

Lữ Phạm vốn là mưu sĩ của Viên Thiệu, con người rất thông minh. Lữ Phạm thấy Viên Thiệu ương ngạnh, tự cho mình đúng, bụng dạ hẹp hòi, không thành tài năng lớn sự nghiệp lớn và cũng kìm hãm cả mình, Lữ Phạm liền cùng bàn bạc với vợ, lẳng lặng rời bỏ Viên Thiệu, chạy đến dựa vào Đông Ngộ. Chạy đến núi Đại bên hồ Sào, vợ bị ốm, đành dừng lại mời thầy phục thuốc. Hơn mười ngày trôi qua, bệnh của vợ tuy giảm nhẹ chút ít, nhưng nhất thời khó có thể khỏe lại. Lữ Phạm lo lắng ở lâu một chỗ, sẽ bị Viên Thiệu đuổi kịp, nỗi lo như lửa đốt. Vợ Lữ Phạm là người hiền lành, liền nói:

— Bệnh của thiếp dù đã khỏi rồi, nhất thời cũng khó có thể lên đường, phu quân cứ đi đi, thiếp ở lại đây chữa bệnh điều dưỡng, không sợ sau này không có ngày đoàn tụ.

Lữ Phạm không bằng lòng. Vợ Lữ Phạm sớt ruột liền lấy cái chết ra để ép buộc chồng. Lữ Phạm đành để lại ít tiền bạc, một mình đến cày nhờ Đông Ngô.

Lữ Phạm tới Đông Ngô, rất được Tôn Quyền coi trọng. Lữ Phạm bận rộn việc nước, tạm gác bỏ việc đi đón vợ. Có một hôm, Tôn Quyền đến thăm, thấy Lữ Phạm có độc một mình, mới hỏi duyên cớ. Lữ Phạm trình bày sự thực. Tôn Quyền nghe xong, vội bảo Lữ Phạm viết thư và sai người đặc trách đi đón-phu nhân.

Vốn là sau khi Lữ Phạm đi rồi, bệnh của vợ dần dần khỏi. Bà là người có hiểu biết, rất hiểu trong những năm tháng chiến tranh loạn lạc này, vợ chồng một khi xa cách, không biết lúc nào mới có thể gặp mặt, ngồi ăn núi lở là không thể được, liền đem số tiền tích trữ mở một quán khách, tiếp đón hành khách qua lại. Do bà hiền hòa khiêm tốn, làm ăn phát đạt, dần dần mở rộng cơ ngơi. Khi Tôn Quyền cho người đến đón, bà đã là bà chủ rất có tiếng tăm. Khách đến trọ nam qua bắc lại, tin tức trong nhà khách truyền lan rất nhanh. Bà nghe nói Lữ Phạm làm mối cho Lưu Bị, và câu chuyện cười "đền cả phu nhân lại hao quân", thì trong lòng liền tính toán: Không biết Lữ Phạm ở Đông Ngô làm chức quan ấy có được lâu dài, nếu không chắc chắn thì chi bằng giữ lấy cơ nghiệp này, Lữ Phạm cũng có được đường lui về. Giờ đây, thấy sứ giả đến, bà liền nói:

— Xin hãy báo với Lữ đại nhân, tôi ở đây nhà cửa quán khách, bỏ ngựa lừa la đều phải có người chăm nom điều hành, nhất thời không thể dứt ra được, không thể đi xa.

Nói thế nào bà cũng không đi. Sứ giả không làm sao được, đành trở về bẩm cáo lại.

Sau khi sử giả đi, mọi người mới biết bà chủ là vợ của Lữ Phạm, lúc gặp bà đều tôn kính gọi là bà Lữ, quán khách này cũng gọi tên là "quán khách bà Lữ".

Lại qua mấy năm, Tôn Quyền dẫn quân tấn công Hợp Phì, bị tướng Ngụy là Trương Liêu đánh cho đại bại, một mình một ngựa chạy thoát khỏi Hợp Phì. Tôn Quyền thu thập tàn quân, thâu đêm vội vã quay về. Ba hôm sau, đi tới núi Đại, ngựa hết cỏ, lính hết lương, liền ra lệnh cho Lữ Phạm vào địa phương mượn lương thực. Tàn quân của Tôn Quyền vẫn còn mấy trăm người, một thôn trấn ven hồ như thế này ai có thể cung cấp nổi? Lữ Phạm sinh lo phiền. Dân trong làng đều bảo Lữ Phạm đi tìm quán khách bà Lữ thử xem sao. Lữ Phạm đến quán khách, thấy trên cửa có đôi câu đối:

Quán gia làm mối không nhớ vợ, việc nước làm đầu;

Phụ nữ mở hàng ít thu lời, vì dân trên hết.

Lữ Phạm xem xong, trong lòng vô cùng phấn khởi: Hóa ra bà chủ chính là vợ mình! Năm đó biệt li, đầu tóc xanh tơ, giờ đây gặp mặt, tóc bạc như sương? Hai người xa nhau lâu ngày gặp lại, sao chẳng vui buồn lẫn lộn. Lữ Phạm nói:

— Hiện nay Ngô chủ có khó khăn, bị vây hãm tại núi Đại, mấy trăm binh sĩ hai ngày không có cái ăn cái uống rồi.

Bà Lữ nói:

— Phu quân chớ lo, trong quán khách có nhiều lương thảo, bảy tám trăm người ăn khoảng một tháng vẫn không khó gì.

Lữ Phạm mời Tôn Quyền tới quán khách, thu xếp chỗ ăn ngủ, bẩm cáo rõ tình hình vợ chồng gặp lại nhau. Tôn Quyền mừng rỡ, nói:

— Lữ Phạm cùng Lữ phu nhân có công lớn với Đông Ngô, Tôn Quyền này thế không quên nhau. Mời hai người cùng đi Kiến Nghiệp, vợ chồng cũng phải sum họp bên nhau chứ.

Bà Lữ lúc này mới đi theo chồng.

Nhân dân địa phương, để kỉ niệm bà chủ tỉnh nhanh có tài này, về sau liền gọi tên thị trấn đó là diêm bà Ngô, tên gọi lưu truyền mãi cho đến giờ.

TRUYỀN THUYẾT
VỀ
CÁC NHÂN VẬT
KHÁC

ĐỒNG TRÁC NĂM ĐƯỢC CHỨC THÁI SƯ NHƯ THẾ NÀO

Cuối thời Đông Hán xuất hiện gian thần Đồng Trác. Y nắm được chức quan thái sư nhất phẩm, chuyên quyền hống hách, dối trên nạt dưới, may mà Vương Doãn thi hành được kế liên hoàn, lợi dụng Lữ Bố trừ gian, không thì xuất nữa bị tên gian thần này cướp ngôi. Đồng Trác bỏ lên chức thái sư như thế nào? Ở đây phải bắt đầu kể từ một lần hoàng đế thất tiết.

Đồng Trác quan phẩm vốn không cao, ở nơi cung vàng điện ngọc đừng nói đến việc tiếp cận hoàng đế, mà thời thường ngay đến thái giám hầu hạ bên cạnh hoàng đế y cũng còn khó được gặp. Một hôm, vừa vận gặp ngày sinh nhật hoàng đế, ban đại yến cho văn võ bá quan. Đồng Trác chức quan không cao, tính ra chỉ vừa vận hợp cách, đứng ở rìa vãng dự yến hội. Trong yến tiệc, các triều thần có bao nhiêu tâm lực đều dốc ra hết, vắt óc nghĩ cách để tăng bậc hoàng thượng; có người làm thơ, có người vẽ tranh, có người thổi sáo thổi tiêu, có người lại vung tay áo dài nhảy múa, chỉ mong sao trên mặt hoàng thượng nở một nụ cười.

Đồng Trác rất muốn chơi trội trong dịp này, nhưng y chỉ là một cái bị thịt to, trong bụng chẳng có văn chương, muốn hiến trò hề cũng không hiến nổi. Tuy vậy y lại có một sức

khỏe ghê gớm, có thể nâng được hàng ngàn cân. Y nhìn thấy trước điện vàng có một đôi sư tử đá đang ngồi, thế là liền nhanh trí nảy ra một kế, chạy ra ngoài cửa, mỗi tay nhắc một con sư tử đi vào, kêu to:

— Hoàng thượng ta phúc lớn tày trời, đến sư tử đá cũng đến chúc thọ.

Nói xong, y nâng bổng sư tử qua đầu, đi quanh một vòng. Hoàng đế thấy viên quan này rất biết gắp trò thì bất giác mặt lộ nét vui, các triều thần vừa nhìn thấy vậy thì cũng vội vàng đua nhau tiến lên tâng bốc, Đồng Trác lập tức được hoàng đế nhìn với con mắt khác. Tiếp đó, y lại chớp cơ hội đưa con gái mình vào làm phi tử của hoàng đế, từ đấy, y liền leo lên được chức vị thái sư.

SÁI UNG KÌ TÀI

Cuối thời Đông Hán, có một người rất có học vấn tên gọi Sái Ung. Ông không chỉ giỏi thơ tài họa, mà còn biết chơi đàn, thổi sáo, là một người toàn tài chân chính, cũng là một bậc kì tài nữa.

Nhưng vua tối khó dung được tài giỏi, ông không thể cứ ở mãi trong triều đình được, bèn đi du lịch Giang Nam. Ông đi qua một thị trấn, thấy người qua kẻ lại vô cùng náo nhiệt. Bỗng nhiên ông nghe thấy một loạt âm thanh lớp đống, lớp đống rất vang, lại ngửi thấy một mùi hương khói lạ thường, từng đợt, từng đợt bay lại. Ông đoán định rằng đây là loại vật liệu gỗ làm đàn bị dùng làm củi đốt, phải mau mau đi cứu nó ra. Ông đi dọc phố hỏi thăm, xem âm thanh và hương khói ấy từ đâu lại? Lúc ấy trời sắp trưa, nhà nhà đều nổi lửa nấu cơm, chỗ nào chẳng có tiếng củi, nơi nào chẳng có khói? Mọi người đều cho rằng ông là kẻ một sách chẳng biết gì chuyện đời, bèn tiện tay chỉ, nói rằng:

— Ông đi xem từng nhà từng hộ xem!

Sái Ung quả liền đi hết nhà này đến nhà khác, xem xem, nghe nghe, cuối cùng thấy một người đàn bà đang dùng một thanh củi gỗ ngò đồng để nấu cơm, bèn vội vàng chạy tới giật

nó ra khỏi bếp, lại còn phải tay đập chân giẫm dập tắt lửa, rồi mới chào chủ nhân, xin thanh củi ấy mang đi.

Những thanh củi giống như thế này phần lớn đều đã bị cháy hết, phần còn lại chỉ là một vài nhánh nhỏ, thật khiến cho người ta xót xa biết mấy! Thanh củi mà Sái Ung giắt ra được dùng tay mà gõ thì thấy tiếng kêu trong trẻo như tiếng đồng, là một khối vật liệu hữu dụng không để gì có được. Sái Ung trong lòng vô cùng sung sướng, bèn tự tay chặt nhè nhẹ, cưa từ từ, gọt khác tinh tế, quét sơn lấp đầy, làm thành một cây đàn tốt. Khi tấu đàn lên, âm thanh không những hay mà còn ngân mãi không thôi. Tiếng đàn êm tai ấy có thể khiến cho trăm loài chim tranh nhau hót, ngàn loài hoa đua nhau nở. Lại vì phần đuôi đàn còn có một chút vết tích do cháy, nên liền gọi nó là đàn cháy đuôi.

Sự việc này mau chóng lan truyền ra, đâu đâu cũng đều bàn luận: Trên đời thật có việc kì lạ đó sao? Có người tài giỏi như vậy sao?

Một hôm, Sái Ung đi qua một ngôi đình hóng mát, ngồi xuống nghỉ ngơi, vừa hay gặp lúc mọi người đang bàn luận về sự việc này. Có người khi nói về tài năng của Sái Ung thì thêm dấm thêm ớt, càng nói càng trở nên huyền hoặc khó tin; có người vẫn còn chưa tin, nói:

— Củi gỗ sao có thể làm thành cây đàn hay được? Mắt trông thấy mới là sự thực, tại nghe thấy đều là giả hết.

Sái Ung nghe mãi không nhin được, đứng bên cạnh nói xen vào:

– Dùng củi gỗ làm thành đàn hay, điều đó có gì là lạ! Mỗi người có một cái tài, như Bá Nhạc có thể nhận biết được thiên lí mã, còn tôi chẳng qua là biết được vật liệu gì có thể làm thành nhạc khí hay mà thôi.

Ông ngẩng đầu lên, thấy rui của đình hóng mát được làm bằng trúc, suy nghĩ một lát, rồi liền đếm từ đông sang tây, đếm đến cây thứ mười sáu, bèn lấy tay chỉ mà nói rằng:

– Cây trúc này có thể làm thành một cây sáo tốt đấy!

Có người không tin. Sái Ung bèn rút cây trúc xuống, làm thành một cây sáo trước mặt mọi người. Nâng sáo lên thổi, âm thanh vô cùng trong trẻo, đặc biệt êm tai. Mọi người đã hiểu, đều nói Sái Ung quả là bậc kì tài.

LƯU BIỂU VÀ VƯƠNG XÁN

Bên đông Vạn Sơn thuộc phía tây thành Tương Dương có đầm Chìm Bia và đảo Cờ Ngọc Bội là hai di tích cổ, nghe nói đều nhờ có Vương Xán mà có tên.

Wương Xán, tự Trọng Tuyên, là nhà thơ nổi tiếng nhất trong nhóm "Kiến An thất tử". Ông ở Lạc Dương, có tài mà không được dùng, bèn đến Tương Dương nương nhờ Kinh Châu mục là Lưu Biểu.

Lưu Biểu từ lâu đã nghe nói đến đại danh của Vương Xán, nhưng vừa nhìn thấy Vương Xán đã lùn lại gầy, tướng mạo hèn hạ thì bèn không coi trọng Xán nữa. Vương Xán bị đối xử lạnh nhạt, trong lòng không được thoải mái, luôn muốn tìm dịp để dạy cho Lưu Biểu bài học.

Lưu Biểu có một người con trai nhỏ tên gọi Lưu Tôn, từ bé được nuông chiều, lớn lên thích khoe văn múa bút. Lưu Biểu làm riêng cho con trai một sơn trang đặc biệt ở Vạn Sơn. Ngoài cổng sơn trang có một cái đầm nước trong, bên đầm có dựng một tấm bia đá to, khắc một bài văn vừa dài vừa thối do Lưu Tôn viết, phàm là văn nhân đến Kinh Tương, Lưu Biểu đều muốn cho họ xem một lượt. Những người này, không thể không ra sức tâng bốc, Lưu Biểu liền cảm thấy bài văn bia này của con trai đích thực là giai tác trong thiên hạ.

Hôm ấy, Lưu Biểu hẹn Vương Xán và một đám văn nhân lại đến sơn trang để bình chấm bài văn bia. Vừa tới trước bia, ông ta liền dương dương tự đắc hỏi:

– Vương thị lang, mời xem bài văn bia này xem thế nào?

Wương Xán ngó bài văn bia một cách lơ đãng, thấy dòng lạc khoản ở mặt sau, trong bụng đã hiểu rõ. Chẳng đợi cho đám người kia kịp mở miệng tán dương, ông liền cố làm ra vẻ kinh ngạc nói:

– Lưu tướng quân, văn chương hay tôi viết nhiều như thế, làm sao các ông không chọn, lại đem một bài văn nửa chữ cũng không thông mà tôi vứt đi để khắc lên bia đá, làm hỏng cả phong cảnh di như vậy?

Lưu Biểu nghe xong, vừa buồn cười vừa tức giận, ông ta biến sắc mặt, giả vờ như không nghe thấy gì cả. Vương Xán lại nói:

– Bài văn này đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ, để tôi đọc cho các ông nghe.

Rồi bèn đọc thuộc lòng bài văn bia một lượt, không sót một chữ.

Mọi người nghe xong thì nhỏ to bàn tán với nhau ở bên cạnh. Lưu Biểu cũng giật mình kinh ngạc, nghĩ bụng: Trên đời lại có chuyện tình cờ như vậy? Nếu bảo không phải là của ông ta viết ra, sao người khác còn chưa xem xong một lượt, ông ta đã có thể đọc thuộc lâu như cháo cháo; nếu nói là của con trai mình viết ra, thì làm sao có thể chứng minh được đây, nhìn ánh mắt của bọn người kia kìa, thật khó chịu quá đi mất! Ngay sau đó, Lưu Biểu liền sai thủ hạ đào tấm bia đá lên, thả chìm xuống đầm nước. Vương Xán vờ ngăn lại, đâu có ngăn được. Sau khi bia chìm, Vương Xán cười ha hả nói:

— Lưu tướng quân, tôi vừa mới đùa chơi ông, không ngờ ông đã cho là thật. Kì thực bài văn bia là tôi vừa mới đọc thuộc tại chỗ. Tấm bia kia ném đi thật tiếc biết bao!

Lưu Biểu trong bụng tức uất, nhưng cũng khó nói, đành cắn răng, đợi tìm cơ để trừng trị Vương Xán.

Sau đấy, mọi người đều đến dạo. Có người cùng Lưu Tôn đánh cờ, Lưu Biểu, Vương Xán mấy người đứng bên cạnh xem. Chờ cho Lưu Tôn vừa đi được một nước cờ hay, Vương Xán bèn cố ý va đổ bàn cờ, khiến quân cờ rơi vãi cả. Mọi người đang xem đến chỗ hứng thú nên đồng thanh quay ra trách Vương Xán. Xán thản nhiên nói:

— Không hề chi, không hề chi! Đợi tôi xếp lại nguyên xi tàn cục để họ tiếp tục chơi là được.

Quả nhiên, trong nháy mắt Vương Xán đã xếp được bàn cờ như cũ. Lưu Biểu vô cùng kinh ngạc, nhưng lại nghĩ: Đây là tàn cục, chỉ còn mấy quân cờ như thế thì cũng dễ xếp lại như cũ; có thể ra cho y một cái đầu đề khó thực sự!

— Vương thị lang có tài lạ như vậy, chúng tôi phải học hỏi. Giờ tôi sẽ bày một ván cờ, nếu ông có thể xếp lại được thì tôi nguyện đem ngọc bội quý gia truyền thua về tay ông.

Vương Xán nói:

— Thế thì có khó gì! Nhưng tôi vì chạy nạn mà đến đây, không có vật gì giá trị để đánh cược, vậy nếu như xếp nhầm một quân cờ thì tôi sẽ nhảy xuống đầm nước trong làm bạn với tấm bia đá vậy!

Lưu Biểu đang muốn giải cái hạn trong lòng, nên mừng thầm, cười nhặt nói:

— Vì một cái việc nhỏ này mà nhảy xuống đầm thì ké cũng là quá coi rẻ mạng sống, nếu đánh thua thì hãy đi nơi khác cầu học ba năm, sau đó lại đến Kinh Châu đây cũng chưa muộn.

Hai bên bèn vung tay trước mặt mọi người, thề quyết không sai lời.

Khi Lưu Biểu bày ván cờ, căn bản không xếp theo đường cờ mà xếp lung tung lộn xộn đầy một bàn. Chẳng nói là thuộc, chỉ xem cũng đã phải hoa mắt. Lưu Biểu thầm đắc ý: Bàn cờ này dẫn đến thần tiên cũng khó mà làm rõ được, còn người Vương Xán thì hãy chờ mà xấu mặt nhé!

Vương Xán đợi Lưu Biểu xếp xong cờ, liền bước tới gần lia mắt mấy cái rồi lập tức rút từ trong người ra chiếc khăn tay, đập kín ván cờ lại. Sau đó, Vương Xán thung dung xếp lại một bàn cờ ở bên cạnh. Chờ cho Lưu Biểu nhấc khăn tay ra, so sánh hai bên. Quả nhiên không sai một li! Mọi người tròn mắt, đồng thanh khen ngợi. Lưu Biểu đành cúi ngọc bội đeo trong lưng ra trao cho Vương Xán. Người đợi sau bèn gọi đầm nước trong ở Vạn Sơn ấy là đầm Chấm Bìa, gọi nơi cá cược ấy là đảo Cờ Ngọc Bội.

LƯU TÔN MỜI NGƯỜI TÀI GIỎI

Sau khi Lưu Biểu chết, con trai nhỏ của ông là Lưu Tôn trấn giữ Tương Dương. Khi ấy, Tào Tháo dẫn tám mươi ba vạn binh mã xuống Giang Nam, tức thời thành Tương Dương không chống nổi, Lưu Tôn lo lắng chạy quanh, chưa có được chủ ý gì. Bỗng nhiên y nghĩ ra rằng, nếu như có một người tài giỏi đến giúp đỡ y thì như vậy thật là tốt. Thế là y bèn hỏi thuộc hạ xem vùng Tương Dương này có người tài giỏi không, có thể mời đến được không, để bảo vệ cho y có thể ngồi yên ổn ở thành Tương Dương?

Thuộc hạ nói:

- Dưới chân núi Hiên Sơn có một thôn nhỏ tên gọi Bạch Sa Khúc, trong thôn có một người tên gọi Tư Mã Huy, nghe nói ông ta trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, là một người tài giỏi, có thể mời ông ta đến...

Lưu Tôn vốn bất tài nhưng lại sĩ diện, nghe thuộc hạ nói như vậy thì bèn tiện cọc leo cao nói tiếp luôn:

- Người nhắc đến người này, ta vốn đã biết ông ta. Ông ta không cao không thấp, không béo không gầy, mặt như bạch ngọc, tướng mạo đường đường, là một người có tài - rồi lại khoát tay, - vậy đi mời ông ta tới đây cho ta!

Sai nhân vội vàng đến nhà Tư Mã Huy, đẩy cổng bước vào, chỉ thấy một mảnh vườn rau ở sân trước, có một ông già tay cầm gáo phân đang tưới rau, bèn quát:

- Lão già, lão mù à! Có khách đến nhà sao không đón tiếp?

Rồi y lại ngó lên trời mà hỏi:

- Đây có phải là nhà của Tư Mã Huy tiên sinh không?

- Phải.

- Mau đi nói là: Kinh Châu mục Lưu Tôn mời ông ta, tiễn ông ta đi cùng ta một chuyến.

Ông già bỏ gáo phân xuống, đi vào nhà rửa mặt, chải đầu, thay quần áo sạch sẽ rồi trở ra. Sai nhân thấy ông mặt như trăng mùa thu, râu bạc phất phơ, phong thái không tầm thường, trong chốc lát không nhận ra ông ta chính là ông già tưới phân vừa rồi. Y vội tiến lên cung kính nói:

- Kinh Châu mục Lưu Tôn sai tôi đến mời tiên sinh đi một chuyến.

Tư Mã Huy cười nói:

- Ta chỉ biết trồng rau tưới phân, có tài cán gì đâu!

Sai nhân ngạc nhiên chăm chú nhìn kĩ, thấy ông ta đúng là ông già trồng rau lúc đầu, bèn lại coi thường, quay đầu bỏ đi. Y về đến Tương Dương nói lại hết đầu đuôi một lượt cho Lưu Tôn nghe. Lưu Tôn cho rằng người trồng rau tưới phân nhất định là người không có tài năng lớn, liền cũng không mời ông ta nữa. Vì kiến thức hẹp hòi, không biết nhìn người, Lưu Tôn cuối cùng đã lâm vào cảnh người chết nhà tan.

Lưu Bị khác Lưu Tôn, ông vừa thấy Tư Mã Huy, lập tức nhận ra ông ta không phải là người tầm thường, bèn cung kính thi lễ, khiêm tốn học hỏi, nghe lời can gián, cuối cùng mời được Ngọa Long, Phượng Sồ xuống núi, tranh được một phần thiên hạ.

BÀI ANH VŨ

Hán Dương có bãi Anh Vũ, đất tuy không rộng, nhưng tiếng tăm thì rất lớn. Từ cổ đến nay, không biết có bao nhiêu thơ ca viết về nó, không biết có bao nhiêu bức tranh vẽ về nó. Bãi cát này vì sao lấy tên là Anh Vũ, vì sao nổi tiếng như vậy, ở đây có một đoạn truyền thuyết.

Tương truyền vào cuối thời Đông Hán, có một tài tử tên gọi Nễ Hành, đương thời Hành làm việc dưới quyền Tào Tháo. Ông không những học vấn rộng, có tên tuổi, mà còn là người lòng ngay miệng thẳng, trời chẳng sợ đất chẳng sợ. Vở kịch có tên gọi "Đánh trống chửi Tào" chính là nói về Nễ Hành. Tào Tháo rất muốn chém đầu Hành, nhưng lại sợ bị người ta nghị luận. Tục ngữ nói: "Trong bụng thừa tướng có thể chống thuyền", không có lòng dung kẻ khác, làm sao có thể xứng làm thừa tướng! Thế là Tháo bèn bày ra một kế, giả bộ rộng rãi đại lượng, tiến cử Nễ Hành đến Kinh Châu làm quan dưới quyền Lưu Biểu, kì thực là khiến Hành gặp phải kẻ hay sinh sự, hồng mượn lưỡi đao của Lưu Biểu để giết Hành. Lưu Biểu không mắc phải trùng, lại giới thiệu Nễ Hành đến với thái thú Giang Hạ là Hoàng Tổ, cũng giống như chồn chúc tết gà, chẳng phải định tâm làm điều tốt.

Hoàng Tổ là một người lòng dạ hẹp hòi có tiếng, giết người không chớp mắt, y lại càng không thể dung được Nễ Hành.

Y không cho Hành làm quan, chỉ miễn cưỡng cho ăn, muốn tìm một cơ hội để lại đây Hành đi.

Mùa hè năm ấy, Hoàng Tổ đặt tiệc mời khách, y chē trong nhà khách nóng nực, không được thoải mái, bèn bày tiệc ngay trên bãi cát bên sông. Người đến dự tiệc đều là quan lại hào phú, chỉ có Nễ Hành là dân bạch đinh, bị xếp ngồi ở một xó khuất. Hành vô cùng tức giận, bụng thầm chửi: "Mắt chó nên nhìn người cũng thấp".

Giữa tiệc, khách khứa tranh nhau chúc rượu Hoàng Tổ, đua nhau nói lời nịnh hót, thực là bãi cứt trâu khen bốc thành bông hoa. Nễ Hành nghe vậy, trên mình nổi da gà, không nhin được lại thầm chửi: "Sơn hào hải vị bày đầy trước mắt ấy, chẳng phải đều là của bòn rút vợ vét dó hay sao? Nghe những lời hay ho của bọn kia nói ra mồm mà cái tay Hoàng Tổ này cũng không đỏ mặt!". Nễ Hành cười nhạt, không chịu tiến lên góp vui.

Hoàng Tổ thấy thế, trong lòng tức giận vô cùng: "Chẳng lo mi ngao mạn, ta tự có cách trừng trị mi!"

Rượu được ba tuần, Hoàng Tổ rời chiếu đích thân đi mời rượu khách khứa. Y đi từ bàn này đến bàn kia, từng chén từng chén hỏi han chúc tụng, tỏ vẻ đặc biệt nho nhã lịch sự, nhưng lại cố ý bỏ qua Nễ Hành, để Hành ngồi lạnh lẽo một bên, làm mất thể diện Hành. Nễ Hành xưa nay không câu nệ tiểu tiết, không sợ quyền quý, ngay đến thừa tướng đương triều Hành còn dám chửi là cái đầu phun máu chó, thì đâu có coi Hoàng Tổ ra gì?

Nễ Hành thấy trước mắt khách khứa rất nhiều, chính là một dịp tốt, bèn muốn đùa cợt Hoàng Tổ, chế giễu y một phen làm trò cười giải trí.

Vừa vận lúc này, có người dâng Hoàng Tổ một con chim anh vũ, lại còn ân cần nói:

- Loài anh vũ này thông minh linh lợi, có thể biết nói. Nếu như lấy nó làm đầu đề, viết ra một bài phú, thì cũng có thể giúp cho thái thú thêm hứng rượu!

Rồi lại ngó Nễ Hành nói:

- Người ta đều nói ông là tài tử hiếm có trong thiên hạ, vậy có thể thử bút trước mọi người chăng?

Hoàng Tổ đang muốn tìm dịp để bắt lỗi Nễ Hành, bèn cố ý lác đầu, nói như thêm dầu vào lửa:

- Nói sao dễ thế, chỉ sợ thiên hạ không có người thông thạo như vậy, chứ ai có tài lớn như vậy!

Nễ Hành một là trong bụng không phục, hai là cũng muốn nhân dịp trút nỗi oán hận trong lòng, bèn nói:

- Có cái gì là khó? Ta cố thể viết xong ngay tại chỗ!

- Nếu không viết xong thì sao?

- Thì xin lấy đầu để nộp thay!

Nễ Hành nói rồi liền nhắc bút, như gió táp mưa sa viết liền một mạch xong bài *Phú anh vũ*. Mọi người đều kinh ngạc, nắc nỏm khen ngợi luôn miệng.

Hoàng Tổ cầm bài *Phú anh vũ* lại xem, quả nhiên là chữ chữ câu câu đều như châu ngọc, soi sáng con mắt người, xúc động tấm lòng người, không thể không thầm khen giỏi. Nhưng suy xét kĩ, thì thấy Nễ Hành muốn nói anh vũ là loài chim thần, tài hoa xuất chúng, nhưng lại bị nhốt trong lồng chịu tội sống, đây chẳng phải rõ ràng là nói móc mình đã bức bách một nhân tài là y đó sao? Hoàng Tổ cảm thấy giữa các hàng các chữ đều là gai nhọn, bất giác lửa giận bốc cao, lập tức sai người lôi Nễ Hành tới bãi cát Hán Dương mà chém.

Người đời sau rất đồng tình và thương tiếc Nễ Hành, nói ông "Dầu non Hoàng Học phú anh vũ, anh vũ tài cao thành nói lỡ", rồi cũng đặt tên cho bãi cát này là bãi Anh Vũ.

NƠI ĐẦU PHỐ, CAM THÁI THỨ NHẬN BIẾT ĐÀO KHIÊM

Có một thái thú Thương Ngô họ Cam cáo lão về quê, một hôm, ông đang đi dạo chơi trong thành Đan Dương, thấy có một đứa trẻ lớn dật rất nhiều đứa trẻ nhỏ cười ngửa trức mà chơi, cười hi hi ha ha, ồn ào ầm ĩ, loạn thành một đám, nhưng rất hòa hợp, hết phụ anh chị em cùng một nhà vậy. Nhìn kĩ: Đứa trẻ lớn cao to, sắp trưởng thành; những đứa trẻ nhỏ thì trái lại có đứa còn mặc quần thùng tròn, có đứa thò lò mũi, lớn bé cách xa nhau.

"Sao chúng lại có thể chơi cùng với nhau nhỉ?". Cam thái thú cảm thấy lạ, nhưng cũng rất thích thú, bèn gọi đứa trẻ lớn đến trước mặt, ngắm nghía lại một hồi, thấy nó mày thanh mắt tú, tướng mạo thông minh, trong lòng ông rất kinh ngạc. Thử hỏi nó:

- Đã đọc sách chưa?

Đứa trẻ lớn chẳng cần suy nghĩ, thuận miệng đọc mấy thiên *Kinh thi*, thanh vị tràn trề, xem ra học hành rất thấu đáo.

Cam thái thú lại hỏi:

- Tên là gì?

Dứa trẻ lớn ấy duỗi ngón tay tròn, cúi mình trên cát viết phóng hai chữ "Đào Khiêm", quả là như mây bay nước chảy, bản lĩnh không phải tầm thường.

Cam thái thú nhận định đây là một nhân tài hiếm có, lập tức hứa hẹn, muốn đem con gái mình gả cho cậu bé.

Thái thú phu nhân nghe nói xong thì cơ hồ tức đến nổ bụng. Bà nói:

- Dứa trẻ nhà họ Đào không biết phân biệt lớn nhỏ, chỉ cùng bọn trẻ chơi đùa lẫn lộn, sẽ có tiền đồ gì? Nó sao sánh được với con gái cành vàng lá ngọc nhà ta?

Cam thái thú nói:

- Nó rất có tài học, lại không lộ ra ngoài, không ra vẻ kiêu ngạo, đó thật chẳng phải dễ. Đặc biệt là đối với lũ trẻ bé, nó không khinh không dối, trong khi chơi nếu thắng thì nhường bọn trẻ kia, nếu thua thì thành thực chịu phạt, đó quả là đức đẹp hiếm có, thảo nào lũ trẻ con đều thích vây quanh nó. Xem lúc nhỏ có thể biết khi lớn, đợi tương lai nó lớn lên thành người, nhất định sẽ làm nên đại sự, dân chúng cũng nhất định sẽ ủng hộ nó.

Phu nhân cảm thấy có lí, liền cũng ưng thuận việc kết thân này.

Về sau, quả nhiên Đào Khiêm làm quan to, nhưng luôn luôn rất khiêm tốn. Trong *Tam Quốc diễn nghĩa* có một hồi lấy tên là "Đào Cung Tổ ba lần nhường Từ Châu", Đào Cung Tổ này cũng chính là Đào Khiêm.

VƯƠNG TƯ ĐỒ GIỮA ĐƯỜNG THU NHẬN ĐIỀU THIÊN

Tục ngữ nói, người đẹp Điều Thiên, có tên không họ. Dân gian còn có truyền thuyết "Sương sinh ra Điều Thiên".

Một hôm, đại tư đồ Vương Doãn ngồi kiệu ra ngoài, qua khe rèm kiệu ông nhìn thấy đằng trước có một cô gái trẻ, dáng dấp không tầm thường, áo khăn nhẹ nhàng phơ phất, như gió lay dương liễu, trong nháy mắt liền không thấy đâu nữa. Vương tư đồ trong lòng ngẩn ngơ, vội bảo hạ kiệu, nói với tổng chính quan rằng:

- Ta vừa nhìn thấy phía trước có một cô gái, phong thái không tầm thường, người mau mau đuổi theo gọi nàng lại gặp ta!

Tổng chính quan chạy lên xem xét, đâu có cô gái không tầm thường nào, chỉ thấy một cô gái nghèo cơ quách, phủ phục trên đường. Vương Doãn nghe tổng chính quan trở lại báo thì trong bụng không tin: Ta vừa nhìn thấy rõ ràng, sao lại không có nhỉ? Chẳng lẽ ta tuổi già mắt hoa, hay là ban ngày nằm mộng? Càng nghĩ càng cảm thấy việc này rất kì quặc, lại sai tổng chính quan đi gọi cô gái nghèo kia lại hỏi xem.

Lúc này, cô gái nghèo kia đang nằm sắp bên đường liếm sương đọng trên cỏ, tổng chính quan kêu cô dậy, chăm chú

nhìn, hầy! Cô ta mặc trên mình áo khăn rách nát, trên đầu mọc đầy mụn nhọt, khuôn mặt đầy nước mắt nước mũi, hai tay cào bần đen sì. Tổng chính quan nhìn xong, quay mình muốn đi, còn cô gái thì lại khóc òa lên. Cô vừa khóc vừa dùng tay áo bần rách lau nước mắt trên mặt; cô lau rồi lại lau, khiến khuôn mặt vừa đen vừa bần trở thành khuôn mặt vừa sạch sẽ vừa trắng nõn nà. Tổng chính quan càng nhìn càng kinh ngạc, chầm chậm bước tới gần, lại thấy cô gái dùng hai tay cào mụn nhọt trên đầu, làm cho vảy mụn đều rơi cả xuống. Cô cào rồi lại cào, vảy mụn đầy đầu đã bị cào sạch, để lộ ra một mái tóc đen nhánh bóng mượt. Tổng chính quan trợn mắt há mồm ngạc nhiên, cho rằng mình hoa mắt. Lại tiến tới gần nữa nhìn kĩ, quả không sai, khuôn mặt cô gái nõn nà mịn màng, cặp mắt to long lanh, đôi môi nhỏ đỏ tươi, thật là mặt hoa da phấn, đẹp vô song. Tổng chính quan tươi cười nói với cô gái:

- Tiên nữ ơi, phải chăng nàng từ trên trời giáng xuống? Mau đi cùng ta, có người đón nàng đó!

Nói xong kéo cô gái dậy mà đi.

Vương Doãn nghe tổng chính quan nói thì trong lòng vô cùng vui sướng. Ông hỏi thăm thân thế của cô gái, cô gái chỉ lác đầu. Nàng chỉ nhớ, từ khi hiểu biết đến giờ, nàng thường quanh quẩn trong xóm nghèo vùng vắng. Dối ăn sương, no nằm ngủ; bên bờ ruộng, dưới tượng đổ là những chỗ nàng gửi thân. Nàng nói, những mụn nhọt đầy đầu vừa rồi có lúc tự mọc, có lúc tự tiêu. Người qua đường nhìn thấy nàng, có lúc say sưa ngắm nàng, nói nàng rất đẹp; có lúc chê nàng bần,

liền bịt mũi mà đi qua. Nàng còn nói, khuôn mặt thế nhân hay biến đổi, nàng không thích xem, thà rằng một mình sống như vậy. Vương tư đồ cảm thấy cô gái đã đáng thương lại đáng yêu, bèn nhận nàng làm con gái nuôi.

Vì nàng sống ở nơi đồng ruộng ngoại ô, không cha không mẹ, nên sau khi được nàng, Vương tư đồ yêu quý như của báu. Mà điều là loài thú quý trong rừng núi, thiềm (con ve) cũng giống như nàng uống sương mà lớn lên, thế là bèn đặt tên cho nàng là Diêu Thiềm.

ĐIỀU THIÊN THAY ĐẦU ĐỒI MẬT

Một năm, vào mùa đông, tư đồ Vương Doãn cứu một cô gái nhỏ sống cô đơn lênh đênh khổ sở nơi đồng ruộng, ông bèn nhận nuôi nàng làm con gái nuôi, đặt tên là Điều Thiên.

Cha mẹ Điều Thiên đều bị Đồng Trác giết hại cả. Hễ nhắc đến Đồng Trác là nàng lại nghiêng răng căm giận, nước mắt đầm đìa. Vương Doãn biết Đồng Trác và con trai nuôi của y là Lữ Bố đều mê nữ sắc, liền muốn trước tiên hứa gả Điều Thiên cho Lữ Bố, rồi lại đem Điều Thiên tặng cho Đồng Trác, sau đó sẽ mượn tay Lữ Bố giết chết Đồng Trác. Nhưng chỉ hiềm Điều Thiên dung nhan xấu xí, Vương Doãn suốt ngày lo lắng dâm chiêu. Một hôm, thần y Hoa Đà đến chơi phủ họ Vương, Vương Doãn nói đến kế liên hoàn, than thở rằng:

- Đáng tiếc không tìm ra một nữ tử có dung mạo tuyệt thế lại chịu vì dân trừ hại!

Hoa Đà nói:

- Điều Thiên muốn báo thù cho cha mẹ nàng, có thể dám nhận việc này.

Vương Doãn lắc đầu lia lịa:

- Không xong, không xong, Điều Thiên dung mạo rất xấu, thành giặc Đồng Trác sao thêm để ý?

Hoa Đà nói:

- Việc này không ngại.

Hoa Đà bèn rời nhà Vương Doãn, sau mười hôm vác tới một bọc, ông kéo Vương Doãn vào thư phòng, dốc từ trong bọc ra một cái đầu con gái. Vương Doãn tưởng rằng Hoa Đà can án giết người, sợ hãi biến sắc mặt. Hoa Đà nói:

- Đây là đầu của Tây Thi, tôi lấy từ trong mộ nàng lại đây.

Wương Doãn bấy giờ mới vững lại tinh thần, hỏi rằng:

- Lấy đầu Tây Thi lại để làm gì?

Hoa Đà không trả lời, chỉ nấu một bát thuốc mê, bảo Vương Doãn bưng cho Diêu Thiên uống. Diêu Thiên uống hết bát thuốc ấy liền lịm đi, ngã xuống giường. Hoa Đà cầm một con dao sắc, nhâm đúng cổ Diêu Thiên sắp sửa ra tay, Vương Doãn sợ hãi bay hết cả hồn vía, kêu lên:

- Ông định đem đầu con gái nuôi tôi dâng cho Đồng Trác sao?

Hoa Đà nói:

- Tư đồ không nên kinh sợ. Đây là tôi làm thủ thuật thay đầu đổi mặt mà.

Nói xong, liền "ken két ken két" cắt đầu Diêu Thiên, thay đầu Tây Thi vào, dùng chỉ khâu lại, sau đó đốt cỏ linh chi ngàn năm và mai rùa vạn năm mà hơ xông. Suốt bảy ngày bảy đêm, Diêu Thiên tim không đập, mũi không thở, như người đã chết. Đến ngày thứ tám, trên khuôn mặt trắng bệch của Diêu Thiên đã có sắc máu, hồng bạch lốm đốm xen nhau. Vương Doãn lúc ấy mới bình tâm trở lại, đang muốn nói tốt rồi, thì Diêu Thiên hé cái miệng nhỏ như trái anh đào, ngáp một cái, hàng lông mi dài chớp chớp, cặp mắt to mở ra long lanh. Vương Doãn vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, kêu lên:

- Thật là Tây Thi tái sinh!

Sau mười hôm, Diêu Thiên đã có thể hoạt động bình thường như những người khác. Vương Doãn bèn đem mưu kế trừ Đổng Trác ra nói với nàng. Diêu Thiên nghe xong, sợ hãi run lấy bầy. Vương Doãn lại buồn bã: Diêu Thiên sinh ra vốn nhút nhát, đến giết gà cũng không dám xem, bảo nàng ở cùng với thằng giặc già giáo hoạt Đổng Trác, nhất đán lòng sợ hãi để lộ ra kế hoạch, há chẳng làm hỏng đại sự sao!

Sự việc kể cũng khéo đến! Sau khi Diêu Thiên thay đầu đổi mặt, tay chân tâm phúc của Đổng Trác nhìn thấy, tức thì bầm cáo với y rằng: Vương Doãn có một người con gái nuôi còn đẹp hơn cả tiên nữ trên trời. Đổng Trác liền truyền lệnh cho Vương Doãn đưa Diêu Thiên tới để xem mặt. Vương Doãn cuống cuống sợ hãi, đành thoái thác rằng Diêu Thiên mắc bệnh nặng. Đổng Trác hạn cho Vương Doãn trong mười ngày phải chữa khỏi bệnh cho Diêu Thiên. Diêu Thiên biết vậy thì vừa lo vừa sợ, chết ngất đi. Vương Doãn thấy sự tình sắp bại lộ, bèn chuẩn bị cho Hoa Đà thiên lý mã, bảo ông mau trốn đi để khỏi bị liên lụy.

Hoa Đà cũng không đáp lời, quăng mình lên ngựa, chạy suốt ngày đêm đến Hàm Dương.

Từ cổ đến nay, chưa có ai mặt lớn bằng Kinh Kha hành thích vua Tần. Thi thể Kinh Kha năm ấy đã bị vua Tần băm nát như bùn, nhưng túi mật ấy lại rắn như đá, không hề bị tổn thương một tí nào. Hoa Đà tìm được mộ Kinh Kha trong đồng hoang, lấy được mật của ông ra, liền vội vàng trở về phủ của Vương tư đồ.

Diêu Thiên đã chết ngất tới ba ngày rồi, Vương Doãn cả ngày ngồi trước giường nàng nhỏ lệ, than rằng:

- Kế hay không thành, cha con ta sắp phải chết về tay Đồng Trác mất rồi!

Sau khi trở về, Hoa Đà vội vã mổ bụng Diêu Thiên lấy túi mật nhỏ bằng cây kim của nàng ra, rồi thay mật của Kinh Kha to bằng quả trứng ngỗng vào, vì vậy Diêu Thiên mới trở thành nghĩa nữ có dung mạo sánh với Tây Thi, lòng dũng cảm ngang với Kinh Kha.

Tiếp đó, Vương Doãn bèn bí mật hứa gả Diêu Thiên cho Lữ Bố, sau lại theo thời hạn dâng Diêu Thiên cho Đồng Trác. Diêu Thiên khéo li gián quan hệ giữa hai cha con Đồng Trác, cuối cùng đã mượn tay Lữ Bố giết chết Đồng Trác.

TRƯƠNG LỖ VÀ CON GÁI CỦA ÔNG

Ở Hán Trung, Trương Lỗ đã là quan viên lại là đạo thủ, ông làm cho người người đều tin theo đạo. nhập đạo phải nộp năm đấu gạo; về sau ông lại dùng số gạo tích tụ được bằng cách ấy cứu tế cho những người đói ăn thiếu uống, cho nên rất được lòng người, đạo năm đấu gạo cũng liền thịnh hành lên, một thời gian người tu tiên luyện đạo rất đông. ngay cả con gái Trương Lỗ cũng xuất gia.

Sau này, ông thu xếp cho con gái đến một quả núi bên sông Hán Thủy, để cô ta ở một mình mà luyện đạo. Lúc đầu, cô thấy nơi này non xanh nước biếc, tùng thâm trúc tươi, bụi trần không đến được thì rất thích. Về sau, cô cảm thấy ngày càng tịch mịch, liền nảy ý hoài nghi: Mọi người đều trai cày gái dệt, cả nhà đoàn viên hòa hợp, vô cùng nỉm nỉm; còn ta chỉ cùng với núi non kết bạn, không được hưởng những vui thú của trần gian, đây là cái khổ từ đâu đến vậy? Cô cho rằng cha cô bảo cô xuất gia tu tiên, là muốn quyết làm thành mẫu mực, hòng khiến cho tất cả đều học tập theo, chứ trên thực tế cũng không nhất định là phải xuất phát từ tấm lòng thành thật. Càng nghĩ cô càng cảm thấy mình có lí, bèn cũng không chú trọng đến những điều kiêng kị, giữ gìn nhiều như thế của đạo. Mỗi ngày ngủ dậy, cô đều đến bên sông, soi mình vào tấm gương lớn mà chải đầu trang điểm; tiếp đó lại ngồi xuống

giặt quần áo. Cô vốn đã rất đẹp, sau khi trang điểm lại càng đẹp hơn: Thân hình cao cao, khuôn mặt trắng nõn, trên mái tóc đen nhánh cài đầy hoa núi, giống hệt như một đóa phù dung nổi trên mặt nước. Chim thấy cô không dám hót, gió tới nơi đây không nổi thổi, tất cả đều ngây ngất sững sờ.

Trong dòng sông Hán có một con rồng thấy cô thì cảm động, sinh tình, cùng cô hẹn hò trong giấc mộng. Không lâu sau, cô liền sinh được một con rồng đỏ, một con rồng xanh. Người xuất gia sao lại có thể sinh đẻ? Huống hồ lại là đẻ ra hai quái vật! Trương Lỗ vô cùng tức giận, liền đuổi cả hai cháu ngoại đi, không cho chúng gặp mặt mẹ chúng nữa.

Cô con gái rất oán hận cha, rất nhớ con trai của mình. Cô thường đứng trên đỉnh núi ngóng trông, nhưng cho đến lúc chết vẫn không gặp được con. Núi này sau liền gọi là núi Trông Con, dần dần đổi gọi là núi Cái Vò. Trên bờ sông còn lưu lại hòn đá đập áo; đối diện còn có một tảng đá to, đó là tấm gương lớn xưa kia của cô biến thành, cho nên mọi người liền gọi nó là Gương Báu.

Gương Báu này có thể nói đúng là bảo bối, không những mọi người soi vào nó, liền trở thành trẻ hơn, đẹp hơn, mà bên trong Gương Báu còn có vật quý hơn nhiều. Một nánh có một vị thích ma từ đất ngoài tới đây, ông ta đi vòng quanh Gương Báu phía trái ba vòng, phía phải ba vòng, sau khi nhìn chính xác, bèn khom lưng nhổ một cây cỏ tranh bên bờ sông quật mạnh xuống, Gương Báu lập tức vỡ đôi, lộ ra vật quý, bị ông ta lấy đi mất.

Người đời sau rất cảm thông với người con gái bất hạnh này, bèn dựng ngôi miếu Nương Nương trên núi Trông Con. Có gái tốt bụng xinh đẹp ngồi ngay ngắn ở giữa, hai bên chạm một bên là con rồng đỏ, một bên là con rồng xanh. Mọi người đã để cho mẹ con họ đoàn tụ cùng nhau tại nơi này.

LA QUÁN TRUNG VÀ NẾN KIỂM

Những cây nến thường thấy đều là tròn, nhưng ở Tương Dương lại sản xuất ra một loại nến dẹt, người ta gọi là nến kiểm. Truyền rằng lai lịch của nó có liên quan đến việc La Quán Trung viết *Tam Quốc diễn nghĩa*.

Năm ấy, La Quán Trung viết *Tam Quốc diễn nghĩa*, viết đến hồi thứ hai mươi sáu, nội dung là Quan Vũ lưu lại trong dinh quân Tào, Tào Tháo một mặt dùng mọi cách để mua chuộc, mặt khác lại cố ý sắp xếp cho Quan Vũ và hai chị dâu ở trong cùng một ngôi nhà. Đêm đến, Quan Vũ muốn đọc binh thư, hai chị dâu lại muốn khâu vá, nhưng Tào Tháo sai người chỉ đem cho họ một cây nến, muốn bức bách họ rơi vào cảnh nam nữ qua lại không trong sạch.

Quan Vũ là bậc anh hùng trong suy nghĩ của La Quán Trung, ông rất kính trọng Quan Vũ, một lòng muốn tá Quan Vũ tim như sắt đá, anh hùng có thể vượt qua được cửa ải mĩ nhân, nhưng lại lo nếu như viết đơn giản như vậy thì độc giả không tin, sẽ hỏi: Tim người cũng đều là thịt, đều có bảy tình sáu ham muốn(1), lẽ nào ông ta không động lòng chút nào

(1) Bảy tình (thất tình): Bảy thứ tình cảm của con người. Theo Kinh Lễ, bảy thứ tình cảm đó là: Hi (mừng), nộ (giận), ái (thương), cụ (sợ), ái (yêu), ó (ghét), dục (muốn) — ND.

trước hai người đẹp ở bên mình? Đúng vậy, để tả Quan Vũ thật sống động, cần phải viết một chút về tình huống động lòng này, sau đó lại viết Quan Vũ rút cuộc vẫn chiến thắng được những ý nghĩ bất chính trong chốt lát, không hổ thẹn là hảo hán. Nghĩ đến đây, La Quán Trung vô cùng hài lòng, bèn nhắc bút, sắp viết lên giấy. Lúc này bỗng nghe thấy có người gọi:

– Tiên sinh, hãy nương nhẹ ngòi bút!

La Quán Trung ngẩng đầu lên nhìn, thì ra là Quan Vũ oai phong lẫm lẫm đang đứng trước mặt. Ông vội hỏi:

– Quan nhị gia có điều gì chỉ bảo?

– Nếu bút này của tiên sinh hạ xuống, thì sẽ làm vẩn đục sự trong sạch của cuộc đời ta.

La Quán Trung giải thích rằng:

– *Tam Quốc diễn nghĩa* của tôi viết nhiều như vậy, trong đó, qua năm cửa ải chém sáu tướng, tháo nước nhận chìm bảy đạo quân, một đao đến hội... không có một chỗ nào không nói hay cho ngài. Sách là để cho người ta đọc, người ta tin, chỉ nói hay không đủ, còn phải hợp tình hợp lí. Tự cổ anh hùng yêu mĩ nhân, Quan nhị gia là anh hùng chân chính, đối diện với mĩ nhân chỉ là lòng rung động tí chút, như thế nhất định sẽ không làm cho người ta cảm thấy quái lạ, ngược lại chính là làm cho người ta tin rằng tất cả những điều mình viết đều là chân thực, sẽ càng khâm phục ngài hơn.

La Quán Trung vừa nói vừa lại muốn hạ bút.

– Dừng tay! – Quan Vũ nổi nóng, nói to – Ta bình sinh không gần nữ sắc, tiên sinh không có căn cứ mà lại viết một đoạn phong lưu mùi mẫn, so với việc ta sơ suất để mất Kinh

Châu, thua chạy ra Mạch Thành mà sau này ông còn phải viết thì còn khiến cho người ta đau lòng hơn!

La Quán Trung tin những điều Quan Vũ nói đúng là sự thực, muốn thay đổi chủ ý, nhưng lại cảm thấy nếu như trong văn chương, ngay đến một chút sóng gió nhỏ như vậy cũng phải bỏ đi, thì không khỏi quá nhạt nhẽo, độc giả cuối cùng sẽ lác đầu, bèn lại cầm bút muốn viết lần thứ ba.

— Tiên sinh đã một mực muốn viết thì tôi đây cũng không tiện ép, lát nữa nhất định sẽ lấy xa kim báo đáp lại.

Quan Vũ cười nhạt, đột nhiên trợn to hai mắt. Theo thói quen của ông, mỗi lần trợn mắt đều là sắp sửa giết người. La Quán Trung kinh sợ, ngấm nghĩ kĩ, trong lòng đã hiểu ra: Kim (vàng) và cân (cái riệu) có âm đọc giống nhau(1), kim ở đây chính là cân. Hai chữ "xa" và "cân" hợp lại chẳng phải là chữ "trảm" (chém) đó sao? Trong lúc nguy cấp ông lại trở nên sáng suốt, lập tức liền có chủ ý. Ông vung bút lên viết rằng: "Quan Vũ rút bảo kiếm đánh roạt, xẻ dọc cây nển thành hai nửa bằng nhau. Ông đốt một nửa để đêm đọc binh thư, hai chị dâu đốt một nửa để đêm ngồi khâu vá. Về sau, đêm nào cũng như vậy, Quan Vũ không hề nảy sinh một chút tà tâm". Đồng thời ông còn nói rõ, cây nển bị xẻ đôi này liền được gọi là nển kiếm xẻ.

Về sau, người làm nển muốn mượn cái tên này để kiếm tiền, liền chuyên môn phỏng theo làm loại nển dẹt này. Khi rao hàng mua bán, sợ không thuận miệng, bèn gọi hản nó là nển kiếm.

(1) Ở đây nói âm đọc Bắc Kinh — ND.

LA QUÁN TRUNG NƯỞNG NHẹ NGÒI BÚT

Trước kia, ở gần Thái Nguyên, Sơn Tây quê hương của La Quán Trung có lưu truyền một câu nói như thế này: "La Quán Trung tả Quan Vũ- nường nhẹ ngòi bút". Người đọc kĩ *Tam Quốc diễn nghĩa* đều biết, Quan Vân Trường trong sách là một anh hùng phú quý bất năng dâm, của cải không thể mua chuộc, suốt đời phụng thờ tiên chủ Lưu Bị, lòng trung nghĩa chiếu rọi cổ kim. Đặc biệt là ông bảo vệ hai chị dâu trong mười hai năm ở trong dinh quân Tào, một tấm lòng son, quang minh lỗi lạc, không có một chút sơ suất, lại càng cảm động lòng người lắm.

Tả Quan Vân Trường cao đẹp như thế, nghe nói chính là công lao của tiên sinh La Quán Trung, tác giả của *Tam Quốc diễn nghĩa*. Kỉ thực, Quan Vũ trong lịch sử không nhất định là như vậy.

Bộ *Tam Quốc diễn nghĩa* bất hủ này, nghe nói là do tổ tôn ba đời của gia đình La Quán Trung cùng hoàn thành. Đầu tiên, ông nội La Quán Trung rất ngưỡng mộ những câu chuyện của *Tam Quốc*, quyết tâm phải viết một bộ *Tam Quốc sử thoại* để lưu lại cho hậu thế. Cụ định ra cốt truyện của *Tam Quốc sử thoại*, soạn thành cái sườn của bộ sách. Nhưng

mới viết được năm hồi thì cụ đột nhiên qua đời. Lúc lâm chung, cụ đem bản thảo *Tam Quốc sử thoại* chưa viết xong giao cho cha của La Quán Trung. Cha La Quán Trung nhận bản thảo, đi khắp những chỗ kể chuyện của các thành trấn và thôn bản lân cận, sưu tầm các loại truyền thuyết có liên quan đến cuộc tam phân thiên hạ này, sưu tập được rất nhiều tư liệu có liên quan, rồi mới bắt tay vào viết *Tam Quốc diễn nghĩa*. Viết cả một đời mới hoàn thành ý nguyện mà cha của ông để lại. Nhưng ông còn chưa kịp tu sửa thì mắc bệnh không dậy được. Trước lúc chết, ông không thể không đem bản thảo *Tam Quốc diễn nghĩa* còn chưa tu sửa giao lại cho La Quán Trung.

Dừng nghĩ là La Quán Trung tuổi nhỏ, tuy mới mười lăm, nhưng ông thông minh tuyệt đỉnh, lúc đó đã đọc rộng các sách, thơ văn đều thông thạo. Khi ông xem trong nguyên cáo đến đoạn viết về Quan Vân Trường bảo vệ hai chị dâu đã tử thông với Cam phu nhân và Mi phu nhân, sau khi tìm được Lưu Bị, vì mục đích khôi phục giang sơn, Lưu Bị đã nói với Quan Vũ: "Anh em như chân tay, vợ con như quần áo; quần áo rách, có thể thay; chân tay gãy, làm sao nối được?" thì lắc đầu lia lịa. Ông cười cười, tiếp tục xem xuống đoạn dưới, thấy trong nguyên cáo của cha mình lại viết rằng: "Lưu Bị tỏ lòng đại nhân đại nghĩa, không chút do dự đem Cam phu nhân và Mi phu nhân gả cho Quan Vũ, Cam phu nhân và Mi phu nhân vui vẻ ưng thuận". La Quán Trung bất giác đập bàn đứng dậy, cười âm lên. Ông cảm thấy cha mình viết có phần không hợp tình hợp lý, bèn quyết định sửa chữa lại. Ông nghĩ: "Quan Vũ một đời oanh liệt, làm được không ít việc hay. Lần này lại cưỡng chiếm chị dâu, về tình lý khó mà chấp nhận được,

hãy cứ bỏ đoạn này đi!". Nhưng sửa mấy lần mà đều không thành, lòng đã quyết, ông bèn sửa đổi hoàn toàn Quan Vũ trở thành một con người kiêu ngạo tự cao, nhiều lần bại trận, có hành vi không đúng đắn trong quân dinh của Lưu Bị.

Ông sửa đi sửa lại, không biết sửa tới bao nhiêu ngày. Tối hôm ấy, ông đang cầm nén sửa văn, liền ngủ mất chẳng hay biết gì. Bỗng nhiên, ông thấy Quan Vân Trường tay xách dao thanh long yếm nguyệt, râu dài mềm mại, mở cửa bước vào nhà. Thấy La Quán Trung, Quán Vân Trường quỳ cả hai gối xuống, miệng nói:

— La tiên sinh hãy nương nhẹ ngòi bút! Quan mỗ cả đời tận tâm tận lực vì Lưu hoàng thúc, có trời chứng giám. Chỉ mỗi việc cưỡng chiếm chị dâu là tôi làm sai! Mong tiên sinh nghĩ đến sự nghiệp một đời của tôi, hãy dón tay mà xóa bỏ cái việc không vinh dự gì ấy đi!

Nói xong rạp đầu không ngớt.

La Quán Trung nghe vậy, không nén được hỏi rằng:

— Quan Vân Trường, tôi muốn tả ông thành một người kiêu ngạo tự cao, nhiều lần bại trận, có hành vi không đúng đắn, ông có biết không?

Lời nói vừa dứt, chỉ thấy Quan Vân Trường mày tằm dựng ngược, mắt phượng trợn tròn, giơ đại đao lên quát rằng:

— La Quán Trung! Người nói xằng nói bậy! Chạy đi đâu, hãy ném một đao của ta!

La Quán Trung sợ toát mồ hôi lạnh, bỗng nhiên giật mình tỉnh dậy, hóa ra là một giấc mộng. Ông trở mình xuống giường, châm nén, lại nghĩ đi nghĩ lại kĩ càng, nhận thấy những lời nói của Quan Vũ trong mộng cũng có lí. Thế là ông liền múa bút, trong nháy mắt đã đem sự việc Quan Vân Trường bảo

vệ hai chị dâu không mấy vinh dự ấy sửa thành giai thoại lưu truyền thiên cổ rằng Quan Văn Trường lòng trung sáng ngời, bảo vệ hai chị dâu suốt mười hai năm không hề sơ suất.

Nghe nói sau đó, La Quán Trung mỗi khi viết đến những sự việc có liên quan đến Quan Vũ thì đều nhớ tới giấc mộng đêm ấy, nỗi sợ hãi vẫn còn. Thế là, bút lại vung lên, tả Quan Văn Trường thành ngũ hổ đại tướng bảy phần người ba phần thần, thậm chí sau khi đã chết, vẫn có thể hiển thánh, trừ Lữ Mong, giết Phan Chương, dọa chết Tào Tháo, quả thực đã trở thành thần nhân.

Về sau này, không biết ai đã đem việc La Quán Trung mộng gặp Quan Công tuyên truyền rộng ra. Mọi người liền một truyền mười, mười truyền trăm. Trải bao năm tháng, đã hình thành trên miệng dân chúng câu nói lửng: "La Quán Trung tả Quan Vũ- nương nhẹ ngòi bút".

MÊ TAM QUỐC

Có một người đặc biệt thích *Tam Quốc diễn nghĩa*, ngồi trong nhà đọc, đi trên đường đọc, bẻ bát cơm đọc, nằm trên giường cũng đọc, dần dần cảm thấy mình cũng chính là một nhân vật ở trong đó, đối với bất cứ cái gì viết trong đó cũng đều nhìn thấy, nghe thấy, bất giác cũng y theo lời nói, việc làm, mê mẩn đi, cho nên mọi người gọi anh ta là "Mê Tam Quốc".

Một hôm, Mê Tam Quốc đang xem hồi *Hội anh tài Tương Cán trúng kế*, miêng lầm nhảm đoạn: "Du lại dẫn Cán ra phía sau trường nhìn xem, lương thảo chất cao như núi. Du hỏi: "Lương thảo của ta có đủ dùng không?" Cán đáp: "Bình giải lương nhiều, quả tiếng đồn không ngoa". Lúc này, vợ Mê Tam Quốc sắp thổi cơm, nhưng gạo đã hết, bèn lớn tiếng gọi anh ta:

— Còn đang chờ gạo đổ vào nồi đây, anh mau đi mua đi! Mê Tam Quốc mắt không rời quyển sách, đầu cũng không ngẩng lên, thuận mồm phản bác lại rằng:

— Trong quân là không có đùa, không thể báo lão quân tỉnh! Há không biết lương thảo đằng sau trường chất cao như núi sao?

Kế đó, anh ta tiếp tục xem *Tam Quốc diễn nghĩa* của mình như cũ, dần dần xem đến hồi *Ra Lũng Thượng Gia Cát*

giả làm thần. Vợ thấy anh ta vẫn không đi mua gạo, thì lại giục:

– Trong nhà thật đúng là không có gì cho vào nồi rồi!

Mê Tam Quốc gật gật đầu, lấy câu ở trong sách trả lời rằng:

– Hiện nay trong dinh thiếu lương, đã nhiều lần sai người thúc giục Lí Nghiêm vận chuyển lương ứng phó, nhưng vẫn chưa tới.

Vợ như hiểu mà không phải hiểu, hỏi tiếp:

– Không có gạo thì khó mà thổi được cơm, làm sao đây?

Mê Tam Quốc chẳng hề vội vã, học theo phong thái của Gia Cát Lượng nói:

– Ta nhầm tính lúa mạch ở Lũng Thượng đã chín, có thể bí mật dẫn quân đi gặt.

Vợ hiểu ra là anh ta còn đang mê mẩn trong sách thì dở cười dở khóc, chẳng biết làm thế nào.

Mê Tam Quốc chẳng để ý đến bụng đói lép kẹp đang réo òng ọc, vẫn cứ tiếp tục xem *Tam Quốc diễn nghĩa*. Đến khi trời tối, anh ta đang đọc hồi *Quan Vân Trường khơi dòng nước nhấn chìm bảy đạo quân*: "Hiện nay mưa thu tầm tã, nước sông Tương nhất định dâng đầy; ta đã sai người lấp các cửa sông, đợi khi nào nước lên to, ta đi thuyền đến chỗ cao, tháo nước tràn vào, quân ở Phàn Thành, Tảng Khẩu Xuyên sẽ thành của cá cá". Lúc này, chuột trong nhà nhân đêm tối mới làm loạn lên, khiến cho người không có cách nào ở yên. Vợ khó chịu quá, mới hỏi Mê Tam Quốc phải làm thế nào? Anh ta vẫn còn đang ở trong sách, buột miệng trả lời:

– Dùng nước mà đánh!

Vợ thấy đây cũng là một biện pháp, bèn xách thùng đi lấy nước đổ vào hang chuột. Chuột khớ mà ẩn nấp, bèn nhao nhao vọt ra khỏi hang, chạy bừa tứ phía, có con chui được lên trần nhà, vừa nhảy vừa chạy, kêu chít chít vô cùng hỗn loạn.

Mê Tam Quốc bịt tai không thèm nghe, tiếp tục đọc hồi *Lục Tồn đốt bảy trăm dặm doanh trại trong Tam Quốc diễn nghĩa*: "Vào canh một, gió đông nam thổi mạnh. Chỉ thấy đồn bên trái ngựa dinh bốc cháy. Đang muốn đến cứu thì đồn bên phải ngựa dinh lại bốc cháy. Gió mạnh lửa to, cây cối đều cháy trụi, tiếng reo hò như sấm dậy. Quân mã hai đồn cùng lao ra, chạy khỏi ngựa dinh, quân ngựa dinh tự giằng xéo lên nhau chết vô số".

Lúc này, vợ hỏi anh ta, còn có thể dùng cách nào để đối phó với chuột không? Hai mắt anh ta vẫn không rời quyển sách, trả lời rất dứt khoát:

— Dùng lửa để đánh, chẳng lo nó không kéo đổ thành Bạch Đế!

Vợ quả sợ hết vía, nếu quả thực phóng một mồi lửa, thì chẳng phải là sẽ khuynh gia bại sản hay sao? Làm vợ chồng với cái loại một sách này, cuối cùng sẽ khớ tránh khỏi tai họa chết người, chẳng bằng dứt khoát chia tay, mỗi người một đường lại hay. Liên sau đó, cô ta bèn bỏ về nhà mẹ đẻ.

Mê Tam Quốc đâu có để tâm đến việc này, vẫn toàn tâm toàn ý xem *Tam Quốc diễn nghĩa*. Anh ta đang đọc đến hồi *Huyền Đức khéo khích Tôn phu nhân*: "Nay Ngô hầu sai người đuổi gấp đằng sau, Chu Du lại khiến người chặn đường phía trước, phi phu nhân ra, không ai có thể gỡ được nạn này. Nếu như phu nhân không ưng thuận, Bị này xin chết trước

xe, để báo đền ân đức của phu nhân". Lúc này, vợ dẫn theo một toán đàn ông đang nhà mẹ đẻ đến để dạy bảo chồng. Bọn họ người chửi bới, kẻ thét đánh, khí thế ầm ầm, kiếm rút nó giương, khó mà ngăn lại được. Mẹ Tam Quốc nhanh trí, nhớ đến câu viết trong sách: "Bền mở cấm nang ra, đưa cho Huyền Đức. Huyền Đức xem xong, vội đến trước xe khóc nói với Tôn phu nhân". Anh ta lập tức theo cách đã có sẵn, khóc lóc xin vợ hãy tha thứ cho mình. Tục ngữ nói: vợ chồng một đêm ơn nghĩa trăm ngày. Vợ thấy anh ta đáng vè thật đáng thương, lòng đã mềm lại, sau đó lại van xin người đàn ông nhà mẹ đẻ hộ anh ta, mong tha thứ cho anh. Đã rút củi dưới đáy nồi rồi, người khác sao còn gây khó dễ với anh ta nữa? Mọi người đánh như kiếu tới dốc phải xuống lửa, nói với Mẹ Tam Quốc:

— Anh vì mê mẩn vào "Tam Quốc", suốt năm lộn xộn lung tung, câu trước không khớp với lời sau, làm cho vợ chồng chẳng giống vợ chồng, gia đình cũng không thành cái gia đình nữa. Từ nay về sau chớ có mê "Tam Quốc" nữa, hãy vứt nó sang một bên nhé!

Mẹ Tam Quốc lo sợ, ôm chặt *Tam Quốc diễn nghĩa* vào lòng, lắc đầu nói:

— Không thể được, ngàn lần không thể được! Chính nhờ có bộ *Tam Quốc diễn nghĩa* này mà vợ tôi mới lại trở về với tôi, còn nói lời hòa giải với các vị thay tôi nữa! Đến chết tôi cũng không thể rời xa bộ sách quý này được.

HẾT

MỤC LỤC

Trang

TRUYỀN THUYẾT VỀ CÁC NHÂN VẬT NHÀ THỤC HÁN

1 – Cầu Vạn Dặm	5
2 – Gấm Gia Cát	7
3 – Gia Cát Lượng đến với người Thái	9
4 – Tết duốc	15
5 – Khổng Minh ở chỗ người Mèo	22
<i>Người Mèo dời lên núi cao ở</i>	22
<i>Làm trống</i>	24
<i>Chọi trâu</i>	26
<i>Trồng lúa nếp</i>	27
<i>Dập vãi</i>	28
<i>Giã cối</i>	29
6 – Khổng Minh mượn cái nóng lui quân Khương	31
7 – Lai lịch của bánh màn thầu	35
8 – Đê Gia Cát	37
9 – Gia Cát Lượng và tiểu tốt	40
10 – Gia Cát Lượng đắp ụ đất	43

11 – Trâu gỗ ngựa máy vận chuyển cát vàng . . .	46
12 – Bồ Nguyên rèn dao	49
13 – Mũ phượng khăn quàng	52
14 – Tư Mã Ý trộm thiên thư	58
15 – Gia Cát Lượng khéo bày kế chôn thân	60
16 – Dốc Ngựa Đá và hang Người Đá	63
17 – Miếu Lí phu nhân	67
18 – Chung Hội đứng thẳng cỏi giáp	71
19 – Chém Đặng Ngải	73
20 – Truyền thuyết về Khương Duy	75
21 – Cây thái tử A Dấu	80
22 – Long Trung và Ngọa Long Cương	83
23 – Qùy Châu vì sao đổi tên thành Phụng Tiết	86
24 – Gối gà gáy	93
25 – Quân Quả thân vương bị nguy khốn ở bát trận đồ	97
26 – Bào Tam nương và Quan Sách	101
27 – Quan Tam tiểu thư	105
28 – Đá Gió Lay	111
TRUYỀN THUYẾT VỀ	
CÁC NHÂN VẬT NHÀ NGUY	114
29 – Tào Tháo vì sao gọi là A Man	115
30 – A Man thử kế	116
31 – Dài Tám Góc	118
32 – Lai lịch thị trấn Lò Cao	121

33 – Tào Tháo đưa Viên Thiệu	123
34 – Đánh gậy Kiến Thúc	126
35 – Tào Tháo giết Lữ Bá Xa	132
<i>Giết nhằm Lữ Bá Xa</i>	<i>132</i>
<i>Dáng giết Lữ Bá Xa</i>	<i>135</i>
36 – Tường chặn ngựa	139
37 – Hồ Người Đá	143
38 – Suối Luyện và cầu Lò	146
39 – Giếng bốn lỗ	149
40 – Tào Tháo cầu hiền	151
41 – Thộn Nghị Dải	155
42 – Cầu Tam bách nhất nhịp	159
43 – Hầm chứa quân	161
44 – Khoác vải xô đeo tang đưa đám Viên Thiệu	163
45 – Tào Tháo ba lần mời Gia Cát Lượng	166
46 – Mặt Tào Tháo	169
47 – Cỏ xước vì sao mọc ngoài đồng	171
48 – Tào Tháo và gò Vương Tử	173
49 – Phố Trung tâm hàng quán	175
50 – Cửa Nhận Môn	178
51 – Hỏa thiêu chiến thuyền	181
52 – Thành Gà Gáy	183
53 – Thôn Tập Văn	185
54 – Dầu con Li	186
55 – Cạn sát	188

56 – Tào Tháo phục em bé	190
57 – Cửa Nhu Tu đối câu đối	192
58 – Đình Ca Hát	193
59 – Tào Tháo viết chữ sai	194
60 – Tả Từ nhạo Tào Tháo	196
61 – Mộ giá của Tào Tháo	203
62 – Tào Tháo vờ chôn Quan Vũ	206
63 – Nguồn gốc miếu Quan Đế	208
64 – Tào Tháo và Hoa Đà	211
65 – Hoa Đà và Thược Hương	215
66 – Năm mờ hoài nghi	219
67 – Tào Tháo chết trùng phạt quan tham ...	221
68 – Chân hoàng hậu	224
69 – Tào Tháo chết khát ở Bát Dấu Lĩnh ...	227
70 – Mộ hoàng cô	230

TRUYỀN THUYẾT VỀ

CÁC NHÂN VẬT NHÀ ĐÔNG NGÔ	232
71 – Tôn Quyền hỏi vợ	233
72 – Cá Vũ Xương và canh thần tiên	236
73 – Lai lịch của trống chân châu	239
74 – Bãi Tung Hoa	207
75 – Tôn Quyền trồng bí	243
76 – Không thể xem thường một người lính một quân tốt	246
77 – Đá thử kiếm ở núi Tây	249
78 – Tôn Quyền mượn đất dẫn nước	254

79 – Nguồn gốc cửa miếu Ngô chủ	257
80 – Đinh Vọng Ngô và điện Đại Vương	259
81 – Lai lịch gò Cửu Mạng	262
82 – Thần đồng Chu Du	264
<i>Năm tuổi biết ghi số</i>	<i>264</i>
<i>Bảy tuổi biết giải mộng</i>	<i>266</i>
83 – Tôn Lang và Chu Lang	268
<i>Được bài làm thầy</i>	<i>268</i>
<i>Đính hôn tên gọi truyền di</i>	<i>271</i>
84 – Lỗ Túc làm mối	274
85 – Tiểu Kiều đề thơ hỏi Chu Lang	280
86 – Thành Chu Du và gò Luyện Ngựa	282
87 – Ao Cái Kéo	285
88 – Dài trang điểm của Tiểu Kiều	288
89 – Ngổ Sơn	292
90 – Dài điểm tướng của Chu Du	295
91 – Chu Du giết cẩu	297
92 – Chu Du và Hoàng Cái đánh cờ	299
93 – Bút thần Hám Trạch	302
94 – Đá Chu Lang	304
95 – Gò Chu Lang	307
96 – Núi Bán Bích, Chu Du uất ức	309
97 – Lỗ Túc ba lần mời Thiết Lộ Đôn	311
98 – Ngựa trắng lập công	314
99 – Cam Lũy và khe Lôi Dao	318

100 – Lỗ Túc đơn đao dự tiệc	321
101 – Lỗ Túc bày mưu lạ	326
102 – Nguồn gốc của cây diêm lô túc	329
103 – Truyền thuyết về Trương Chiêu	331
<i>Chọn người hiền</i>	331
<i>Dù dắt người trẻ tuổi</i>	332
<i>Can gián thẳng thắn</i>	333
<i>Vào châu</i>	335
<i>Chủ hàng</i>	336
<i>Cáo lão</i>	337
<i>Hòa hảo</i>	338
104 – Hàm Ngàn Dê	339
105 – Cam Ninh kết nghĩa với	
<i>Đại vương núi Thành</i>	342
106 – Quạ Phú Tri không tùy tiện kêu	345
107 – Hòn dạn thần Đinh Phụng	348
108 – Núi Đinh Mầu	350
109 – Ở Kim Thành, Lục Tốn chơi nghịch ếch	352
110 – Núi Ấn Mã	355
111 – Đánh chìm thuyền tự cứu mạng	357
112 – Nghìn vàng khó mua một câu nói	359
113 – Bà Lữ mở quán khách	361
TRUYỀN THUYẾT VỀ	
CÁC NHÂN VẬT KHÁC	365
114 – Đồng Trắc nắm được chức	
<i>thái sư như thế nào</i>	366

115 – Sái Ung kì tài	368
116 – Lưu Biểu và Vương Xán	371
117 – Lưu Tôn mời người tài giỏi	375
118 – Bại Anh Vũ	377
119 – Nơi đầu phố, Cam thái thú nhận biết Đào Khiêm	380
120 – Vương tư đồ giữa đường thu nhận Điều Thiên	382
121 – Điều Thiên thay đầu đổi mặt	385
122 – Trương Lỗ và con gái của ông	389
123 – La Quán Trung và nển kiếm	391
124 – La Quán Trung nương nhẹ ngòi bút	394
125 – Mé Tam Quốc	398

TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN

TẬP II

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19cm
tại Nhà máy in Thống Nhất
136 phố Hàng Bông - Hà Nội.
Số in 812/TN. Số XB: 593TK/GD
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 1 năm 1994

TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN

LẦN ĐẦU TIÊN RA MẮT BẠN
ĐỌC VIỆT NAM:

Bộ sách kể về một số nhân vật nổi tiếng trong TAM QUỐC DIỄN NGHĨA được lưu truyền trong dân gian trước và sau khi tác phẩm ra đời.

Bạn sẽ gặp các nhân vật quen thuộc nhưng với phẩm chất, tính cách, tài năng hơi khác TAM QUỐC DIỄN NGHĨA đã mô tả.

Những gì ta chưa biết về thời niên thiếu của Lưu Bị, Tào Tháo, Chu Du, về chuyện Gia Cát Lượng lấy vợ, dạy con... sẽ được tìm thấy trong TAM QUỐC NGOẠI TRUYỆN.

三
國
外
傳

Giá: 15.500đ